

CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (TỦ,
BÀN, GHẾ) VỚI CÔNG SUẤT 880.000
SẢN PHẨM/NĂM (TƯƠNG ĐƯƠNG
6.350 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)”**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 14, KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN,
PHƯỜNG TAM PHƯỚC VÀ XÃ TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa bổ sung theo văn bản số 850/KCNKKT-TNMT ngày
12/02/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)*

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ (TỦ,
BÀN, GHẾ) VỚI CÔNG SUẤT 880.000
SẢN PHẨM/NĂM (TƯƠNG ĐƯƠNG
6.350 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)”**

**ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 14, KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN,
PHƯỜNG TAM PHƯỚC VÀ XÃ TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa bổ sung theo văn bản số 850/KCNKKT-TNMT ngày
12/02/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)*

CHỦ DỰ ÁN

GIÁM ĐỐC



LÝ HỮU QUỚI

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	1
1.2. Tên dự án đầu tư:.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	2
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	2
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	6
1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư	6
1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	10
1.5.1 Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Dự án	10
1.5.2. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất	14
1.5.3. Nhu cầu lao động.....	17
1.5.4. Tiến độ thực hiện dự án.....	17
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2.1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ...	18
2.1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường....	18
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	23
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	23
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:	23
3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:	23
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	24
4.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường.....	24

4.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:.....	24
4.1.1.1. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải	25
4.1.1.2. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải	36
4.1.1.3. Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường	38
4.1.2. Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	39
4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động của các nguồn phát sinh chất thải	39
4.2.1.1. Tác động do bụi, khí thải.....	40
4.2.1.2. Kết quả lan truyền ô nhiễm không khí	46
4.2.1.3. Tác động do nước thải	54
4.2.1.4. Tác động do chất thải rắn – chất thải nguy hại	58
4.2.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải	62
4.2.3. Tác động từ nước thải của dự án đến KCN.....	65
4.2.4. Tác động do các rủi ro, sự cố	65
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	67
4.2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.	67
4.2.1.1. Các biện pháp khống chế và giảm thiểu nước thải	67
4.2.1.2. Giảm thiểu tác động do khí thải, bụi	68
4.2.1.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn	70
4.2.1.4. Khống chế ô nhiễm do tiếng ồn, rung	71
4.2.1.5. Giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường.....	72
4.2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	74
4.2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	74
4.2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	79
4.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn – chất thải nguy hại	91
4.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn, độ rung.....	92
4.2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	93
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	103
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	105
CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	108
CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	109
6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	109
6.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	109

6.1.2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN:.....	109
6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	110
6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	112
6.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	112
6.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	113
6.3.3. Quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung	113
6.4. Quản lý chất thải rắn	113
6.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	113
6.4.2. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	115
CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	117
7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	117
7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.	117
7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	117
7.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ.....	118
7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	119
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	120

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KPH	:	Không phát hiện
KCN	:	Khu công nghiệp
L	:	Chiều dài
NT	:	Nước thải
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm của dự án	6
Bảng 1.2. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng cho sản xuất.....	6
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước	10
Bảng 1.4. Diện tích các hạng mục công trình	11
Bảng 1.5. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất	14
Bảng 1. 6. Nhu cầu lao động tại dự án	17
Bảng 2. 1. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Giang Điền	19
Bảng 4. 1. Các tác động và nguồn gây tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng	24
Bảng 4. 2. Hệ số ô nhiễm trong khí thải của phương tiện vận chuyển	25
Bảng 4. 3. Tải lượng các chất ô nhiễm.....	25
Bảng 4. 4. Định mức nhiên liệu cho các thiết bị thi công	26
Bảng 4. 5. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của các thiết bị thi công sử dụng xăng dầu	26
Bảng 4. 6. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông.....	27
Bảng 4. 7. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông.....	27
Bảng 4. 8. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông.....	27
Bảng 4. 9. Nồng độ các chất khí trong quá trình hàn điện vật liệu kim loại	29
Bảng 4. 10. Hệ số ô nhiễm trong quá trình sơn.....	30
Bảng 4. 11. Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn	32
Bảng 4. 12. Tác động của chất thải rắn đến môi trường xung quanh	34
Bảng 4. 13. Thành phần và khối lượng chất thải rắn nguy hại trong xây dựng.....	35
Bảng 4. 14. Danh mục các chất thải nguy hại từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị	35
Bảng 4. 15. Mức ồn từ các thiết bị san nền và thi công xây dựng	36
Bảng 4. 16. Các nguồn gây tác động môi trường liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động	40
Bảng 4.17. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày)	41
Bảng 4.18. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông	42
Bảng 4.19. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông.....	42
Bảng 4. 20. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy	42
Bảng 4.22. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt.....	55
Bảng 4.23. Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn	58
Bảng 4.24. Tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án.....	59
Bảng 4.25. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường	59

Bảng 4.26. Danh mục các loại chất thải nguy hại	61
Bảng 4.27. Mức độ ồn ảnh hưởng đến cơ thể	63
Bảng 4. 28. Vị trí và số lượng bể tự hoại	77
Bảng 4. 29. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại	77
Bảng 4. 30. Bảng tính toán lưu lượng hệ thống xử lý	80
Bảng 4. 31. Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống xử lý bụi gỗ	87
Bảng 4.32. Thông số kỹ thuật mỗi hệ thống xử lý khí thải buồng sơn	90
Bảng 4.33. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	103
Bảng 4.34. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác ..	104
Bảng 4.35. Tổ chức quản lý chất lượng môi trường của nhà máy	105
Bảng 6. 1. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền	109
Bảng 7. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	117
Bảng 7. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường.	117
Bảng 7. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.....	119

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất tại dự án	3
Hình 1. 2. Hình ảnh sản phẩm của dự án	6
Hình 1. 3. Vị trí dự án	13
Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của dự án	14
Hình 1. 5. Một số hình ảnh máy móc thiết bị của dự án	16
Hình 4. 1. Nồng độ n-Butyl acetat trung bình 1 giờ tháng 1	47
Hình 4. 2. Nồng độ Toluen trung bình 1 giờ tháng 1	48
Hình 4. 3. Nồng độ Etyl acetat trung bình 1 giờ tháng 1	49
Hình 4. 4. Nồng độ bụi trung bình 1 giờ tháng 1	50
Hình 4. 5. Nồng độ n-Butyl acetat trung bình 1 giờ tháng 7	51
Hình 4. 6. Nồng độ Toluen trung bình 1 giờ tháng 7	52
Hình 4. 7. Nồng độ Etyl acetat trung bình 1 giờ tháng 7	53
Hình 4. 8. Nồng độ Bụi trung bình 1 giờ tháng 7	54
Hình 4. 10. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc	76
Hình 4. 11. Sơ đồ thoát nước mưa	78
Hình 4. 12. Mặt bằng bố trí đường ống thu gom HTXL bụi gỗ	83
Hình 4. 13. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 196.000 – 236.800 m ³ /giờ	84
Hình 4. 14. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 49.000 – 59.200 m ³ /giờ	86
Hình 4.15. Quy trình hệ thống xử lý khí thải tại mỗi buồng sơn khô	89

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh

Đại diện doanh nghiệp: ông Lý Hữu Quới

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: (nằm trong khuôn viên Công ty CP Long Bình), đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố Khu Công Nghiệp, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3603177235 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13/5/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/01/2026.

Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh có nhà máy nằm trong khuôn viên Công ty CP Long Bình, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai và đã đi vào hoạt động từ năm 2014 đến nay. Thực hiện theo đề án của tỉnh về việc giải tỏa KCN Biên Hòa 1 và chuyển đổi khu đất công nghiệp sang khu đô thị – thương mại – dịch vụ, do đó, nhà máy dự kiến ngừng hoạt động và trả lại mặt bằng. Sau đó, Công ty sẽ chuyển hoạt động sản xuất sang địa điểm mới tại KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, Công ty tiến hành lập thủ tục Giấy phép môi trường đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật trước khi thực hiện triển khai di dời máy móc thiết bị từ KCN Biên Hoà I về KCN Giang Điền để lắp đặt và đưa dự án đi vào vào hoạt động.

Dự kiến khi di dời máy móc thiết bị từ KCN Biên Hoà I về KCN Giang Điền để lắp đặt và đưa dự án đi vào vào hoạt động công suất sản xuất, quy trình sản xuất, nguyên vật liệu không thay đổi so với nhà máy hiện hữu. Riêng đối với các công trình bảo vệ môi trường, Công ty sẽ đầu tư mới 100% các công trình thu gom xử lý khí thải sơn, hệ thống xử lý bụi gỗ nhằm thu gom triệt để lượng bụi và khí thải từ sơn trong quá trình sản xuất.

1.2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế) với công suất 880.000 sản phẩm/năm (tương đương 6.350 tấn sản phẩm/năm).

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: đường số 1 và đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước và xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Dự án thuê lại đất và nhận chuyển nhượng lại nhà xưởng, các công trình phụ trợ hiện hữu trên khu đất với diện tích 14.436,2 m² của Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền.

- Quy mô của dự án đầu tư thuộc nhóm C dự án phân loại theo Luật Đầu tư Công (Tổng vốn đầu tư: 140.000.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tỷ đồng)).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế).

- Dự án thuộc đối tượng quy định tại số thứ tự 2 Mục II (Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường: *(dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải)*). Phụ lục V (Danh mục các dự án đầu tư Nhóm III có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại phụ lục III và phụ lục IV ban hành kèm theo nghị định này) ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025, do vậy dự án thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh.

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, nên Công ty tiến hành lập hồ sơ xin giấy phép môi trường.

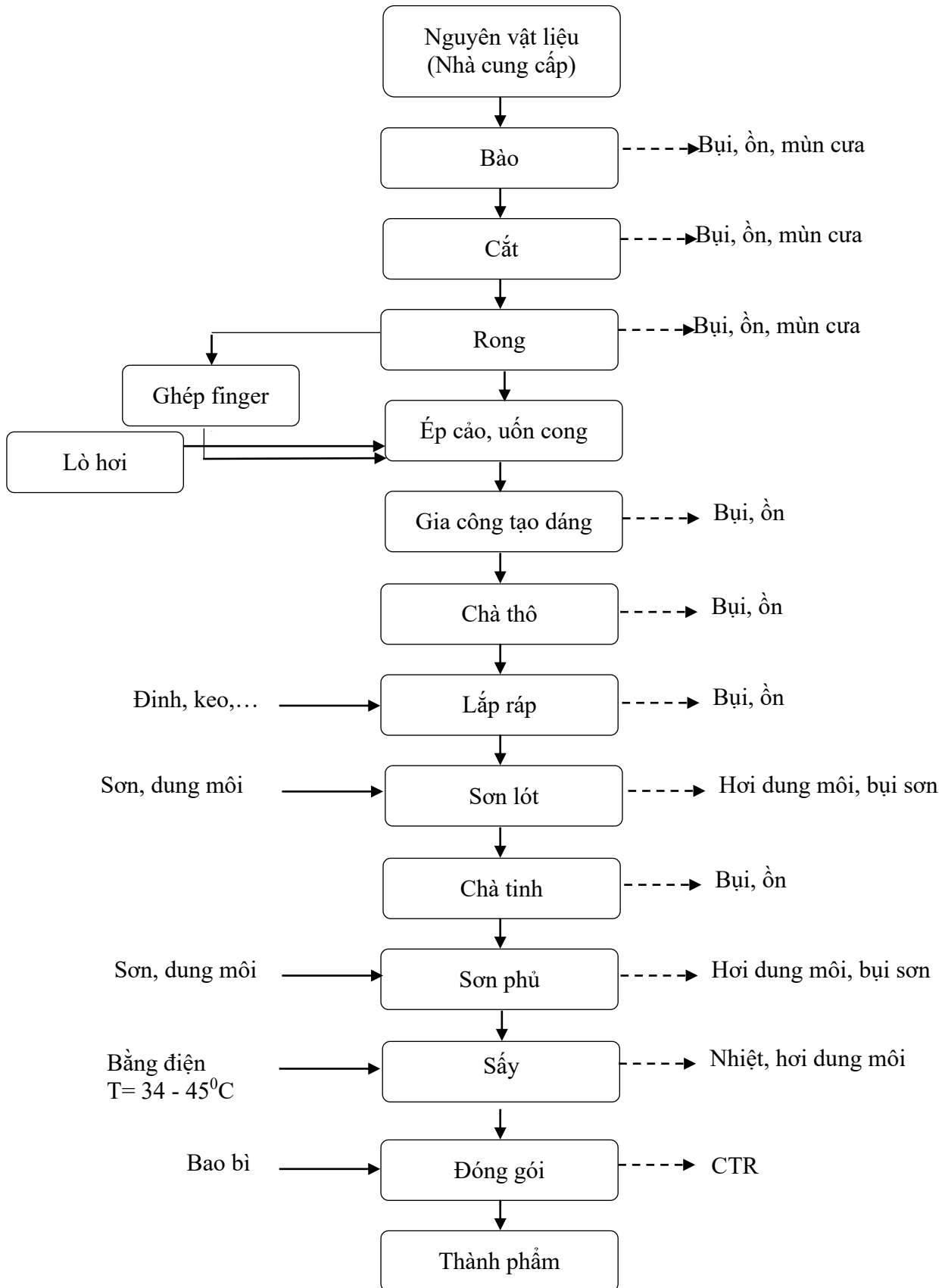
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án thuộc Phụ lục IX của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế) với công suất 880.000 sản phẩm/năm (tương đương 6.350 tấn sản phẩm/năm).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:



Hình 1. 1. Quy trình sản xuất tại dự án

Thuyết minh quy trình:

Nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất là gỗ đã qua công đoạn tẩm sấy, đảm bảo độ ẩm đạt từ 8–12%, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về độ ổn định kích thước và hạn chế cong vênh, nứt nẻ trong quá trình gia công. Gỗ và ván ép được nhập dưới dạng tấm từ các nhà cung cấp và đưa vào máy bào để làm phẳng, láng bề mặt đồng thời hiệu chỉnh lại độ dày theo đúng quy cách sản phẩm. Sau khi bào láng hai mặt và đạt độ dày yêu cầu, phôi gỗ được chuyển qua máy cắt ngang để cắt theo chiều dài thiết kế, sau đó tiếp tục đưa qua máy rong nhằm chỉnh thẳng cạnh, tạo độ rộng chính xác và loại bỏ các phần khuyết tật, mắt chết hoặc các vị trí không đạt chất lượng.

Trong quá trình gia công, các đoạn phôi ngắn hoặc phần thừa có kích thước nhỏ được tận dụng đưa qua công đoạn ghép Finger (ghép mộng răng cưa) để nối thành các thanh gỗ có chiều dài lớn hơn, giúp tối ưu hóa nguyên liệu và giảm hao hụt. Đối với các chi tiết yêu cầu kích thước lớn, sau khi phôi được hoàn thiện bốn mặt theo tiêu chuẩn kỹ thuật, các thanh gỗ được đưa vào máy ép cao để ghép thành tấm hoặc khối có kích thước phù hợp với thiết kế sản phẩm. Riêng các sản phẩm yêu cầu tạo độ cong, phôi gỗ được xử lý tại máy ép cong; tại đây sử dụng hơi nước bão hòa được tạo ra từ lò hơi đốt bằng điện nhằm cung cấp nhiệt và độ ẩm cần thiết để làm mềm cấu trúc sợi gỗ, giúp quá trình uốn cong diễn ra thuận lợi, hạn chế hiện tượng nứt gãy hoặc biến dạng.

Sau khi ép ghép thành khối, phôi gỗ được chuyển sang công đoạn gia công định hình bằng các thiết bị chuyên dụng như máy khoan, máy cắt, máy phay, máy soi... nhằm tạo hình dáng, lỗ liên kết và các chi tiết kỹ thuật theo yêu cầu của từng loại sản phẩm. Tiếp theo, các chi tiết được chà nhám thô để loại bỏ lớp gỗ thừa, các vết sần, gồ ghề hoặc vết xước phát sinh từ quá trình cưa, bào, tạo độ phẳng ban đầu trước khi lắp ráp. Chà thô được thực hiện bằng máy chà nhám sử dụng giấy nhám có độ hạt (Grit) thấp, tức là hạt mài mòn lớn và mật độ hạt thưa độ nhám phổ biến P40, P60, P80.

Sau khi hoàn tất, các chi tiết gỗ được chuyển sang công đoạn dán keo và ghép sản phẩm. Keo được đổ ra khay và công nhân sử dụng chổi quét thủ công để quét

đều lên bề mặt tiếp xúc của gỗ, sau đó tiến hành ghép và đưa vào thiết bị ép hoặc kẹp cố định trong thời gian nhất định để đảm bảo độ kết dính. Quá trình đóng rắn keo diễn ra tự nhiên ở nhiệt độ môi trường, không sử dụng thiết bị gia nhiệt.

Sau công đoạn này, các chi tiết nhỏ được lắp ráp thành các cụm chi tiết lớn (hàng đi rời) hoặc thành sản phẩm hoàn chỉnh tùy theo thiết kế.

Sản phẩm sau lắp ráp được chuyển sang công đoạn sơn lót nhằm tạo lớp nền bám dính tốt cho lớp sơn hoàn thiện, đồng thời che phủ các khuyết điểm nhỏ trên bề mặt gỗ. Sau khi lớp sơn lót khô, sản phẩm được chà nhám tinh bằng các loại giấy nhám mịn có độ hạt (Grit) cao, tức là hạt mài mòn rất nhỏ và mật độ hạt dày đặc độ nhám phổ biến P240, P320 nhằm xử lý bề mặt, đảm bảo độ láng mịn và tăng độ bám dính cho lớp sơn phủ. Tiếp theo, sản phẩm được sơn phủ hoàn thiện theo tiêu chuẩn màu sắc và chất lượng được quy định cụ thể cho từng dòng sản phẩm. Sau khi sơn, sản phẩm được để khô tự nhiên; trong trường hợp cần đáp ứng tiến độ giao hàng, một số sản phẩm được đưa vào buồng sấy sơn sử dụng điện để rút ngắn thời gian khô.

Công đoạn sơn tại dự án được thực hiện theo phương pháp phun sơn bán tự động, sử dụng súng phun sơn khí nén do công nhân thao tác trực tiếp. Trước khi phun, sơn gốc dầu được pha trộn theo tỷ lệ 7:3 tại khu vực pha sơn riêng biệt trong xưởng. Việc pha sơn được thực hiện thủ công theo định mức kỹ thuật của nhà sản xuất nhằm đảm bảo độ nhớt và độ bám dính phù hợp cho quá trình phun. Quá trình phun sơn được thực hiện tại buồng sơn khô, có bố trí hệ thống quạt hút và tấm lọc bụi sơn. Buồng sơn khô được trang bị tấm lọc khô để giữ lại bụi sơn trước khi dòng khí được dẫn qua hệ thống xử lý khí thải.

Cuối cùng, sản phẩm được kiểm tra chất lượng, vệ sinh bề mặt và đóng gói cẩn thận dưới dạng hàng rời hoặc sản phẩm hoàn chỉnh, sử dụng vật liệu bao bì phù hợp nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho và vận chuyển đến khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Công suất sản phẩm/năm	Công suất tấn sản phẩm/năm
1	Bàn	180.000	1.500
2	Ghế	600.000	3.750
3	Tủ	100.000	1.100
	Tổng cộng	880.000	6.350

Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án như sau:



Hình 1. 2. Hình ảnh sản phẩm của dự án

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư

Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư sử dụng cho hoạt động sản xuất được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng cho sản xuất

STT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi cung cấp
I	Nguyên liệu cho hoạt động sản xuất			
1	Ván ép, gỗ tấm	Tấn/năm	7.490	Việt Nam
2	Đinh, tay nắm, khóa, chốt,...	Tấn/năm	40	Việt Nam
3	Giấy nhám	Tấn/năm	1	Việt Nam
4	Keo (*)	Tấn/năm	40	Việt Nam
5	Sơn, dung môi (*)	Tấn/năm	230	Việt Nam

6	Bao bì các loại	Tấn/năm	20	Việt Nam
	Tổng cộng		7.821	
II	Nguyên liệu cho HTXL khí thải			
7	Bông lọc sơ cấp G3	Kg/năm	360	Việt Nam
8	Vải than hoạt tính	Kg/năm	6.480	Việt Nam
	Tổng cộng		6.840	

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

Ghi chú: (*) dựa vào MSDS của dự án tóm tắt các đặc tính của hóa chất sử dụng như sau:

Bảng 1.3. Danh mục hóa chất sử dụng cho dự án

STT	Hóa chất	Thành phần hóa học	Đặc tính hóa lý
1	Polyurex Eco barrier	Butan-1-ol; n-butyl axetat	Chất lỏng, trong suốt, mùi dung môi, hòa tan một phần trong nước
2	Eco kigatamezai	Toluen diisocyanate; Etyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhẹ, mùi dung môi, tan hoặc phân tán trong dung môi hữu cơ
3	Polyurex Eco V-NY-15	Butan-1-ol; Propan-2-ol; Silica; Etyl axetat	Chất lỏng, màu trắng sữa, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
4	Polyurex Eco N917	Naphthalene; diacetonealcohol; Dung môi naphtha (dầu mỡ); n-butyl axetat; Methoxybutyl axetat	Chất lỏng, trong suốt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
5	Polyurex Eco V-222N	n-butyl axetat; Toluene diisocyanate	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
6	Polyurex Eco V-310D	Hexamethylene diisocyanate; Toluene diisocyanate; n-butyl axetat; Etyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
7	Polyurex Eco V-310P	Silica; Kẽm distearat; n-butyl axetat	Chất lỏng, màu trắng sữa, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
8	Polyurex Eco V-557D	Hexamethylene diisocyanate; Toluene diisocyanate; Etyl axetat; n-butyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
9	Polyurex Eco V-HK 500	Hexamethylene diisocyanate; Toluene diisocyanate; Etyl axetat; n-butyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
10	Polyurex Eco V-HK 500-15P	Etanol; Butan-1-ol; Metylcyclohexan; Etyl axetat; Silica; Propan-2-ol; Nitrocellulose; n-butyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước

11	Polyurex Eco V-NY D	Hexamethylene diisocyanate; n-butyl axetat	Chất lỏng, trong suốt đến vàng nhạt, mùi dung môi, tan tốt trong dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
12	Chic Stain PG Black	Propan-2-ol; 3-methyl 3- methoxybutanol; Muội than; Nitrocellulose; Methoxybutyl axetat	Chất lỏng, màu đen, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
13	Chic Stain PG Blue	3-methyl 3- methoxybutanol; Clpiment Blue 15; n-butyl axetat; Nitrocellulose; Methoxybutyl axetat	Chất lỏng, màu xanh, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
14	Chic Stain PG Brown	Etanol; 3-methyl 3- methoxybutanol; Methoxybutyl axetat; Nitrocellulose; Sắt (III) oxit	Chất lỏng, màu nâu, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
15	Chic Stain PG Red	Propan-2-ol; 3-methyl 3- methoxybutanol; Nitrocellulose; Methoxybutyl axetat; n-butyl axetat	Chất lỏng, màu đỏ, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
16	Chic Stain PG Tomei Brown	Muội than; Propan-2-ol; 3-methyl 3- methoxybutanol; Nitrocellulose; Methoxybutyl axetat	Chất lỏng, màu nâu, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
17	Chic Stain PG white	Propan-2-ol; Metyl isobutyl xeton; Nitrocellulose; n-butyl axetat; Titan dioxit	Chất lỏng, màu trắng, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
18	Chic Stain PG yellow	Nitrocellulose; Methoxybutyl axetat; 3-methyl 3- methoxybutanol; n-butyl axetat; etyl axetat	Dạng lỏng, màu vàng, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ, ít tan trong nước
19	Dung môi pha loãng polyurex Eco N-3	Naphthalene; Dung môi naphtha (dầu mỏ); 2-ethoxyethyl axetat; n-butyl axetat	Chất lỏng, không màu đến vàng nhạt, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ và ít tan trong nước
20	Dung môi pha loãng polyurex Eco N-4	Dung môi naphtha (dầu mỏ); diacetonealcohol; n-butyl axetat	Chất lỏng, không màu đến vàng nhạt, có mùi dung môi hữu cơ đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong các dung môi hữu cơ và ít tan trong nước
21	Koyobond KR-M21	Poly (vinyl alcohol); Canxi cacbonat; Nước	Chất lỏng, màu trắng sữa, tan hoàn toàn trong nước
22	Techbond Epoxy A29	Triethylenetetramine; Dimer acid	Chất lỏng, màu vàng nhạt đến nâu nhạt, có mùi amin đặc trưng. Sản phẩm tan tốt trong một số dung môi hữu cơ và ít tan trong nước
23	Koyobond Crosslinker	Polyme ic MID Diphenylmethane	Chất lỏng, màu nâu sẫm, hòa tan trong axton và các dung môi hữu cơ khác

24	Koyobond KR-F502H	Copolymer vinyl axetat axit acrylic; Nước	Chất lỏng, màu trắng sữa, tan hoàn toàn trong nước
25	Koyobond AX-45	Polyme ic MID Diphenylmethane-4,4'-dilisocyanate	Chất lỏng, màu nâu sẫm, hòa tan trong axton và các dung môi hữu cơ khác
26	Koyobond KR-150	Vinyl acetat; nước	Chất lỏng, màu trắng sữa, tan vô hạn trong nước
27	Koyobond KR-560	Styrene Butadiene copolymer; PVA; Calcium Carbonate; Nước	Chất lỏng, màu trắng sữa, tan vô hạn trong nước
28	Techbond Epoxy A29	Fatty Acid Polyamides (Proprietary); Triethylenetetramine	Chất lỏng, màu nâu, mùi dịu, không tan trong nước
29	Techbond Epoxy B29	Bisphenol-A-epichlorhydrin); Epoxy resin	Chất lỏng, màu trong, mùi dịu, không tan trong nước

Bảng cân bằng vật chất:

Stt	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng nguyên liệu đầu vào Tấn/năm	Lượng hao hụt (%)	Thành phẩm Tấn/năm	Chất thải phát sinh Tấn/năm	Ghi chú
1	Gỗ tấm, ván ép	Tấn/năm	7.490	19	6.350	1.461	CTR
2	Keo	Tấn/năm	40	0,05		0,04	Keo thải
3	Sơn, dung môi	Tấn/năm	230	1,5		5	Sơn, dung môi thải, khí thải
4	Đinh, tay nắm, khóa, chốt,...	Tấn/năm	40	2		2	CTR
5	Giấy nhám	Tấn/năm	1	100		1	CTR
6	Bao bì các loại	Tấn/năm	20	10		2	CTR
	Tổng cộng		7.821		6.350	1.471	

1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án

a) Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

* Nguồn cung cấp điện: Nguồn cung cấp điện cho dự án do thông qua trạm lưới điện của KCN Giang Điền.

* Nhu cầu điện tiêu thụ của nhà máy dự kiến khoảng 500.000 kW/tháng phục vụ cho hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt.

b) Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

* Nguồn cung cấp nước:

Nguồn cung cấp nước cho dự án do Công ty TNHH một thành viên xây dựng cấp nước Đồng Nai cung cấp.

*** Nhu cầu sử dụng nước**

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.10.2), lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày đêm. Dự án sử dụng 300 lao động làm việc 1 ca/ngày.

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 300 \text{ người} = 24\text{m}^3/\text{ngày}$$

- **Nước dùng cho nhu cầu chuẩn bị bữa ăn:** Công ty đặt suất ăn công nghiệp bên ngoài, không thực hiện nấu ăn tại nhà xưởng nên không sử dụng nước nấu ăn.

- **Nước cấp cho sản xuất:** nước cấp cho lò hơi công suất 150 kg hơi/giờ, ước tính khoảng 1,2 m³/ngày.

- **Nước sử dụng cho tưới cây:** Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, lượng nước tưới cây: 3 lít/m²/ngày.đêm. Nước rửa đường 0,5 lít/m²/ngày.đêm.

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Hạng mục	Định mức	Số lượng	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	Phương án xử lý
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	80 lít/người/ngày	300	24,0	Xả thải 100% dẫn về HTXLNTTT của KCN
2	Nước cấp cho lò hơi	150 lít/lò/giờ	01 lò x 8 giờ	1,2	Xả cạn đáy 01 tuần/lần
3	Nước tưới cây	3lít/m ²	2.887,24m ²	8,7	Không xả thải
4	Nước tạo ẩm đường nội bộ, rửa đường	0,5 lít/m ²	2.386,96 m ²	1,2	Không xả thải
Tổng cộng				35,1	

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1 Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Dự án

Hiện trạng dự án đã có hạng mục nhà xưởng và một số công trình phụ trợ. Dự án thuê lại đất và nhận chuyển nhượng lại nhà xưởng, các công trình phụ trợ hiện hữu trên khu đất với diện tích 14.436,2 m² của Công ty cổ phần Sonadezi Giang

Điền. Sau khi thuê lại đất và nhận chuyển nhượng Công ty dự kiến cải tạo mở rộng, xây dựng một số hạng mục cụ thể như sau:

Bảng 1.5. Diện tích các hạng mục công trình

STT/ No.	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	TỈ LỆ (%)	TÌNH TRẠNG
A		HIỆN TRẠNG			
1	1A, 1B	NHÀ XƯỞNG CHÍNH 1A, 1B	6.695,00		Giữ nguyên và chuyển đổi cải tạo một phần dưới mái che thành Nhà văn phòng: tầng 110x50.5=505m ² và sàn lầu mới 10x50.5=505m ²
2	2A	NHÀ VỆ SINH 2A (không thuộc diện tích xây dựng)	50,92		Giữ nguyên
3	4A	NHÀ BẢO VỆ 4A (không thuộc diện tích xây dựng)	6,00		Giữ nguyên
4	6	NHÀ BƠM (không thuộc diện tích xây dựng)	13,80		Giữ nguyên
5	7	BỂ NƯỚC NGÂM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)	73,60		Giữ nguyên
		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (sau khi tháo dỡ)	6.695,00	46,38%	
		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (không thuộc diện tích xây dựng)	144,32	1,00%	
B		XÂY DỰNG MỚI			
I		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP	1.395,00	9,66%	
6	NM1	KHU NHẬP HÀNG	150,50		Mới
7	NM2	NHÀ SẢN XUẤT & KHO	1.244,50		Mới
II		ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH- DỊCH VỤ	942,76	6,53%	
8	ĐH	NHÀ VĂN PHÒNG 2 tầng (diện tích 858,5m ² / sàn, trong đó gồm: 10mx50,5m=505,0m ² cải tạo dưới mái nhà xưởng hiện trạng và 7mx50,5m=353,5m ² xây mới)	858,50		Chuyển đổi cải tạo dưới mái che và xây mới
9	DV1	NHÀ GOM BỤI	62,00		Mới
10	DV2	NHÀ KHÍ NÉN	12,00		Mới
11	DV3	NHÀ RÁC 3 NGĂN	10,26		Mới
III		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (không thuộc diện			

		tích xây dựng)			
12	HTKT1	TRẠM BIẾN THỂ (không thuộc diện tích xây dựng)			Mới
13	HTKT2	NHÀ BƠM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)	17,48		Mới
14	HTKT3	BỂ NƯỚC NGẦM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)			Mới
15	NBV	NHÀ BẢO VỆ 2 (không thuộc diện tích xây dựng)	12,00		Mới
16	NVS	VỆ SINH CÔNG NHÂN (16 xí) (không thuộc diện tích xây dựng)	67,32		Mới
		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỚI/ MỞ RỘNG (bằng I+II) không bao gồm III	2.337,76		Mới
		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT III (không thuộc diện tích xây dựng)	96,80	0,67%	Mới
IV	GT1	ĐƯỜNG GIAO THÔNG, SÂN, BÃI, ĐI BỘ...	2.275,08	15,76%	
V	CX	CÂY XANH	2.887,24	20,00%	
		DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	14.436,20	100,00%	

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

Ghi chú: Các công trình không tính mật độ xây dựng theo Mục 1.4.20 Chương 1 QCVN 01:2021/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng" bao gồm: nhà bảo vệ; Các công trình hạ tầng kỹ thuật (Bể ngầm PCCC và nhà bơm, nhà rác 3 ngăn, nhà vệ sinh công nhân...).

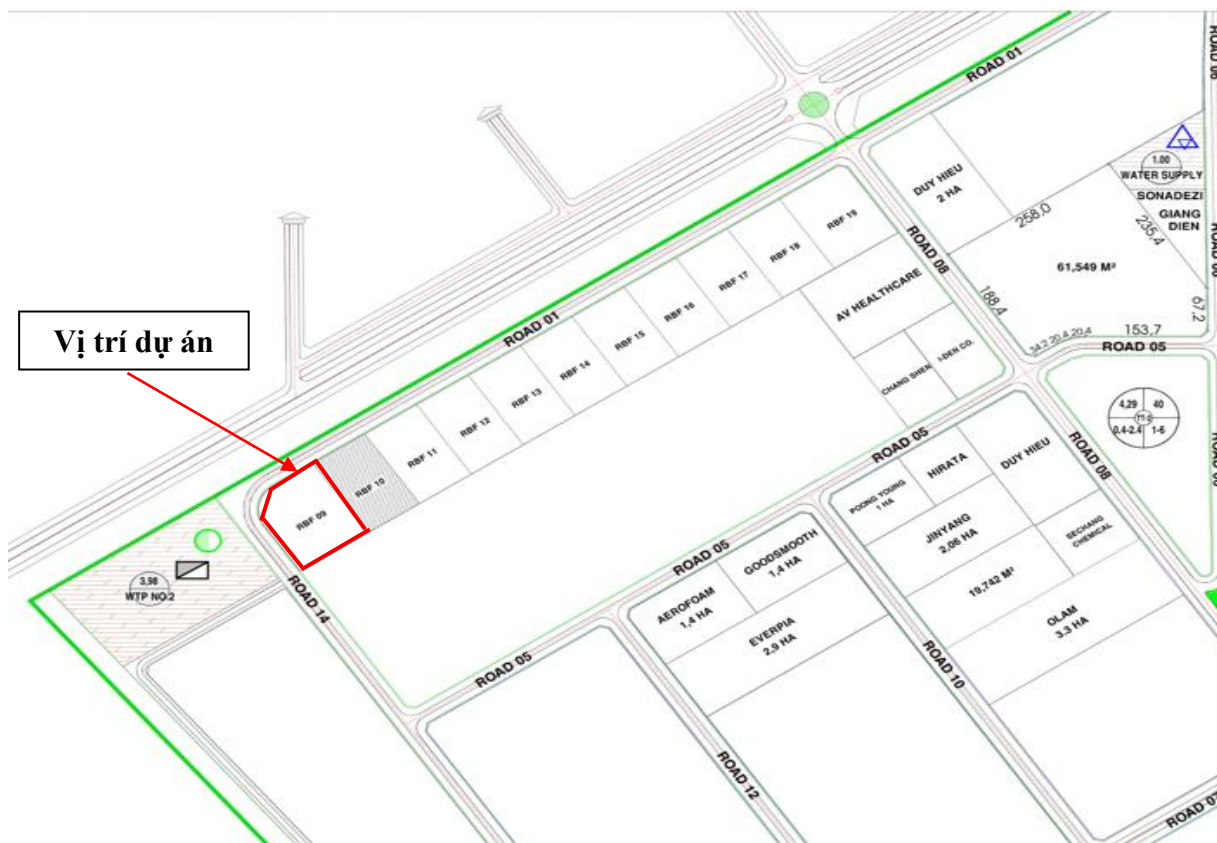
❖ Vị trí của dự án:

Dự án được thực hiện ở khu đất thuê lại của Công ty CP Sonadezi Giang Điền tại đường số 1 và đường số 14, KCN Giang Điền, phường Tam Phước và xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại đất tại KCN Giang Điền số 10/HĐCN/GĐ ngày 10/3/2026.

Công ty có tổng diện tích mặt bằng là 14.436,2 m² với các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đường số 01 của KCN.
- Phía Nam giáp Công ty TNHH MTV Nhất Gỗ (sản xuất đồ gỗ).
- Phía Đông giáp đường số 14 của KCN.
- Phía Tây giáp Công ty Cổ phần New Life Furniture (sản xuất đồ gỗ).

Vị trí dự án như sau:



Hình 1. 3. Vị trí dự án

Hình ảnh hiện trạng của dự án:





Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của dự án

1.5.2. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ chuyển tất cả các máy móc hiện hữu tại nhà máy KCN Biên Hoà 1 về để lắp đặt phục vụ hoạt động sản xuất của dự án, riêng đối với công trình thu gom, xử lý bụi và sơn được Công ty đầu tư máy móc mới 100%. Khi chuyển toàn bộ máy móc tại nhà máy KCN Biên Hoà 1 về dự án thì đồng nghĩa nhà máy tại KCN Biên Hoà 1 sẽ ngưng hoạt động sản xuất. Hiện trạng các máy móc, thiết bị dự kiến chuyển đến có năm sản xuất từ 2019 đến 2025, còn sử dụng tốt, khoảng 70% - 95%. Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.6. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Nơi sản xuất	Công suất	Tình trạng (%)	Mục đích sử dụng
I	Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất						
1	Máy bào hai mặt	3	2019	Đài Loan	38,5Hp	70-80	Bào nguyên liệu
2	Cắt ngang tự động	2	2021	Đức	35Hp	90-95	Cắt nguyên liệu
3	Cưa rong 1 lưỡi	4	2018	Đài Loan	17Hp	70-80	Rong nguyên liệu
4	Cưa rong đa lưỡi	2	2021	Đức	70Hp	90-95	Rong nguyên liệu
5	Ép cỏ	2	2018	Trung Quốc	3Hp	70-80	Ghép nguyên liệu

6	Ép thủy lực	2	2021	Trung Quốc	3Hp	90-95	Ghép nguyên liệu
7	Bào bốn mặt	1	2021	Trung Quốc	85Hp	90-95	Bào nguyên liệu
8	Ép cong	4	2010	Ý	45Hp	70-80	Uốn cong nguyên liệu
9	Cắt ván CNC	1	2021	Ý	35Hp	90-95	Cắt ván
10	Dán cạnh tự động	1	2021	Ý	35Hp	90-95	Dán veneer cạnh ván
11	CNC 3 trục	2	2018	Ý	23Hp	70-80	Định hình
12	CNC 6 trục	4	2021	Ý	45Hp	90-95	Định hình
13	CNC 4 đầu	1	2025	Trung Quốc	50Hp	95-99	Định hình
14	CNC tiện	1	2021	Ý	28Hp	90-95	Tiện 3D
15	Làm mòng CNC	2	2020	Đài Loan	55Hp	90-95	Lắc mòng
16	Chép hình CNC	1	2018	Đài Loan	85Hp	70-80	Phay cạnh
17	Khoan đứng	5	2016	Trung Quốc	5Hp	70-80	Khoan lỗ
18	Tubi	4	2016	Đài Loan	9Hp	70-80	Phay cạnh
19	Cắt phay hai đầu	3	2016	Đài Loan	6Hp	70-80	Cắt hai đầu
20	Nhám thùng	3	2016	Đài Loan	50Hp	70-80	Chà nhám
21	Nhám trục đứng	5	2016	Việt Nam	1.5Hp	70-80	Chà nhám
22	Nhám băng	4	2016	Nhật Bản	2Hp	70-80	Chà nhám
23	Lò hơi	1	2025	Đài Loan	150 lít/giờ	100	Cung cấp hơi
II	Máy móc thiết bị xử lý môi trường						
1	Hệ thống xử lý khí thải sơn	6	2025	Việt Nam	66.000 m ³ /giờ/hệ thống	100	Xử lý khí thải sơn
2	Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1	1	2025	Việt Nam	196.000 – 236.800 m ³ /giờ	100	Xử lý bụi gỗ
3	Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2	1	2025	Việt Nam	49.000 – 59.200 m ³ /giờ	100	Xử lý bụi gỗ

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

Một số máy móc thiết bị dự kiến lắp đặt như sau:



Máy bào 2 mặt



Máy cắt tự động



Máy bào 4 mặt



Máy CNC 3 trục



Máy nhám thùng



Máy CNC tiện

Hình 1. 5. Một số hình ảnh máy móc thiết bị của dự án

1.5.3. Nhu cầu lao động

Bảng 1. 7. Nhu cầu lao động tại dự án

STT	Nhu cầu lao động	Số lượng
1	Lao động nhà máy	300
2	Số ca làm việc	1 ca/ngày (ca 8giờ)
3	Số ngày làm việc	6 ngày/tuần

1.5.4. Tiến độ thực hiện dự án

- Tháng 01-03/2026: Hoàn thành các thủ tục hành chính liên quan đầu tư, môi trường, xây dựng;

- Tháng 04-05/2026: Hoàn thành xây dựng mở rộng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị mới phục vụ sản xuất;

- Tháng 6/2025-12/2026: Vận hành thử nghiệm;

- Tháng 01 năm 2027: Dự án chính thức đi vào hoạt động.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Dự án nằm trong KCN Giang Điền đã được quy hoạch hoàn thiện, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch như:

- Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022).

Công ty cam kết sẽ đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia sau khi có quy hoạch.

2.1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND

ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Về quy hoạch xây dựng: tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án nằm trong KCN Giang Điền đã hoàn thiện hạ tầng. Dự án dự kiến triển khai trên diện tích 14.436,3 m² của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền theo biên bản thoả thuận giữ quyền chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại đất tại KCN số 126/BTT-GĐ ngày 17/12/2025. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch phân khu chức năng theo Quy hoạch chi tiết của KCN Giang Điền, xã Giang Điền, tỉnh Đồng Nai.

- KCN Giang Điền không thu hút những ngành công nghiệp nặng, sử dụng nhiều nguyên nhiên liệu gây ô nhiễm môi trường, không có ngành nhuộm, sản xuất cao su (chỉ sử dụng cao su thành phẩm) và các ngành công nghiệp nằm trong danh mục ngành, nghề được thu hút đầu tư theo Giấy phép môi trường số 404/GPMT-BTNMT ngày 07/10/2024 và số 494/GPMT-BNNMT ngày 17/11/2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền. Cụ thể:

Bảng 2. 1. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Giang Điền

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Công nghiệp chế biến, chế tạo	C				
Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt			101		
Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản			102		
Chế biến và bảo quản rau quả			103		
Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật			104		
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa			105		
Xay xát và sản xuất bột thô				1061	
Sản xuất thực phẩm khác			107		
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản			108		
Sản xuất đồ uống		11			
Dệt (không bao gồm nhuộm)		13			
Sản xuất trang phục		14			
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm					15120
Sản xuất giày, dép			152		
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu têt bện		16			
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao		17			

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
gồm sản xuất bột giấy thương mại)					
In, sao chép bản ghi các loại		18			
Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ				2012	
Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh				2013	
Sản xuất sản phẩm hoá chất khác			202		
Sản xuất sợi nhân tạo			203		
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu		21			
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic		22			
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác		23			
Sản xuất kim loại (không bao gồm xi măng)		24			
Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không bao gồm xi măng)			251		
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (không bao gồm xi măng)			259		
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học		26			
Sản xuất thiết bị điện		27			
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu		28			
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29			
Sản xuất phương tiện vận tải khác		30			
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		31			
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác		32			
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị		33			
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D				
Điện mặt trời					35116
Truyền tải và phân phối điện				3512	
Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống					35202
Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và nước đá			353		
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G				
Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác		45			
Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Bán buôn chuyên doanh khác			466		
Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		47			
Vận tải kho bãi	H				
Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy		52			

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Bưu chính và chuyển phát		53			
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	I				
Dịch vụ ăn uống		56			
Thông tin và truyền thông	J				
Viễn thông		61			
Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính		62			
Hoạt động dịch vụ thông tin		63			
Hoạt động kinh doanh bất động sản	L				
Hoạt động kinh doanh bất động sản		68			
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	M				
Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật			721		
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác		74			
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	N				
Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính		77			
Hoạt động dịch vụ khác	S				
Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình		95			
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)			961		
Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú			962		

Dự án đầu tư sản xuất giường, tủ, bàn, ghế của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN “Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế mã ngành C31”.

Như vậy, việc triển khai thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển của KCN Giang Điền và địa phương.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Giang Điền, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có thể thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

KCN Giang Điền đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải số 1 (nằm phía Đông Nam của KCN trên phần diện tích đất 1,17ha): Công suất thu gom 4.500m³/ngày đêm, công suất vận hành theo thiết kế 3.000 m³/ngày đêm bao gồm 02 giai đoạn: Giai đoạn 1, công suất 1.000 m³/ngày đêm; Giai đoạn 2, công suất 2.000 m³/ngày đêm. Đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải số 2 (nằm phía Tây Bắc của KCN trên phần diện tích đất 3,98ha): Công suất thu gom 9.000 m³/ngày đêm, công suất vận hành theo thiết kế 9.000 m³/ngày đêm bao gồm 02 giai đoạn: Giai đoạn 1, công

suất 4.500m³/ngày; Giai đoạn 2, công suất 4.500 m³/ngày đêm. 02 nhà máy xử lý nước thải đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 494/GPMT-BNNMT ngày 17/11/2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp. Quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 công suất 3.000 m³/ngày, cụ thể: Đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 gồm 02 modul như sau:

+ Modul 01 (công suất: 1.000 m³/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể tách dầu → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

+ Modul 02 (công suất: 2.000 m³/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Selector → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 công suất 9.000 m³/ngày, cụ thể: Đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 gồm 02 modul có công suất 4.500 m³/ngày/module và có cùng quy trình công nghệ xử lý như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử màu 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Dự án đi vào hoạt động chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại cùng với nước thải từ khu vực rửa tay và nước thải từ xả đáy lò hơi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền. Hiện tại KCN Giang Điền có 63/63 cơ sở đang hoạt động (Trong đó: 40 cơ sở đầu nối về nhà máy xử lý nước thải số 1; 18 cơ sở đầu nối về nhà máy xử lý nước thải số 2; 5 cơ sở đầu nối về 2 nhà máy (Công ty Kim Bảo Sơn, Công ty Dechang, Công ty Good View, Công ty Sport pet, Công ty AM). Tổng lượng nước thải từ các cơ sở này xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung: 1.838.892 m³/năm (tương đương 5.034 m³/ngày đêm). Vì vậy, đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án với lưu lượng xả thải tối đa khoảng 24,12 m³/ngày.đêm.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Khu vực triển khai dự án nằm trong KCN Giang Điền đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, do đó không có các vùng sinh thái nhạy cảm cũng như không có các loài sinh vật hoang dã sinh sống.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:

Công suất thiết kế hệ thống XLNT tập trung của KCN Giang Điền được đầu tư xây dựng với 02 nhà máy xử lý nước thải, công suất nhà máy 1 là 3.000 m³/ngày.đêm và nhà máy 2 là 9.000 m³/ngày.đêm (tổng công suất là 12.000 m³/ngày.đêm). Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 0,9) và QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A, K_q = 0,9, K_f = 0,9). Khi dự án đi vào hoạt động lưu lượng nước thải tối đa khoảng 24,12 m³/ngày.đêm, do đó, HTXLNT tập trung của KCN Giang Điền vẫn đáp ứng đủ khả năng tiếp nhận lượng nước thải từ dự án.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Như đã trình bày, khu vực triển khai dự án nằm trong KCN Giang Điền đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, do đó căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không phải thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án.

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

Dự án được thực hiện trong nhà xưởng xây sẵn của Công ty cổ phần Sonadezi Giang Điền, ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành mở rộng nhà xưởng và xây thêm 1 số hạng mục phụ trợ. Do vậy, các tác động của dự án sẽ được nhận dạng, phân tích và đánh giá trong 02 giai đoạn, bao gồm:

- Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị
- Giai đoạn vận hành các nhà máy.

4.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Trong giai đoạn triển khai xây dựng mở rộng nhà xưởng, các hoạt động thi công, xây dựng và lắp đặt thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất. Cụ thể, các hoạt động này bao gồm: vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các công trình chính và phụ trợ, lắp đặt thiết bị, máy móc, đấu nối hạ tầng... Bảng 4.1 liệt kê tất cả các hoạt động và các nguồn gây tác động có thể có trong giai đoạn xây dựng:

Bảng 4. 1. Các tác động và nguồn gây tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng

TT	Nguồn/ hoạt động gây tác động	Tác động/ chất thải phát sinh
1	Xe vận chuyển ra vào dự án	- Tiếng ồn - Bụi và khí thải - Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải...) - Ảnh hưởng đến giao thông
2	Hoạt động xây dựng công trình (mở rộng nhà xưởng, các hạng mục phụ trợ)	- Bụi do hoạt động thi công công trình: xây, tô, chà nhám - Bụi và khí thải do quá trình sơn công trình, hàn xì kết cấu kim loại - Chất thải rắn xây dựng - Tiếng ồn, độ rung
3	Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị	- Chất thải rắn xây dựng - Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải...) - Tiếng ồn, độ rung

TT	Nguồn/ hoạt động gây tác động	Tác động/ chất thải phát sinh
4	Hoạt động của công nhân xây dựng và công nhân lắp đặt thiết bị, máy móc	- Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt - Ảnh hưởng đến an ninh, trật tự

Các hoạt động và nguồn gây tác động môi trường chủ yếu phát sinh được trình bày như sau:

4.1.1.1. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải

a) Tác động tới chất lượng môi trường không khí

a.1. Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển chở vật liệu ra vào công trình

Khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu vận hành các phương tiện trên công trường chủ yếu gồm: CO, SO₂, NO_x, Hydrocarbon, bụi. Hệ số ô nhiễm của các thành phần này được tính theo tiêu chuẩn Châu Âu, tham khảo tại bảng sau:

Bảng 4. 2. Hệ số ô nhiễm trong khí thải của phương tiện vận chuyển

Phương tiện	Bụi (g/km)	SO ₂ (g/km)	CO (g/km)	NMVOC (THC-CH ₄) (g/km) (*)	NO ₂ (g/km)
Xe 12 – 14 tấn TCHD Euro III 2000	0,9	4,29S	0,972	0,189	0,004

(Nguồn: EMEP/EEA air pollutant emission inventory guidebook — 2009)

(*) NMVOC: Non-methane Volatile Organic Compounds: Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi không phải metan)

Quãng đường nơi cung cấp vật liệu đến Dự án: 20 km.

Tổng khối lượng nguyên vật liệu xây dựng: 1.965,75 tấn.

Thời gian thi công Dự án: 2 tháng = 60 ngày.

Số lượt xe vận chuyển nguyên vật liệu: 33 lượt xe/thời gian thi công ≈ 3 lượt xe/ngày (loại xe 14 tấn).

Bảng 4. 3. Tải lượng các chất ô nhiễm

Phương tiện	Bụi	SO ₂	CO	NMVOC (THC-CH ₄)	NO _x
Tải lượng ô nhiễm (g/ngày)	36	0,0858	38,88	7,56	0,16

Ghi chú: Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số ô nhiễm (g/km) x quãng đường vận chuyển (km/ngày) x số lượng xe (xe/ngày).

a.2. Bụi và khí thải từ các phương tiện trong quá trình thi công

Trong quá trình thi công sẽ tập trung một lượng lớn các phương tiện và thiết

bị thi công như máy ủi, máy san, máy xúc, xe lu,... tại khu vực dự án.

Đa phần các thiết bị thi công sử dụng nhiên liệu là điện năng, ít gây ô nhiễm. Tuy nhiên hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công nhiên liệu như xăng, dầu sẽ làm phát sinh khí thải. Tác động do khí thải từ máy móc thiết bị này được đánh giá trên cơ sở tính tổng công suất tiêu thụ nhiên liệu của các phương tiện thi công cơ giới trong quá trình xây dựng dự án.

Bảng 4. 4. Định mức nhiên liệu cho các thiết bị thi công

STT	Thiết bị thi công	Số lượng	Định mức nhiên liệu/ca (lít dầu DO)	Tổng lượng dầu DO sử dụng (lít/giờ)
1	Máy bang	02	38,88	9,72
2	Máy đào	02	82,62	20,66
3	Xe lu	03	40,32	15,12
4	Máy đầm cóc	02	56,70	14,18
5	Máy ủi	02	46,70	11,68
6	Máy khoan nhồi	02	113,20	28,30
Tổng cộng				99,65

(Theo Định mức tiêu hao nhiên liệu Phụ lục kèm theo Thông tư số: 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây Dựng qui định về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công)

Như vậy tổng lượng dầu DO sử dụng cho các thiết bị thi công là 99,65 lít/giờ $\approx 85,6$ kg/giờ. Với nhiệt độ khí thải là 225°C thì lượng khí thải đốt cháy 1kg dầu DO là 25m^3 . Lưu lượng khí thải phát sinh là: $85,6$ kg/giờ $\times 25$ $\text{m}^3/\text{kg} = 2.140$ $\text{m}^3/\text{giờ}$ hay $0,6$ m^3/s

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của các thiết bị thi công được tính toán dựa trên hệ số ô nhiễm của Tổ chức y tế thế giới (WHO) tại bên dưới.

Bảng 4. 5. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của các thiết bị thi công sử dụng xăng dầu

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/kg nhiên liệu)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)
Bụi	0,71	0,0169	28,137
SO ₂	20 S	0,0238	39,630
NO _x	2,62	0,0623	103,83
CO	2,19	0,0521	86,789

Ghi chú: – Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh là 0,05%.

– Tải lượng (g/s) = Hệ số ô nhiễm (g chất ô nhiễm/kg dầu) \times Lượng

dầu sử dụng (kg/giờ)/3.600.

$$- \text{Nồng độ (mg/m}^3\text{)} = \text{Tải lượng (g/s)} \times 1.000 / \text{lưu lượng (m}^3\text{/s)}.$$

Nhận xét: Từ kết quả tính toán trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm bụi, SO₂, NO_x, CO phát sinh khi các thiết bị thi công hoạt động ở mức cao. Các khí này cũng sẽ làm suy giảm chất lượng môi trường không khí, gây ảnh hưởng đến sức khỏe dân cư xung quanh và công nhân trực tiếp xây dựng, do đó Chủ đầu tư cũng có biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tác động này.

Các tác hại do tiếng ồn và độ rung do hoạt động của các thiết bị thi công được đánh giá cụ thể trong phần sau của báo cáo này.

a.3. Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển công nhân làm việc

Tổng số công nhân thi công xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị là 50 người. Như vậy, ước tính sẽ có khoảng 50 xe gắn máy ra vào Công ty trong 1 ngày, mỗi ngày trung bình là 02 chuyến với quãng đường vận chuyển khoảng 0,5 km/chuyến.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp. Hồ Chí Minh của Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, năm 2012” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy là 0,03 lít/km, lượng nhiên liệu cung cấp cho hoạt động giao thông là:

Bảng 4. 6. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

STT	Động cơ	Số lượt xe	Mức tiêu thụ (L/km)	Tổng nhiên liệu (L/ngày)
1	Xe gắn máy trên 50cc	50	0,03	1,5

Hệ số ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 7. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông

STT	Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 lít)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	20*S	8	525	80

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO)

Tính toán tải lượng ô nhiễm với quãng đường dài 0,5 km, kết quả liệt kê tại bảng sau:

Bảng 4. 8. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông

STT	Động cơ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)
-----	---------	-----------------------------

		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	0,00003	0,024	1,575	0,24

Tác động:

Bụi và khí thải sẽ tác động đến công nhân trực tiếp thi công lắp đặt và môi trường xung quanh khu vực thi công (nếu không có biện pháp giảm thiểu phù hợp):

- Đối với người thi công dự án: có thể các loại bệnh về đường hô hấp (mũi, họng, khí quản, phế quản...), bệnh bụi phổi xuất hiện có khả năng làm xơ hóa phổi và làm giảm chức năng hô hấp. Ngoài ra, người lao động còn mắc các loại ngoài da (nhiễm trùng da, khô da, viêm da...), các loại bệnh về đường tiêu hóa...

- Đối với môi trường xung quanh: quá trình vận chuyển tập kết máy móc, thiết bị sẽ phát sinh bụi, rơi vãi nếu các xe chở không được che phủ tốt, gây ảnh hưởng trực tiếp đến người tham gia lưu thông trên đường và khu vực xung quanh dọc theo các tuyến đường vận chuyển.

- Bụi và khí thải phát sinh trong các công đoạn này có tính chất cục bộ, di động và rất gián đoạn trong thời gian thi công khá ngắn nên ảnh hưởng không đáng kể, chủ yếu là đến công nhân trực tiếp thi công trên công trình.

a.4. Khí thải từ quá trình hàn, cắt cơ khí

Trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, quá trình hàn được sử dụng để liên kết các vật liệu kim loại với nhau. Quá trình hàn sẽ phát sinh một lượng bụi và hơi khí thải nhất định. Thành phần chính phát sinh từ quá trình hàn là bụi và hơi kim loại.

Các nhà thầu xây dựng và lắp đặt thiết bị hiện nay chủ yếu sử dụng que hàn điện, phương pháp có chi phí hợp lý, linh động, dụng cụ hàn đơn giản, dễ vận chuyển. Việc hàn các kết cấu khung kèo của nhà xưởng và các thiết bị máy móc chính được thực hiện tại nhà máy của nhà thầu. Việc hàn tại công trường chỉ nhằm kết nối một số chi tiết sau khi định hình khung kèo thép và dây chuyền thiết bị. Khối lượng que hàn khoảng 100kg.

Việc hàn điện phát sinh bụi và hơi kim loại nhiều hơn các phương pháp hàn khác. Nồng độ các chất khí độc trong quá trình hàn được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 4. 9. Nồng độ các chất khí trong quá trình hàn điện vật liệu kim loại

STT	Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
		2,5	3,25	4	5	6
1	Khói hàn (có chứa các chất ô nhiễm khác) (mg/1 que hàn)	285	508	706	1.100	1.578
2	CO (mg/1 que hàn)	10	15	25	35	50
3	NO _x (mg/1 que hàn)	12	20	30	45	70

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng (2000), Môi trường không khí, NXB KHKT)

Khí thải độc, hơi hàn phát sinh trong quá trình hàn cắt chứa các kim loại nặng như Zn, Cu, Hg, Cr có tính độc cao. Theo thực tế, hầu hết khung kèo thép được gia công tại nhà máy của nhà thầu, quá trình hàn tại công trường trong giai đoạn thi công xây lắp không thường xuyên, thời gian hàn ngắn nên không ảnh hưởng nhiều đến không khí xung quanh. Tuy nhiên, tác động này sẽ ảnh hưởng đến người công nhân tiến hành hàn vật liệu do đó, Chủ đầu tư có biện pháp cụ thể đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc trên công trường.

a.5. Hơi dung môi từ quá trình sơn nhà xưởng

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình xây dựng, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra, khắc phục trước các lỗi như trát chít bề mặt tường có lồi lõm, loại bỏ chất bẩn,... Quá trình chà nhám bề mặt trước khi sơn sẽ làm phát sinh lượng bụi đáng kể, ảnh hưởng đến sức khỏe cho công nhân làm việc trên công trường.

Hiện tại xung quanh khu vực dự án không có các tòa nhà cao tầng, 2 phía của dự án tiếp giáp là đất trống. Quá trình xây dựng dự án sẽ làm phát sinh lượng bụi không nhỏ. Việc phát sinh bụi trực tiếp gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc làm việc tại công trường, đồng thời sẽ phát tán ra ngoài ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, đặc biệt trong giai đoạn chà nhám để sơn hoàn thiện.

Trong quá trình sơn phủ, sơn trang trí công trình, dung môi pha sơn của công ty chủ yếu là este (butyl acetate, etyl acetate) và toluene. Các dung môi này nếu tiếp xúc nhiều sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Cụ thể:

- Tác hại của este: khi tiếp xúc với este ở nồng độ cao có thể gây buồn nôn, ngạt thở dẫn tới ngất. Tiếp xúc với da gây dị ứng.

- Tác hại của toluen: gây viêm giác mạc, khó thở, nhức đầu và buồn nôn. Tiếp xúc trong thời gian dài có thể dẫn tới các bệnh nhức đầu mãn tính và các bệnh về đường máu.

Công đoạn sơn lót và sơn phủ phát sinh khá nhiều bụi sơn cùng hơi dung môi. Tuy nhiên, hoạt động sơn diễn ra trong thời gian ngắn (trong vòng 30 ngày). Khối lượng sơn ước tính sử dụng khoảng 25 tấn $\approx 83,3$ kg/ngày. Dựa trên hệ số ô nhiễm và lượng sơn tiêu thụ ta có thể tính tải lượng hơi dung môi và bụi sơn theo phương pháp đánh giá nhanh của tổ chức Y tế thế giới:

Bảng 4. 10. Hệ số ô nhiễm trong quá trình sơn

Loại sơn	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn sơn)	
	Bụi sơn	VOC
Sơn phủ	60 - 80	550
	Tải lượng (kg/ngày)	
	10,02 – 13,36	91,85

(Nguồn: *Assessment of Sources of Air, water and land pollution – WHO, Geneva 1993 – part one*)

Chủ đầu tư cần lưu ý đề có biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động này. Ngoài ra, các phụ liệu được sử dụng trong quá trình sơn như hạt kim loại, hóa chất, bột sơn, dung môi,... cũng gây nên những tác động tiêu cực đến môi trường không khí xung quanh và công nhân trực tiếp thi công. Chủ đầu tư cũng sẽ lưu ý các yếu tố tác động này.

b) Nguồn gây tác động do nước thải

b.1. Nước thải sinh hoạt

✓ Nguồn phát sinh:

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu do hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công trên công trường.

✓ Mức độ tác động:

Nếu không được xử lý đạt theo quy định, các chất ô nhiễm khi thải vào nguồn tiếp nhận sẽ làm cạn kiệt nguồn oxy trong nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực. Nước thải thấm vào đất gây ô nhiễm đất, hệ thực vật và ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm, gây ảnh hưởng gián tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Nước thải sinh hoạt chứa một lượng vi sinh vật gây bệnh, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Vì vậy nếu không xử lý triệt để không những gây mất vẻ mỹ quan mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân, nhân dân trong khu vực...

✓ Tải lượng ô nhiễm:

Tổng số lượng người tham gia thi công xây dựng khoảng 50 người. Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.10.2), lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày đêm. Lượng nước sử dụng sẽ là: 80 lít/người/ca × 50 người = 4 m³/ngày.

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đặc trưng tại Việt Nam như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nước thải chưa qua xử lý	Giới hạn tiếp nhận KCN Giang Điền
1	pH	-	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	100	300
3	BOD ₅	mg/l	110	300
4	COD	mg/l	250	500
5	Tổng N	mg/l	20	60
6	Tổng P	mg/l	4	8

(Nguồn: Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, Lâm Minh Triết)

Nhận xét: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Giang Điền.

b.2. Nước thải xây dựng

- *Tác động của nước thải từ hoạt động xịt rửa xe:* Lưu lượng nước xịt rửa đối 1 xe vào khoảng 300 - 500 lít/xe với thời gian rửa bùn đất bám trên bánh xe và gầm xe với thời gian là 10 phút (theo TCVN 4513: 1988 Cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế) theo số liệu tính toán trung bình một ngày dự án sử dụng 4 xe tải phục vụ cho quá trình thi công xây dựng với thời gian thi công dự kiến 4 tháng. Như vậy lượng nước thải phát sinh trung bình khoảng 500 lít × 8 xe = 4.000 lít/ngày/lần = 4 m³/ngày/lần. Lưu lượng nước thải phát sinh từ trạm trộn bê tông trong giai đoạn thi công, di dời lắp đặt máy móc.

- *Tác động của nước thải từ hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị:* Lưu lượng nước cần để bảo dưỡng các thiết bị thi công được tính dựa trên kinh nghiệm thi công các công trình cầu đường. Loại nước thải này chứa một lượng đáng kể chất hữu cơ, dầu mỡ và chất rắn lơ lửng. Theo ước tính nếu hoạt động bảo dưỡng được thực hiện thường xuyên thì cần khối lượng nước như sau: Bảo dưỡng máy móc cần 4 m³/ngày;

- *Tác động của nước thải từ các trạm trộn bê tông:* Khối lượng nước thải đối với các trạm trộn bê tông được tính theo định mức sử dụng nước trong quá trình

trộn bê tông khoảng $D = 0,65 \text{ m}^3/\text{tấn}$ bê tông (bao gồm $0,5 \text{ m}^3/\text{tấn}$ nước rửa cốt liệu và $0,15 \text{ m}^3/\text{tấn}$ nước trộn bê tông).

Ước tính lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động trạm trộn bê tông theo công thức sau:

$W = 0,5 \times D \times 20\% (\text{m}^3/\text{tấn}) = 0,5 \times 2.975,53 \times 0,65 \times 20\% = 192 \text{ m}^3/4 \text{ tháng} = 1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tác động:

Đối với hoạt động của trạm trộn bê tông, nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động rửa cốt liệu có thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm các loại cặn bùn đất lơ lửng dễ lắng cặn, nếu xả trực tiếp nước thải loại này vào môi trường khi chưa được xử lý cặn có khả năng gây ra những tác động môi trường bao gồm: Tác động bồi lắng dòng chảy, gia tăng độ đục và vùi lấp cây trồng đối với khu vực tiếp nhận và làm ô nhiễm môi trường đất.

Ngoài ra, vị trí phát sinh nước thải loại này chủ yếu tập trung tại các công trường thi công nên góp phần gia tăng các tác động ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng cùng với nước thải sinh hoạt tại các khu vực này.

b.3. Nước mưa chảy tràn

- Thời gian thi công diễn ra trong khoảng 4 tháng. Trong quá trình này sẽ diễn ra hoạt động tập kết vật liệu xây dựng, các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất.

- Theo nguyên tắc, nước mưa được quy ước là nước sạch nếu không tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm: nước thải, khí thải, đất bị ô nhiễm... Khi chảy qua các vùng chứa các nguồn ô nhiễm, nước mưa sẽ cuốn theo các thành phần ô nhiễm đến nguồn tiếp nhận, tạo điều kiện lan truyền nhanh các chất ô nhiễm.

*** Tác động của nước mưa chảy tràn có lẫn chất thải:**

Trong quá trình xây dựng dự án, nếu các nguồn gây ô nhiễm môi trường không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm có trong khí thải, nước thải, chất thải rắn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

Tùy theo phương án khống chế nước mưa cục bộ mà thành phần và nồng độ nước mưa thay đổi đáng kể.

Bảng 4. 11. Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

STT	Thông số	Nồng độ (mg/L)	QCVN 08: 2023/BTNMT, mức A
1	Tổng Nitơ	0,5 – 1,5	-
2	Photpho	0,004 – 0,03	0,2
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	10 – 20	15

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	10 – 20	30
---	-----------------------------	---------	----

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO, 1993)

Nhận xét:

Nước mưa chảy tràn có nồng độ các chất ô nhiễm đạt QCVN 08: 2023/BTNMT.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực của dự án tương ứng với công thức tính như sau:

Lưu lượng nước mưa chảy tràn cao nhất: $Q_{\max} = 0,278 \text{ KIA (m}^3/\text{s)}$

(Nguồn: Lê Trình, Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 1997).

Trong đó:

A: diện tích khu đất dự án, km² (diện tích dự án là 14.436,3 m² = 0,0144363km²).

I: Cường độ mưa trung bình của tháng có lượng mưa cao nhất tính trong 5 năm (từ năm 2010 - 2016, lấy số liệu của tháng 09): 542,6 mm/tháng \approx 13,565 mm/giờ (wóc tính trung bình mỗi tháng mưa 20 ngày (vào mùa mưa), mỗi ngày 02 tiếng).

K: Hệ số chảy tràn = 0,9 (áp dụng cho nền đất đã được bê tông hoá).

Vậy lưu lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích khu đất dự án là:

$$Q_{\max} = 0,278 \text{ KIA} = 0,278 \times 0,9 \times 13,565 \times 0,0141363 = 0,048 \text{m}^3/\text{giờ}.$$

c) Nguồn gây tác động do chất thải rắn

Trong quá trình thi công, chất thải rắn phát sinh bao gồm: vụn kim loại, ốc, vít từ quá trình lắp đặt các máy móc, thiết bị. Ngoài ra, việc tập trung công nhân thi công làm gia tăng lượng chất thải sinh hoạt tại Nhà máy.

c.1. Chất thải rắn thông thường

✓ Nguồn phát sinh:

- Quá trình thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị;
- Quá trình sinh hoạt của công nhân thi công.

✓ Khối lượng phát sinh:

- *Tác động do chất thải rắn sinh hoạt*

Trong quá trình thi công xây dựng tập trung công nhân làm phát sinh rác thải sinh hoạt tại khu vực nhà xưởng. Rác thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon).

Trung bình mỗi công nhân thải ra từ 0,3 – 0,5 kg rác thải sinh hoạt mỗi ngày. Vậy với 50 công nhân lao động tại công trường mỗi ngày thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công lắp ráp máy móc, thiết bị dự án là khoảng 15 – 25 kg/ngày.

○ **Tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Chất thải từ quá trình thi công

Chủ yếu là các loại phế thải rơi vãi trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, lắp đặt hệ thống điện, xây dựng công trình phụ trợ như: đất đá, sắt thép vụn, bao bì xi măng...

Bảng 4. 12. Tác động của chất thải rắn đến môi trường xung quanh

STT	Loại chất thải	Khối lượng nguyên liệu (tấn)	Mức hao hụt trong thi công theo % khối lượng gốc	Khối lượng chất thải (tấn)
1	Cát mịn	138	2,5	3,45
2	Cát vàng	72,5	2	1,45
3	Gạch thẻ	12	1,5	0,18
4	Đá dăm các loại	237	1,5	3,555
5	Thép các loại	1.500	2,5	37,5
6	Đinh các loại	0,15	0,5	0,00075
7	Que hàn	0,1	0,5	0,0005
8	Gạch ceramic	6	0,5	0,0315
Tổng (tấn/thời gian thi công)				46,168
Khối lượng (kg/ngày) (Thời gian thi công là 2 tháng = 60 ngày)				384,7

Ghi chú: Mức hao hụt tính theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng ban hành định mức xây dựng.

c.2. Chất thải nguy hại

✓ **Nguồn phát sinh:**

Trong quá trình thi công sẽ phát sinh một lượng chất thải nguy hại như: giẻ lau nhiễm dầu, nhiễm sơn; thùng sơn, cọ dính sơn, bóng đèn, dầu mỡ khoáng thải.

✓ **Khối lượng phát sinh:**

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình thi công được trình bày tại bảng sau:

Bảng 4. 13. Thành phần và khối lượng chất thải rắn nguy hại trong xây dựng

Loại chất thải	Khối lượng chất thải /thời gian thi công	Diễn giải
Thùng đựng sơn	500 kg	Sơn: 5 tấn \approx 500 thùng (loại 10 kg/thùng). Khối lượng thùng không chứa sơn: 1kg/thùng.
Bao bì chứa xi măng	960 kg	Xi măng: 120 tấn \approx 2.400 bao (loại 50 kg/bao). Khối lượng bao không chứa xi măng: 0,4 kg/bao.
Giẻ lau dính dầu nhớt	25 kg	Ước tính
Tổng	1.485 kg	\approx 24,75 kg/ngày (thời gian thi công là 2 tháng = 60 ngày)

Bảng 4. 14. Danh mục các chất thải nguy hại từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng phát sinh (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn thừa	Rắn/lỏng	1,5	08 01 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng sơn, dung môi pha sơn)	Rắn	3	18 01 02
4	Giẻ lau dính dầu/hóa chất thải (dính sơn, dung môi)	Rắn	5	18 02 01
5	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	2,5	17 07 04
	Tổng	-	12,5	-

✓ **Tác động:**

Các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm chất thải nguy hại.

- Gây độc cấp tính: Các chất thải có các thành phần nguy hại gây tử vong, tổn thương nghiêm trọng hoặc tức thời cho sức khỏe thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.

- Gây hại: Các chất thải có các thành phần nguy hại gây các rủi ro sức khỏe ở mức độ thấp thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.

- Gây độc từ từ hoặc mãn tính: Các chất thải có các thành phần nguy hại gây

ảnh hưởng xấu cho sức khỏe một cách từ từ hoặc mãn tính thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.

- Có độc tính sinh thái: Các chất thải có các thành phần nguy hại gây tác hại nhanh chóng hoặc từ từ đối với môi trường và các hệ sinh vật thông qua tích lũy sinh học.

4.1.1.2. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải

a. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh*: Tiếng ồn trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới.

- *Tải lượng ô nhiễm*: Mức ồn cách nguồn 15m, 20m, 50m của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 15. Mức ồn từ các thiết bị san nền và thi công xây dựng

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Mức ồn (dBA), cách nguồn 1,5 m	
			Tài liệu (1)	Tài liệu (2)
1	Xe ủi	6	93,0	-
2	Xe ben	25	-	72,0 – 74,0
3	Xe tải	15	-	82,0 – 94,0
4	Cần cẩu	4	-	76,0 – 87,0
5	Máy san	4	-	80,0 – 93,0
6	Máy trộn bê tông	1	-	75,0 – 88,0
7	Máy nén khí	4	-	75,0 – 87,0
8	Máy khoan	30	-	76,0 – 96,0
QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h – 21h)			70,0	

(Nguồn: tài liệu (1): Nguyễn Đình Tuấn và cộng sự, 2000; tài liệu (2): Mackernize, 1985)

Nhận xét:

+ Kết quả trên cho thấy mức ồn tối đa do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới tại vị trí cách nguồn 1,5m lớn hơn khoảng giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Tác động cộng hưởng của tiếng ồn: Tác động của tiếng ồn phụ thuộc vào tần số và cường độ âm thanh, mức độ lặp lại của tiếng ồn. Tác động đến cơ quan thính giác, tiếng ồn làm giảm độ nhạy cảm, tăng ngưỡng nghe, ảnh hưởng đến quá trình làm việc an toàn. Khi tác động đến các cơ quan khác như hệ thần kinh trung ương, tiếng ồn sẽ gây kích thích, ảnh hưởng xấu đến não bộ, gây chứng đau đầu,

chóng mặt, sợ hãi, giận dữ vô cớ. Đối với hệ tim mạch, tiếng ồn làm rối loạn nhịp tim và sự tuần hoàn máu, làm tăng huyết áp. Tiếng ồn có thể khiến rối loạn quá trình tiết dịch và tăng axit trong dạ dày, làm rối loạn sự co bóp, gây viêm loét dạ dày. Khi phải chịu đựng tiếng ồn liên tục, cơ thể người không tránh khỏi tình trạng bị căng thẳng. Căng thẳng kéo dài dễ dẫn đến những chứng bệnh thần kinh như trầm cảm hay lo lắng vô cớ, tăng thêm nguy cơ các bệnh về tim mạch và hệ tuần hoàn. Nhiều nghiên cứu cho thấy, những người phải sống trong môi trường tiếng ồn lớn và thường xuyên như gần sân bay, sân ga, đường tàu, công trình xây dựng thì càng dễ mắc những chứng bệnh đó.

Tác động này không thể tránh khỏi, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, đặc biệt đối với các công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực gây ồn cao.

b. Ô nhiễm do nhiệt thừa

Nguồn phát sinh: nhiệt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng do sử dụng các thiết bị gia nhiệt và từ các bức xạ mặt trời do làm việc thời gian dài ngoài trời nắng.

Tác động do nhiệt: những ảnh hưởng của nhiệt từ quá trình thi công có gia nhiệt và từ các bức xạ mặt trời do làm việc thời gian dài ngoài trời nắng sẽ gây ra các chứng như: Rối loạn điều hòa nhiệt, say nóng, nhức đầu, chóng mặt, mất nước và mất muối khoáng... từ đó dẫn đến hiện tượng giảm năng suất lao động và tăng cao khả năng gây tai nạn. Trong cơ thể con người sự chống đỡ với nhiệt chủ yếu bằng cách mất nhiệt qua da khi tiếp xúc với khí mát, nếu nhiệt độ bên ngoài bằng nhiệt độ cơ thể thì sự mất nhiệt bằng bức xạ và đối lưu giảm, dẫn đến cơ thể chống đỡ bằng cách ra mồ hôi và xung huyết ngoại biên. Sự giãn mạch ngoại biên có thể làm tụt áp, thiếu máu não. Ra mồ hôi nhiều gây khát dữ dội nếu uống nước mà không có thêm muối thì gây giảm clo trong huyết tương. Lượng muối mất cao nếu không bù đắp sẽ gây các tai biến do giảm clo như: Nhức đầu, mệt mỏi, nôn và đặc biệt là co rút cơ ngoài ý muốn. Nếu làm việc lâu dài sẽ gây chứng đau đầu kinh niên.

c. Tác động đến môi trường kinh tế xã hội

✓ Tác động tiêu cực:

- Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị tại dự án sẽ tập trung khoảng 50 công nhân, không loại trừ khả năng làm gia tăng các tệ nạn xã hội trong khu

vực như: cờ bạc, rượu chè, trộm cắp... Do đó Chủ dự án cần có các giải pháp quản lý lượng lao động này để đảm bảo trật tự an ninh trong khu vực.

- Giai đoạn này cũng gia tăng số lượng phương tiện ra vào khu vực dự án, có thể gây ra các tai nạn giao thông đáng tiếc nếu người điều khiển giao thông mất cảnh giác, không kiểm soát. Do đó Chủ dự án cần có các biện pháp phân luồng giao thông hợp lý để tránh các sự cố đáng tiếc xảy ra.

✓ **Tác động tích cực:**

Các tác động tích cực trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án là:

- Tạo điều kiện việc làm cho một số lao động;
- Góp phần giải quyết lao động và tăng thu nhập tạm thời cho người lao động;

Kích thích phát triển một số loại hình dịch vụ như cho thuê nhà trọ, kinh doanh ăn uống, các dịch vụ giải trí khác nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực Dự án.

4.1.1.3. Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường

Trong quá trình thi công dự án các rủi ro và sự cố môi trường có khả năng xảy ra bao gồm: tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, hỏa hoạn. Khi có sự cố xảy ra thì tùy theo tính chất và mức độ xảy ra sự cố mà các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng sẽ khác nhau.

a. Tai nạn lao động

Trong quá trình thực hiện sự cố không mong muốn là tai nạn lao động nhưng đôi khi vẫn xảy ra. Các nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động rất đa dạng như:

- Môi trường lao động bị ô nhiễm có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động. Một vài loại ô nhiễm tùy thời gian và mức độ tác động có thể gây choáng váng, mệt mỏi, thậm chí ngất xỉu, cần được cấp cứu kịp thời (thường xảy ra ở công nhân nữ và người có sức khỏe yếu).

- Phương tiện vận chuyển ra vào thường xuyên, có thể dẫn đến tai nạn do các xe cộ hay tai nạn cho người lao động, người đi đường và dân cư xung quanh khu vực dự án.

- Các công việc tiếp cận với điện như thi công hệ thống điện va chạm vào các đường dây dẫn điện trong khu vực dự án.

Công nhân làm trong người có bia rượu, say xỉn hay do sự bất cẩn cũng dễ dẫn đến tai nạn lao động.

b. Cháy nổ, hỏa hoạn

Bản chất các quá trình gây ra cháy nổ có thể được chia ra thành 4 nhóm:

- Nhóm 1: lửa cháy do những vật liệu rắn dễ cháy bị bắt lửa như: các loại bao bì giấy, gỗ, ...

- Nhóm 2: lửa cháy do các nhiên liệu lỏng dễ cháy như: xăng, dầu, gas,... gặp lửa.

- Nhóm 3: lửa cháy do các thiết bị điện.

- Nhóm 4: cháy nổ do sét đánh.

Quá trình thực hiện dự án sẽ mang nhiều nguy cơ cháy nổ, hỏa hoạn như sau:

- Vứt tàn thuốc một cách bừa bãi dễ bắt lửa như nơi để máy móc, thiết bị nguyên liệu...

- Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện, động cơ, ... bị chập điện, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy.

c. Tai nạn giao thông

- Giao thông nội bộ tiếp cận đến các tuyến đường nội bộ trong KCN. Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị sẽ làm gia tăng mật độ giao thông, gây bụi bặm, tiếng ồn, ô nhiễm nhiệt và tai nạn giao thông trên tuyến đường dẫn vào khu vực dự án và trong khu vực nội vi dự án.

- Máy móc, thiết bị của dự án tuy ít nhưng kích thước tương đối lớn, công kênh nên rất dễ xảy ra tai nạn khi bốc dỡ các máy móc này.

Bên cạnh đó tai nạn giao thông cũng có thể xảy ra do phương tiện giao thông, các phương tiện thi công không đảm bảo kỹ thuật hoặc do công nhân điều khiển không tuân thủ nguyên tắc an toàn giao thông.

4.1.2. Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động của các nguồn phát sinh chất thải

Bảng 4. 16. Các nguồn gây tác động môi trường liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động

STT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Xác suất/Tần suất xảy ra tác động
1	Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm	- Xe tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm ra vào khu vực thực hiện Dự án có phát sinh tiếng ồn, các chất gây ô nhiễm như: Bụi, khí thải giao thông: SO _x , NO _x , ... gây tác động đến môi trường không khí xung quanh.	Trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy.
2	Hoạt động sản xuất của Dự án	- Phát sinh các tác nhân: bụi, tiếng ồn, độ rung, nhiệt, ... - Nhiệt thừa từ công đoạn sấy. - Hơi dung môi từ quá trình dán keo, sơn. - Bụi từ quá trình sản xuất từ các công đoạn: khoan, cắt, chà nhám, ... - Phát sinh chất thải rắn là giẻ lau dính dầu mỡ trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, ... - Nhiệt thừa từ quá trình vận hành máy móc. - Phát sinh chất thải rắn công nghiệp không nguy hại (giấy từ hoạt động văn phòng, vật liệu đóng gói thừa, ...) và CTNH (giẻ lau, hộp mực, bao bì thải...).	Trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy.
3	Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	- Hoạt động hàng ngày của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải. - Mùi hôi do sự lên men và phân hủy kỵ khí chất hữu cơ trong chất thải rắn sinh hoạt và nước thải từ bể tự hoại của Công ty.	Trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy.
4	Các nguồn khác	- Cảnh cây khô, nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án	Gián đoạn

4.2.1.1. Tác động do bụi, khí thải

Nguồn gốc gây ô nhiễm không khí trong giai đoạn hoạt động Dự án bao gồm:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra, vào khu vực có chứa bụi, SO₂, CO, NO₂, THC...
- Bụi gỗ từ quá trình sản xuất (tại các công đoạn cắt, chà nhám, khoan lỗ, ...)
- Bụi sơn từ quá trình sơn, hơi keo.
- Nhiệt thừa, khí thải từ quá trình sấy khô sơn.
- Ngoài ra, mùi hôi còn phát sinh từ quá trình phân hủy rác thải sinh hoạt hàng ngày.

a) Bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải như phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sử dụng xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường một lượng khói khí thải chứa CO_x, NO_x, SO_x, C_xH_y...

Xe vận chuyển nguyên liệu: nhu cầu nguyên phụ liệu, hóa chất dự án sử dụng khoảng 7.707 tấn/năm. Sử dụng xe 8 tấn, dự kiến cần 4 chuyến/ngày.

Xe vận chuyển thành phẩm: khối lượng sản phẩm là 6.350 tấn/năm. Sử dụng xe trung bình 8 tấn để vận chuyển thì cần khoảng 3 chuyến/ngày.

Xe vận chuyển chất thải: tối đa 1 chuyến/ngày.

Xe vãng lai khác: khoảng 2 chuyến/ngày

→ Dự án khi đi vào hoạt động có khoảng 10 chuyến xe ra vào.

Dự án cung cấp sản phẩm và nhập nguyên liệu chủ yếu vận chuyển đường bộ từ các khu vực lân cận, mỗi ngày dự án có quãng đường di chuyển của phương tiện vận chuyển khoảng 100 km (đi và về).

Bảng 4.17. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày)

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/km)	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	0,9	0,09
2	SO₂	4,15S	0,000208
3	NO_x	14,4	1,44
4	CO	2,9	0,29

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vận chuyển diễn ra trong ngày, với quãng đường vận chuyển ngắn và lượt vận chuyển ít nên tác động của bụi, khí thải đến môi trường không khí trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm là không đáng kể.

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển của công nhân viên:

Tổng số lao động sau khi dự án đi vào hoạt động ổn định là 300 người. Như vậy, sau khi dự án đi vào hoạt động ổn định ước tính sẽ có tối đa 300 xe gắn máy và 2 lượt xe ô tô nhỏ ra vào Công ty trong 1 ngày, mỗi ngày trung bình là 2 chuyến.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp. Hồ Chí Minh” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2 và 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô chạy xăng là 0,15 lít/km. Với chiều dài đoạn đường đi ước tính 5 km, lượng nhiên liệu cung cấp cho hoạt động giao thông là:

Bảng 4.18. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

STT	Loại phương tiện	Số lượt xe (lượt/ngày/0,5km)	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng nhiên liệu (lít/ngày)
1	Xe gắn máy trên 50cc	600	0,03	18
2	Xe tải nhẹ < 3,5 tấn	4	0,15	1,2

Hệ số ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.19. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông

STT	Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 lít)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	20*S	8	525	80
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	3,5	20*S	12	18	2,6

(Nguồn số liệu: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO))

Tính toán tải lượng ô nhiễm với quãng đường dài 5 km, kết quả liệt kê tại bảng sau:

Bảng 4. 20. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy

STT	Động cơ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	0,000264	0,2112	13,86	2,112
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	0,0042	0,000012	0,0144	0,0216	0,00312
	Tổng cộng	0,0042	0,000276	0,2256	13,8816	2,11512

Tác động của khí thải ra từ các phương tiện giao thông là không nhiều và đây là nguồn phân tán nên khó xác định nồng độ các chất ô nhiễm. Hướng phát tán ô nhiễm không khí sẽ phụ thuộc rất lớn vào điều kiện khí tượng trong khu vực, chủ yếu là hướng gió và tốc độ gió.

b) Ô nhiễm bụi từ hoạt động sản xuất

❖ Bụi phát sinh từ các công đoạn cắt, rong, bào, chà thô, chà tinh, gia công

Bụi phát sinh trong hoạt động sản xuất của dự án chủ yếu tại khu vực cắt, rong, bào, chà thô, chà tinh, gia công. Tùy theo khu vực mà các loại bụi có kích thước khác nhau:

- Cắt, rong, bào (gia công cơ học thô): Chủ yếu tạo ra mùn cưa, dăm gỗ và bụi thô, kích thước phổ biến: > 100 μm (mùn, dăm lớn) và khoảng 30 – 100 μm (bụi thô).

- Chà thô (nhám thô): Phát sinh nhiều bụi kích thước trung bình – mịn, kích thước phổ biến: 10 – 50 μm .

- Chà tinh (nhám mịn): Phát sinh bụi mịn và rất mịn, kích thước phổ biến: < 10 μm (PM10), một phần có thể < 2.5 μm (PM2.5).

Theo World Health Organization – Part One (mục 33), hệ số ô nhiễm bụi phát sinh trong quá trình gia công gỗ là 3kg/tấn nguyên liệu. Dựa vào khối lượng gỗ, ván sử dụng, ta tính được lượng bụi phát sinh như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Vận hành thương mại 100%
1	Tải lượng theo lý thuyết (A_{lt})	kg/tấn nguyên liệu	3
2	Khối lượng gỗ sử dụng (B)	Tấn/tháng	625
3	Thời gian làm việc (t)	Ngày/tháng	26
		Ca/ngày	1
		Giờ/ca	8
4	Vận tốc gió (v)	m/s	0,3
5	Diện tích khu vực bị ảnh hưởng (S)	m^2	4.896
6	Chiều cao khu vực bị ảnh hưởng (H)	m	1,5
7	Tải lượng (A) $A \text{ (mg/s)} = \frac{A_{lt} \times B \times 10^6}{t \times 3.600}$	mg/s	2.504
8	Lưu lượng (Q) $Q \text{ (m}^3\text{/s)} = v \times S \times H$	$\text{m}^3\text{/s}$	2.203
9	Nồng độ (C) $C = A/Q$	mg/m^3	1,14

Từ những tính toán trên nồng độ bụi phát sinh khi nhà máy đi vào hoạt động của dự án với nồng độ 1,14 mg/m^3 , thấp hơn so với giới hạn QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho

phép bụi tại nơi làm việc ($C = 8 \text{ mg/m}^3$). Tuy nhiên, các loại bụi này có thể gây hại cho cơ quan hô hấp (viêm mũi) và mắt (đỏ mắt, đau rát mắt) nếu tiếp xúc thường xuyên. Mặt khác, bụi từ các công đoạn chà nhám, cưa thường có kích thước rất nhỏ, khả năng phát tán cao và ảnh hưởng của nó cũng khá nguy hiểm. Bụi gỗ rất dễ phát tán ra môi trường và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân viên trực tiếp sản xuất nói riêng và môi trường xung quanh nói chung. Ngoài ra bụi phát sinh từ gia công gỗ còn ảnh hưởng đến môi trường như mất mỹ quan, làm giảm tầm nhìn của công nhân, do đó có thể gây một số sự cố về tai nạn lao động khác.

Nếu không có các biện pháp giảm thiểu hợp lý sẽ gây tác động đến môi trường lao động cũng như sức khỏe của công nhân viên. Do đó trong quá trình hoạt động, công ty sẽ có các biện pháp giảm thiểu được tối đa lượng bụi phát sinh trong khu vực sản xuất và hạn chế tác động đến sức khỏe người lao động.

❖ Bụi sơn và hơi dung môi trong quá trình phun sơn, sấy sau sơn, dán keo

Công ty sử dụng các sơn cùng với các loại dung môi pha sơn phun trực tiếp lên sản phẩm, sản phẩm sau khi sơn xong sẽ được để khô tự nhiên, một số sản phẩm sẽ được sấy qua buồng sấy điện. Trong quá trình sơn, sấy sơn sản phẩm có phát sinh bụi sơn thừa và các chất hữu cơ bay hơi (VOCs) trong dung môi pha sơn như: n-Butyl acetate, Ethyl acetate, Toluene,... là hợp chất hữu cơ được sử dụng rất phổ biến trong đời sống con người không mang tính độc hại ở thể khí.

Đối với keo dán cho quá trình lắp ráp sản phẩm chủ dự án sử dụng keo Polyvinyl Acetate (PVA), Keo polymer gốc nước dạng lỏng, ngoài ra sử dụng keo Epoxy dạng lỏng, nhớt cao dễ phát sinh hơi VOCs trong quá trình sản xuất.

Theo Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, của Alexander P.Economopoulos, hệ số ô nhiễm khí thải phát sinh là 16kg VOC/tấn hóa chất sử dụng. Tổng khối lượng hóa chất đầu vào bao gồm: sơn, dung môi và keo là 270 tấn nguyên liệu/năm thì tải lượng hơi dung môi phát sinh phát sinh như sau:

Tải lượng VOC = 16 kg VOC/tấn hóa chất \times 270 tấn/năm = 4.320 kg/năm = 14,4 kg/ngày.

Ước tính nồng độ các chất hữu cơ bay hơi trên diện tích khu vực phòng phun sơn là:

Nồng độ:

$$C = \frac{m \times 10^6}{s \times h} = \frac{14,4 \times 10^6}{600 \times 10 \times 8} = 300 \text{ mg/m}^3$$

(Với tổng diện tích khu vực sơn 600 m², chiều cao xưởng h = 10 với 1 ca/8 tiếng).

Nhận xét: Theo kết quả tính toán, nồng độ bụi và hơi dung môi phát sinh từ khu vực sản xuất cao hơn so rất nhiều so với tiêu chuẩn cho phép đối với môi trường lao động (theo QCVN 02:2019/BYT là bụi: 8 mg/m³, n-Butanol: 150 mg/m³; Methyl acetat: 100 mg/m³, Toluen: 100 mg/m³) do đó sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân viên trong quá trình làm việc.

Do đó, để đảm bảo chất lượng môi trường không khí khu vực sản xuất cũng như bảo vệ sức khỏe cho công nhân viên, công ty sẽ có những biện pháp giảm thiểu bụi, hơi dung môi phát sinh từ các công đoạn sản xuất một cách thích hợp.

Tác động:

Quá trình bay hơi của dung môi hữu cơ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như công nghệ sản xuất, thiết bị, thao tác, thành phần của hỗn hợp hóa chất. Các dung môi này nếu tiếp xúc nhiều sẽ gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người. Tác hại của hơi dung môi: Hơi khí dễ cháy, độc hại khi hít phải. Phơi nhiễm liên tục có thể làm khô hoặc nứt nẻ da. Gây viêm giác mạc, khó thở, nhức đầu và buồn nôn. Mặc dù etanol không phải là chất độc có độc tính cao. Nhưng nó có thể gây ra tử vong khi nồng độ cồn trong máu đạt tới 0,4% – 0,5% hoặc cao hơn. Với nồng độ 0,3-0,4% gây ra tình trạng hôn mê. Kể cả khi nồng độ thậm chí thấp hơn 0,1% cũng có thể sinh ra tình trạng say.

c) Ô nhiễm từ lò hơi sử dụng điện

Hoạt động của lò hơi tại dự án sử dụng điện năng để gia nhiệt nước tạo hơi phục vụ cho công đoạn ép cao uôn công, không sử dụng các loại nhiên liệu đốt như than, dầu hoặc khí gas. Do đó, trong quá trình vận hành không xảy ra quá trình cháy, nên không phát sinh các chất ô nhiễm đặc trưng của khí thải lò hơi như bụi, SO₂, NO_x, CO hay các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC). Nguồn phát sinh chủ yếu từ thiết bị này chỉ là hơi nước thoát ra trong quá trình tạo hơi và xả hơi, thành phần chủ yếu là nước, không chứa các chất ô nhiễm đáng kể. Vì vậy, tác động của nguồn khí thải từ lò hơi sử dụng điện đến môi trường không khí xung quanh là rất nhỏ và không đáng kể.

4.2.1.2. Kết quả lan truyền ô nhiễm không khí

Cơ sở lựa chọn mô hình Meti-Lis: ADMS và AERMOD có nhiều thành phần tính toán dựa trên cùng một cơ sở. Ví dụ như cả hai đều tính toán vận tốc rơi theo phương thẳng đứng của sự khuếch tán trong những điều kiện đối lưu. Mặt khác, ISC3 đã sử dụng mô hình Gauss, một mô hình đã được sử dụng rộng rãi trên 30 năm. Thuật toán của AERMOD cho kết quả tốt hơn (ví dụ như trong trường hợp xét đến yếu tố địa hình) do đó có thể so sánh tốc độ chạy của mô hình AERMOD với mô hình ADMS. Thuật toán downwash trong AERMOD không thay đổi nhiều so với ISC3, ngược lại thuật toán downwash trong ADMS dựa trên kinh nghiệm khi thử nghiệm trong ống tạo gió. ADMS là mô hình duy nhất có thể tính toán sự di chuyển và khuếch tán ngay khi phát thải.

Bên cạnh đó AERMOD cho phép đưa vào những thông số theo phương thẳng đứng của gió và nhiệt độ. Ngược lại ADMS chỉ yêu cầu những thông số được quan sát ở gần mặt đất.

ISC3 yêu cầu xác định rõ ràng khu vực được tính là ở nông thôn hay thành thị để có thể xác định sự khuếch tán theo phương ngang và phương đứng (Passquill-Gifford cho nông thôn hay McElroy-Pooler cho thành phố). AERMOD và ADMS có thể thêm vào các điều kiện của bề mặt như hơi ẩm của đất (thông qua tham số Bowen Ratio và Priestle), bề mặt anbedo (thiết lập bán kính của mạng lưới tính toán) độ gồ ghề của mặt đất. Độ gồ ghề ảnh hưởng đến gió theo phương thẳng đứng và nhiệt độ và tỉ lệ khuếch tán ở lớp bề mặt và một số biến có ảnh hưởng đến sự khuếch tán của những vùng lân cận và những nhà máy khác.

ISC3 dùng những dữ liệu khí tượng thông thường để tính toán độ cao của lớp hòa trộn. Nếu độ nâng của luồng khói nhỏ hơn độ cao hòa trộn, chòm khói tiếp tục hòa trộn. Nếu độ nâng của luồng khói lớn hơn độ cao hòa trộn, chòm khói sẽ không khuếch tán xuống mặt đất. ADMS và AERMOD có thuật toán để tính sự thâm nhập từng phần của một luồng khói. Số lượng đó tùy thuộc vào lực nổi của luồng khói và cường độ của sự nghịch đảo. Những tham số này rất quan trọng đối với lực nổi của chòm khói hay cho từng chòm khói tương tác với nhau ở mức nghịch đảo thấp.

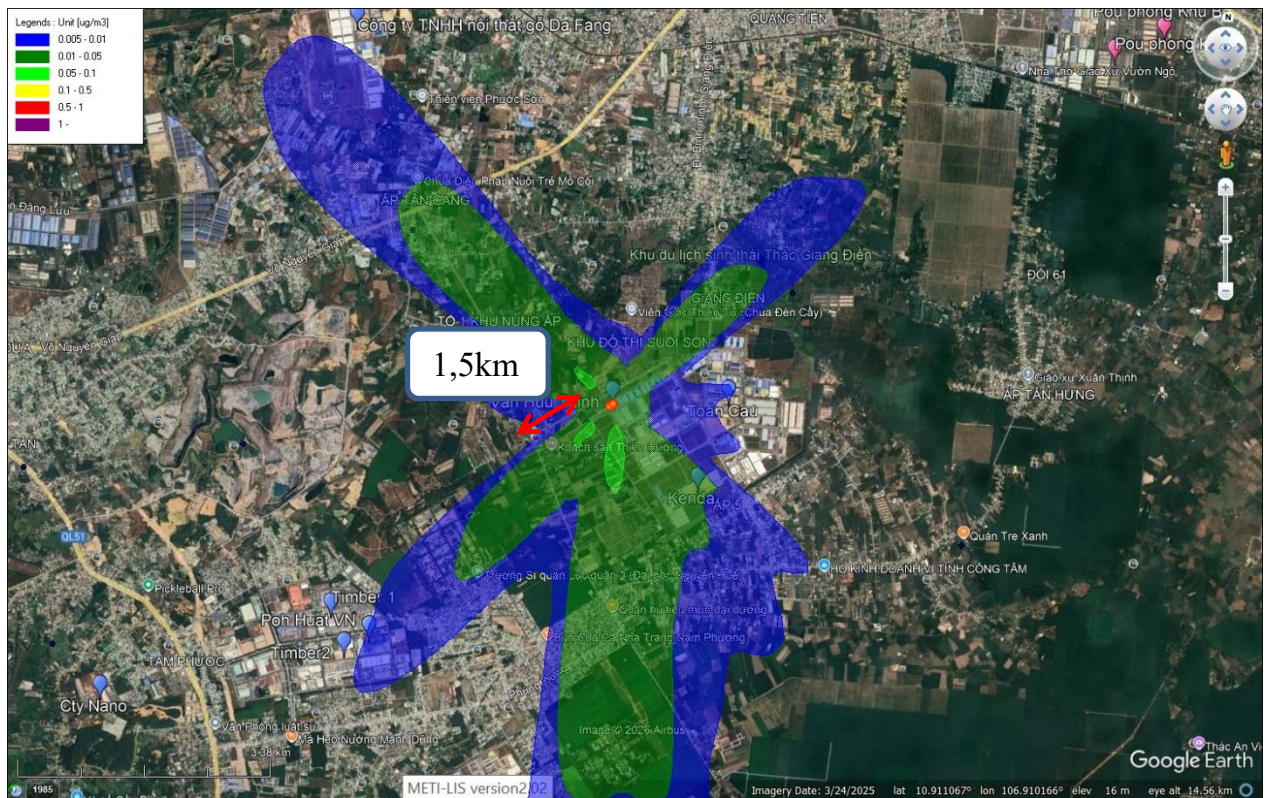
Meti-lis sử dụng dữ liệu khí tượng đầu vào gần giống như ISC3 đồng thời Meti-lis còn xét đến sự ảnh hưởng của địa hình để cho kết quả khá tốt. Giao diện thân thiện, dễ sử dụng đồng thời mô hình còn hỗ trợ trình diễn kết quả lên bản đồ khá tốt.

Báo cáo đã sử dụng mô hình Meti-lis có lý thuyết dạng mô hình Gauss để mô phỏng mô hình phát tán các ô nhiễm khí thải bay ra môi trường xung quanh. Kết quả tính toán mô hình lan truyền ô nhiễm không khí tại cơ sở được tính toán theo chế độ gió mùa tại miền Nam, gió có tần suất lớn là hướng Đông Bắc và Tây Nam. Gió mùa Đông Bắc thổi từ tháng 11 đến tháng 3. Gió mùa Tây Nam thổi vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.

Kết quả tính toán mùa gió Đông Bắc

a) Kết quả lan truyền n-Butyl acetat

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm n Butyl acetat vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình sau.

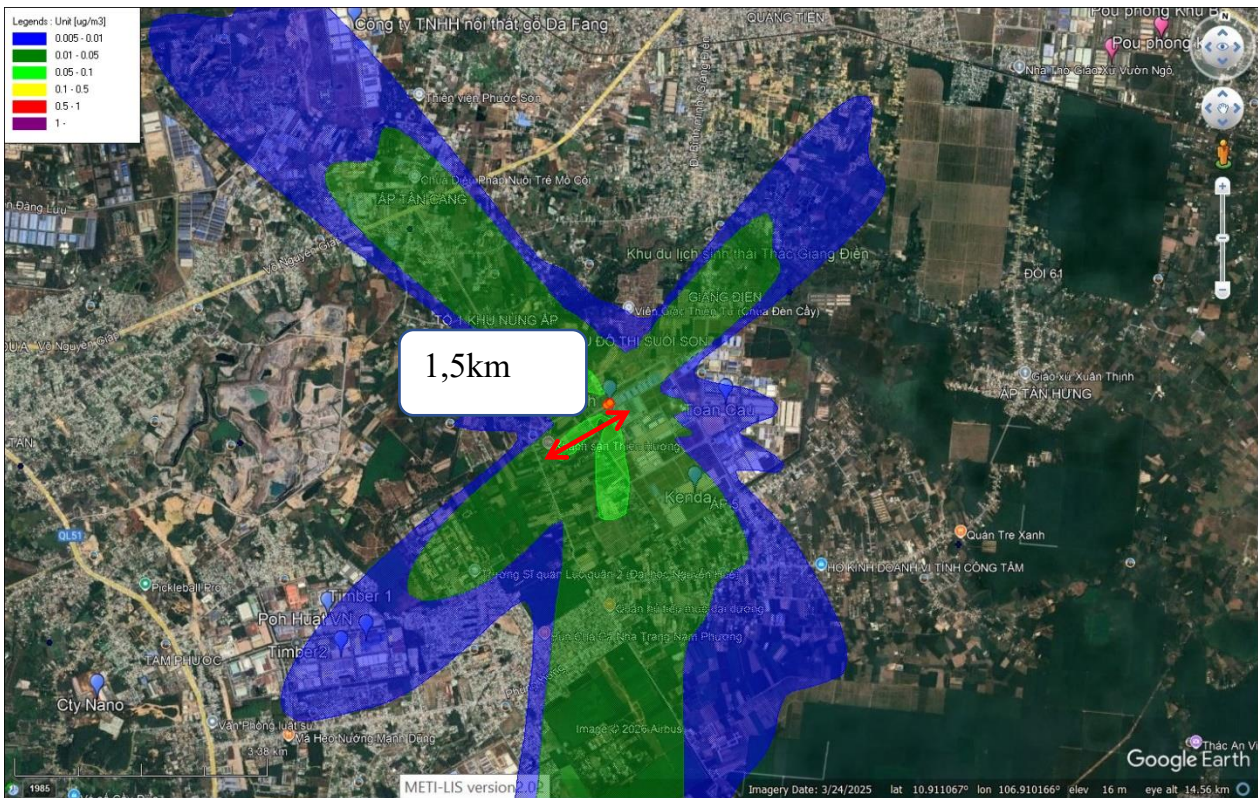


Hình 4. 1. Nồng độ n-Butyl acetat trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của n_Butyl acetat cao nhất vào tháng 1 là $0,08 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 500 - 1000 m, chủ yếu hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng Nam, Tây Nam, Tây Bắc nhiều hơn. Nồng độ của n_Butyl acetat trung bình khoảng $0,005 - 0,05 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy.

b) Kết quả lan truyền Toluen

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Toluen vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình sau.

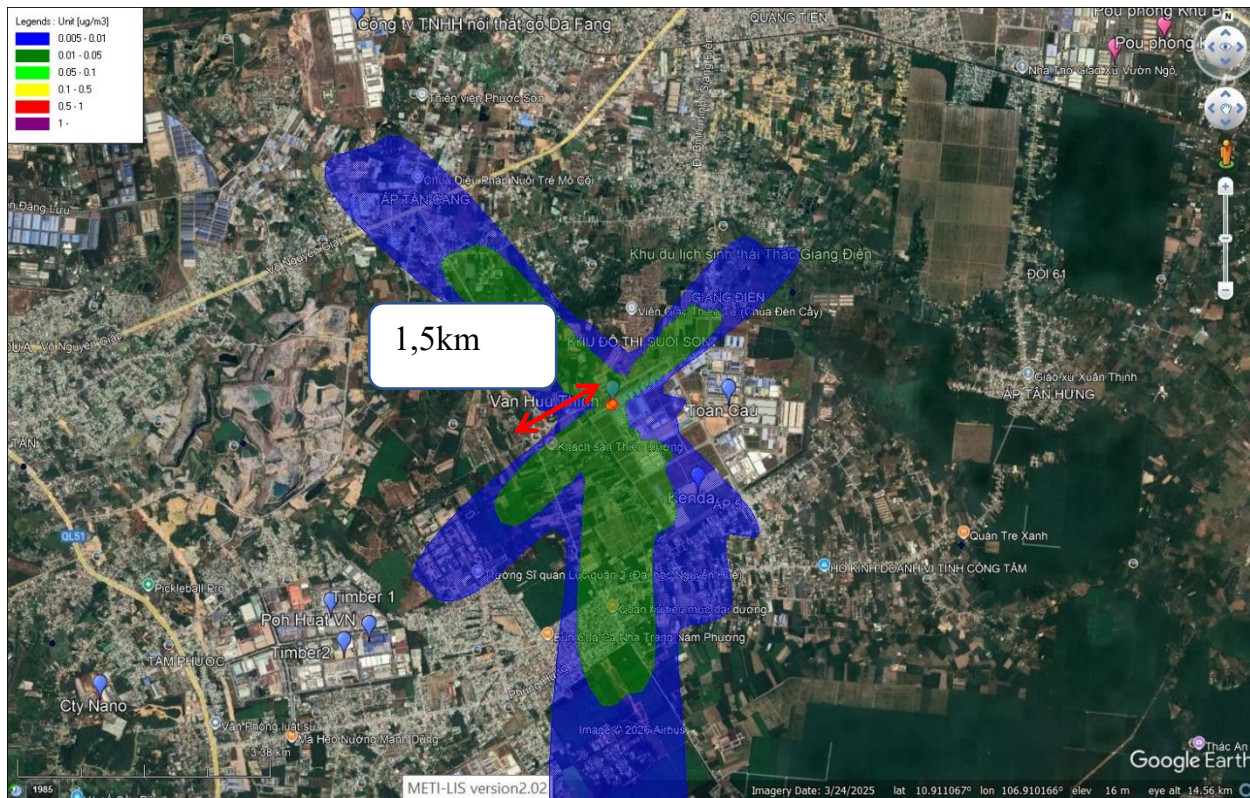


Hình 4. 2. Nồng độ Toluen trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của Toluen cao nhất vào tháng 1 là $0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 500 - 1500 m, chủ yếu hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng Nam, Tây Nam, Tây Bắc nhiều hơn. Nồng độ của Toluen trung bình khoảng $0,005 - 1,0 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05:2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<500 \mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN rất nhiều lần.

c) Kết quả lan truyền Etyl acetat

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Etyl acetat vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình sau.

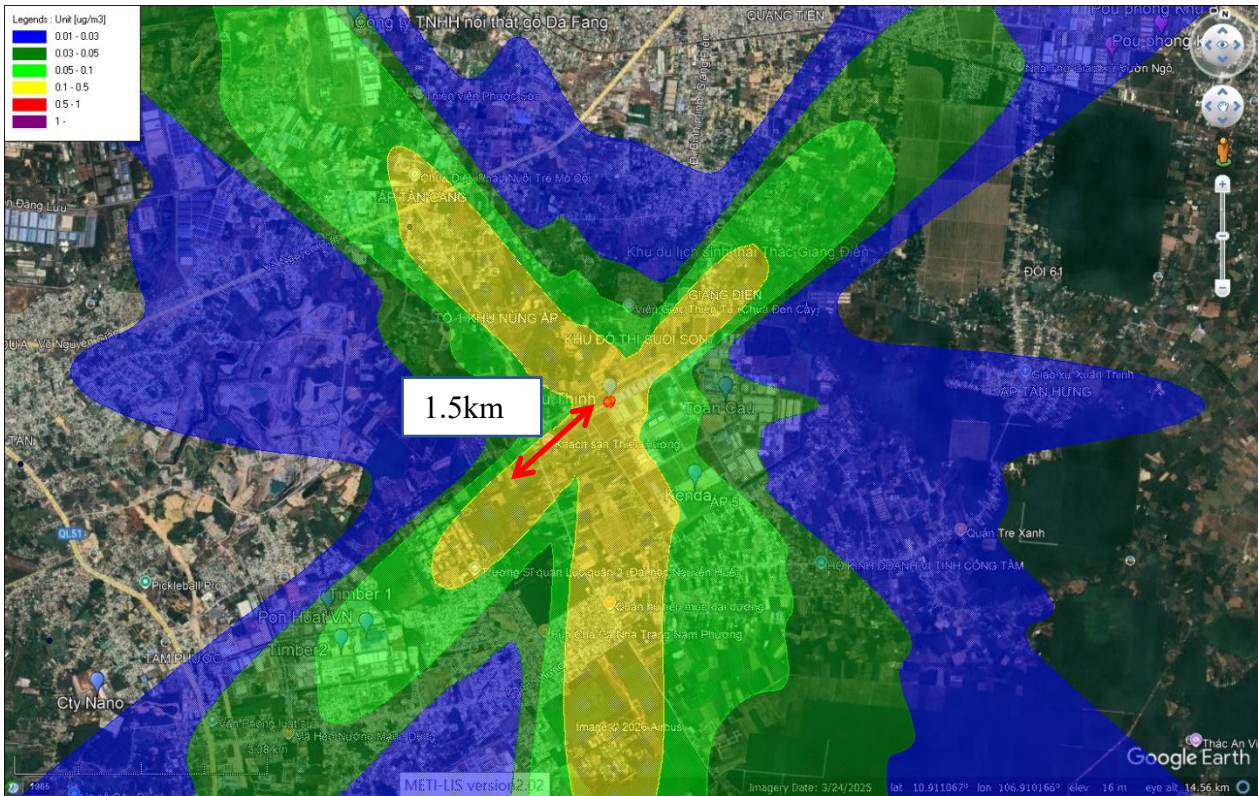


Hình 4. 3. Nồng độ Etyl acetat trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của Etyl acetate cao nhất vào tháng 1 là $0,05 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 500 - 4000 m, chủ yếu hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng Nam, Tây Nam, Tây Bắc nhiều hơn. Nồng độ của Etyl acetate trung bình khoảng $0,005 - 0,01 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy.

d) Kết quả lan truyền bụi

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm bụi vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình sau.



Hình 4. 4. Nồng độ bụi trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của bụi cao nhất vào tháng 1 là $0,47 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 100 - 6000 m, trong đó hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc lan truyền xa hơn do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc, Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc nhiều hơn. Trong tháng 1 thì gió xuất hiện nhiều hướng nên khối khí bị lan truyền theo các hướng như Nam, Tây Nam và Tây Bắc. Trong đó, khối khí lan rộng về hướng Nam, Tây Nam là nhiều nhất do gió hướng Bắc, Đông Bắc có tần suất nhiều nhất. Nồng độ của bụi trung bình khoảng $0,01 - 0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy, cách nhà máy khoảng 1- 15 km. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05/2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<300\mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN nhiều lần.

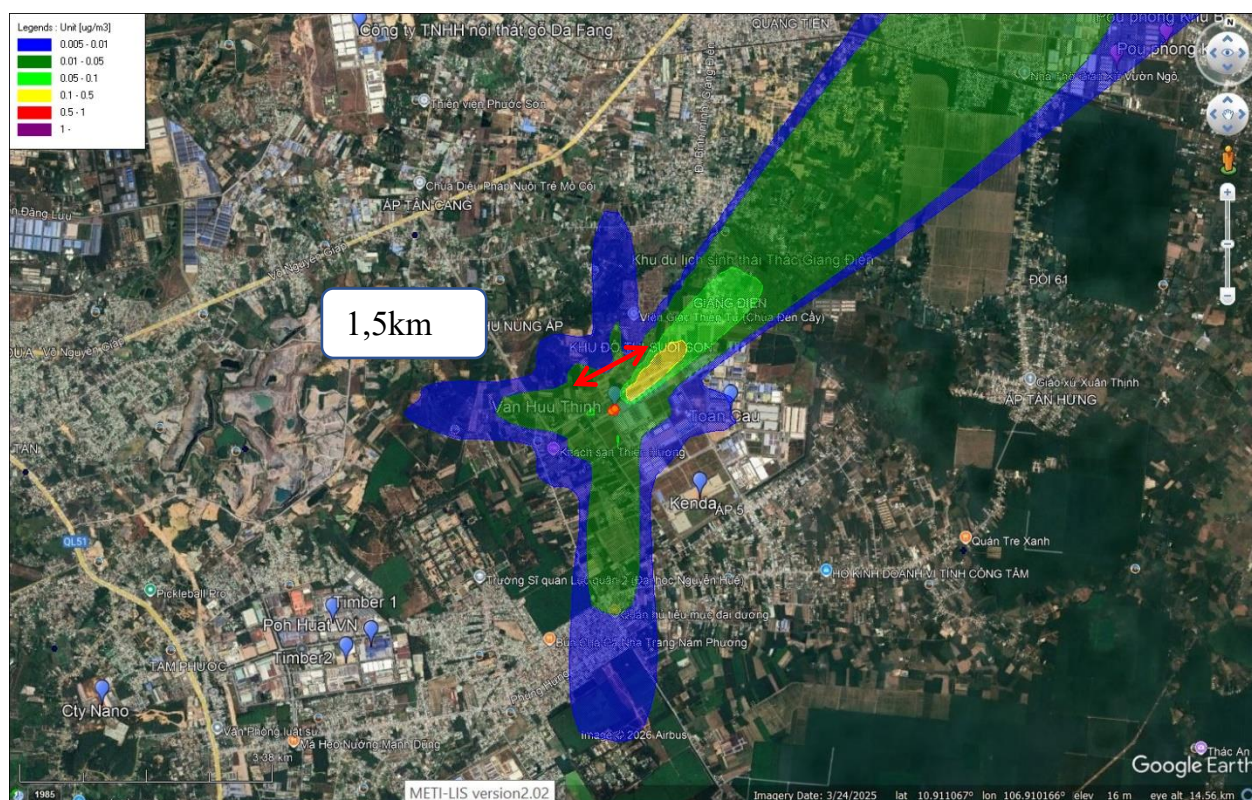
Nhận xét: Kết quả tính toán cho thấy vào mùa gió Đông Bắc, gió chủ yếu thổi theo hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam có tần suất lớn nhất, đã làm cho các chất ô nhiễm bị ảnh hưởng bởi hướng gió nên chủ yếu nồng độ các chất khuếch tán về phía Nam, Tây Nam, Tây Bắc của nhà máy. Đồng thời lan rộng ảnh hưởng đến

những vùng lân cận với bán kính khoảng 1-15 km, khu vực có nồng độ cao là từ ống khói đến khoảng cách khoảng 100 - 4000 m. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05/2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ.

Kết quả tính toán mùa gió Tây Nam

a) Kết quả lan truyền n-Butyl acetat

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Butyl acetat vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình sau.

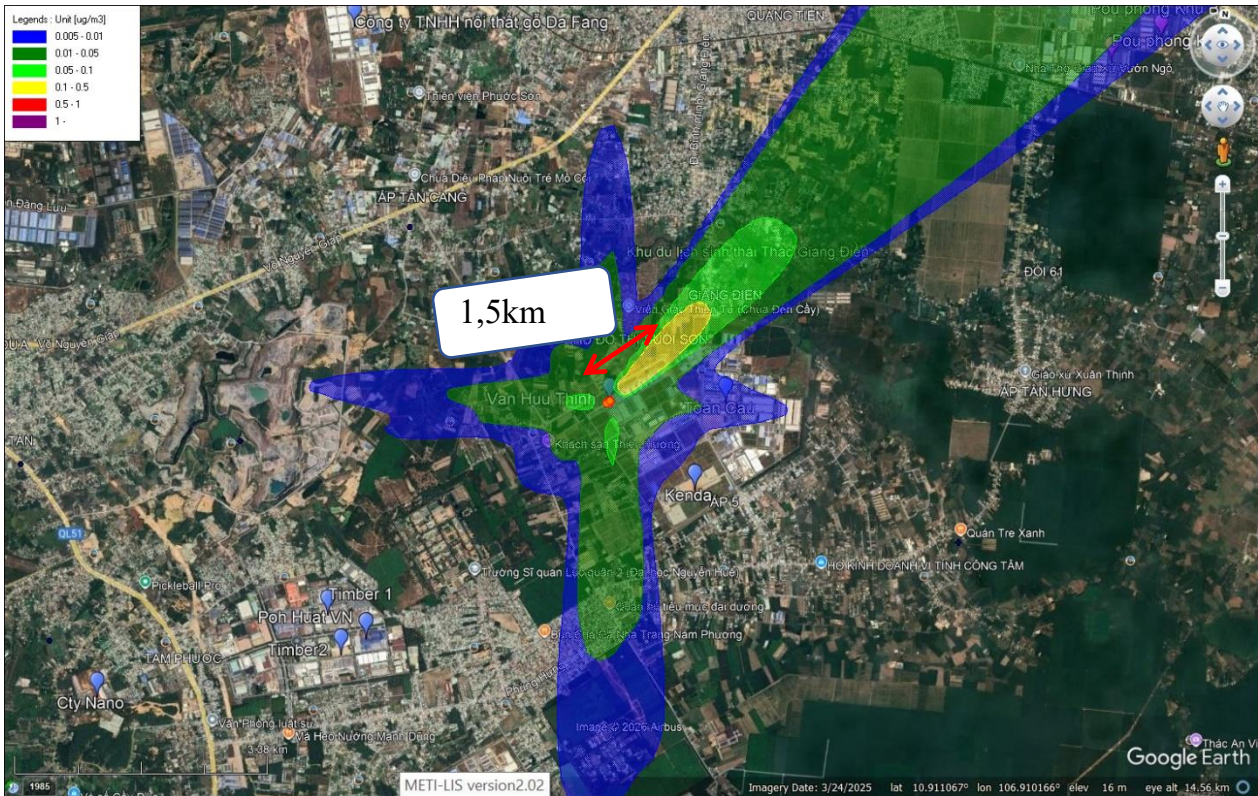


Hình 4. 5. Nồng độ n-Butyl acetat trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của n-Butyl acetate cao nhất vào tháng 7 là $0,16 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy và về phía Đông Bắc, Nam và Tây của nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 1200 m, nồng độ của n-Butyl acetate trung bình khoảng $0,005 - 0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Nam và Tây, cách nhà máy khoảng 1- 12 km, chủ yếu lan truyền về phía Đông Bắc do tần suất gió hướng Tây Nam lớn nhất so với các hướng gió khác.

b) Kết quả lan truyền Toluen

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Toluen vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình sau.



Hình 4. 6. Nồng độ Toluene trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của Toluene cao nhất vào tháng 7 là $0,22 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy và về phía Đông Bắc, Nam và Tây của nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 1700 m, nồng độ của Toluene trung bình khoảng $0,005 - 0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Nam và Tây, cách nhà máy khoảng 1- 12 km, chủ yếu lan truyền về phía Đông Bắc do tần suất gió hướng Tây Nam lớn nhất so với các hướng gió khác. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05/2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<500 \mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN rất nhiều lần.

c) Kết quả lan truyền Etyl acetat

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Etyl acetat vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình sau.

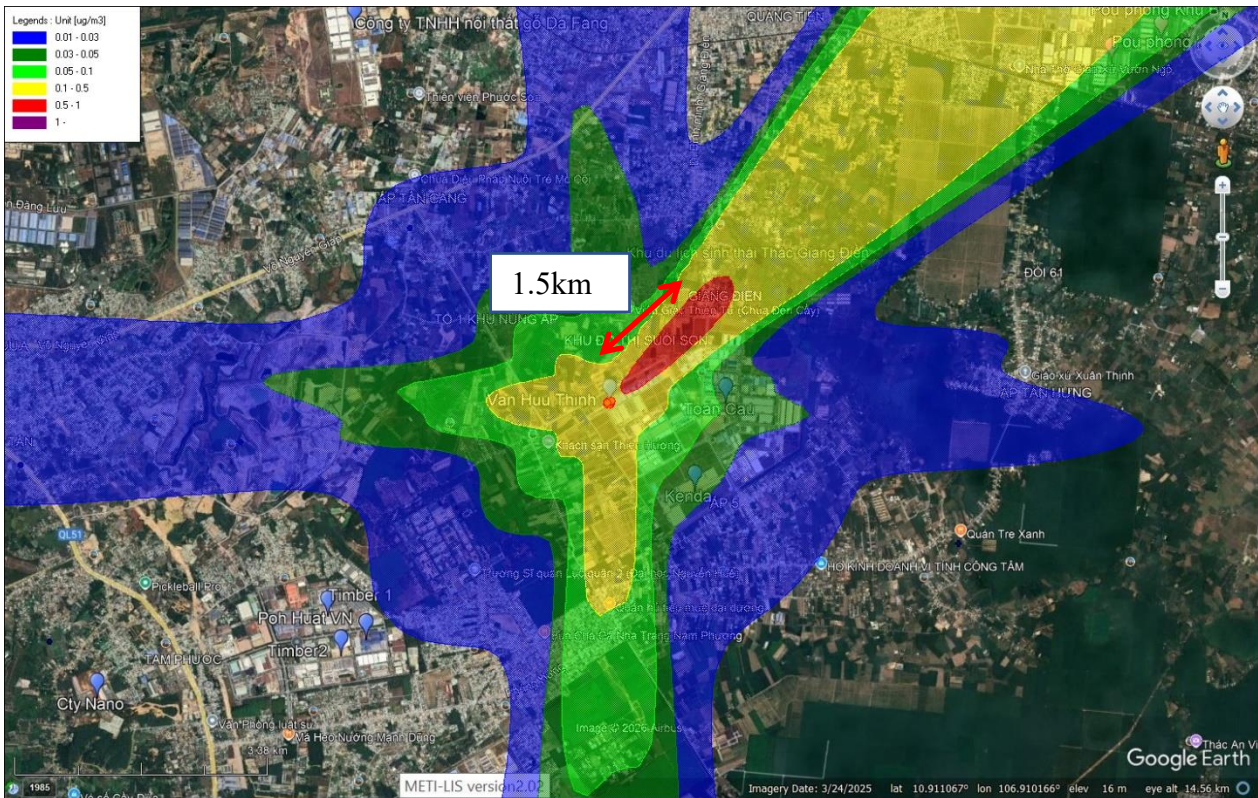


Hình 4. 7. Nồng độ Etyl acetat trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của Etyl acetate cao nhất vào tháng 7 là $0,11 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy và về phía Đông Bắc, Nam và Tây của nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 17000 m, nồng độ của Etyl acetate trung bình khoảng $0,005 - 0,05 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Nam và Tây, cách nhà máy khoảng 1-12 km, chủ yếu lan truyền về phía Đông Bắc do tần suất gió hướng Tây Nam lớn nhất so với các hướng gió khác.

d) Kết quả lan truyền Bụi

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Bụi vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình sau.



Hình 4. 8. Nồng độ Bụi trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của bụi cao nhất vào tháng 7 là $0,95 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung về phía Đông Bắc, Tây và Nam của các nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 2000 m, nồng độ của bụi trung bình khoảng $0,01 - 0,5 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Tây và Nam, cách nhà máy khoảng 1- 15 km. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05/2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<300\mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN.

Nhận xét: Theo kết quả tính toán lan truyền nồng độ chất ô nhiễm vào tháng 7 cho thấy các chất chủ yếu khuếch tán xung quanh nhà máy. Đồng thời, nồng độ các chất khí vào mùa này lan truyền hầu như về phía Nam, Bắc và Đông Bắc của nhà máy với khoảng cách tác động của khói khí khoảng 100m đến 15 km, nồng độ của các khí lớn nhất nằm gần các ống khói của nhà máy. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN 05/2023/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ.

4.2.1.3. Tác động do nước thải

a) Nước thải

Khi dự án đi vào hoạt động, dự báo nước thải phát sinh từ các nguồn sau:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên có chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.
- Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi.
- Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhà máy cuốn theo cát, đất, rác rơi vãi xuống nguồn nước.

Lượng nước thải phát sinh tại dự án được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 4.21. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh của dự án

TT	Hạng mục	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	Lượng nước xả thải (m ³ /ngày)	Phương án xử lý
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	24	24	Xả thải 100% dẫn về HTXLNTTT của KCN
2	Nước cấp cho lò hơi	1,2	0,12	Nước xả cặn lò hơi 01 tuần/lần, ước tính 10% lượng nước cấp
3	Nước tưới cây	8,7	0	Không xả thải
4	Nước tạo ẩm đường nội bộ, rửa đường	1,2	0	Không xả thải
	Tổng cộng	35,1	24,12	

a.1) Nước thải sinh hoạt

Tổng số lao động cho toàn nhà máy khi dự án đi vào hoạt động ổn định là 300 người. Lượng nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt cho dự án khi hoạt động ổn định bằng 100% lượng nước cấp (theo tính toán tại chương 1) là: 24 m³/ngày.đêm.

Đặc trưng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), vi khuẩn... các chất này gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thủy sinh nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài.

Bảng 4.22. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm (mg/L)			Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền
		Nặng	Trung bình	Thấp	
1	BOD ₅	300	200	100	300
2	COD	-	500	-	500

STT	Chất ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm (mg/L)			Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền
		Nặng	Trung bình	Thấp	
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	600	350	120	300
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	50	20	15	15
5	Tổng nitơ (tính theo N)	85	50	25	60
6	Tổng photpho (tính theo P)	-	8	-	8
7	Dầu mỡ	40	20	0	10

(Nguồn: Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga, Giáo trình “Công nghệ xử lý nước thải”, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2006)

Nhận xét:

Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý sơ bộ vượt giới hạn cho phép của HTXLNT của KCN do đó phải có biện pháp xử lý phù hợp lượng nước thải này trước khi đầu nối vào HTXLNT của KCN.

Tác động:

- Tác động của các chất hữu cơ: hàm lượng chất hữu cơ cao sẽ làm nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước giảm đi nhanh chóng do vi sinh vật cần lấy oxy hòa tan trong nước để chuyển hóa các chất hữu cơ nói trên thành CO₂, N₂, H₂O, CH₄ ... Nếu nồng độ DO dưới 3 mg/l sẽ kìm hãm sự phát triển của thủy sinh vật và ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái thủy vực. Loại nước thải này nếu bị ứ đọng ngoài môi trường sẽ gây mùi hôi thối khó chịu do các chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành. Mặt khác do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ sẽ làm cho các hợp chất nitơ và phospho khuếch tán trở lại trong nước, sự gia tăng nồng độ các chất dinh dưỡng này trong nước có thể dẫn đến hiện tượng phú dưỡng hóa.

- Tác động của các chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng khi thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dày, lâu dần lớp đó ngả màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống đáy sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí, sẽ tạo ra mùi hôi cho khu vực xung quanh. Chất rắn lơ lửng sẽ làm giảm khả năng quang hợp, đồng thời làm giảm sự sinh trưởng và phát triển của thực vật trong nước.

- Tác động của vi sinh vật: làm lây lan dịch bệnh, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và động vật khi sử dụng nguồn nước bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh. Nước có lẫn các loại vi khuẩn gây bệnh thường là nguyên nhân của các dịch

bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Tùy điều kiện mà vi khuẩn có sức chịu đựng mạnh hay yếu. Các nguồn nước thiên nhiên thường có một số loài vi khuẩn thường xuyên sống trong nước hoặc một số vi khuẩn từ đất nhiễm vào. Coliform là nhóm vi khuẩn đường ruột hình que hiếu khí hoặc kỵ khí tùy tiện và đặc biệt là Escherichia Coli (E. Coli). E. Coli là một loại vi khuẩn có nhiều trong phân người và phân động vật máu nóng. Ước tính có tới 70% bệnh truyền nhiễm được truyền qua đường nước có nhiễm tác nhân gây bệnh.

- Tác động của các chất dinh dưỡng (N, P): sự dư thừa các chất dinh dưỡng dẫn đến sự bùng nổ của những loài tảo. Sự phân hủy của tảo hấp thụ rất nhiều oxy. Thiếu oxy, các thành phần trong nước sẽ lên men và bốc mùi hôi thối. Ngoài ra, quá trình nổi lên trên bề mặt nước của tảo tạo thành lớp màng khiến cho tầng nước phía dưới không có ánh sáng, thiếu oxy. Lúc này quá trình quang hợp của các thực vật tầng dưới bị suy giảm. Nồng độ Nitơ cao hơn 1 (mg/l) và Photpho cao hơn 0,01 (mg/l) tại các dòng chảy chậm là điều kiện gây nên sự bùng nổ của tảo gây hiện tượng phú dưỡng hóa. Phú dưỡng làm giảm sút chất lượng nước do gia tăng độ đục, tăng hàm lượng hữu cơ và có thể có độc tố do tảo tiết ra gây cản trở đời sống của thủy sinh.

- Các vi khuẩn gây bệnh: Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả; Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột; E.coli (Escherichia Coli) là vi khuẩn thuộc nhóm Coliform, có nhiều trong phân người.

a.2) Nước thải sản xuất

Trong quá trình sản xuất Công ty chỉ phát sinh nước thải từ quá trình xả cặn đáy lò hơi định kỳ 01 tuần/lần với lưu lượng nhỏ khoảng 0,12 m³/lần. Thành phần chủ yếu là TSS, pH, nhiệt độ cao.

b) Nước mưa chảy tràn

Nước mưa rơi trên khuôn viên của nhà xưởng cuốn theo các chất rắn, bụi đất cát... nếu không được quản lý tốt sẽ tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt, nước ngầm trong khu vực. Nước mưa được quy ước là nước sạch và có thể trực tiếp thải ra môi trường với điều kiện có hệ thống thoát nước riêng và không chảy tràn qua những khu vực có các chất ô nhiễm như bãi rác, nơi chứa các loại phế thải.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn ước tính trung bình như sau:

Bảng 4.23. Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

STT	Thông số	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nitơ	0,5 – 1,5
2	Photpho	0,004 – 0,03
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	10 – 20
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	10 – 20

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO)

Đặc trưng của nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như hiện trạng quản lý chất thải rắn, tình trạng vệ sinh, hệ thống thu gom nước thải của Công ty.

Với hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa của Công ty đã được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ (hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa được thiết kế và thi công theo tiêu chuẩn Việt Nam) và đường nội bộ đã được bê tông hóa toàn bộ nên khả năng nước mưa chảy tràn bị nhiễm bẩn làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường (nước mặt và đất) là rất thấp.

Dự án được triển khai trong Nhà xưởng xây dựng sẵn và chỉ thực hiện mở rộng cũng như xây thêm một số hạng mục phụ trợ của KCN đã có hệ thống tiêu thoát nước hoàn chỉnh. Trong thời gian qua, tại khu vực này không xảy ra hiện tượng ngập úng. Vì vậy, khả năng ngập úng cục bộ là rất khó xảy ra.

4.2.1.4. Tác động do chất thải rắn – chất thải nguy hại

Trong khu vực Dự án, các nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu như sau:

- Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình hoạt động sản xuất bao gồm: bao bì chứa nguyên liệu, nylon đóng gói thải, giấy văn phòng,...
- Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động sản xuất bao gồm: giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn hỏng, hộp mực in, dầu nhớt thải, pin thành phẩm hư hỏng thải,...

a) Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Nguồn phát sinh:

Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong nhà máy. Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

Khối lượng phát sinh: Theo tính toán, mức thải tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày x 300 người = 150 kg/ngày = 45.000 kg/năm = 45 tấn/năm.

Bảng 4.24. Tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	27
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	13,5
3	Chất thải rắn còn lại	4,5
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		45

❖ Tác động:

Chất thải rắn sinh hoạt về cơ bản, lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án không lớn, không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, chất thải bị thối rữa nhanh. Nếu chất thải này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu cho môi trường và là môi trường thuận lợi cho các vi trùng phát triển, làm phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (chuột, ruồi..) ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra, chất thải rắn sinh hoạt nếu không quản lý tốt sẽ phát sinh mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất của nhà máy bao gồm các thành phần được loại bỏ ra trong quá trình sản xuất.

Thành phần:

Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn công nghiệp không nguy hại là các bao bì đóng gói, thùng carton, giấy vụn văn phòng, vụn gỗ, mùn cưa, dăm bào thải bỏ,... Ngoài ra thành phần chất thải còn có các loại vật liệu đóng gói sau khi sử dụng nguyên liệu.

Khối lượng:

Khối lượng và thành phần chất thải rắn thông thường phát sinh cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.25. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
-----	--------------------------	--------------------	--------------	---------	---------------------

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Vụn gỗ, bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào	Rắn	14 04 03	TT	1.461.000
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Bao bì PP, PE	Rắn	18 01 06	TT-R	2.000
3	Kim loại: đinh, tay nắm hồng,...	Rắn	12 08 04	TT-R	2.000
4	Giấy nhám	Rắn	-	TT	1.000
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	08 02 08	TT	5
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	2.070
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					1.468.075

- Bùn thải bể tự hoại: Tổng số người ước tính tại dự án khi hoạt động 100% công suất là khoảng 300 người. Lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải sinh hoạt đưa vào bể tự hoại khoảng 65g/người/ngày (Nguồn: TCVN 7957:2008, Thoát nước - Mạng lưới công trình và bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế) sau khi qua bể tự hoại giảm khoảng 65%, lượng chất thải rắn giữ lại tại bể tự hoại khoảng 23g/người/ngày. Như vậy, tổng lượng bùn lắng trong bể tự hoại: 23g/người/ngày x 300 người = 6,9 kg/ngày = 2.070 kg/năm

❖ Tác động:

Chất thải công nghiệp thông thường nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ ảnh hưởng tới việc sản xuất như: cản trở việc di chuyển đi lại, là nơi có tiềm năng nguy cơ gây cháy nổ, hỏa hoạn khi có sự cố xảy ra.

c) **Chất thải nguy hại:**

Nguồn phát sinh:

Trong quá trình sản xuất của nhà máy sẽ phát sinh các loại chất thải nguy hại sau: Giẻ lau dính thành phần nguy hại, bao bì cứng chứa dung môi, keo thải, giẻ lau nhiễm hóa chất thải.

Khối lượng:

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được trình bày tại bảng sau:

Bảng 4.26. Danh mục các loại chất thải nguy hại

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
I	Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên				
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	30
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	10
4	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	6.480
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát				
1	Cặn sơn, dung môi hữu cơ và các thành phần nguy hại	Rắn	08 01 01	KS	5.000
2	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất): Keo thải	Rắn	08 03 01	KS	40
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	200
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	660
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					12.470

Đối với chất thải có ký hiệu phân loại KS, đây là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trường hợp các loại chất thải này chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

❖ Tác động:

- Chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người.

- Chất thải nguy hại thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư.

- Tác động đến môi trường: Thu hẹp diện tích đất sử dụng: do chất thải được đem đi chôn lấp. Làm mất mỹ quan và vệ sinh môi trường nếu không được thu gom và quản lý triệt để. Làm ô nhiễm môi trường bao gồm cả 3 thành phần môi trường đất, nước và khí nếu không được quản lý tốt.

- Tác động đến con người và sinh vật: Chủ yếu làm nhiễm độc con người và sinh vật một cách trực tiếp hay gián tiếp do tiếp xúc phải chất thải rắn của dự án hay ăn phải thức ăn đã bị nhiễm độc do chất thải rắn làm ô nhiễm môi trường sống.

Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường tiếp nhận cụ thể là môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí. Do đó, việc lan truyền, ảnh hưởng các thành phần nguy hại đến con người, động vật và thực vật là khó tránh khỏi. Ngoài ra, sẽ gây nhiễm độc cho con người, động vật cũng như hệ thực vật nếu tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua môi trường tiếp nhận.

4.2.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải

➤ Tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn từ hoạt động sản xuất:

+ Nguồn phát sinh tiếng ồn trong giai đoạn hoạt động sản xuất phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, lắp ráp nhưng chỉ mang tính chất gián đoạn không liên tục và chỉ trong khuôn viên nhà máy.

+ Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong nhà máy cắt, máy cưa, máy bào. Đây là nguồn ô nhiễm đặc trưng cũng như là nguồn ô nhiễm chính của ngành nghề hoạt động của dự án. Tuy nhiên, theo thực tế tại Công ty thì tiếng ồn chỉ có tính chất ô nhiễm cục bộ tại khu vực sản xuất và không đáng kể, chỉ cần trang bị đồ bảo hộ cho người công nhân lao động trực tiếp tại các công đoạn này.

+ Từ hệ thống điều hòa nhiệt độ tại các khu nhà văn phòng.

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông:

+ Các phương tiện giao thông ra vào dự án làm phát sinh tiếng ồn. Đây là nguồn ồn phân tán, chúng thay đổi tùy thuộc vào mật độ giao thông ở từng thời điểm khác nhau.

+ Mức ồn từ các phương tiện giao thông giao động từ 65-80 dBA.

+ Phạm vi tác động của tiếng ồn: tiếng ồn chủ yếu tác động đến nội bộ nhà máy và các khu vực lân cận nhà máy. Mức độ gây ồn khác nhau tùy thuộc vào từng thời điểm khác nhau.

Về tác động: Tiếng ồn sẽ ảnh hưởng đến thính giác của công nhân. Nếu tiếp xúc tiếng ồn ở cường độ cao trong thời gian dài sẽ làm thính lực giảm sút dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp, đặc biệt nhất là giảm năng suất lao động của công nhân. Tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người như: đau đầu, chóng mặt, làm ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu, gây tổn thương cho hệ tim mạch, gây ra bệnh ù tai, làm tăng các bệnh về đường tiêu hóa, làm giảm năng suất lao động, từ đó sẽ dễ gây đến những rủi ro khác như tai nạn lao động.

➤ **Độ rung:**

- Nguồn phát sinh:

Rung động phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong nhà máy đặc biệt máy cắt, máy cưa,... Với đặc trưng của ngành nghề này, rung động phát sinh tương lớn do máy gia công gây ra và nó còn tùy theo thiết bị máy móc và cách quản lý, không chế. Dự án nằm trong khu vực khu công nghiệp đã quy hoạch, độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi nhà máy và ảnh hưởng tới công nhân trực tiếp sản xuất. Dự án sẽ quan tâm khắc phục các nguồn gây rung động để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

Mức độ tác động:

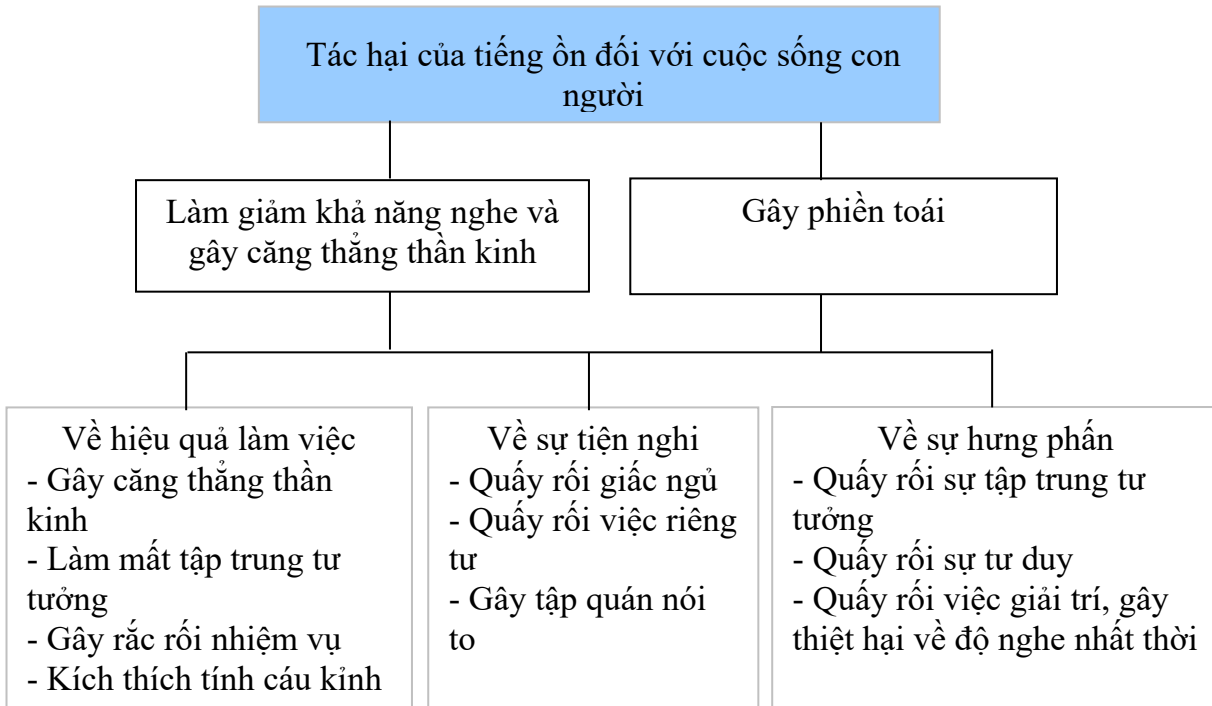
Tiếng ồn và rung động là nguyên nhân gây bệnh thần kinh, đau đầu, tăng huyết áp và giảm trí nhớ. Tiếng ồn còn ảnh hưởng đến khả năng nghe của công nhân, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công nhân.

Bảng 4.27. Mức độ ồn ảnh hưởng đến cơ thể

Stt	Cường độ ồn	Ảnh hưởng tới cơ thể
1	10 – 40 dB	Dễ chịu
2	50 dB	Cảm thấy phiền nhưng chịu được
3	55-80 dB	Khó chịu, mệt mỏi
4	80-85 dB	Rất khó chịu
5	90-100 dB	Tiếp xúc quá 1 giờ sẽ tổn thương thính giác, thần kinh
6	120-140 dB	Tổn thương thính giác, thần kinh

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO)

Tác hại của tiếng ồn có thể được thể hiện trên sơ đồ sau:



Tiếng ồn còn gây ra những vấn đề xã hội như xung đột trong xã hội, trong gia đình và cơ quan làm việc. Khi con người làm việc trong môi trường có độ ồn cao, sau vài giờ làm việc phải mất một thời gian nhất định thì thính giác mới trở lại bình thường, khoảng thời gian này gọi là thời gian phục hồi thính giác. Tiếng ồn càng to thì thời gian này càng dài.

Tiếng ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất và gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tác hại của tiếng ồn là gây nên những tổn thương cho các bộ phận trên cơ thể người. Trước hết là cơ quan thính giác chịu tác động trực tiếp của tiếng ồn làm giảm độ nhạy của tai, thính lực giảm sút gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếng ồn gây ra các chứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch, các bệnh về hệ thống tiêu hóa. Rung động gây nên các bệnh về thần kinh, khớp xương.

Cường độ ồn phát sinh trong nhà máy thường tương đối cao nhưng không liên tục (trung bình 75 – 85 dBA). Ngoài ra, tùy theo chu kỳ vận hành thiết bị, tiếng ồn cục bộ có thể > 80 dBA và chưa vượt tiêu chuẩn cho phép tại khu vực sản xuất (QCVN 24:2016/BYT quy định cho phép cường độ ồn ≤ 85 dBA). Việc tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn từ 80 dBA trở lên làm ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu và làm giảm năng suất lao động, dễ dẫn đến tai nạn lao động.

Tiếng ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất và gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tác hại của tiếng ồn là gây nên những tổn thương cho các bộ phận trên cơ thể người. Trước hết là cơ quan thính giác chịu tác động trực tiếp của tiếng ồn làm giảm độ nhạy của tai, thính lực giảm sút gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếng ồn gây ra các chứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch, các bệnh về hệ thống tiêu hóa. Rung động gây nên các bệnh về thần kinh, khớp xương.

4.2.3. Tác động từ nước thải của dự án đến KCN

Hệ thống XLNT tập trung của KCN Giang Điền có tổng công suất 12.000 m³/ngày. Hiện tại, lưu lượng xử lý trung bình tại hệ thống này khoảng 1.838.892 m³/năm tương đương 5.034 m³/ngày đêm (theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của KCN). Khi dự án hoạt động, ước tính lưu lượng nước thải phát sinh thêm cần xử lý khoảng 24,12 m³/ngày. Như vậy, với tổng công suất 12.000 m³/ngày, HTXLNT tập trung của KCN Giang Điền vẫn đáp ứng đủ khả năng tiếp nhận lượng nước thải từ dự án.

Do đó, khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của HTXLNT tập trung của KCN là khả thi, đảm bảo tiếp nhận xử lý được toàn bộ lượng nước thải của dự án khi đầu nối vào hệ thống xử lý của KCN.

4.2.4. Tác động do các rủi ro, sự cố

Những rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn hoạt động sản xuất của dự án được xác định như sau:

4.2.4.1. Tai nạn lao động

Sự cố tai nạn lao động có thể gây thiệt hại về người và tài sản cũng như hoạt động sản xuất của toàn công ty. Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn lao động là do:

- Tình trạng sức khỏe của nhân viên không tốt: ngủ gật trong lúc làm việc, làm việc quá sức gây choáng váng, ...

- Do công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động như:

- Quần áo, tóc tai không gọn gàng khi làm việc tại các máy móc thiết bị;
- Bất cẩn của nhân viên trong quá trình làm việc: vận hành máy móc thiết bị, trong quá trình sử dụng điện;
- Thói quen không sử dụng bảo hộ lao động khi làm việc;
- Không thực hiện đầy đủ và đúng các nội quy sản xuất.

Những tác động khi xảy ra tai nạn lao động:

- Ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên trực tiếp lao động;
- Có thể phải dừng sản xuất để xử lý sự cố, ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch sản xuất của toàn nhà máy;
- Tai nạn lao động xảy ra có thể là nguyên nhân dẫn đến những sự cố khác như: sự cố rò rỉ nhiên liệu, sự cố cháy nổ do công nhân không chủ động được công việc.

4.2.4.2. Tai nạn, ùn tắc giao thông

Sự cố giao thông xảy ra trong khu vực khá thấp do hệ thống giao thông trong khu vực được quy hoạch, thiết kế rộng, thông thoáng. Có 4 làn xe đối với đường chính và 2 làn xe đối với đường nội bộ, tải trọng H30, lòng đường rộng từ 8 – 16m, vỉa hè rộng 8 m, thuận tiện cho việc lưu thông.

Việc tập trung lượng lớn công nhân lao động tại dự án sẽ góp phần tăng lưu lượng các phương tiện trên đường. Đặc biệt vào giờ cao điểm, tan ca của công nhân sẽ gây cản trở giao thông đi lại gây ùn tắc giao thông, tác động này khá quan trọng do làm gia tăng mật độ giao thông khu vực.

Khung giờ cao điểm khi khu vực có mật độ tham gia giao thông của các phương tiện là cao nhất vào thời điểm 7h-8h và 16h-17h (thời điểm đi làm và tan ca của công nhân).

4.2.4.3. Sự cố cháy nổ

Khi dự án đi vào hoạt động, các rủi ro và sự cố môi trường có khả năng xảy ra bao gồm sự cố cháy nổ, hỏa hoạn. Khi sự cố gây cháy nổ xảy ra tùy theo tính chất và mức độ xảy ra sự cố mà các tác động có thể dẫn tới các thiệt hại về kinh tế - xã hội, làm ô nhiễm cả 3 hệ sinh thái đất, nước, không khí, đồng thời gây thiệt hại về người và tài sản cho Công ty cũng như cộng đồng dân cư xung quanh. Chính vì thế, chủ dự án sẽ có biện pháp cụ thể để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Nguồn gốc phát sinh loại sự cố này có thể do các nguyên nhân sau:

- Vận hành máy móc thiết bị không đúng.
- Sự cố rò rỉ nhiên liệu tại kho chứa nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời có thể gây ra sự cố này.
- Tồn trữ hoặc để nhiên liệu dễ bắt cháy ở khu vực có nguồn sinh nhiệt.
- Các sự cố về thiết bị điện, lựa chọn thiết bị điện và dây điện không phù hợp với các trang thiết bị, máy móc khác dẫn đến sự cố chập điện, các loại máy móc, thiết bị điện, hệ thống chiếu sáng, máy lạnh hoạt động quá tải trong quá trình vận

hành sẽ phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy nổ, hoặc khi hệ thống cung cấp điện cho dự án bị chập, nổ,...

- Sự bất cẩn của công nhân, vứt tàn thuốc bừa bãi tại các khu vực dễ gây cháy.

- Do sét đánh.

4.2.4.4. Sự cố môi trường

• Sự cố từ nước thải

Sự cố rò rỉ hoặc vỡ đường ống thoát nước thải: sự cố trên xảy ra thì xem như toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải toàn bộ vào môi trường với nồng độ chưa đạt quy chuẩn quy định, gây ô nhiễm môi trường.

- Nước thải bị rò rỉ, tràn hoặc thấm xuống đất, gây ảnh hưởng môi trường đất;

- Hệ thống thu gom nước thải bị nghẹt, nước thải ra không đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Tắc đường ống thoát khí bề tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

• Sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Hư hỏng thiết bị, máy móc.

- Sự cố do bất cẩn trong vận hành HTXLKT.

- Sự cố từ hệ thống xử lý khí thải của nhà máy chủ yếu là do vận hành của người công nhân (trình độ vận hành, bất cẩn,...), không nắm được nguyên tắc của hệ thống xử lý làm cho chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

• Sự cố về kho chất thải rắn:

Chất thải rắn nếu không được lưu giữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố sẽ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.

4.2.1.1. Các biện pháp khống chế và giảm thiểu nước thải

a) Giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

Khống chế ô nhiễm do nước mưa chảy tràn và chống ngập úng trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị là rất cần thiết nhằm bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiêu, thoát nước tốt ngay tại khu vực thi công và không ảnh hưởng đến các công trình xung quanh. Tuy nhiên, do dự án được triển khai trên nhà xưởng xây sẵn, đã có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đồng bộ nên giảm thiểu được khả năng ngập úng. Các biện pháp phòng chống ngập úng và khống chế ô nhiễm môi trường được áp dụng như sau:

- Quản lý tốt chất thải phát sinh tại công trình, nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

- Thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

Tăng cường nạo vét cát, đất chảy tràn vào các hố gas (nếu có), đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tốt.

b) Giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh không nhiều và thời gian thi công ngắn do nhà máy có hệ thống cơ sở hạ tầng đã hoàn thiện, vì vậy chọn phương án sử dụng hệ thống nhà vệ sinh có sẵn của nhà máy. Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tác động do nước thải của công nhân:

- + Không tổ chức nấu ăn.

- + Nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn về bể tự hoại hiện hữu của nhà xưởng cho thuê nhằm xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

4.2.1.2. Giảm thiểu tác động do khí thải, bụi

a) Khống chế ô nhiễm khí thải từ các phương tiện giao thông

Khí thải từ các phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực dự án là nguồn ô nhiễm phân tán và rất khó kiểm soát. Để hạn chế các nguồn ô nhiễm trên, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực thực hiện dự án nằm ở trong KCN đang có các nhà máy đang hoạt động sản xuất, nên biện pháp giảm thiểu tối đa nguồn gây ô nhiễm không khí là che chắn xung quanh công trình đang thi công nhằm ngăn ngừa bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Các phương tiện đi vào khu vực dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe và sau khi bốc dỡ các máy móc, thiết bị xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Quy định chế độ xe ra vào khu vực hợp lý.

- Đối với khu vực ngoài khuôn viên dự án: bố trí các biển báo hiệu công trường cho các người qua lại đề phòng. Phải quét dọn thường xuyên phần đường nội bộ trong khuôn viên công ty trường hợp bụi đất bay vào người lao động trong nhà máy, trang bị quạt thông gió trong khu vực nhà xưởng nhằm thông thoáng không khí trong quá trình thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị. Phải quét dọn thường xuyên phần đường trước công ty tránh trường hợp bụi bay vào các nhà máy xung quanh và người đi đường.

- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

- Các phương tiện sử dụng trong vận chuyển và thi công xây dựng đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giảm thiểu ô nhiễm do lắp đặt máy móc, thiết bị

Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Lập tiến độ thi công, bố trí sắp xếp thời gian hợp lý tuần tự các công đoạn: lắp đặt các máy móc.

- Thực hiện dùng bạt, nylon che phủ tạm thời một số máy móc, thiết bị chưa lắp đặt.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, khẩu trang, mắt kính, găng tay, ...nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân thi công.

- Bố trí nhân lực hợp lý, lập các tổ thi công lắp đặt theo từng hạng mục công trình cơ bản, theo tuần tự các công đoạn lắp đặt tạo điều kiện cho công tác quản lý và chịu trách nhiệm toàn diện trong suốt quá trình thi công lắp đặt.

- Áp dụng biện pháp lắp đặt theo từng công đoạn cụ thể, lắp đặt thiết bị máy móc được thực hiện nhanh gọn, hợp lý theo đúng trình tự, đảm bảo rút gọn thời gian thi công, đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải, tiếng ồn đến môi trường.

c) Giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình gia công cơ khí

Như đã trình bày, tải lượng khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, cắt là không cao, phát sinh trong khoảng thời gian ngắn và chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại công đoạn này. Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Dùng quạt để phân tán khí thải từ khu vực gia công hàn, cắt nhằm tránh khí thải tập trung ảnh hưởng đến công nhân hàn.
- Máy móc thiết bị phải được kiểm tra vào bảo trì thường xuyên.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, mặt nạ hàn, mắt kính, găng tay da, yếm da...nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân hàn.

d) Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sơn, chà nhám

- Khu vực sơn phải được che chắn xung quanh, bên dưới phải lót bạt để thu gom cặn sơn. Bên cạnh đó công nhân làm việc được trang bị đầy đủ tất cả các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân (găng tay, kính bảo hộ, mặt nạ chống độc,...).

- Bắt buộc công nhân khi thực hiện chà nhám phải đeo khẩu trang, kính bảo hộ, đồ bảo hộ khi tiếp xúc làm việc.

- Sử dụng các máy chà nhám chuyên dụng trong công đoạn chà nhám các bề mặt tường trong nhà xưởng và nền sàn nhà xưởng trước khi sơn giảm thiểu tối đa ô nhiễm do bụi phát sinh.

4.2.1.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân khi vào làm việc trong nhà máy.

- Lập nội quy công trường yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng chứa thích hợp trong khu vực dự án sau đó thu gom tại khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.

b) Chất thải công nghiệp thông thường

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân khi vào làm việc trong nhà máy.

- Lập nội quy công trường yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải thông thường được thu gom tập trung tại khu vực lưu giữ chất thải thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

c) Chất thải nguy hại

Các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị bao gồm các loại chất thải nguy hại như: giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại (dầu, nhớt), bao bì cứng thải bằng nhựa hoặc kim loại (thùng chứa dầu nhớt), ... Công ty sẽ có các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường như sau:

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác nguy hại tại khu vực quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân trước khi vào làm việc trong nhà máy.

- Có bảng hướng dẫn việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại. Thùng chứa có dán nhãn cho từng loại rác thải riêng biệt tại khu vực nhà chứa chất thải nguy hại (bố trí tại khu vực dự kiến sẽ là khu lưu chứa CTNH khi dự án đi vào hoạt động chính thức).

- Kiểm soát nhà thầu trong quá trình thi công lắp đặt dây chuyền sản xuất, không được thải bỏ dầu nhớt vào hệ thống đường cống hay mương thoát nước chung của nhà máy.

Công ty sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.1.4. Không chế ô nhiễm do tiếng ồn, rung

Tiếng ồn gây tác động trực tiếp đến công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị, nhất là những công nhân làm việc bên cạnh các máy có mức ồn cao. Tiếng ồn có thể át đi hiệu lệnh cần thiết, gây tai nạn cho công nhân. Để tránh tai nạn, cần giáo dục ý thức về an toàn lao động cho công nhân, đặt các biển cấm tại những nơi cần thiết.

Để giảm mức ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình công tác lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung của công trường, phải có kế hoạch thi công hợp lý, xe vận chuyển máy móc, thiết bị hoạt

động vào thời gian thích hợp và khoảng cách hợp lý, không hoạt động tập trung. Hạn chế các nguồn gây tiếng ồn vào ban ngày làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

Các biện pháp khác:

- Tránh vận chuyển và bốc dỡ máy móc, thiết bị cùng một lúc nhiều xe, như vậy sẽ tăng tiếng ồn do sự cộng hưởng của âm thanh.

- Quy định chế độ vận hành của xe vận chuyển và chế độ bốc dỡ máy móc, thiết bị hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm để tránh ảnh hưởng về giao thông cũng như chế độ nghỉ ngơi, sinh hoạt của công nhân.

4.2.1.5. Giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường

a) Biện pháp an toàn lao động

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: nội quy ra, vào công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị; nội quy trong quá trình bốc xếp, vận chuyển; nội quy về an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ.

- Thiết kế chiếu sáng cho những nơi cần làm việc ban đêm.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như in nội quy vào bảng treo tại công trường, lán trại; tổ chức học nội quy; nhắc nhở tại hiện trường.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Lắp đặt biển cấm người qua lại khu làm việc của thiết bị nâng.

- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bọt, bình CO₂, cát, hồ nước, các khâu móc giật...).

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Trường hợp xảy ra tai nạn lao động, ban an toàn lao động phải xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Xây dựng phương án cấp cứu khẩn cấp khi xảy ra ốm đau nặng hay tai nạn nghiêm trọng tại công trường.

- Tổ chức cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện.

Đây là những biện pháp mang tính khả thi cao. Tuy nhiên, để thực hiện triệt để thì Chủ dự án phải có ý thức bảo vệ môi trường, coi trọng sự an toàn và sức khỏe của công nhân thi công trên công trường và ngay bản thân các công nhân cũng phải có ý thức tự bảo vệ mình tránh xảy ra các trường hợp đáng tiếc.

b) Khắc phục sự cố rò rỉ nhiên liệu, cháy nổ

Trên thực tế cho thấy các tác động của hoạt động này đến môi trường không khí cũng ít xảy ra, trừ khi xảy ra các sự cố rò rỉ, cháy nổ kho chứa nguyên, nhiên liệu. Các biện pháp phòng chống rò rỉ, phòng cháy chữa cháy (PCCC) như:

- Khu vực chứa nhiên liệu thoáng mát, an toàn, cách xa khu vực có nhiều công trình thi công.

- Sử dụng các dụng cụ chứa nhiên liệu phải ở trong tình trạng tốt, thường xuyên kiểm tra các nắp đậy, phát hiện rò rỉ.

- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ chữa cháy là bình CO₂ còn hạn sử dụng và sẵn sàng ứng phó với các rủi ro.

- Hạn chế những người không phận sự vào khu vực chứa nhiên liệu, phải có người chuyên trách quản lý.

- Chỉ dự trữ nhiên liệu đủ để sử dụng.

- Tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ cho công nhân trước khi bắt đầu lắp đặt máy móc thiết bị.

- Bố trí máy móc, thiết bị, thứ tự các kho bãi, nguyên vật liệu một cách thích hợp. Đặc biệt không chứa nhiên liệu gần khu vực gia nhiệt hoặc có nhiều người qua lại.

c) An toàn giao thông trong giai đoạn thi công

Để phòng ngừa, ứng phó đối với rủi ro, sự cố tai nạn giao thông, Công ty sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Các loại xe tải tham gia vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị cho dự án phải có giấy đăng kiểm, lái xe phải có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ.

- Bố trí người làm tín hiệu quay đầu hoặc khi lùi xe.

- Chạy đúng tốc độ quy định trong khu vực công trường.

- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển cũng như các máy móc thiết bị thi công trên công trường, không sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị không bảo đảm an toàn.

- Không để người qua lại khu vực đang thi công.

b) Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

Để hạn chế ô nhiễm nhiệt tác động lên sức khỏe của công nhân, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, mũ nón, găng tay, khẩu trang, ...

Sắp xếp, bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

Ngoài ra, tại khu vực nhà xưởng hiện hữu đã có hệ thống thông gió và mái che nhà xưởng đảm bảo nhiệt độ nhà xưởng luôn duy trì ở mức 22⁰C – 27⁰C. Chủ dự án sẽ tiếp tục sử dụng các công trình thông gió này trong quá thi công.

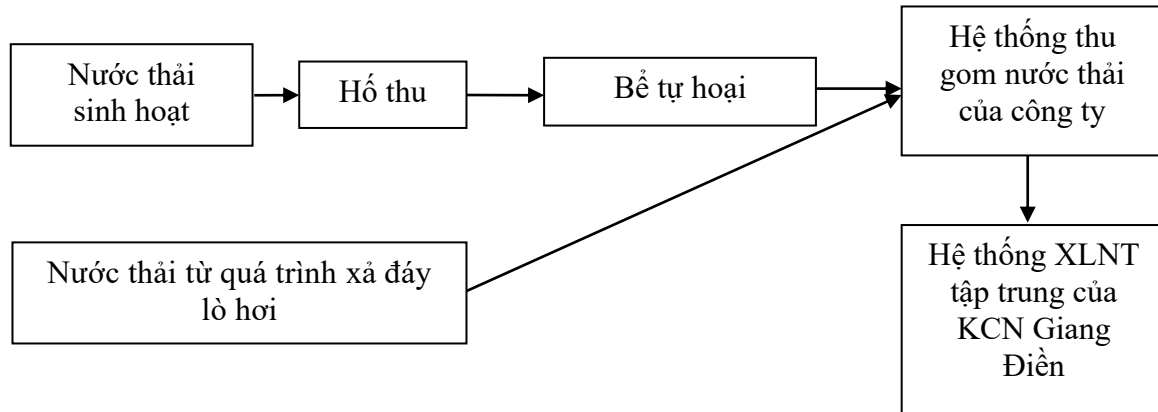
4.2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý bằng bể tự hoại cùng với nước thải từ khu vực rửa tay dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền tại 01 điểm trên đường số 14.

Sơ đồ phương án thu gom, thoát nước thải của dự án như sau:



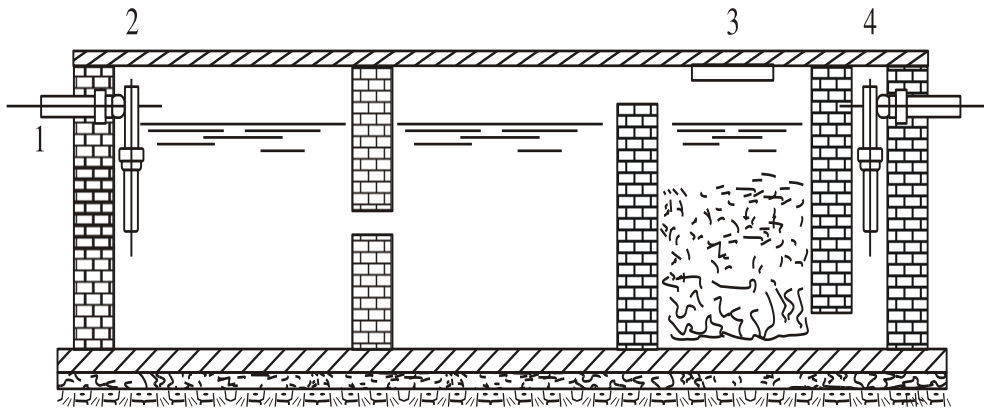
Hình 4.9. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của nhà máy

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng, ngăn thiếu khí, ngăn kỵ khí và ngăn lọc có hai chức năng chính là lắng, lọc cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S , ... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Tránh không để rơi vãi xăng dầu, xà phòng, ... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 4. 10. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn);
4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Tính toán bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của dự án khoảng 24 m³/ngày.

Tổng thể tích phần lắng của bể tự hoại W bao gồm thể tích phần chứa nước W_n và thể tích phần chứa bùn W_b:

$$W = W_n + W_b$$

- **Thể tích phần nước được tính theo công thức:**

$$W_n = K \times Q = 1,2 \times 24 = 28,8 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

- K: Hệ số lưu lượng, K = 1,2
- Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, lấy bằng 100% lượng nước thải: Q = 24 (m³/ngày)

- **Thể tích phần bùn được tính theo công thức sau:**

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$$

Trong đó:

- a: Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, a = 0,4 – 0,5 l/người.ngày.đêm
- N: Số công nhân viên của nhà máy, N = 300 người
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 90 – 365 ngày.đêm
- 0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân hủy
- 1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại trong bể tự hoại (lượng vi khuẩn cần thiết để xử lý cặn tươi)
- P1 : Độ ẩm của cặn tươi, P1 = 95%
- P2 : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P2 = 90%

$$W_b = 0,5 \times 300 \times 90 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)/100.000 = 5,67 \text{ (m}^3\text{)}$$

Thể tích tổng cộng phần lắng của bể tự hoại sẽ là:

$$W = W_n + W_b = 28,8 + 5,67 = 34,47 \text{ m}^3$$

Như vậy, tổng dung tích bể tự hoại cần thiết cho dự án là 34,47 m³.

Bể tự hoại có sẵn của dự án có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm. Khi mua đất gắn liền tài sản đã có bể tự hoại 03 ngăn được xây sẵn, ngoài ra chủ dự án dự kiến xây dựng thêm 02 bể tự hoại 03 ngăn. Thông số bể tự hoại như sau:

Bảng 4. 28. Vị trí và số lượng bể tự hoại

STT	Vị trí	Số lượng	Thể tích (m ³)	Ghi chú
1	Khu vực văn phòng	1	70	Hiện hữu
2	Khu vực nhà vệ sinh 2A	1	70	Hiện hữu
3	Khu vực nhà vệ sinh công nhân	1	20	Xây mới
4	Khu vực nhà bảo vệ 4A	1	9	Hiện hữu
5	Khu vực nhà bảo vệ	1	3	Xây mới
	Tổng cộng	5	172	

Dự kiến toàn dự án có 05 bể tự hoại với tổng thể tích 172 m³ đảm bảo đáp ứng xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

Đối với nước thải tại khu vực nhà ăn được dẫn về bể tách dầu với thể tích 10 m³ nhằm thu gom nước thải phát sinh tại khu vực nhà ăn.

Nồng độ nước thải sau khi qua bể tự hoại được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4. 29. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại

STT	Chất ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm trước xử lý (mg/L)	Hiệu suất bể tự hoại (%)	Nồng độ sau bể tự hoại (mg/L)	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền
1	BOD ₅	200	50	100	300
2	COD	500	50	250	500
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	350	60	140	300
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	20	30	14	15
5	Tổng nitơ (tính theo N)	50	10	45	60
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	8	10	7,2	8

Nhận xét: Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn đạt giới hạn cho phép của HTXLNT của KCN. Do đó, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại cùng với nước rửa tay chân và nước thải từ khu vực

nhà ăn sau khi qua bể tách dầu sẽ theo ống nhựa uPVC đường kính 200mm dài khoảng 330m dẫn về hố ga nước thải tập trung của KCN Giang Điền tại 01 điểm trên đường 14.

Ngoài ra, nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất, nước thải chỉ phát sinh một lượng nhỏ từ quá trình xả đáy lò hơi khoảng 0,12 m³/tuần sẽ theo đường ống uPVC đường kính 45mm dài khoảng 50m dẫn về hố ga nước thải tập trung của KCN Giang Điền tại 01 điểm trên đường 14.

Tọa độ vị trí đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng: (X = 1205373; Y = 414892).

b) Nước mưa

- Hệ thống nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa bằng BTCT kín của đơn vị cho thuê nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

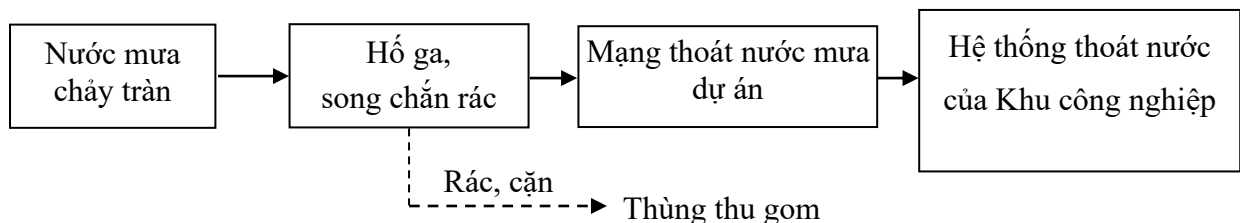
Nước mưa từ mái nhà xưởng... được thu gom bằng máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC D90, sau đó đầu nối vào cống thu gom nước mưa chạy dọc theo tuyến đường nội bộ của khu nhà xưởng dẫn vào hệ thống thoát nước chung bằng cống BTCT D300, D400, D600, D700, D800 trước khi đầu nối về hệ thống thoát nước mưa của KCN Giang Điền tại 02 vị trí.

- Tọa độ vị trí thoát nước mưa:

+ Vị trí 1 trên đường số 1: X = 1205357; Y: 414846

+ Vị trí 2 trên đường số 14: X = 1205303; Y: 414809.

Sơ đồ thoát nước mưa của công ty ra mạng lưới thoát nước mưa của dự án:



Hình 4. 11. Sơ đồ thoát nước mưa

- Ngoài ra, Công ty có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Công ty. Đối với lượng chất rắn lắng

tại các hố ga như: đất cát, rác,... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn công thoát nước mưa.

4.2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Điều tiết và hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án để giảm lượng bụi trong không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ môi trường không khí trong một thời gian.

- Bê tông hóa các sân đường nội bộ trong phạm vi nhà máy. Đồng thời trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như: SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe...

b) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất

❖ Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ

Nguồn phát sinh khí thải trong dây chuyền sản xuất chủ yếu từ công đoạn cưa, cắt, bào, khoan, chà nhám gỗ được thu gom thông qua các chụp hút sau đó thu gom về hệ thống xử lý khí thải.

Tính toán lưu lượng hệ thống xử lý:

- Khu vực máy gia công tinh chế

Bảng 4. 30. Bảng tính toán lưu lượng hệ thống xử lý

STT	TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ	TỔNG SỐ LƯỢNG (pcs)	Đ. Kính họng hút / máy	SL họng hút/ máy	Lưu lượng 1 họng hút (m3/h)	Lưu lượng 1 máy (m3/h)	Tổng lưu lượng (m3/h)	Ghi chú
I TẠO DÁNG 1								
1	Bảo hai mặt	3	150	2	1,780	3,561	13,994	28m/s
2	Cửa cắt ngang	2	125	1	1,104	1,104	2,208	25m/s
3	Cửa rong một lưỡi	2	100	1	707	707	3,621	25m/s
			125	1	1,104	1,104		
4	Cửa rong một lưỡi	1	125	2	1,104	2,208	8,566	25m/s
4	Cửa rong đa lưỡi	1	250	1	4,416	4,416	15,098	25m/s
5	Cửa rong đa lưỡi tự động	1	300	1	6,359	6,359	6,359	25m/s
6	Bảo bốn mặt	1	150	6	1,780	10,682	26,755	28m/s
7	Nhám thùng có trục bảo	1	125	13	1,236	16,073	17,177	28m/s
8	Đánh finger	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
9	Cửa lọng đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
10	Dán cạnh	1	100	6	707	4,239	10,244	25m/s
			125	4	1,104	4,416		25m/s
			150	1	1,590	1,590		25m/s
11	Cửa cắt tấm	1	125	2	1,104	2,208	5,387	25m/s
			150	2	1,590	3,179		25m/s
12	Cửa rong một lưỡi	1	100	1	707	707	1,810	25m/s
			125	1	1,104	1,104		
13	Cửa cắt đoạn	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
14	Cửa cắt đoạn	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
		19					115,635	
II TẠO DÁNG 2								
1	CNC ba trục	2	250	1	4,946	4,946	11,474	28m/s
2	CNC tiện	1	100	1	791	791	5,193	28m/s
			125	1	1,236	1,236		28m/s
			200	1	3,165	3,165		28m/s
3	CNC 6 trục	4	125	1	1,236	1,236	24,728	28m/s
			250	1	4,946	4,946		
4	CNC mộng âm	1	125	4	1,104	4,416	4,416	28m/s
5	CNC mộng dương hai đầu	1	100	2	791	1,583	1,583	28m/s
6	Mộng dương một đầu	1	100	2	707	1,413	1,413	25m/s
7	Mộng âm hai đầu	2	125	1	1,104	1,104	2,208	25m/s
9	CNC chép hình	1	100	6	791	4,748	36,795	28m/s
			150	18	1,780	32,047		28m/s
10	Router lưỡi trên	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
11	Router lưỡi trên	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
12	Khoan giàn	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
15	Cắt phay hai đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
16	Khoan nhiều đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
17	Khoan cắt 45 độ hai đầu	1	100	2	707	1,413	1,413	25m/s
18	Cắt phay hai đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
19	Cắt phay hai đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
20	Cắt phay hai đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
21	Tubi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s

22	Tubi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
23	Tubi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
24	Tubi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
25	Tubi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
26	Cưa đu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
23	Máy phay CNC 5 trục	1	125	5	1,236	6,182	6,182	28m/s
		29					110,857	
III	CHÀ NHÁM							
1	Nhám băng nằm tự động	1	150	3	1,590	4,769	4,769	25m/s
2	Nhám thùng hai trục	1	125	6	1,236	7,418	12,364	28m/s
3	Nhám thùng hai trục	1	125	4	1,236	4,946	6,528	28m/s
4	Nhám chổi hai trục ngang	1	100	2	791	1,583	1,583	28m/s
5	Nhám băng nằm	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
6	Nhám băng nằm	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
7	Nhám băng nằm	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
8	Nhám băng đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
9	Nhám băng đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
10	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
11	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
12	Nhám chổi hai trục ngang	1	125	1	1,236	1,236	1,236	28m/s
13	Nhám chổi thùng	1	125	6	1,236	7,418	7,418	25m/s
14	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
15	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
16	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
17	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
18	Nhám thùng một trục	1	125	1	1,236	1,236	1,236	28m/s
		18					47,277	
IV	MẪU							
1	Cưa bàn	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
2	Khoan ngang	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
3	Nhám trục đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
4	Cưa đu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
5	Mộng dương một đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
6	Router lưỡi trên	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
7	Khoan đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
8	Khoan đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
9	Khoan đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
10	Khoan đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
11	Khoan đứng	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
12	Tupi hai trục	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
13	Cắt phay hai đầu	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
14	Bảo thảm	1	125	1	1,104	1,104	1,104	25m/s
		14					15,455	
	TỔNG CỘNG	62					289,223	

(Nguồn: Hồ sơ thuyết minh, thiết kế hệ thống xử lý bụi – Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

- Khu vực máy chà nhám tay

STT	TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ	TỔNG SỐ LƯỢNG (pcs)	Đ. Kinh hống hút / máy	SL hống hút/ máy	Lưu lượng 1 hống hút (m3/h)	Lưu lượng 1 máy (m3/h)	Tổng lưu lượng (m3/h)	Ghi chú
I	TẠO DẰNG 1							
1	Bàn chà nhám tay thô 2x2 mét	10	250	1	2,649	2,649	26,494	28m/s
2	Bàn chà nhám tay tinh 2x2 mét	10	250	1	2,649	2,649	26,494	25m/s
	TỔNG CỘNG	20					52,988	

(Nguồn: Hồ sơ thuyết minh, thiết kế hệ thống xử lý bụi – Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

- Theo kinh nghiệm thực tế trong nhà máy gỗ tinh chế hệ thống hút bụi thường hoạt động ở 70-75% công suất thiết kế. Chọn lưu lượng thiết kế: L (thiết kế) = $289.223 \times 0,75 = 216.917 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Hệ thống chà nhám tay tinh chế và sơ chế thiết kế 100% công suất sử dụng $L = 52.988 \text{ m}^3/\text{h}$.

🚧 Lựa chọn công suất và số lượng quạt:

- Với lưu lượng tính toán $L = 216.917 \text{ m}^3/\text{h}$, với nhà máy có lưu lượng lớn thông thường chọn công suất quạt 20-25% công suất thiết kế.

Chọn quạt lưu lượng $L=49.000$ đến $59.200 \text{ m}^3/\text{h}$; Cột áp: $P= 3.300 \Rightarrow 2.790 \text{ Pa}$; Motor: 100 Hp \Rightarrow số lượng quạt cần: 4 Quạt

- Với lưu lượng tính toán cho hệ thống chà nhám tay tinh chế $L = 52.988 \text{ m}^3/\text{h}$. Chọn quạt: Lưu lượng $L=49.000$ đến $59.200 \text{ m}^3/\text{h} \Rightarrow$ số lượng quạt cần : 1 Quạt.

🚧 Lựa chọn bộ thiết bị lọc:

Nhằm tăng cường sự tái tạo bề mặt túi vải thường xuyên trong khi hoạt động; giảm tổn thất áp suất trong hệ thống. Nên chọn dạng bộ lọc có hệ thống làm sạch bề mặt bằng hệ thống rung giữ khí nén.

Thiết bị rung giữ khí nén: chọn loại vải lọc đặc chủng không dệt; có tỉ trọng $500\text{g}/\text{m}^2$

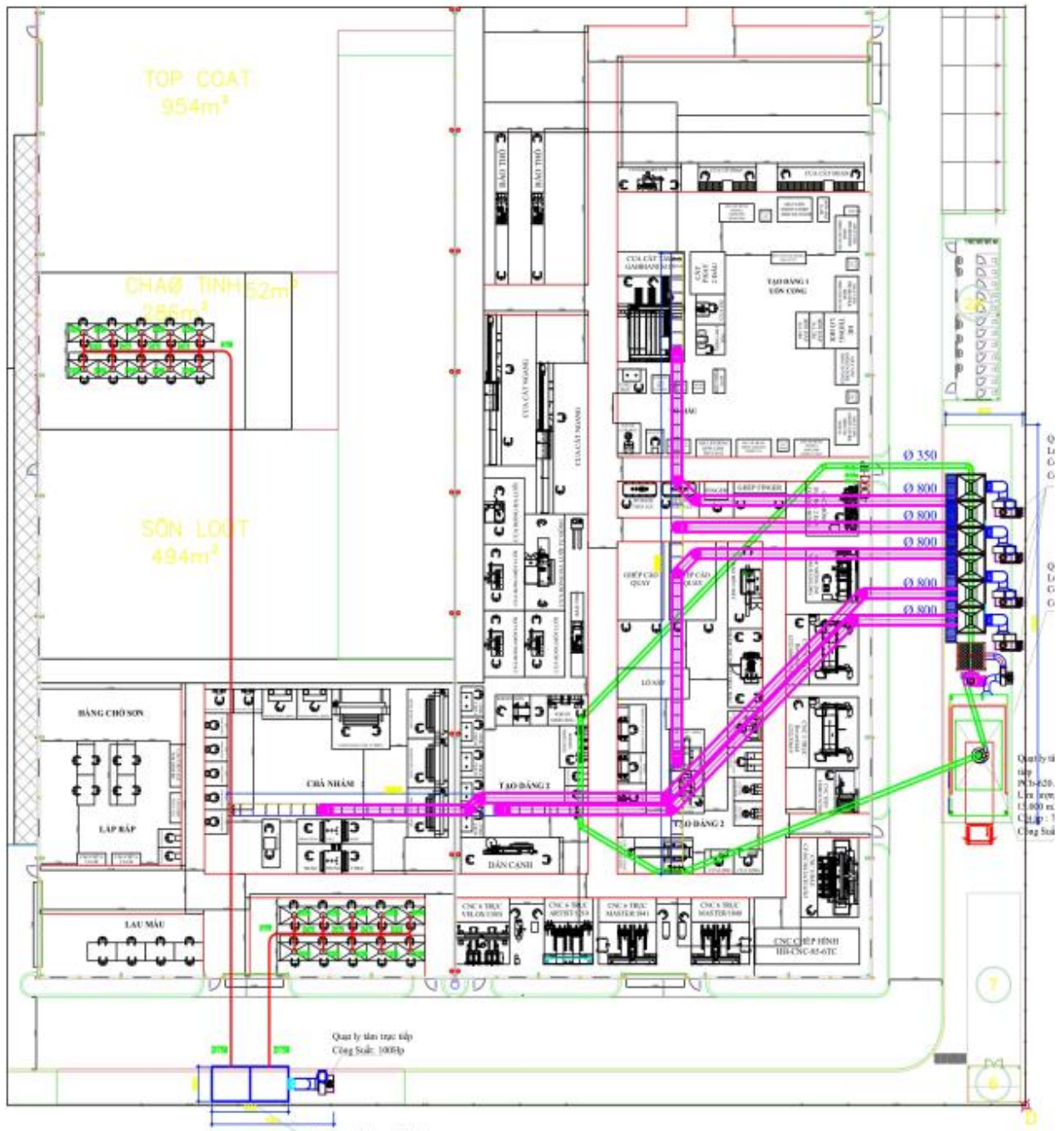
Dạng bụi cần lọc là dăm bào, mùn cưa gỗ nên thường chọn vận tốc không khí qua bề mặt lọc $V=0,02\text{m}/\text{s}$ - $0,05\text{m}/\text{s}$; chọn $V=0,037\text{m}/\text{s}$

Bảng tính toán số lượng túi và diện tích:

Đường kính túi (m)	Chiều dài (m)	Diện tích túi (m^2)	Vận tốc khí qua túi. (m/s)	Lưu lượng/ Túi	Số túi/ modul	Số modul	Tổng Số lượng túi	Tổng Diện tích (m^2)	Lưu lượng Thiết Bị (m^3/h)
0,155	4	1,9468	0,037	259,3138	120	7	840	1635,312	217.823,56

→ Chọn bộ lọc rung giữ khí nén 1 modul 120 túi; số lượng túi vải = 840 túi

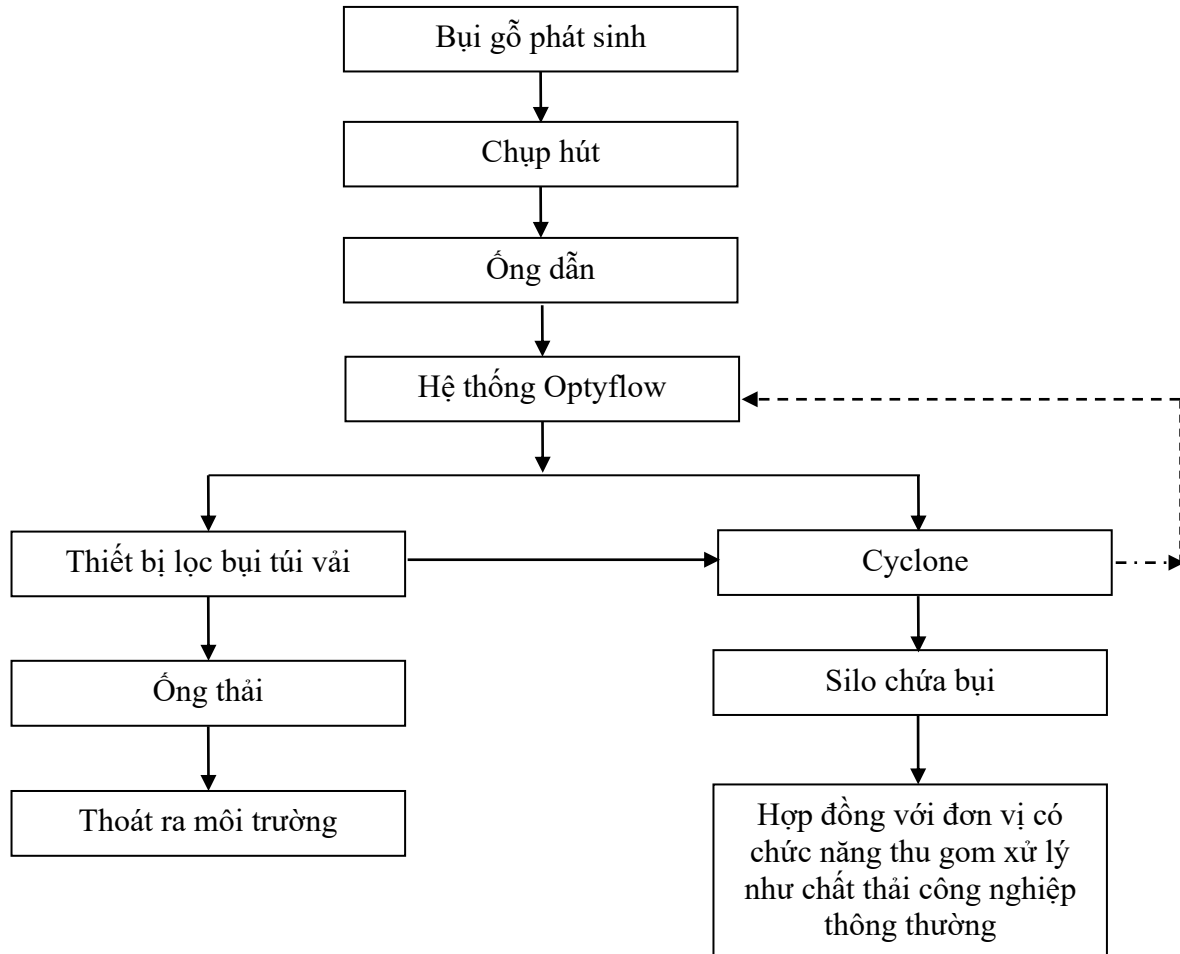
Mặt bằng bố trí đường ống thu gom dự kiến như sau:



Hình 4. 12. Mặt bằng bố trí đường ống thu gom HTXL bụi gỗ

Công ty dự kiến lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi gỗ, đối với khu vực máy gia công tinh chế Công ty lắp đặt hệ thống xử lý bụi gỗ công suất 196.000 – 236.800 m³/giờ, tại khu vực máy chà nhám tay Công ty lắp đặt hệ thống xử lý bụi gỗ công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

Quy trình công nghệ xử lý tại khu vực máy gia công tinh chế như sau:



Hình 4. 13. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 196.000 – 236.800 m³/giờ

Thuyết minh quy trình:

- Không khí mang bụi từ các máy gia công được các chụp hút và ống dẫn, dẫn về hệ thống Optyflow (Thiết bị lắng bụi trung gian). Tại đây, dòng khí mang bụi được điều hướng và phân bố đều trong buồng tách nhằm giảm tốc độ dòng khí, tạo điều kiện để các hạt bụi có kích thước lớn và trung bình kích thước > 20 μm (bụi rất thô, mùn cưa) lắng xuống đáy trong Optyflow nhờ tác dụng của trọng lực và quán tính. Phần bụi sau khi được tách ra khỏi dòng khí sẽ rơi xuống đáy thiết bị và được đưa vào hệ thống vận chuyển cơ học bằng xích cào. Xích cào hoạt động liên tục, có nhiệm vụ gom và chuyển bụi theo phương ngang đến vị trí van sao (rotary valve). Van sao có cấu tạo dạng cánh quay kín, vừa thực hiện chức năng khóa khí, vừa đảm bảo bụi được đưa xuống phía dưới mà không làm thất thoát hoặc rò rỉ dòng không khí trong hệ thống. Sau van sao, bụi tiếp tục được dẫn đến cyclone đặt trên đỉnh silo chứa. Tại cyclone, dòng khí mang bụi được tạo chuyển động xoáy ly tâm; dưới tác dụng của lực ly tâm, các hạt bụi còn lại sẽ bị ép về thành cyclone và rơi xuống đáy, sau đó chảy trực tiếp vào silo chứa bên dưới. Không khí sau khi

được tách bụi sẽ quay trở lại hệ thống ống dẫn và tuần hoàn về thiết bị trung tâm, hình thành một chu trình kín.

- Phần bụi nhẹ có kích thước nhỏ, khối lượng riêng thấp (chủ yếu <math><100 \mu\text{m}</math>, đặc biệt các hạt <math><20 \mu\text{m}</math>) không lắng được tại thiết bị Optyflow sẽ tiếp tục theo dòng khí đến hệ thống lọc túi vải. Bộ lọc túi vải hoạt động theo nguyên lý lọc cơ học. Dòng khí mang bụi được dẫn vào buồng lọc, đi từ ngoài vào trong các túi vải. Khi dòng khí xuyên qua bề mặt vật liệu lọc, các hạt bụi mịn bị giữ lại trên bề mặt túi nhờ cơ chế va chạm quán tính, sàng lọc cơ học và khuếch tán. Lớp bụi tích tụ trên bề mặt túi còn tạo thành lớp màng lọc thứ cấp, giúp tăng hiệu quả giữ bụi mịn.

Hệ thống được trang bị cơ chế giữ bụi tự động theo chu kỳ cài đặt. Khi lớp bụi trên bề mặt túi đạt đến độ dày nhất định làm tăng chênh áp, hệ thống sẽ kích hoạt quá trình giữ, làm bụi rơi xuống phễu thu phía dưới.

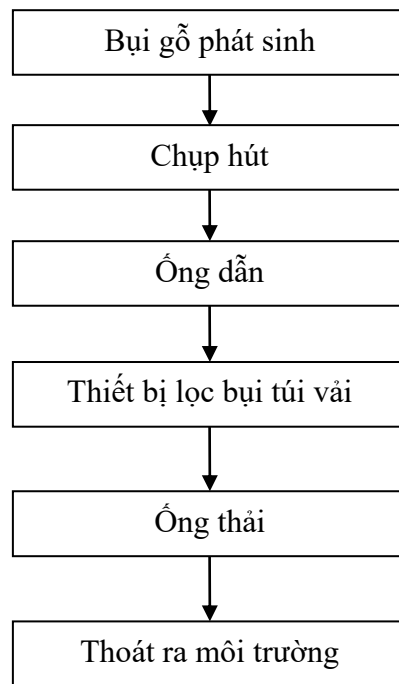
Sau khi đi qua bộ lọc túi vải, dòng khí đã được loại bỏ phần lớn bụi mịn (hiệu suất xử lý thông thường đạt 95–99% đối với hạt >math>5 \mu\text{m}</math> và vẫn hiệu quả đối với hạt nhỏ hơn) sẽ được quạt hút tạo áp lực âm duy trì dòng chảy ổn định trong toàn hệ thống. Khí sạch sau quạt được dẫn qua 04 ống xả và thải ra môi trường bên ngoài theo quy định.

Trong hệ thống túi vải được lắp đặt thiết bị cảm ứng nhiệt để khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thiết bị cảm ứng nhiệt sẽ hoạt động, cô lập đường ống, đóng các cửa thu bụi trong đường ống dẫn và túi vải để hạn chế việc cháy nổ trong hệ thống.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện biện pháp vệ sinh nội bộ, nhân viên trực tiếp sản xuất sẽ vệ sinh khu vực làm việc hằng ngày và thu gom chất thải rắn, tránh để lâu tồn đọng phát tán vào môi trường làm việc.

Khí sạch sau khi xử lý sẽ đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B.

Quy trình công nghệ xử lý tại khu vực máy chà nhám tay như sau:



Hình 4. 14. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ

Thuyết minh quy trình:

Bụi phát sinh chủ yếu từ khu vực máy chà nhám tay. Bụi gỗ được thu gom ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí trên các máy công cụ. Các chụp hút được nối với hệ thống đường ống dẫn tới thiết bị lọc bụi túi vải. Bộ lọc túi vải hoạt động theo nguyên lý lọc cơ học. Dòng khí mang bụi được dẫn vào buồng lọc, đi từ ngoài vào trong các túi vải. Khi dòng khí xuyên qua bề mặt vật liệu lọc, các hạt bụi mịn bị giữ lại trên bề mặt túi nhờ cơ chế va chạm quán tính, sàng lọc cơ học và khuếch tán. Lớp bụi tích tụ trên bề mặt túi còn tạo thành lớp màng lọc thứ cấp, giúp tăng hiệu quả giữ bụi mịn.

Hệ thống được trang bị cơ chế giữ bụi tự động theo chu kỳ cài đặt. Khi lớp bụi trên bề mặt túi đạt đến độ dày nhất định làm tăng chênh áp, hệ thống sẽ kích hoạt quá trình giữ, làm bụi rơi xuống phễu thu phía dưới.

Sau khi đi qua bộ lọc túi vải, dòng khí đã được loại bỏ phần lớn bụi mịn (hiệu suất xử lý thông thường đạt 95–99% đối với hạt >5 µm và vẫn hiệu quả đối với hạt nhỏ hơn) sẽ được quạt hút tạo áp lực âm duy trì dòng chảy ổn định trong toàn hệ thống. Khí sạch sau quạt được dẫn qua ống xả và thải ra môi trường bên ngoài theo quy định.

Trong hệ thống túi vải được lắp đặt thiết bị cảm ứng nhiệt để khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thiết bị cảm ứng nhiệt sẽ hoạt động, cô lập đường ống, đóng các cửa thu bụi trong đường ống dẫn và túi vải để hạn chế việc cháy nổ trong hệ thống.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện biện pháp vệ sinh nội bộ, nhân viên trực tiếp sản xuất sẽ vệ sinh khu vực làm việc hằng ngày và thu gom chất thải rắn, tránh để lâu tồn đọng phát tán vào môi trường làm việc.

* Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi:

Số lượng công trình xử lý bụi của nhà máy như sau:

Bảng 4. 31. Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống xử lý bụi gỗ

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
I	Hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 196.000 – 236.800 m³/giờ	
1	Đường ống	Đường kính ống D=800mm, L=219m Đường kính ống D=350mm, L=149m
2	Optiflow 52 m	Thân Optiflow: Tole tráng kẽm 1.5 mm. Xích S55 Hộp số truyền động xích I 80/ 2HP x 1 mới 100%. Motor Elektrim: N= 1.5Kw/2Hp, n= 1450Vg/ph; IE2- 3 phase-4P-380V-50Hz-IP55. Trục đỡ con lăn xích: nhựa PA/ D114mm. Van sao 290x 750& bộ đôi tiết diện Mô tơ hộp số truyền động I=60; 1Hp
3	Lọc bụi túi vải	Khung thiết bị: 2.500*13.200*7813/8820 Vật liệu: túi PE Số lượng túi lọc: 600 túi; L=4000mm
4	Cyclone	D1300, tole 2mm sơn Epoxy
5	Silo chứa bụi	DxLxH= 4.000x 6.000x 13.311mm
6	Quạt hút	Số lượng: 04 cái Lưu lượng mỗi quạt: 49.000 – 59.200 m ³ /giờ
7	Lưu lượng hệ thống	Lưu lượng: 196.000 – 236.800 m ³ /giờ
9	Ống thải	D=950mm, H=7,7m Số lượng: 04 ống
II	Hệ thống xử lý bụi gỗ, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ	
1	Đường ống	Đường kính ống D=750mm, L=120m

2	Lọc bụi túi vải	Khung thiết bị: 2.500*13.200*7813/8820 Vật liệu: túi PE Số lượng túi lọc: 240 túi; L=4000mm
3	Quạt hút	Số lượng: 01 cái, lưu lượng 49.000 – 59.200 m ³ /giờ
4	Ống thải	D=950mm, H=7,7m Số lượng: 01 ống

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

❖ **Kiểm soát bụi, hơi dung môi từ quá trình phun sơn**

Các sản phẩm phải qua công đoạn sơn bề mặt (sơn lót và sơn bóng). Dự án có 06 buồng sơn khô kích thước 10.000 x 1.050 x 2.650mm, mỗi buồng sơn có 04 quạt hút. Dự kiến Công ty sẽ bố trí đường ống thu gom các ống trong 1 cụm buồng sơn thành 1 ống thoát khí.

Tính toán lưu lượng hệ thống xử lý:

- Buồng phun sơn trong dây chuyền:

+ Kích thước buồng phun: 10.000x 1.050x 2.650 mét

+ Sử dụng liên tục 4 súng phun sơn

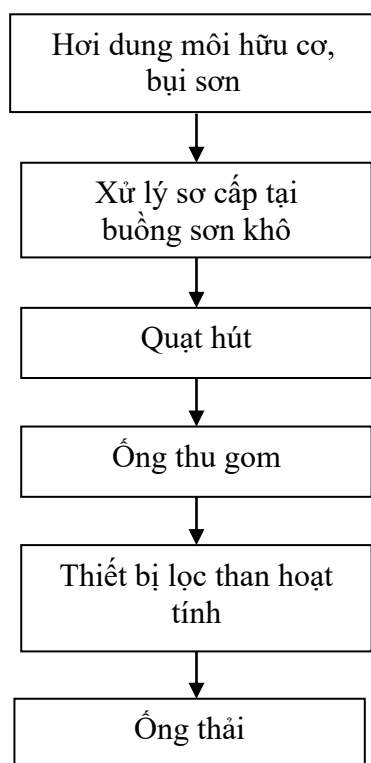
+ Chọn vận tốc cho vùng phun sơn: $V=0,6\text{m/s}$; đảm bảo sơn đi theo hướng mong muốn và hạn chế việc hút sơn.

- Lưu lượng khí thải như sau: $Q=V \times A \times 3600 = 0,6 \times 26,5 \times 3.600 = 57.240 \text{ m}^3/\text{giờ}$

Hệ số an toàn chọn $K = 1,15$.

Lưu lượng thiết kế: $57.240 \text{ m}^3/\text{giờ} \times 1,15 \sim 66.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

Quy trình thu gom, xử lý bụi và khí thải từ công đoạn sơn như sau:



Hình 4.15. Quy trình hệ thống xử lý khí thải tại mỗi buồng sơn khô

Tại mỗi buồng sơn sản phẩm cần sơn sẽ được di chuyển vào khu vực buồng phun sơn khô, tại khu vực này, công nhân sẽ thao tác phun sơn lên sản phẩm.

Khi lượng bụi được phát sinh ra trong quá trình phun sơn thì thông qua các lực hút của quạt trong hệ thống buồng phun sơn khô, tại buồng sơn khô sẽ được xử lý sơ cấp như sau:

- Khung lọc sơ cấp 1 dùng hệ thống tấm tole tráng kẽm ghép tạo sự đổi chiều dòng khí sẽ giữ lại một phần sơn, bụi sơn sẽ bám vào tấm kim loại này và tổ chức vệ sinh hàng tuần bằng cách cạo lớp sơn bám trên bề mặt.

- Bông lọc sơ cấp G3: để đảm bảo tiêu chí bụi thải ra môi trường chúng ta sử dụng bông lọc gió G3 dày 15mm với chất liệu sợi bông tổng hợp Polyester, hiệu suất lọc bụi 85% với độ hạt đến $10\mu\text{m}$; Thời gian sử dụng của bông lọc gió thì tùy vào hàm lượng bụi và thể tích không khí đi qua, thông thường bông lọc có thời gian sử dụng cho việc lọc khí sau buồng sơn khoảng 1 tháng/lần.

Khí thải sau khi được tách bụi tại buồng sơn khô sẽ đi theo lực hút của 04 quạt hút sau đó gom các ống trong 1 cụm buồng sơn thành 1 ống thoát khí sau đó dẫn về thiết bị lọc. Tại đây bộ lọc vải than hoạt tính dày 10 mm để loại bỏ khí thải sơn và dung môi.

Sau khoảng thời gian nhất định, các vật liệu vải than hoạt tính sẽ bão hòa và không thể hấp phụ được nữa. Đến lúc đó cần phải thay mới lớp vải than hoạt tính (định kỳ 01 tháng/lần) để đảm bảo quá trình xử lý khí thải luôn đạt chuẩn.

Các thông số kỹ thuật chi tiết của hệ thống như sau:

Bảng 4.32. Thông số kỹ thuật mỗi hệ thống xử lý khí thải buồng sơn

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật
1	Buồng sơn khô	Kích thước: D x R x C = 10.000 x 1.050 x 2.650 mm Khung lọc sơ cấp 1: vật liệu tấm tole tráng kẽm Bông lọc sơ cấp G3: dày 15mm với chất liệu sợi bông tổng hợp Polyester, hiệu suất lọc bụi 85% với độ hạt đến 10µm
2	Lưu lượng	Tổng công suất: 66.000 m ³ /giờ/buồng sơn
3	Quạt hút	Công suất: 16.500 m ³ /h Số lượng: 04 quạt
4	Ống thu gom	Kích thước: Ø710mm, Ø800mm
6	Thiết bị lọc than hoạt tính	Chất liệu: Sợi cacbon Khô: 1 – 1,2m x 20m Độ dày: 10mm, 5mm
4	Ống thải	-Vật liệu: Tôn mạ kẽm -Đường kính: 1100 mm; Cao: 10m (tính từ mặt đất)

(Nguồn: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh)

❖ **Biện pháp giảm thiểu hơi keo và sấy sau sơn**

- Bố trí khu vực máy dán keo riêng biệt.
- Đối với công đoạn sấy sau sơn thời gian thực hiện không nhiều chỉ sấy trong trường hợp cần đáp ứng tiến độ giao hàng, một số sản phẩm được đưa vào buồng sấy sơn sử dụng điện để rút ngắn thời gian khô.
- Thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức nhà xưởng (dùng quạt).
- Các công nhân được hướng dẫn cách thao vận hành máy dán keo đúng phương pháp, đúng thao tác nhằm giảm thiểu sự thất thoát keo dán.
- Công nhân làm việc tại khu vực này phải được trang bị khẩu trang (loại có lớp than lọc hấp thu hơi dung môi). Công ty tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt công tác thực hiện, tránh trường hợp công nhân được trang bị nhưng không thực hiện.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên tạo môi trường thoáng mát cho công nhân làm việc.

4.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn – chất thải nguy hại

a) Chất thải sinh hoạt

Đối với chất thải sinh hoạt, sẽ bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 10 lít, 60 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất. Các thùng này được nhân viên thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn 660 lít có nắp đậy để tập kết được đặt phía ngoài trước nhà xưởng, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Đối với rác sinh hoạt sẽ thực hiện phân loại thành 03 loại như sau:

+ Rác thực phẩm (rác hữu cơ) là những phần thực phẩm thừa, cá thịt, hay các loại rau củ trong bữa ăn hàng ngày.

+ Rác tái chế là những gần giống với rác vô cơ như chai nước nhựa, các cốc lọ đã qua sử dụng.

+ Rác còn lại là những vật như giấy vụn, nhựa, bìa các tông, kim loại, thủy tinh...

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu giữ tạm thời trong khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 10,2 m² cùng khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của nhà máy (riêng với bụi, mùn cưa từ nhà máy sau khi được thu gom sẽ được lưu giữ tại nhà gom bụi diện tích 45 m²) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, với tần suất 1 tháng/lần hoặc khi khối lượng chất thải nhiều.

Đối với bùn từ bể tự hoại, để thuận tiện trong quá trình thu gom và đảm bảo sức chứa của kho lưu trữ chất thải, toàn bộ lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp tại hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

c) Chất thải nguy hại

CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

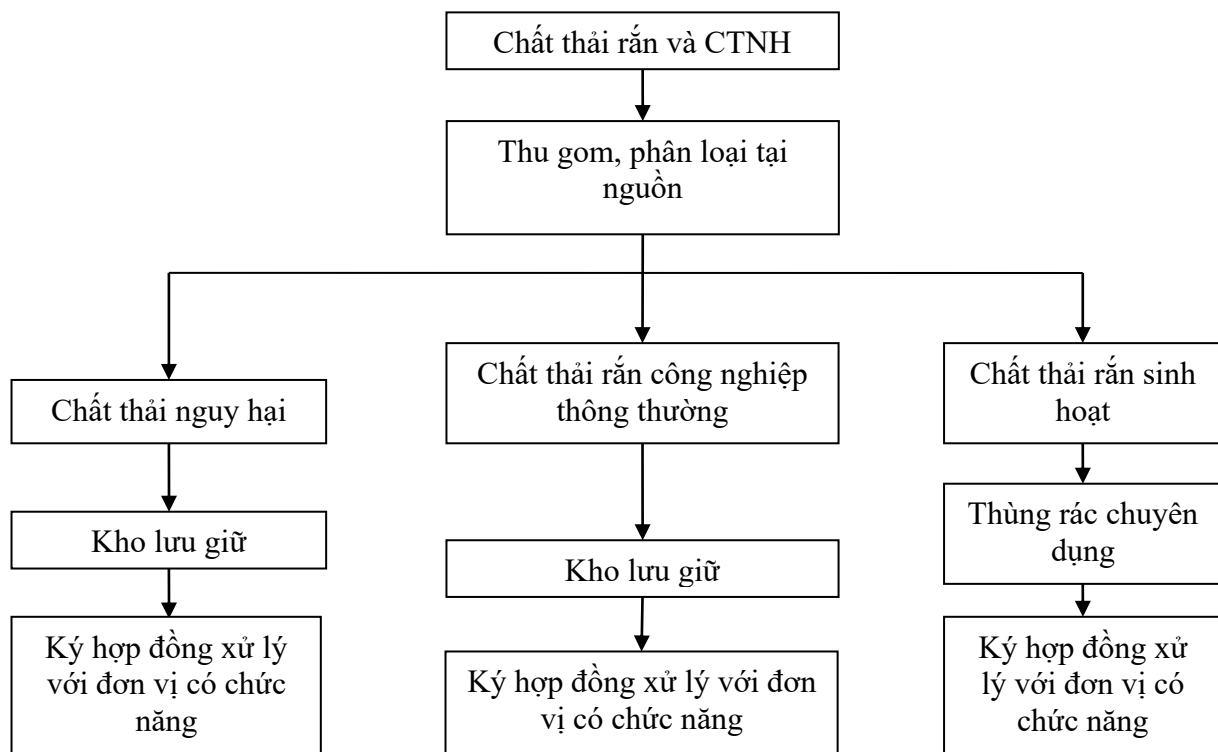
- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,...);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;

- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại được bố trí bên trong nhà xưởng. Khu vực lưu giữ tạm thời sẽ được bố trí bên trong nhà xưởng thuê lại, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành với tần suất 03 tháng/lần hoặc khi chất thải nhiều.

Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại: 10,2 m² (có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm). Khu vực chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xẽng), chất thải lỏng được chứa trong các thiết bị kín đặt trong thùng nhựa để tránh rò rỉ, tràn đổ. Có bố trí rãnh thu gom trường hợp tràn đổ chất thải lỏng.

Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Dự án:



4.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn, độ rung

❖ Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của nhà máy khá cao. Tuy nhiên Công ty nằm trong KCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung

quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.
- Các biện pháp đề xuất thực hiện trong nhà máy nhằm hạn chế độ rung trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị như sau:
 - Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

❖ Tiếng ồn do các phương tiện giao thông

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.
- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của công ty phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực để hạn chế tiếng ồn.
- Phân phối lượng xe ra vào dự án hợp lý tránh tình trạng tập trung dẫn tới tiếng ồn tập trung trong một khu vực.

Công ty cam kết thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu trên nhằm đảm bảo độ ồn đạt QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2025/BTNTM và độ rung đạt QCVN 27:2016/BYT.

4.2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước và bể tự hoại

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiêu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

b) Đối với hệ thống xử lý khí thải:

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống thu gom bụi và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

1. Khi hệ thống hút khí thải và thông gió có sự cố (ảnh hưởng đến người lao động)

- Thực hiện dừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải về hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố. Tiến hành kiểm tra các đường ống thu gom đặc biệt các vị trí mối nối, các vị trí thường xuyên có khả năng xảy ra hở, rò rỉ để tiến hành sửa chữa hoặc thay mới đảm bảo hệ thống thu gom kín.

- Trường hợp khu vực có phát sinh khí độc sẽ thực hiện sơ tán công nhân tại khu vực xảy ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom khí thải, hệ thống quạt hút, quạt thông thoáng nhà xưởng.

- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị, đường ống của hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí các máy móc thiết bị dự phòng cho các HTXL khí thải để thay thế trường hợp gặp sự cố hư hỏng.

2. Khi hệ thống hút khí thải và thông gió hoạt động bình thường nhưng hệ thống xử lý khí thải không hoạt động.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải, lập sổ theo dõi vận hành hệ thống xử lý khí thải để theo dõi hoạt động vận hành, vật liệu hấp phụ để xác định thời gian thay thế phù hợp.

- Thường xuyên giám sát khí thải để đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải.

3. Đối với quá trình vận

- Các máy móc, thiết bị (như: quạt hút) đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Những người vận hành hệ thống thu gom bụi được đào tạo các kiến thức về:

+ Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống thu gom bụi.

+ Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý.

+ Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

+ Lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

c) Đối với kho chứa chất thải:

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

d) Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ dự án phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm.

e) Biện pháp phòng tránh tai nạn điện:

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần...để không bị điện giật chết người.

- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chập chập, phát hỏa trong nhà.

- Phải lắp cầu dao hay aptomat ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chập chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.

- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan,...) phải mang găng tay cách điện hạ thế để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.

- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng “*Cấm mở điện, có người đang làm việc*” tại cầu dao để không bị điện giật.

- Không mở cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật.

- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.

- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện... bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.

- Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chập chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy.

f) An toàn giao thông

Do số lượng xe chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm tương đối lớn, do vậy chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau để hạn chế sự cố tai nạn giao thông:

- Bố trí người điều hành các phương tiện ra vào khu vực Nhà máy.

- Thường xuyên nhắc nhở các lái xe thực hiện nghiêm công tác an toàn giao thông, các lái xe phải có giấy phép lái xe và xe vận chuyển vẫn còn thời hạn kiểm định của các cơ quan chức năng.

- Quá trình sản xuất và xuất hàng thành phẩm, lượng xe ra vào Nhà máy khá lớn và gây ra tình trạng ùn tắc giao thông. Do đó, chủ dự án sẽ bố trí khu vực đỗ xe hợp lý tại các khu vực trong yếu trong nhà máy như khu vực bãi nhập liệu, khu vực xuất thành phẩm.

- Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện tốt các biện pháp sau:

+ Quy định tốc độ xe ra vào Nhà máy hợp lý.

+ Lắp đặt biển báo giao thông và biển báo hướng dẫn quy trình nhập nguyên liệu cũng như quy trình xuất phẩm thành phẩm.

+ Phân bổ thời gian xe ra vào Nhà máy trong quá trình nhập nguyên liệu cũng như xuất thành phẩm một cách hợp lý. Hạn chế tập trung đông đúc 1 lượng xe ra vào Nhà máy cùng một thời điểm.

g) Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC năm 2001. Chủ dự án sẽ kết hợp với Công an PCCC của KCN để xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về “Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế” và TCVN 7336:2003 quy định về các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng; tính toán dự trữ nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa. Xây dựng bản nội quy PCCC và được phổ biến rộng rãi. Chủ dự án phối hợp với Công an PCCC tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

➤ Phòng cháy:

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor, đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.

- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.

- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.
- Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.
- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu) công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...
- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;
- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy.
- Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.
- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong nhà máy.
- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.
- Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.
- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của nhà máy.
- Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.
- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.
- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.
- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO₂, bình bọt hóa chất,... tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.

- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.
- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.
- Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO₂, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước . . .) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của nhà máy được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của nhà máy theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

** Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:*

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

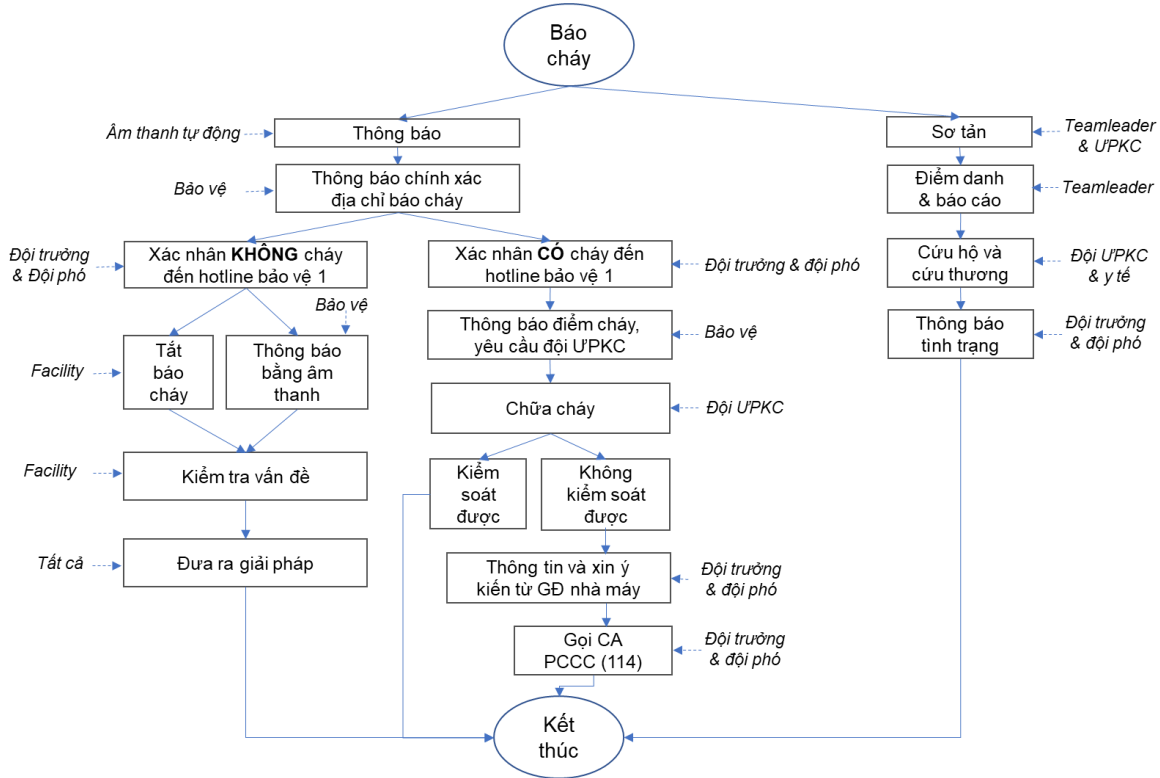
- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt

động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

Kế hoạch phối hợp lực lượng bên ngoài khi có sự cố cháy:



g) Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Đảm bảo hệ thống lưu trữ và vận chuyển an toàn: Các hóa chất phải được đựng trong bao bì chắc chắn, có nhãn mác rõ ràng, và chịu được tác động của hóa chất. Đảm bảo các thùng chứa, hệ thống ống dẫn và van luôn trong tình trạng tốt và được kiểm tra định kỳ.

Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên: nhân viên cần được đào tạo về cách xử lý hóa chất, nhận diện nguy hiểm, cách bảo vệ cá nhân và các quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố.

Xây dựng quy trình ứng phó khẩn cấp: Có kế hoạch chi tiết về cách ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất, bao gồm cách thông báo, sơ tán và xử lý sự cố.

Quản lý kiểm tra và giám sát thường xuyên: Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ đối với các thùng chứa, hệ thống ống dẫn, và các thiết bị liên quan đến hóa chất.

Biện pháp ứng phó:

- Thông báo và báo cáo sự cố: Khi phát hiện sự cố rò rỉ, phải thông báo ngay cho các nhân viên trong khu vực, bộ phận an toàn lao động và các cơ quan có thẩm quyền như đội cứu hỏa, bảo vệ môi trường.

- Đánh giá nguy cơ: Cần nhận diện hóa chất rò rỉ (dựa trên màu sắc, mùi, nhãn mác) để đánh giá mức độ nguy hiểm đối với sức khỏe, môi trường và nguy cơ cháy nổ.

- Sơ tán và bảo vệ nhân viên: Hướng dẫn nhân viên rời khỏi khu vực bị rò rỉ, đặc biệt là các khu vực có nguy cơ cao như khu vực có hỏa hoạn hoặc các hóa chất dễ cháy.

- Kiểm soát và ngừng rò rỉ: Nếu có thể, nhanh chóng ngừng nguồn rò rỉ hóa chất (đóng van, tắt nguồn cấp hóa chất) để ngừng lan rộng sự cố.

- Xử lý hóa chất rò rỉ: Dùng các vật liệu hấp thụ như cát, đất sét hoặc các chất hút dầu, hút hóa chất để ngăn không cho hóa chất lan rộng hoặc tiếp xúc với nguồn nước. Dùng các thiết bị thu gom chuyên dụng (như chổi, dụng cụ hút) để gom lại hóa chất rò rỉ vào các thùng chứa an toàn.

- Thông gió và làm sạch khu vực: Sau khi sự cố được xử lý, cần thực hiện vệ sinh và khử trùng khu vực bị ô nhiễm bằng các dung dịch thích hợp.

- Hỗ trợ y tế: Nếu có người bị nhiễm hoặc tiếp xúc với hóa chất, cần thực hiện sơ cứu như rửa sạch vết thương, di chuyển nạn nhân đến khu vực thoáng khí hoặc gọi cấp cứu ngay.

- Ghi chép và báo cáo: Ghi lại toàn bộ quá trình sự cố, các hành động đã thực hiện và kết quả xử lý để phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến công tác an toàn.

- Đánh giá và cải thiện quy trình: Sau mỗi sự cố, cần đánh giá lại quy trình ứng phó, xác định những điểm mạnh và điểm yếu để rút kinh nghiệm.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của dự án và kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 4.33. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Tên công trình/Biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Quy mô công trình	Kinh phí (VNĐ/năm)	Đơn vị phụ trách
1	Khu lưu giữ chất thải	Cùng với giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc	10,2 m ²	50.000.000	Ban giám đốc; - Phòng kỹ thuật, môi trường; - Các phòng ban có liên quan.
2	Bể tách dầu mỡ		10 m ³	10.000.000	
3	Bể tự hoại 03 ngăn		172 m ³	50.000.000	
4	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1		196.000 – 236.800 m ³ /giờ	1.500.000.000	

STT	Tên công trình/Biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Quy mô công trình	Kinh phí (VNĐ/năm)	Đơn vị phụ trách
5	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2		49.000 – 59.200 m ³ /giờ	500.000.000	
6	06 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn		66.000 m ³ /giờ/hệ thống	1.000.000.000	
7	Chi phí cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường:			320.000.000	
	- Giám sát chất lượng nước thải, khí thải.	Giai đoạn hoạt động		215.000.000	
	- Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.			100.000.000	
	- Chi phí vận hành, bảo trì hệ thống xử lý.			50.000.000	

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình hoạt động của dự án, ngoài các công trình bảo vệ môi trường, nhà máy sẽ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác cùng với các công trình xử lý môi trường để hạn chế các tác động đến môi trường từ quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.

Bảng 4.34. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kinh phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
1	Phân loại chất thải tại nguồn	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng ngày thực hiện thu gom chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất. - Chứa từng loại chất thải vào từng thùng quy định, phân loại theo chất thải thông thường, chất thải nguy hại. - Lưu giữ tạm thời chất thải tại khu vực lưu giữ chất thải của Công ty. - Định kỳ 2 lần/tuần thông báo đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý chất thải rắn – chất thải nguy hại theo đúng quy định. 	20 triệu/tháng	Chủ đầu tư
2	Hệ thống phòng	- Thường xuyên kiểm tra khả năng	10 triệu	Bộ phận kỹ

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kính phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
	cháy chữa cháy	làm việc của hệ thống phòng cháy chữa cháy (1 tháng/lần). - Thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong trường hợp bị hư hỏng. - Bơm sung đầy đủ nước cho bể dự phòng nước PCCC	đồng/tháng	thuật nhà máy
3	Hệ thống thu gom nước mưa	- Nạo vét hệ thống thoát nước mưa (1 tuần/lần). - Không đổ nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.	5 triệu/tháng	Toàn bộ công nhân viên nhà máy Công nhân dọn vệ sinh nhà máy
4	Cây xanh	- Duy trì cây xanh trong khuôn viên dự án - Tưới nước đầy đủ, hàng ngày - Tỉa cây định kỳ 1 tuần/lần - Thay thế các cây bụi và cỏ bị hư hại do hoạt động hoặc đã quá già. - Kiểm soát cỏ dại và các loại mầm bệnh	8 triệu đồng/tháng	Chủ đầu tư

Trong giai đoạn hoạt động, nhà máy sẽ bố trí một bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường trong khu vực nhà máy và khu vực xung quanh, số lượng nhân sự được bố trí cụ thể như sau:

Bảng 4.35. Tổ chức quản lý chất lượng môi trường của nhà máy

Stt	Nhiệm vụ	Nhân sự	Số lượng
1	Quản lý chung về chất lượng môi trường	Bộ phận an toàn – sức khỏe – môi trường	1 người

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Dựa vào đặc điểm của dự án, đơn vị tư vấn đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá tác động môi trường với mức độ định tính hoặc định lượng khác nhau. Gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp đánh giá nhanh
- Phương pháp lập bảng liệt kê
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa

Đánh giá mức độ tin cậy của kết quả từ việc áp dụng các phương pháp đã sử dụng được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4.36. Tổng hợp mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

TT	Kết quả của	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Kết quả của Phương pháp đánh giá nhanh	Cao	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
2	Kết quả của Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Cao	Có thể bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động
3	Kết quả của Phương pháp thống kê	Cao	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh Đồng Nai
4	Kết quả của Phương pháp so sánh	Cao	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
5	Kết quả của Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa	Cao	Cao	Các báo cáo, số liệu được cập nhật mới nhất trong thời gian thực hiện lập báo cáo ĐTM

*** Phương pháp thống kê:**

- Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế, xã hội... tại khu vực dự án từ các trung tâm nghiên cứu khác.

- Số liệu sử dụng trong phương pháp này đã được các tổ chức nhà nước phê duyệt, có thể sử dụng cho các báo khoa học trong nước và có độ tin cậy cao.

* Phương pháp khảo sát hiện trường, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm:

- Phương pháp này được áp dụng nhằm khảo sát vị trí, hiện trạng và điều kiện cụ thể của dự án cũng như tiến hành công tác đo đạc và lấy mẫu cần thiết.

- Tiến hành thực hiện: kết hợp với đơn vị có chức năng thực hiện để khảo sát, đo đạc và lấy mẫu và phân tích mẫu hiện trạng môi trường tại khu vực dự án.

*** Phương pháp nhận dạng, liệt kê:**

- Liệt kê các tác động đến môi trường do hoạt động của dự án gây ra, bao gồm các nhân tố môi trường như: nước thải, khí thải, chất thải rắn, an toàn lao động, cháy nổ...

- Nhận dạng, phân loại các tác động khác nhau ảnh hưởng đến môi trường và định hướng nghiên cứu cùng các thông tin về đo đạc, dự đoán, đánh giá.

- Nhận dạng đầy đủ các dòng thải, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp này trình bày các tiếp cận rõ ràng, cung cấp tính hệ thống cho việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*** Phương pháp đánh giá nhanh:**

- Sử dụng một số nguyên tắc đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) dùng để tính tải lượng, nồng độ chất ô nhiễm đối với mỗi nguồn thải đã được tính toán phổ biến rộng rãi ở nhiều nước

- Có hiệu quả cao trong tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm.

- Rất hữu ích trong công tác đánh giá tác động môi trường, nhất là trong trường hợp không xác định được các thông số cụ thể để tính toán.

*** Phương pháp so sánh:**

Phương pháp này có độ chính xác cao trên cơ sở so sánh, đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng dòng thải với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường liên quan và các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Ngành nghề hoạt động của dự án là sản xuất đồ gỗ (tủ, bàn, ghế) với nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất của nhà máy được mua từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, không thực hiện khai thác khoáng sản.

Chương 5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học.

Vì vậy, trong nội dung báo cáo không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

6.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Công ty.

- Nguồn số 2: nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn đáy lò hơi.

6.1.2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN:

6.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: 1 điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

6.1.2.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: Hồ ga đầu nối trên đường số 14.

- Tọa độ vị trí (X = 1205373; Y = 414892 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰45, múi chiếu 3⁰).

6.1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 24,12 m³/ngày.đêm

6.1.2.4. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: 24/24

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối với với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Giang Điền theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền.

Bảng 6. 1. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền

TT	Thông số	Đơn vị	Giá Trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	35
2	pH	-	5 đến 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
4	COD	mg/l	500
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Amoni	mg/l	15
8	Tổng nitơ	mg/l	60
9	Tổng phốtpho	mg/l	8

TT	Thông số	Đơn vị	Giá Trị giới hạn tiếp nhận
10	Coliform	mg/l	Không giới hạn

6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ khu vực gia công tinh chế (bào, cưa, cắt, CNC, khoan,...).

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ khu vực chà nhám tay (chà nhám tay thô, chà nhám tay tinh).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 1.

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 2.

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 3.

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 4.

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 5.

- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại buồng sơn số 6.

- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ lò hơi (không có dòng thải do thải qua ống thải không có hệ thống xử lý).

Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ số 1 - ống 1, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205298; Y = 414930.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ số 1 - ống 2, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205295; Y = 414932.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ số 1 - ống 3, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205292; Y = 414933.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ số 1 - ống 4, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205289; Y = 414936.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ số 2, công suất 49.000 – 59.200 m³/giờ (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205232; Y = 414898.

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 1, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205249; Y = 414906.

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 2, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205241; Y = 414893.

- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 3, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205246; Y = 414882.

- Dòng khí thải số 09: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 4, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205249; Y = 414912.

- Dòng khí thải số 10: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 5, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 07), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205244; Y = 414903.

- Dòng khí thải số 11: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại buồng sơn số 6, công suất 66.000 m³/giờ (nguồn số 08), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205251; Y = 414915.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰).

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý tại KCN Giang Điền, phường Tam Phước và xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 641.000 - 692.000 m³/giờ:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 49.000 – 59.200 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 66.000 m³/giờ.

Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục 24/24 giờ.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01 đến số 05				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện</i>
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤80		
I	Dòng khí thải số 06 đến số 11				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện</i>
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤40		
3	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).	mg/Nm ³	≤80	01 lần/năm	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện</i>

6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

6.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực bảo.
- Nguồn số 02: Từ khu vực cắt.
- Nguồn số 03: Từ khu vực gia công.

- Nguồn số 04: Từ khu vực chà thô.
- Nguồn số 05: Từ khu vực chà tinh.
- Nguồn số 06: Từ khu vực lắp ráp.
- Nguồn số 07: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ số 1.
- Nguồn số 08: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ số 2.

6.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ khu vực bào. Toạ độ: X = 1205253; Y = 414866.
- Nguồn số 2: Từ khu vực cắt. Toạ độ: X = 1205272; Y = 414877.
- Nguồn số 3: Từ khu vực gia công. Toạ độ: X = 1205297; Y = 414898.
- Nguồn số 4: Từ khu vực chà thô. Toạ độ: X = 1205241; Y = 414899.
- Nguồn số 5: Từ khu vực chà tinh. Toạ độ: X = 1205271; Y = 414872.
- Nguồn số 6: Từ khu vực lắp ráp. Toạ độ: X = 1205245; Y = 414888.
- Nguồn số 7: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ số 1. Toạ độ: X = 1205301; Y = 414945.
- Nguồn số 8: Từ khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ số 2. Toạ độ: X = 1205230; Y = 414896.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiếu 3⁰)

6.3.3. Quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNNMT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2025/BTNMT			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
1	75	70	-	Khu vực D

6.4. Quản lý chất thải rắn

6.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh dự kiến

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	30
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	10
4	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	6.480
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					6.530

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Vụn gỗ, bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào	Rắn	14 04 03	TT	1.461.000
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Bao bì PP, PE	Rắn	18 01 06	TT-R	2.000
3	Kim loại: đinh, tay nắm hòng,...	Rắn	12 08 04	TT-R	2.000
4	Giấy nhám	Rắn	-	TT	1.000
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	08 02 08	TT	5
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	2.070
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					1.468.075

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	27
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	13,5
3	Chất thải rắn còn lại	4,5
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		45

d. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nước thải chứa cặn sơn,	Rắn	08 01 01	KS	5.000

	dung môi hữu cơ và các thành phần nguy hại				
2	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất): Keo thải	Rắn	08 03 01	KS	40
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	200
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	30
6	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	660
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					5.940

6.4.2. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

❖ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

○ **Thiết bị lưu chứa chất thải:**

- Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

○ **Kho lưu chứa chất thải nguy hại :**

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 10,2 m² (cùng với khu lưu giữ chất thải thông thường).

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

❖ **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

○ **Thiết bị lưu chứa**

- Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

○ **Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường:**

- Diện tích kho chứa kích thước: 10,2 m² (cùng với khu lưu giữ chất thải nguy hại).

- Nhà gom bụi kích thước: 45 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực sản xuất sau đó giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án cụ thể như bảng sau:

Bảng 7. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm		Công suất hệ thống dự kiến đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1, công suất thiết kế 196.000 – 236.800 m ³ /giờ (04 ống thải)	Sau khi lắp đặt xong máy móc thiết bị	Sau 6 tháng	Trên 50% công suất thiết kế
2	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2, công suất thiết kế 49.000 – 59.200 m ³ /giờ			
3	06 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn, công suất thiết kế 66.000 m ³ /giờ/hệ thống			

7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Bảng 7. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Vị trí thu mẫu	Thông số	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu
Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý			
01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1, công suất thiết kế 196.000 – 236.800 m ³ /giờ (04 ống thải)	Luu lượng, bụi	1 ngày/1 lần	3 ngày liên tiếp: + Lần thứ 1: ngày đầu tiên sau giai đoạn hiệu chỉnh hiệu suất + Lần thứ 2: ngày tiếp theo lần thứ 1 (lấy 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 3: ngày tiếp theo lần thứ 2 (lấy 1 mẫu đầu ra)
01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2, công suất thiết kế 49.000 – 59.200 m ³ /giờ			
06 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn, công suất thiết kế	Luu lượng, bụi, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo		

Vị trí thu mẫu	Thông số	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu
66.000 m ³ /giờ/hệ thống	TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).		

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải được thể hiện chi tiết tại bảng 7.2.

Công ty sẽ phối hợp với các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

❖ Quan trắc chất lượng môi trường nước:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, nước thải của cơ sở đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

❖ Quan trắc chất lượng môi trường khí thải:

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
Khí thải		Lưu lượng, bụi	06 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT cột B
	06 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn, công suất thiết kế 66.000 m ³ /giờ/hệ thống	hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).	01 lần/năm	
	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1, công suất thiết kế 196.000 – 236.800 m ³ /giờ (04 ống thải)	Lưu lượng, bụi	06 tháng/lần	
	01 Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2, công suất thiết kế 49.000 –			

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
	59.200 m ³ /giờ			

7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 7. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

STT	Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Kinh phí (đồng/năm)
1	02 Hệ thống xử lý bụi gỗ	Lưu lượng, bụi	01	2 lần/năm	10.000.000
2	06 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	Lưu lượng, bụi, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).			200.000.000
3	Chi phí lập báo cáo	-	01	1 lần/năm	5.000.000
4	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại	-	Thường xuyên, liên tục	100.000.000
Tổng cộng		-		-	315.000.000

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường được cấp phép trước khi dự án đi vào vận hành.
- Cam kết đảm bảo phương án phòng cháy chữa cháy, sự cố hóa chất, sự cố do các hệ thống xử lý không hoạt động tuân thủ theo các quy định hiện hành.
- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải. Trong trường hợp chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, Công ty cam kết dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để bảo đảm các công trình xử lý chất thải có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và giấy phép môi trường.
- Cam kết đảm bảo duy trì vận hành hệ thống ổn định, không để xảy ra sự cố khi lắp đặt và khi đi vào hoạt động chính thức; tạo môi trường nhà xưởng thông thoáng, trang bị các phương tiện an toàn lao động khi dự án hoạt động.
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.
- Thực hiện đúng nội dung cấp phép và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn sản xuất, an toàn hóa chất và PCCC trong quá trình hoạt động của dự án. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

- Trong quá trình sản xuất chủ dự án thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường, tăng cường hiệu quả xử lý bụi, khí thải; thực hiện đầy đủ các giải pháp an toàn lao động, PCCC...

- Tất cả các nguồn phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động của Nhà máy sẽ được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định hiện hành (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B) trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Thông tư số Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của dự án hư hỏng gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ yêu cầu bảo vệ môi trường tại KCN.

- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**CHỦ DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC**



LÝ HỮU QUỜI

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3603177235

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 05 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 27 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN HUU THINH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

(Nằm trong khuôn viên Công ty CP Long Bình), đường Mạc Đĩnh Chi, khu phố Khu Công Nghiệp, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513833673

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÝ HỮU QUỚI	Việt Nam	Căn Hộ Chung Cư Số 3A.03, Tháp T1 Khu Chung Cư Thương Mại Estella Heights, 88/2, đường Song Hành, khu phố 9, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	19.000.000.000	95,000	079083040	
2	GIANG NGUYỆT LIỄU	Việt Nam	Số 92, đường Số 8, khu phố 8, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.000.000.000	5,000	079159029 526	

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... quyền Số.....-SCT/BS
Ngày..... 05-07-2026



Nguyễn Thị Thảo

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÝ HỮU QUỚI

Giới tính: Nam

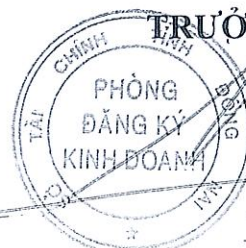
Ngày, tháng, năm sinh: 03/12/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079083040040

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Căn Hộ Chung Cư Số 3A.03, Tháp T1 Khu Chung Cư Thương Mại Estella Heights, 88/2, đường Song Hành, khu phố 9, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: tỉnh Đồng Nai

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
17	657	xã Giang Điền, huyện Trảng Bom	251,6	Sử dụng riêng	Đất khu công nghiệp	08/08/2058	Nhận góp vốn đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần
13	121	phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	14184,6	Sử dụng riêng	Đất khu công nghiệp	08/08/2058	

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà xưởng số 09

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng số 09 (phường Tam Phước)	7200,0	7200,0	Riêng	Cấp 3	08/08/2058
2. Nhà xe 02 bánh (2 nhà)(phường Tam Phước)	121,6x2	243,2	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
3. Bể nước ngầm (phường Tam Phước)	73,6	-/-	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
4. Nhà bảo vệ (phường Tam Phước)	6,0	6,0	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
4. Nhà bảo vệ (xã Giang Điền)	6,0	6,0	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
5. Nhà vệ sinh (02 nhà) (phường Tam Phước)	50,92x2	101,84	Riêng	Cấp 4	08/08/2058

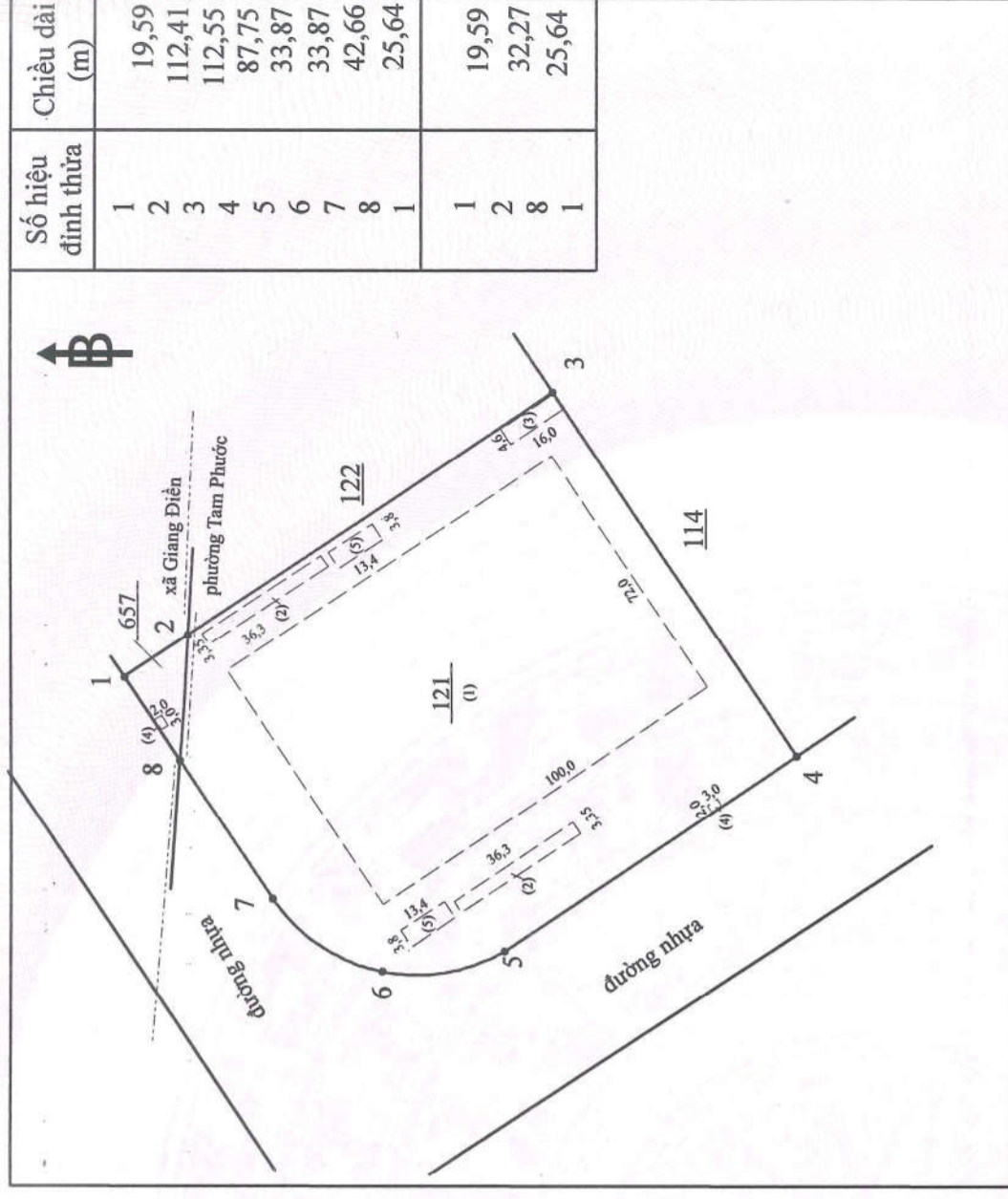
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Miễn tiền thuê đất phải nộp đối với Hợp đồng thuê đất số 86/HĐTD 11 năm tính từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/6/2027 theo Quyết định số 86/QĐ-CT, ngày 09/11/2016 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 11 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 66804

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp:

3603474037 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp,

đăng ký lần đầu ngày 01/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/12/2020

Địa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

DA 283981

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



752637421000021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN
VÀ CHO THUÊ LẠI ĐẤT TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN
SỐ: 10/HĐCN/GĐ

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền”;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền”;

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập KCN Giang Điền tại huyện Trảng Bom và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và cho phép Công ty Phát triển KCN Biên Hòa làm chủ đầu tư và Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 của KCN Giang Điền tại huyện Long Thành và huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Giang Điền tại huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6154618383 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 01 năm 2026 do Ban Quản Lý các Khu Công Nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận Công ty

Cổ phần Sonadezi Giang Điền là nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3603474037 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 283981 ngày 26 tháng 04 năm 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Bản thỏa thuận giữ quyền chuyển nhượng Tài sản và thuê lại đất tại KCN Giang Điền số 126/BTT-GD ngày 17 tháng 12 năm 2025 ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603177235 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh;

Trên cơ sở sự thống nhất, đồng thuận của Hai bên đối với các nội dung điều kiện, điều khoản và cam kết khi giao kết thực hiện Hợp đồng này,

Hợp đồng Chuyển Nhượng Tài Sản và Cho Thuê Lại Đất tại Khu công nghiệp Giang Điền này (sau đây được gọi tắt là “**Hợp đồng**” hay “**Hợp đồng chuyển nhượng**”) được ký ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các Bên:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN A):

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN (SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 6154618383, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2008 và thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 01 năm 2026.
- Giấy chứng nhận DKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251.3833388
- Fax : 84-251.3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Số tài khoản thứ 2 : 110 650 453 979 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch
- Số tài khoản thứ 3 : 101 638 3779 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai
- Số tài khoản thứ 4 : 800006888 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : **Ông HOÀNG SỸ QUYẾT**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

**BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN B):
CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH**

- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 3603177235 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : (nằm trong khuôn viên Công ty CP Long Bình), đường Mạc Đĩnh Chi, Khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 02513.831488
- Mã số thuế : 3603177235
- Người đại diện : **Ông LÝ HỮU QUỚI**
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Các Bên nêu trên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký kết *Hợp đồng chuyển nhượng* tại Khu công nghiệp Giang Điền với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Ngoại trừ trường hợp có quy định cụ thể khác, ý nghĩa của những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa như sau:

- (i) Hai Bên / Các Bên: Bên A và Bên B.
- (ii) Bên Thứ Ba: Là một hoặc các Bên là (bao gồm nhưng không giới hạn) khách hàng, đối tác, nhà thầu xây dựng... của Bên B.
- (iii) Giấy chứng nhận ĐKDN (của Bên B): Là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603177235 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- (iv) Nhà xưởng: Là Nhà xưởng 09 có tổng diện tích 7.200 m² thuộc *Tài sản* nằm trong khuôn viên *Khu đất thuê*.
- (v) Khu đất thuê: Là một phần Lô đất số 18, Đường số 01 và Đường số 14 tại Khu công nghiệp Giang Điền, phường Tam Phước và xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai có tổng diện tích là 14.436,2 m² mà trên đó có *Tài sản*.
- (vi) Tài sản/ Tài sản chuyển nhượng: Là *Nhà xưởng*, vật kiến trúc, trang thiết bị, và các công trình phụ (các công trình xây dựng, đường nội bộ và các thiết bị của Bên A được xây dựng, lắp đặt sẵn...) được Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo hiện trạng và theo bản vẽ hoàn công.
- (vii) Thời hạn thuê lại đất: Là thời hạn thuê được tính từ ngày *Hai Bên* ký *Hợp đồng thuê chuyển nhượng Tài sản và thuê lại đất* đến ngày 08 tháng 08 năm 2058.

- (viii) Ngày Bàn giao: Là ngày Bên A bàn giao *Tài sản* và *Khu đất thuê* cho Bên B và các tài liệu liên quan đến *Nhà xưởng* và công trình trên *Khu đất*.
- (ix) Tháng: Là tháng Dương lịch.
- (x) Quý: Là mỗi 3 tháng dương lịch. Hàng quý có nghĩa là mỗi 3 tháng một lần.
- (xi) Năm: Là năm dương lịch tính gồm 12 (*mười hai*) tháng Dương Lịch liên tiếp.
- (xii) Ngày dương lịch: Là (những) ngày thuộc tháng dương lịch có độ dài 24 giờ với thời điểm bắt đầu từ từ 0 giờ 0 phút 0 giây đến 23 giờ 59 phút 59 giây.
- (xiii) Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất: Được nêu tại Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng*.
- (xiv) Giá trị chuyển nhượng Tài sản: Được nêu tại Điểm 4.2.1, Khoản 4.2, Điều 4 của *Hợp đồng*.
- (xv) Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp: Được nêu tại Điểm 4.2.2, Khoản 4.2, Điều 4 của *Hợp đồng*.
- (xvi) Phí quản lý: Được nêu tại Điểm 4.3.1, Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng*.
- (xvii) Tiền thuê đất thô: Được nêu tại Điểm 4.3.2, Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng*.
- (xviii) Tiền đặt cọc: Được nêu tại Khoản 4.5, Điều 4 của *Hợp đồng* này.
- (xix) Việt Nam Đồng (VND): Là đơn vị tiền tệ của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được dùng để thanh toán các khoản các khoản phí được quy định theo *Hợp đồng*.
- (xx) Thuế Giá trị gia tăng: Là khoản thuế do cơ quan thuế áp dụng cho các khoản thanh toán của Bên B đối với việc Thuê Nhà xưởng theo quy định hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Thuế Giá trị gia tăng sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ do Nhà nước Việt Nam công bố tùy vào từng thời điểm.

ĐIỀU 2: VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THUÊ VÀ TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG GẮN LIỀN VỚI KHU ĐẤT

2.1. *Khu đất thuê* do Bên A cho thuê lại bao gồm *Tài sản*, có diện tích và vị trí như sau:

- Diện tích *Khu đất thuê*: **14.436,2 m²**.

- Vị trí *Khu đất thuê*: Thửa đất số 657, Tờ bản đồ địa chính số 17, thuộc xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và Thửa đất số 121, Tờ bản đồ địa chính số 13, thuộc phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ: Đường số 01 và Đường số 14, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom và phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

2.1 Vị trí và diện tích *Khu đất thuê* do Bên A cho Bên B thuê lại được xác định theo Trích lục và Đo tách Thửa Đất Bản đồ địa chính số 189/TLBĐ tỷ lệ 1:500 do Công ty TNHH Khảo Sát Và Xây Dựng 6 lập ngày 05 tháng 12 năm 2020 và được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2.2. Tài sản chuyển nhượng:

- Bên B đề nghị và Bên A đồng ý chuyển nhượng cho Bên B *Tài sản* gắn liền với *Khu đất thuê* nêu trên.
- Tính pháp lý đối với *Tài sản* nêu trên: Bên A đã được Sở Tài nguyên – Môi trường Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và *Tài sản* khác gắn liền với đất số DA 283981 ngày 26 tháng 04 năm 2021.
- *Tài sản* bao gồm các hạng mục công trình như sau:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng 09 (phường Tam Phước)	7.200,0	7.200,0	Riêng	Cấp 3	08/08/2058
2. Nhà xe 02 bánh (2 nhà) (phường Tam Phước)	121,6 x 2	243,2	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
3. Bể nước ngầm (phường Tam Phước)	73,6	-/-	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
4. Nhà bảo vệ (phường Tam Phước)	6,0	6,0	Riêng	Cấp 4	08/08/2058
4. Nhà bảo vệ (xã Giang Điền)	6,0	6,0			
5. Nhà vệ sinh (2 nhà) (phường Tam Phước)	50,92 x 2	101,84	Riêng	Cấp 4	08/08/2058

Danh mục *Tài sản* đi kèm với nhà xưởng được thể hiện chi tiết trong *Biên bản bàn giao Tài sản*. *Biên bản bàn giao Tài sản* và Bản vẽ hoàn công sẽ do Hai Bên kiểm tra, cùng đồng ý, xác nhận và là một phần không thể tách rời của *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* tại KCN Giang Điền.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN THUÊ LẠI KHU ĐẤT, SỬ DỤNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI KHU ĐẤT

3.1. Căn cứ theo quy định của Pháp luật, Bên A được phép cho Bên B thuê lại *Khu đất thuê*, sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Giang Điền và *Tài sản* để hoạt động sản xuất với thời hạn được tính từ ngày Hai Bên cùng ký kết *Hợp đồng*

chuyển nhượng tài sản và thuê lại đất tại KCN Giang Điền cho đến ngày **08 tháng 08 năm 2058**. Trong khoảng thời gian **24 (hai mươi bốn) tháng** kể từ ngày Bên B nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký nhận bàn giao Tài sản và Khu đất thuê từ Bên A, Bên B phải đưa dự án vào hoạt động.

- 3.2. Khi hết Thời hạn thuê lại đất nêu trên, nếu thời hạn thuê đất của Bên A với Nhà nước Việt Nam và Thời hạn đầu tư của Bên B được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gia hạn thì Thời hạn thuê lại đất của Bên B sẽ được Bên A xem xét cho gia hạn với thời gian tương ứng. Mức phí sử dụng đất (bao gồm Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp, Phí quản lý, Tiền thuê đất thô và các loại phí khác) trong thời gian gia hạn sẽ được Hai Bên thỏa thuận lại theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 4: CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ NGÀY BÀN GIAO

4.1. Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất và phương thức thanh toán:

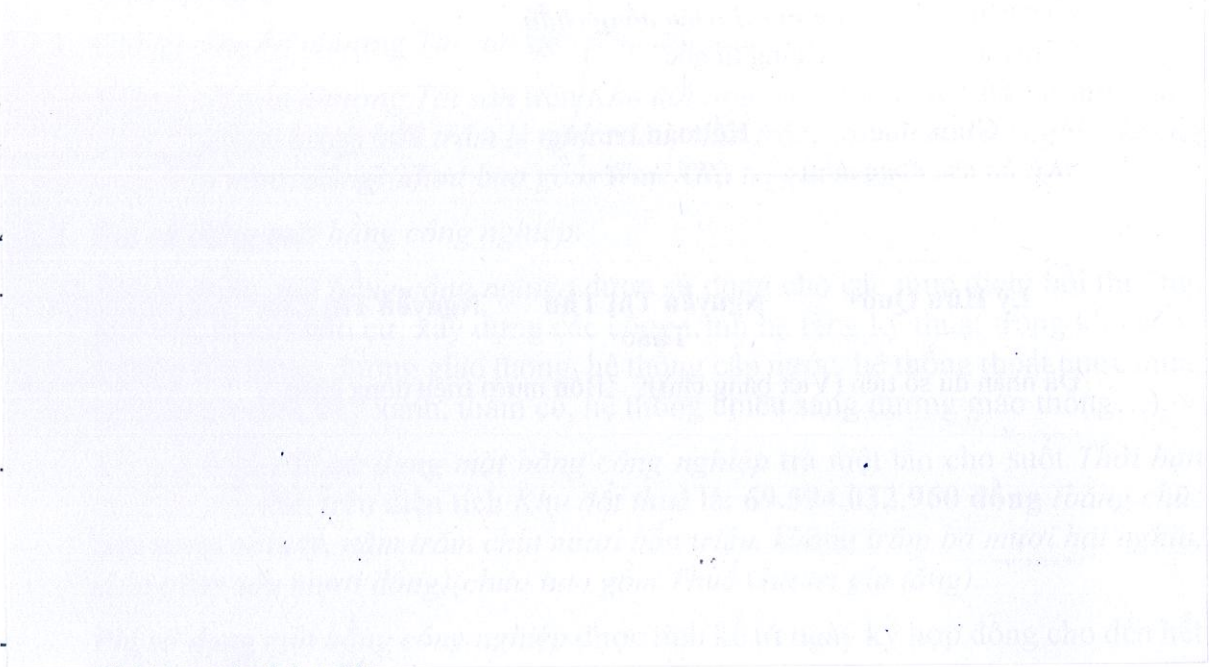
4.1.1.

- Để tránh nhầm lẫn, ngoài các khoản phí liệt kê trong Hợp đồng chuyển nhượng này và Lệ phí trước bạ nhà đất mà Bên B phải thanh toán theo quy định của pháp luật, Bên B sẽ không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho Bên A trong suốt Thời hạn thuê lại đất trừ trường hợp theo quy định pháp luật hoặc phí này là hợp lý áp dụng cho tất cả bên thuê khác trong Khu công nghiệp Giang Điền.

4.1.2. Phương thức thanh toán:

- Bên B đồng ý thanh toán toàn bộ Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất nêu trên bằng 03 (ba) đợt với tỷ lệ thanh toán như sau:
 - **Đợt 1:** thanh toán **50%** (năm mươi phần trăm) Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất **trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng.**
 - **Đợt 2:** thanh toán **25%** (hai mươi lăm phần trăm) Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất **trong vòng 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng.**
 - **Đợt 3:** thanh toán **25%** (hai mươi lăm phần trăm) Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất **trong vòng 360 (ba trăm sáu mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng.**
- Giá trị thanh toán cụ thể của từng đợt Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất sẽ được Bên A thông báo bằng Giấy báo thanh toán và gửi cho Bên B trước 10 (mười) ngày tính từ ngày đến hạn thanh toán của mỗi đợt.

4.2. Các loại chi phí bao gồm trong Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho



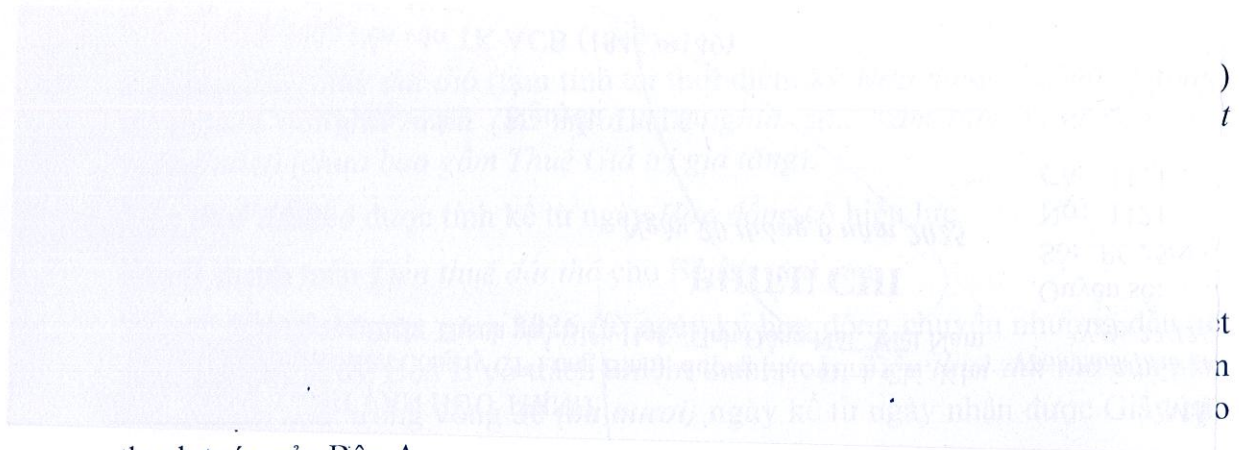
Thời hạn thuê lại đất.

4.3. Các loại chi phí không bao gồm trong Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất:

4.3.1. Phí quản lý:

- *Phí quản lý* được sử dụng cho công tác giữ gìn an ninh trật tự và quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình tiện ích hạ tầng kỹ thuật trong Khu Công Nghiệp Giang Điền (nhưng ngoài phạm vi các *Khu đất thuê* và các Nhà xưởng mà Bên A cho thuê lại) bao gồm hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống chiếu sáng, đường ống cấp nước, cống thoát nước, khu vực cây xanh, điều kiện vệ sinh và an ninh chung của Khu Công nghiệp.
- Đơn giá *Phí quản lý* (tạm tính tại thời điểm ký *Hợp đồng chuyển nhượng*) là: **26.200 đồng/m²/năm** (bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn, hai trăm đồng/mét vuông/năm)(chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng).
- Bên A sẽ miễn *Phí quản lý* cho Bên B trong khoảng thời gian từ ngày *Hợp đồng* có hiệu lực đến ngày 31/08/2026 để tạo điều kiện cho Bên B lắp đặt máy móc, trang thiết bị... để triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh. *Phí quản lý* sẽ được tính từ ngày **01/09/2026**.
- Bên B thanh toán *Phí quản lý* cho Bên A như sau:
 - + **Phí quản lý của năm 2026** (từ ngày 01/09/2026 đến hết ngày 31/12/2026): Bên B có trách nhiệm thanh toán *Phí quản lý* năm 2026 chậm nhất trong vòng **30 (ba mươi) ngày** kể từ ngày nhận được Giấy báo thanh toán của Bên A.
 - + **Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết Thời hạn thuê lại đất:** Bên B thanh toán *Phí quản lý* cho Bên A theo Giấy báo thanh toán của Bên A và chậm nhất vào **ngày 31 tháng 01 hàng năm**.

- *Phí Quản lý* trên đây sẽ được điều chỉnh tăng mỗi 05 năm/lần (*năm năm một lần*) và tăng 15% so với đơn giá *Phí Quản lý* được áp dụng cho chu kỳ 05 năm liền kề trước đó.



thanh toán của Bên A.

- + **Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết Thời hạn thuê lại đất:** Bên B thanh toán *Tiền thuê đất thô* theo Giấy báo thanh toán của Bên A với thời hạn thanh toán chậm nhất vào **ngày 31 tháng 01 hàng năm**.
- *Tiền thuê đất thô* trên đây sẽ được điều chỉnh tăng mỗi 05 năm/lần (*năm năm một lần*) và tăng 15% so với đơn giá *Tiền thuê đất thô* được áp dụng cho chu kỳ 05 năm liền kề trước đó.

4.4. Thuế Giá trị gia tăng

Bên B có trách nhiệm trả thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam đối với các khoản phí thanh toán và phí sử dụng đất nêu ở Khoản 4.1, Khoản 4.2, và Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng* này.

4.5. Tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc là: **5.150.000.000 đồng** (bằng chữ: Năm tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền đặt cọc này sẽ được Bên A khấu trừ vào đợt thanh toán đầu tiên (Đợt 1) khi Bên B thanh toán *Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* cho Bên A theo quy định tại Điểm 4.1.2, Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng*.

4.6. Đồng tiền thanh toán

Bên B thanh toán các loại phí nêu tại Khoản 4.1, Khoản 4.2, và Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng chuyển nhượng* cho Bên A bằng tiền Việt Nam Đồng (VND).

4.7. Thanh toán trễ hạn đối với số tiền phải trả nhưng Bên B chậm trả (chậm thanh toán) cho Bên A

- 4.7.1. Trong trường hợp Bên B không thanh toán đầy đủ các khoản phí sử dụng đất được quy định tại Khoản 4.2 và 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng* này (sau đây gọi chung là “**Các Khoản Phí Thuê Đất**”) theo đúng thời hạn thanh toán nêu trong *Hợp đồng*, Bên B phải thanh toán thêm khoản tiền lãi do Bên B chậm trả được tính trên (một hoặc các) *Khoản Phí Thuê Đất* mà Bên B chậm trả với lãi suất chậm trả là $(i) = 15\%/năm$ (mười lăm phần trăm/năm) trong khoảng thời gian chậm trả (tính từ lúc hết hạn thanh toán đến khi Bên A nhận đầy đủ các khoản tiền phải thanh toán từ bên B).

Liên quan đến điều khoản này, Bên A không bị ràng buộc và/hoặc không có trách nhiệm phải gửi bất kỳ văn bản thông báo nào về việc áp dụng tính thêm khoản tiền lãi do chậm trả đối với Bên B mà điều kiện này sẽ được tự động áp dụng khi Bên B không thanh toán đầy đủ hoặc không thanh toán đúng hạn (một hoặc các) *Khoản Phí Thuê Đất* cho Bên A.

4.7.2. Công thức tính khoản tiền lãi do chậm trả đối với (một hoặc các) *Khoản Phí Thuê Đất* mà Bên B chậm thanh toán theo quy định tại Điểm 4.7.1, Khoản 4.7, Điều 4 được áp dụng như sau:

$A = (P \times (i) \times (n))/365$. Trong đó:

- A: Số tiền lãi mà bên A nhận được do bên B chậm trả được tính trên *Các Khoản Phí Thuê Đất* bên B chậm thanh toán (bằng đồng Việt Nam).
 - P: (*Các Khoản Phí Thuê Đất*) mà bên B chậm trả cho bên A (bằng đồng Việt Nam).
 - (i): Lãi suất chậm trả được áp dụng theo quy định tại *Hợp đồng* (%/năm).
 - (n): Khoảng thời gian chậm trả của Bên B được tính bằng *Ngày dương lịch*.
 - 365: là số ngày trong một năm được áp dụng để tính tiền lãi do chậm trả.
- 4.7.3. Trong trường hợp Bên B chậm trả các khoản tiền đã đến hạn, Bên A sẽ áp dụng thứ tự thu nợ các khoản phải thu theo *Hợp đồng* mà bên B phải thanh toán như sau: (i) *Các Khoản Phí Thuê Đất* (Phí SDMBCN, Tiền thuê đất thô, Phí Quản lý) bị quá hạn là P; (ii) tiền lãi chậm trả là A, được tính trên *Các Khoản Phí Thuê Đất*.
- 4.7.4. Nếu quá hạn **06 (sáu) tháng** kể từ thời điểm Bên A có Giấy báo thanh toán và Hóa đơn tài chính gửi đến Bên B nhưng Bên B vẫn không thanh toán *Các Khoản Phí Thuê Đất* đến hạn phải thanh toán cho Bên A thì ngoài việc tính các khoản tiền lãi do chậm thanh toán như cách tính nêu trên, Bên A có quyền tạm thời ngưng cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật (gồm cấp nước, xử lý nước thải, ...) cho đến khi Bên B hoàn tất thanh toán đầy đủ các khoản phải trả cho Bên A, kể cả việc Bên A đề nghị các cấp thẩm quyền xem xét thực hiện việc thu hồi *Giấy chứng nhận ĐKĐT* và *Giấy chứng nhận ĐKDN* của Bên B theo quy định; đồng thời, Bên A có quyền chấm dứt *Hợp đồng* này ngay khi thông báo bằng văn bản cho Bên B mà không phải bồi hoàn cho Bên B bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên B đã trả cho Bên A trước đó theo *Hợp đồng* này và Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả lại *Khu đất thuê* cho Bên A.
- 4.8. Bên B có trách nhiệm chi trả các loại phí liên quan theo quy định của ngân hàng khi thực hiện chuyển khoản các loại phí cho Bên A.

4.9. Ngày Bàn giao:

Bên A đã chính thức bàn giao và Bên B đã tiếp nhận *Nhà xưởng* và *Khu đất* từ Bên A; đồng thời Hai Bên đã ký kết *Biên bản Bàn Giao Nhà xưởng* vào ngày **07/02/2026**.

ĐIỀU 5: QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI, CHẤT THẢI RẮN

5.1 Chất thải

Việc quản lý chất thải rắn phát sinh (bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại) trong quá trình hoạt động của Bên B phải đảm bảo

tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (“Nghị định 08/2022/NĐ-CP”), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên – Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (“Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT”) và các quy định khác có liên quan do các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành.

5.2 Nước thải

5.2.1 Nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền trước khi chảy ra sông Buông phải được xử lý đạt giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam và các văn bản khác liên quan.

5.2.2 Bên A thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền để đảm bảo nước thải trước khi chảy ra sông Buông đã được xử lý đạt giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam và các văn bản khác liên quan.

5.2.3 Bên B cam kết bằng phí tổn của mình sẽ thực hiện việc xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn theo “*Bảng giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải tiếp nhận vào Nhà máy xử lý nước thải tại KCN Giang Điền*” (đính kèm Quy định về bảo vệ môi trường tại KCN Giang Điền) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

- Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường tỉnh Đồng Nai.
- Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng 80% (*tám mươi phần trăm*) khối lượng nước cấp được sử dụng trong *Khu đất thuê*.
- Việc xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Giang Điền được thực hiện bởi Bên A. Bên B sẽ thỏa thuận và ký kết Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền với Bên A.
- Chi phí xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo danh mục ngành nghề được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.3 Khí thải

- Trường hợp hoạt động sản xuất của Bên B có phát sinh chất thải khí tác động xấu đến môi trường, Bên B có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật.
- Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải xử lý đạt các quy chuẩn hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Về nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động: chỉ được sử dụng các loại nhiên liệu gồm khí LPG, dầu DO, dầu FO hoặc các dạng nhiên liệu sạch (điện năng, khí thiên nhiên,...), không sử dụng năng lượng từ than và gỗ tạp (gồm cả gỗ, củi, dăm bào, gỗ vụn,...).

5.4 Bên B cam kết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ không phát sinh khói, bụi và chất thải ra bên ngoài *Khu đất thuê* và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty hoạt động lân cận. Nếu để xảy ra tình trạng này,

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu toàn bộ chi phí bồi thường cho những tổn thất, thiệt hại của các công ty trên (nếu có).

ĐIỀU 6: QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- 6.1** Bên B có quyền tổ chức sản xuất kinh doanh trên *Tài sản* và *Khu đất thuê* theo đúng nội dung đăng ký tại *Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư* của Bên B.
- 6.2** Bên B được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất* theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- Bên B có nghĩa vụ thanh toán lệ phí trước bạ theo quy định khi Bên A thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bên B.
- 6.3** Bên B được phép bắt đầu triển khai thực hiện dự án trên *Tài sản* và *Khu đất thuê* sau khi hoàn thành các nội dung sau:
- Ký *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* với Bên A;
 - Ký *Biên bản bàn giao Tài sản* và nhận bàn giao *Tài sản* từ Bên A;
 - Ký kết với Bên A "*Biên bản thỏa thuận thực hiện quy định về bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp Giang Điền*".
 - Hoàn thành thanh toán ít nhất Đợt 1 của *Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* nêu tại Điểm 4.1.2, Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng* này theo đúng tiến độ *Hai Bên* đã cam kết, thỏa thuận.
- 6.4** Bên B có quyền sở hữu *Tài sản* và *Khu đất thuê* thể hiện tại Phụ lục 1 của *Hợp đồng* này và "*Bản vẽ hoàn công công trình*" kể từ ngày Bên B hoàn tất thanh toán đầy đủ 100% của *Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* cho Bên A nêu tại Điểm 4.1.2, Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng* này và Bên B nhận bàn giao từ Bên A "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất*" của *Tài sản* và *Khu đất thuê* nêu tại Khoản 7.3, Điều 7 của *Hợp đồng* này.
- 6.5** Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay vật kiến trúc các công trình xây dựng, đường nội bộ và các trang thiết bị do Bên B xây dựng, lắp đặt, sở hữu trong phạm vi ranh giới *Khu đất thuê* là tài sản của Bên B. Bên B được quyền thế chấp tại các ngân hàng ở Việt Nam giá trị tài sản trên *Khu đất thuê* để vay vốn cho sản xuất.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KHU ĐẤT CHO THUÊ

- 7.1** Bên A cam kết phải có trách nhiệm đảm bảo Bên Thứ Ba (Bên nhận chuyển nhượng) thay thế bên A tiếp tục thực hiện theo đúng những thỏa thuận, cam kết của Bên A đối với Bên B đã được quy định tại *Hợp đồng* này trong trường hợp Bên A phá sản hoặc chuyển nhượng dự án KCN Giang Điền cho Bên Thứ Ba.
- 7.2** Bên A cam kết trao cho Bên B trọn quyền sử dụng *Tài sản* và *Khu đất thuê* để thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Bên B, ngoại trừ trường hợp quy định ở Khoản 13.2 tại Điều 13 của *Hợp đồng* này.

- 7.3 Bên A cam kết hỗ trợ Bên B thực hiện thủ tục đăng ký biến động để đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bên A sẽ thông báo và cập nhật cho Bên B về tình trạng và tiến độ thực hiện thủ tục nêu trên kể từ ngày Bên B nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.4 Bên A cam kết bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của *Nhà xưởng* và *Khu đất thuê* cho Bên B sau khi Bên B đã thanh toán đầy đủ 100% *Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* cho Bên A.
- 7.5 Bên A cam kết sức chịu tải theo thiết kế của nền *Nhà xưởng* là 03 (ba) tấn/m² đối với lực chịu tải tĩnh. Tuy nhiên, Bên B cần có giải pháp thiết kế bổ sung để gia cố sức chịu tải nền phù hợp với thông số kỹ thuật của các trang thiết bị máy móc có độ rung khi hoạt động.
- 7.6 Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường tỉnh Đồng Nai. Bên A cam kết rằng hoạt động giám sát, kiểm tra đó sẽ không gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và hoạt động của Bên B và sẽ bồi thường đối với bất kỳ thiệt hại nào (nếu có) do quá trình giám sát, kiểm tra gây ra.
- 7.7 Bên A hỗ trợ, tư vấn Bên B trong việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp điện để nhanh chóng hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống cấp điện phục vụ hoạt động sản xuất của Bên B tại KCN Giang Điền.
- Viễn thông Đồng Nai là đơn vị cung cấp các dịch vụ thông tin: điện thoại, internet, fax... đến *Khu đất thuê*.
 - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai là đơn vị đầu tư xây dựng và cung cấp đường điện 15 (22) kV đến *Khu đất thuê*.
- 7.8 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường ống nước với đường kính đảm bảo cung cấp nước cho nhà máy của Bên B. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A và trả mọi khoản phí từ việc sử dụng nước cho Bên A. Việc quản lý và cung cấp nước do Bên A thực hiện.
- Trường hợp Bên B có nhu cầu tăng lượng nước cấp thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời điểm cần tăng lượng nước cấp ít nhất **12 (mười hai) tháng**, Bên A sẽ căn cứ vào năng lực cung cấp và phản hồi bằng văn bản cho Bên B về đề nghị tăng lượng nước cấp nêu trên.
- 7.9 Bên A có trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền (không bao gồm hệ thống cấp điện và thông tin) trong suốt *Thời hạn thuê lại đất* của Bên B nêu tại Khoản 3.1, Điều 3 của *Hợp đồng* này.
- 7.10 Bên A cam kết *Khu đất thuê* của Bên B đã được đền bù giải tỏa hoàn chỉnh đồng thời không tranh chấp với bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào.
- 7.11 Bên A cam kết bàn giao đầy đủ cho Bên B các hồ sơ pháp lý của *Nhà xưởng* bao gồm: Giấy phép xây dựng, Giấy phép thẩm duyệt về thiết kế PCCC, các bản vẽ hoàn công xây dựng, hoàn công PCCC, bản vẽ thẩm duyệt PCCC, Bản vẽ cấp thoát nước, cụ thể như sau:

- Đối với Giấy phép xây dựng và Giấy phép thẩm duyệt về thiết kế PCCC của *Nhà xưởng*: Bên A sẽ bàn giao bản sao y công chứng cho Bên B.
- Đối với các bản vẽ hoàn công của *Nhà xưởng*: Bên A sẽ bàn giao bộ bản gốc cho Bên B.

ĐIỀU 8: CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ THUÊ LẠI ĐẤT TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN

- 8.1** Bên B sử dụng *Tài sản* và *Khu đất thuê* vào mục đích theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Bên B và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* này.
- 8.2** Bên B cam kết điều hành sản xuất, kinh doanh trên *Khu đất thuê* theo đúng nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Bên B, các quy định cụ thể của Khu công nghiệp Giang Điền và các điều khoản của *Hợp đồng* này.
- 8.3** Trong trường hợp Bên B bị giải thể, phá sản và/hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh trên *Khu đất thuê* thì *Hợp đồng* sẽ tự động hết hiệu lực và mặc nhiên được thanh lý. Bên B đồng ý việc Bên A sẽ thu hồi *Khu đất thuê* để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- Việc chuyển đổi, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với *Khu đất thuê* của Bên B đối với *Bên thứ ba* được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A. Bên A không có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, thực hiện thay Bên B các thủ tục pháp lý cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý liên quan trong việc chuyển đổi, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với *Khu đất thuê* giữa Bên B với một hoặc các Bên khác.
- 8.4** Trong thời gian thực hiện *Hợp đồng*, trường hợp Bên B chuyển nhượng hoặc cho *Bên thứ ba* thuê lại kho/ nhà xưởng trong phạm vi *Khu đất thuê* của mình thì Bên B phải cam kết các nội dung sau:
- Bên B và *Bên thứ ba* / Bên nhận chuyển nhượng hoặc thuê lại kho/ nhà xưởng trong phạm vi *Khu đất thuê* của Bên B phải tuân thủ theo đúng quy định có liên quan của Luật pháp Việt Nam và các quy định cụ thể của Khu công nghiệp Giang Điền cũng như các điều khoản, điều kiện và các quy định chế tài có liên quan đã được quy định tại *Hợp đồng chuyển nhượng* được ký kết giữa *Hai Bên*.
Bên A không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý liên quan trong việc chuyển nhượng hoặc cho thuê lại kho/ nhà xưởng giữa Bên B và *Bên thứ ba*;
 - Bên B và *Bên thứ ba* phải tự thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý và chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan đến việc chuyển nhượng hoặc cho thuê lại kho/ nhà xưởng trong phạm vi *Khu đất thuê* của Bên B. Bên A không bị ràng buộc bởi bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào có liên quan đến các công việc như (bao gồm nhưng không giới hạn) xác thực và/ hoặc cung cấp các văn bản và/hoặc thực hiện các hồ sơ, thủ tục phục vụ cho việc vay vốn ngân hàng hoặc phục vụ cho các yêu cầu, mục đích công việc riêng của *Bên thứ ba* cũng như khách hàng, đối tác của *Bên thứ ba*;
 - Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi tiến hành ký hợp đồng với *Bên thứ ba*;

- Bên nhận chuyển nhượng tài sản của Bên B phải ký một *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* khác với Bên A và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành Luật pháp Việt Nam và mọi quy định của Khu công nghiệp Giang Điền. Đồng thời, ngành nghề hoạt động sản xuất của *Bên thứ ba* tại KCN Giang Điền phải phù hợp với ngành nghề được quy định tại “Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền”.

Bên A có toàn quyền từ chối ký kết hợp đồng cho thuê lại đất và/hoặc các văn bản có liên quan với Bên B và *Bên thứ ba* nếu *Bên thứ ba* không đáp ứng được điều kiện này.

- Bên B phải đảm bảo trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, *Bên thứ ba*/ Bên nhận chuyển nhượng hoặc thuê lại kho/ nhà xưởng từ Bên B sẽ không phát sinh khói, bụi, mùi, chất thải, nước thải, khí thải... ra bên ngoài *Khu đất thuê* và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty hoạt động lân cận. Nếu để xảy ra tình trạng này, Bên B và *Bên thứ ba* phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu toàn bộ chi phí bồi thường cho những tổn thất, thiệt hại của các công ty trên (nếu có). Đồng thời, Bên A có quyền thông tin đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý các vi phạm của Bên B và *Bên thứ ba* (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- 8.5** Bên B ký hợp đồng cung cấp và sử dụng điện trực tiếp với Bên cung cấp điện (Điện lực Trảng Bom – Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai) và tự thỏa thuận các điều kiện có liên quan.

Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm tự đầu tư nhánh rẽ đường điện 15 (22) kV bằng chi phí của mình để đấu nối vào lưới điện của khu công nghiệp và đầu tư trạm biến áp để cấp điện theo nhu cầu sử dụng của nhà máy/công ty mình.

- 8.6** Bên B có trách nhiệm cung cấp lịch trình về nhu cầu sử dụng điện, nước trong từng giai đoạn triển khai dự án ít nhất trước **12 (mười hai) tháng** để Bên A cùng các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên ngành xem xét, bố trí cung cấp điện, nước cho phù hợp.

- 8.7** Bên B, bằng chi phí của mình, tự thực hiện ký hợp đồng sử dụng các dịch vụ với các đơn vị cung cấp dịch vụ và thực hiện việc lắp đặt, đấu nối các hệ thống dịch vụ như điện, thoát nước, khí đốt, liên lạc viễn thông cùng những hệ thống kỹ thuật khác, và tự thanh toán cước phí sử dụng các dịch vụ này.

- 8.8** Bên B không được phép đào, khoan giếng khai thác nước ngầm trong phạm vi *Khu đất thuê* hoặc tại bất kỳ vị trí nào trong Khu công nghiệp Giang Điền khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

- 8.9** Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng chi phí của mình để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.

- 8.10** Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm đối với nhà xưởng và tất cả vật dụng, trang thiết bị, *Tài sản* thuộc sở hữu của Bên B và mua bảo hiểm tai nạn cho nhân viên của Bên B trong *Thời hạn thuê lại đất và sử dụng Tài sản* theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam. Mọi thiệt hại về người và *Tài sản* xảy ra trong phạm vi *Khu đất thuê* và trong *Thời hạn thuê lại đất* sẽ do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- 8.11** Trong trường hợp Bên B muốn xây dựng thêm các công trình, lắp đặt các trang thiết bị hoặc cải tạo công trình hoặc có bất kỳ sự thay đổi đối với *Nhà xưởng* và *Khu đất* để phục vụ cho nhu cầu riêng của mình, Bên B có trách nhiệm và bị ràng buộc phải thực hiện các công việc sau:
- Bằng chi phí và tự thực hiện các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để được phê duyệt/cấp phép cho thực hiện các nội dung công việc nêu trên.
 - Thanh toán bằng kinh phí của mình các khoản chi phí cải tạo, chi phí lắp đặt trang thiết bị khi tiến hành xây dựng, lắp đặt và cải tạo công trình.
 - Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ/văn bản bao gồm (nhưng không giới hạn) gồm thư đề nghị được xây dựng/cải tạo, các bản vẽ, thiết kế,... liên quan đến công trình xây dựng, lắp đặt hoặc cải tạo sẽ thực hiện đối với *Nhà xưởng* và *Khu đất* trong thời hạn ít nhất 10 (mười) ngày trước khi tiến hành để Bên A có thời gian thực hiện thẩm định.
 - Phải được sự phê duyệt, chấp thuận chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước và văn bản đồng ý của Bên A trước khi tiến hành các hoạt động nêu trên.
 - Bất kỳ hoạt động xây dựng, cải tạo, lắp đặt bên trong *Nhà xưởng* và *Khu đất* phải tuân theo quy định Pháp luật hiện hành về quản lý xây dựng và Quy định của Khu Công nghiệp Giang Điền.
- 8.12** Bên B cam kết chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động xây dựng, lắp đặt và cải tạo công trình của *Bên thứ ba* và/hoặc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B trên *Khu đất thuê* bao gồm nhưng không giới hạn: an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, quản lý và đăng ký lao động, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và con người...
- 8.13** Bên B chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên A trong trường hợp Bên A bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hoặc không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trong *Khu đất thuê*, trong *Thời hạn thuê lại đất*.
- 8.14** Bên B cam kết các thiết kế và phương án thi công xây dựng công trình trên *Khu đất thuê* của Bên B phải tuân theo quy định của Khu công nghiệp Giang Điền và phù hợp với hiện trạng hạ tầng kỹ thuật hiện có hoặc theo thiết kế của Khu Công nghiệp.
- 8.15** Bên B cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam về việc bảo vệ môi trường, thực hiện theo đúng các quy định được nêu tại Điều 5 và tại "*Quy định về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp Giang Điền*" (đính kèm *Hợp đồng* này).
- 8.16** Bên B cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền bao gồm: *Tổng giá trị chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* được nêu tại Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* và các chi phí khác (nếu có).
- 8.17** Bên B chịu mọi khoản thuế theo quy định tại *Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư* và *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* của Bên B và các khoản thuế khác theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

- 8.18** Bên B cam kết chỉ sử dụng đất trong phạm vi ranh giới *Tài sản* và *Khu đất thuê*. Đồng thời, Bên B phải hoàn tất ký kết với Bên A "*Biên bản bàn giao Tài sản chuyển nhượng*".
- 8.19** Trong thời gian Hợp đồng này có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại *Khu đất thuê* trước *Thời hạn thuê lại đất* với lý do chính đáng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất là **06 (sáu) tháng**.
- 8.20** Bên B đồng ý bồi thường cho Bên A đối với bất kỳ mất mát, trách nhiệm, chi phí (bao gồm cả chi phí pháp lý), các yêu sách, thủ tục và phí tổn mà Bên A có thể gánh chịu hoặc phát sinh từ hay liên quan đến việc Bên B vi phạm *Hợp đồng* này.
- 8.21** Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng các cam kết được nêu tại *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* thì Bên A có quyền ngừng cung cấp các dịch vụ phục vụ tại Khu Công nghiệp (cấp nước sạch, xử lý nước thải,...) và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc giải quyết các khiếu nại, yêu cầu và/hoặc bồi thường các chi phí, phí tổn phát sinh cho Bên B và/hoặc cho Bên thứ ba do việc ngừng cung cấp các dịch vụ phục vụ tại KCN. Ngoài ra, Bên A sẽ thông báo đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi việc thực hiện không đúng cam kết của Bên B vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai và môi trường.
- 8.22** Trong *Thời hạn thuê lại đất*, Bên B cam kết sẽ không chuyển đổi pháp nhân thuê lại đất, đồng thời không thay đổi vị trí *Khu đất thuê* và chia tách diện tích *Khu đất thuê* cho một (hoặc các) *Bên thứ ba* không đúng với quy định pháp luật hiện hành và các quy định, quy hoạch của Khu Công nghiệp Giang Điền. Đồng thời, Bên B cam kết không vi phạm các nghĩa vụ, cam kết, thỏa thuận theo *Hợp đồng* này.
- Bên A có quyền từ chối và được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý khi không ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* mới với *Bên Thứ Ba* trong trường hợp Bên B thay đổi, hoán chuyển pháp nhân khác không phù hợp và/hoặc chia tách diện tích *Khu đất thuê* cho một hoặc các *Bên Thứ Ba* để tham gia ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A.
- 8.23** Trong trường hợp *Thời hạn thuê lại đất* nêu tại Điều 3 nêu trên kết thúc và/hoặc *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* chấm dứt hiệu lực và/hoặc *Thời hạn đầu tư* của Bên B không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận gia hạn, Bên B cam kết sẽ ngừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và thu dọn, di chuyển toàn bộ *Tài sản* ra khỏi *Khu đất thuê* lại trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết *Thời hạn thuê lại đất* và tự chịu mọi phí tổn phát sinh có liên quan. Đồng thời, Bên B cam kết giao trả lại *Khu đất thuê* cho Bên A trong tình trạng mặt bằng sạch, không có các công trình kiến trúc, tài sản, trang thiết bị, vật dụng... trên *Khu đất thuê* và chuyển trả, bàn giao lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của *Khu đất thuê* cho Bên A.

ĐIỀU 9: CAM KẾT BẢO MẬT

Hai Bên cam kết bảo mật toàn bộ thông tin theo nội dung của *Hợp đồng* này về việc chuyển nhượng *Tài sản* và các văn bản khác đã được ký kết giữa Hai Bên (bao gồm cả đơn giá chuyển nhượng *Tài sản*, các điều kiện thương lượng, cam kết...). Trong thời hạn hiệu lực của *Hợp đồng*, nếu bên nào vi phạm cam kết bảo

mật này sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm và bồi thường thiệt hại gây ra bởi sự vi phạm này cho bên còn lại.

ĐIỀU 10: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI VÀ BÃI MIỄN

- 10.1** Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ để thể hiện các nội dung của *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất*. Mọi trường hợp điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung *Hợp đồng* này chỉ có hiệu lực khi được *Hai Bên* thỏa thuận thông qua bằng việc ký kết phụ lục *Hợp đồng*.
- 10.2** Trừ khi được *Hai Bên* đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* sẽ không được cải biến, sửa đổi bởi một trong *Hai Bên* mà không được sự chấp thuận của Bên còn lại.
- 10.3** Nếu một trong *Hai Bên* không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* thì cũng không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của *Hợp đồng*.

ĐIỀU 11: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1** *Hợp đồng* này được xây dựng trên cơ sở căn cứ các quy định của luật pháp Việt Nam.
 - Trong quá trình thực hiện *Hợp đồng* này, khi Pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về các luật định, quyết định hay các quy chế, văn bản pháp lý khác có liên quan, ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản của *Hợp đồng* này thì *Hai Bên* phải tuân thủ và thực hiện theo.
- 11.2** Mọi vấn đề khác không được quy định cụ thể trong nội dung *Hợp đồng* này nếu có phát sinh sẽ được *Hai Bên* tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định của Luật pháp Việt Nam.
- 11.3** Sự vô hiệu hoặc không thực thi của bất cứ điều khoản nào nêu tại *Hợp đồng* này sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu hóa, tạo hoặc gây ra sự không thực thi đối với các điều khoản còn lại của *Hợp đồng*.
- 11.4** Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* trước hết phải được *Hai Bên* giải quyết bằng cách thương lượng hòa giải. Trong trường hợp các tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải thì các tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở chính của Bên A để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và mang tính bắt buộc thực hiện đối với *Hai Bên*.

ĐIỀU 12: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 12.1** *Hai Bên* đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho nhau về sự mất mát, sự trễ nải, sự thiệt hại, sự thay đổi điều kiện *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho *Hai Bên* do những tác động sau: sự phê duyệt quy chế hoặc hướng dẫn của Chính phủ Việt Nam; sự thay đổi các quy định về Luật pháp của Chính phủ liên quan đến *Khu đất* và các điều kiện, điều khoản của *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất*; việc bộc phát tình trạng khẩn trương, phong tỏa, giãn cách xã

hội theo quyết định, thông báo của Chính phủ và/hoặc của chính quyền địa phương cấp tỉnh tại khu vực Khu Công nghiệp Giang Điền; các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, đình công... tại địa phương nơi Khu Công nghiệp Giang Điền đang hoạt động hoặc những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Hai Bên (gọi tắt là "**Sự Kiện Bất Khả Kháng**").

- 12.2** Để tránh nhầm lẫn, Các Bên sẽ không được miễn trừ việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo *Hợp Đồng* này vì các lý do: (a) khó khăn tài chính cũng như một trong Hai Bên không có khả năng tăng lợi nhuận, kiếm lời hoặc tránh lỗ tài chính, (b) sự thay đổi giá cả thị trường hoặc các điều kiện liên quan, hoặc (c) một Bên không có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ quy định tại *Hợp Đồng*.
- 12.3** Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi phát sinh *Sự Kiện Bất Khả Kháng*, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về *Sự Kiện Bất Khả Kháng* một cách chi tiết và khoảng thời gian mà *Sự Kiện Bất Khả Kháng* dự kiến sẽ ảnh hưởng, tác động đến Bên đó. Nếu có sự gián đoạn trong hoạt động của một Bên do *Sự Kiện Bất Khả Kháng* kéo dài hơn 180 (một trăm tám mươi) ngày, một trong Hai Bên có quyền chấm dứt *Hợp Đồng* này.

ĐIỀU 13: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 13.1** Hết *Thời hạn thuê lại đất* nêu tại Điều 3 nêu trên, *Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất* sẽ chấm dứt nếu thời hạn đầu tư của Bên B không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận gia hạn.
- Bên B đồng ý sẽ ngừng mọi hoạt động và thu dọn, di chuyển tất cả các toà nhà, công trình, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu ra khỏi *Khu đất thuê* trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết *Thời hạn thuê lại đất* và tự chịu mọi phí tổn phát sinh có liên quan. Đồng thời, Bên B cam kết giao trả lại *Khu đất thuê* cho Bên A trong tình trạng mặt bằng sạch, không có các công trình kiến trúc, *Tài sản*, trang thiết bị, vật dụng... trên *Khu đất thuê* và chuyển trả lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và *Tài sản* khác gắn liền với đất của *Khu đất thuê* cho Bên A.
- 13.2** Bên B không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí sử dụng đất quy định ở Khoản 4.2 và 4.3 tại Điều 4 của *Hợp đồng* này quá thời hạn **06 (sáu) tháng**.
- 13.3** Bên B giải thể hoặc bị phá sản trước khi hết *Thời hạn thuê lại đất*.
- 13.4** Một trong Hai Bên áp dụng quyền chấm dứt *Hợp đồng* theo điều khoản về trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 12 của *Hợp đồng* này.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 14.1** Các nội dung của *Hợp đồng* này thay thế cho tất cả các thỏa thuận trước đây bằng lời nói hoặc các trao đổi, cam kết bằng văn bản giữa Hai Bên. Trừ khi Hai Bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong *Hợp đồng* này không được sửa đổi bởi một trong Hai Bên mà không được sự chấp thuận của bên kia.
- 14.2** *Hợp đồng* này có hiệu lực kể từ ngày ký.

14.3 Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất gồm 19 (mười chín) trang và được lập thành 07 (bảy) bản tiếng Việt; mỗi bên giữ 02 (hai) bản tiếng Việt, đồng gửi các cơ quan liên quan mỗi nơi 01 (một) bản tiếng Việt.

- Cả Hai Bên đã đọc kỹ nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận nội dung Hợp đồng chuyển nhượng Tài sản và cho thuê lại đất này đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Lý Hữu Quới

ĐẠI DIỆN BÊN A



Hoàng Sỹ Quyết



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01
HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN VÀ CHO THUÊ LẠI ĐẤT
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN SỐ 10/HDCN/GD

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Giang Điền số 10/HDCN/GD ngày 10/03/2026 ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng số 10/HDCN/GD” hoặc “Hợp đồng”);

Phụ lục số 01 của Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Giang Điền số 10/HDCN/GD được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026 (sau đây gọi tắt là “Phụ lục số 01”) bởi và giữa các Bên gồm:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN A):

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN (SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 6154618383, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2008 và thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 12 năm 2023.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251.3833388
- Fax : 84-251.3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Số tài khoản thứ 2 : 110 650 453 979 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch
- Số tài khoản thứ 3 : 101 638 3779 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai
- Số tài khoản thứ 4 : 800006888 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : Ông HOÀNG SỸ QUYẾT
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG (BÊN B):

CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH

- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 3603177235 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Địa chỉ : (nằm trong khuôn viên Công ty CP Long Bình), đường Mạc Đĩnh Chi, Khu phố 10, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 02513.831488
- Mã số thuế : 3603177235
- Người đại diện : Ông LÝ HỮU QUỜI
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Hai Bên đã cùng nhau đàm phán và đồng ý ký Phụ lục số 01 này với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: BỔ SUNG KHOẢN 4.10, ĐIỀU 4, HỢP ĐỒNG SỐ 10/HĐCN/GĐ – CĂN CỨ XÁC ĐỊNH PHÍ QUẢN LÝ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT THÔ

Hợp đồng số 10/HĐCN/GĐ được bổ sung Khoản 4.10, Điều 4 như sau:

- *Phí quản lý* (tương đương 01 USD/m²/năm) sẽ được điều chỉnh hàng năm và thông báo cho Bên B theo Giấy báo thanh toán của Bên A. Mức điều chỉnh này căn cứ theo mức *Phí quản lý* nêu tại Điểm 4.3.1, Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng* và tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.
- *Tiền thuê đất thô* (tương đương 1,4 USD/m²/năm) sẽ được điều chỉnh hàng năm và thông báo cho Bên B theo Giấy báo thanh toán của Bên A. Mức điều chỉnh này được căn cứ theo *Tiền thuê đất thô* nêu tại Điểm 4.3.2, Khoản 4.3, Điều 4 của *Hợp đồng* và tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 2.1. *Phụ lục số 01* này là một phần không thể tách rời của *Hợp đồng số 10/HĐCN/GĐ*. Ngoại trừ các điều khoản, quy định không liên quan và không được đề cập đến, *Phụ lục số 01* này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi, cam kết trước đây giữa Hai Bên về những nội dung mà *Phụ lục số 01* đã đề cập, quy định.
- 2.2. Trong trường hợp bất cứ điều khoản nào nêu tại *Phụ lục số 01* này bị quyết định là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành được vì bất kỳ lý do gì, thì sự vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thi hành được đó sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu hóa các điều khoản còn lại của *Hợp đồng số 10/HĐCN/GĐ*.
- 2.3. Ngoài nội dung điều chỉnh nêu trên, tất cả các điều kiện, điều khoản khác của *Hợp đồng số 10/HĐCN/GĐ* không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực pháp lý.
- 2.4. *Phụ lục số 01* này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 2.5. *Phụ lục số 01* này gồm 03 (ba) trang và được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có nội dung và ý nghĩa như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản tiếng Việt làm căn cứ để áp dụng và thực hiện.

17403
GTY
HÀN
DEZI
ĐIỀN
NG N
3177235
ÔNG T
TNHH
NHỮU T
BIÊN - T

Cả Hai Bên đã đọc lại nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận nội dung *Phụ lục số 01* này thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Hữu Quới

ĐẠI DIỆN BÊN A



Hoàng Sỹ Quyết



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP SONADEZI GIANG ĐIỀN**

Số: 71.../SZG-KTh

V/v đấu nối nước thải từ dự án nhà máy vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Giang Điền của Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Giang Điền số 10/HĐCN-GĐ ngày 10/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh;

Căn cứ Biên bản thoả thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 14/BB-SZG-KTh ngày 10/03/2026.

Chúng tôi đã nhận được Văn bản số 01.26/CV-VHT ngày 05/03/2026 của Công ty TNHH Vạn Hữu Thịnh về việc đề nghị chấp thuận đấu nối trực tiếp nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom của KCN Giang Điền. Thông qua văn bản này, chúng tôi xin phản hồi nội dung đề nghị của Quý Công ty như sau:

1. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền chấp thuận cho Quý Công ty đấu nối nước thải từ dự án nhà máy vào hố ga nước thải P14-47 của KCN Giang Điền trên đường ĐCD.14 theo đúng nội dung của Biên bản thoả thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 14/BB-SZG-KTh ngày 10/03/2026. Đồng thời, đề nghị Quý Công ty thực hiện theo đúng các nội dung đã cam kết tại văn bản số 01.26/CV-VHT ngày 05/03/2026.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề thắc mắc hay cần phối hợp, đề nghị Quý Công ty liên hệ với Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (Mr Minh - SĐT: 0916.062.479).

Xin trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KD (để biết);
- Lưu: VT, KTh.minhlg



Hoàng Sỹ Quyết

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 463/SZG-KTh ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Giang Điền và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, địa chỉ tại số 1, đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Giang Điền có địa chỉ tại xã Trảng Bom, xã An Viễn và phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Giang Điền.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Trảng Bom, xã An Viễn và phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 6154618383 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603474037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3603474037.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	C101
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	C102
3	Chế biến và bảo quản rau quả	C103
4	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	C104
5	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	C105
6	Xay xát và sản xuất bột	C1061
7	Sản xuất thực phẩm khác	C107
8	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C108
9	Sản xuất đồ uống	C11
10	Dệt (không bao gồm nhuộm)	C13
11	Sản xuất trang phục	C14
12	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C15120
13	Sản xuất giày, dép	C152
14	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16
15	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy thương mại)	C17
16	In, sao chép bản ghi các loại	C18
17	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	C2012
18	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C2013
19	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác	C202
20	Sản xuất sợi nhân tạo	C203
21	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
22	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
24	Sản xuất kim loại (không bao gồm xi mạ)	C24
25	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không bao gồm xi mạ)	C251
26	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (không bao gồm xi mạ)	C259
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
28	Sản xuất thiết bị điện	C27
29	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
30	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
31	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
32	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
33	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
34	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
35	Điện mặt trời	D35116
36	Truyền tải và phân phối điện	D3512
37	Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D35202
38	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và nước đá	D353
39	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G45
40	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Bán buôn chuyên doanh khác	G466
41	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G47
42	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
43	Bưu chính và chuyển phát	H53
44	Dịch vụ ăn uống	I56
45	Viễn thông	J61
46	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J62
47	Hoạt động dịch vụ thông tin	J63
48	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68
49	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	M721
50	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	M74
51	Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	N77
52	Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	S95
53	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	S961
54	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	S962

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 525,9436 ha. Trong đó:

+ Giai đoạn 1: 523,5655 ha (đã hoàn thiện).

+ Giai đoạn 2: 2,3781 ha (tiếp tục triển khai).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày..16. tháng 11.. năm 2032).

Giấy phép môi trường số 404/GPMT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;
- Lưu: VT, MT, HHa.11.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp Giang Điền (sau đây viết tắt là Khu công nghiệp) đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 của Khu công nghiệp (nước thải sinh hoạt, nước vệ sinh thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, ép bùn,...).

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 của Khu công nghiệp (nước thải sinh hoạt, nước vệ sinh thiết bị, vệ sinh song chắn rác, ép bùn,...).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải đối với dòng nước thải số 01 (trùng ứng với các nguồn số 01 và 03): Sông Buông thuộc địa phận xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Nguồn tiếp nhận nước thải đối với dòng nước thải số 02 (trùng ứng với các nguồn số 02 và 04): Sông Buông thuộc địa phận phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Cơ sở có 02 vị trí xả nước thải như sau:

- Dòng nước thải số 01:

+ Vị trí: Sông Buông, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

+ Tọa độ vị trí điểm xả nước thải: X = 1.207.790 và Y = 416.075 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45' múi chiếu 3⁰).

- Dòng nước thải số 02:

+ Vị trí: Sông Buông, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.206.528 và Y = 412.914 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45' múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12.000 m³/ngày (24 giờ) trong đó:

- Dòng nước thải số 01 (trương ứng với các nguồn số 01 và 03): Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 3.000 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải số 02 (trương ứng với các nguồn số 02 và 04): Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 9.000 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý được thải ra hồ hoàn thiện sau đó ra sông Buông theo phương thức bơm cưỡng bức, xả mặt ven bờ.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải sau xử lý được thải ra bể khử trùng sau đó xả ra cống dẫn ra sông Buông theo phương thức tự chảy, xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải sau các hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột B, K_q = 0,9 và K_f = 0,9) và QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A, K_q = 0,9, K_f = 0,9) và theo cam kết của chủ cơ sở, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần (theo cam kết của chủ cơ sở)	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 – 9		
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	40,5		
4	COD	mgO ₂ /l	60,75		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		
6	BOD ₅ (20°C)	mgO ₂ /l	24,3	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	Độ màu	Pt-Co	50		
8	Asen	mg/l	0,04		
9	Thủy ngân	mg/l	0,004		
10	Chì	mg/l	0,081		
11	Cadimi	mg/l	0,04		
12	Crom VI	mg/l	0,04		
13	Crom III	mg/l	0,162		
14	Đồng	mg/l	1,62		
15	Kẽm	mg/l	2,43		
16	Niken	mg/l	0,162		
17	Mangan	mg/l	0,405		
18	Sắt	mg/l	0,81		
19	Tổng xianua	mg/l	0,0567		
20	Tổng phenol	mg/l	0,081		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua	mg/l	0,162		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục		
23	Florua	mg/l	4,05				
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2				
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24				
26	Clorua	mg/l	405				
27	Clo dư	mg/l	0,81				
28	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.000				
29	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1				
30	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1				
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,04			1 năm/lần	
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243				
33	Tổng PCB	mg/l	0,0081				
34	Dioxin	pgTEQ /l	12,15				
35	AOX	mg/l	6,075				

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp (nguồn số 01 và nguồn số 03) được thu gom về nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 của Khu công nghiệp có công suất thiết kế 3.000 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp (nguồn số 02 và nguồn số 04) được thu gom về nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 của Khu công nghiệp có công suất thiết kế 9.000 m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 công suất 3.000 m³/ngày, cụ thể:

Đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 gồm 02 modul như sau:

- Modul 01 (công suất: 1.000 m³/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể tách dầu → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Modul 02 (công suất: 2.000 m³/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Selector → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Polymer anion, Polymer cation, Ca(OCl)₂, phèn nhôm, khử màu, NPK, NaOH, H₂SO₄ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.2.2. Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 công suất 9.000 m³/ngày, cụ thể:

Đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 gồm 02 modul có công suất 4.500 m³/ngày/module và có cùng quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử màu 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 9.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Polymer anion, Polymer cation, Ca(OCl)₂, phèn nhôm, khử màu, NPK, NaOH, H₂SO₄ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 02 trạm (Trạm số 01 đặt tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 và Trạm số 02 đặt tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02).

- Vị trí lắp đặt:

+ Tại trạm bơm nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01.

+ Tại cuối bể khử trùng của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), COD, TSS, pH, Nhiệt độ, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị/trạm.

- Camera giám sát: Đã lắp 02 camera giám sát/trạm (01 camera lắp đặt tại cửa xả của nhà máy xử lý nước thải, 01 camera lắp đặt tại trạm quan trắc tự động).

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc đã được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố đáy được lắp đặt HDPE chống thấm tại nhà máy xử lý nước thải số 01 có dung tích thiết kế khoảng 5.944 m³.

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố đáy được lắp đặt HDPE chống thấm tại nhà máy xử lý nước thải số 02 có dung tích thiết kế khoảng 12.456 m³.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành về môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhận.

- Lấy mẫu định kỳ để phân tích theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp.

- Kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp.

- Đã lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Đã bố trí thiết bị đo nhanh tại hiện trường (có khả năng phân tích các thông số ô nhiễm cơ bản trong nước thải như: pH, DO, TSS, độ màu, COD, Amoni, tổng Nitơ) để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải. Định kỳ nhân viên vận hành lấy mẫu, phân tích nước thải đầu vào, đầu ra để theo dõi chất lượng nước thải và có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với nhà máy xử lý nước thải tập trung:

Đã xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục:

- Trường hợp 1: Chất lượng nước đầu ra sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung vượt quy chuẩn:

- + Vượt chỉ tiêu hóa lý thông thường và các chỉ tiêu kim loại nặng: TP, độ màu, TSS: Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải, bơm nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; khóa van xả nước ra sông Buông, mở van nước thải chảy về hồ sự cố; lấy mẫu phân tích, xác định nguyên nhân và cân chỉnh lại lượng hóa chất sử dụng; sau khi cân chỉnh hóa chất, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- + Vượt chỉ tiêu các thông số sinh học (BOD, COD, TN, Amoni): Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải, bơm nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; khóa van xả nước ra sông Buông, mở van nước thải chảy về hồ sự cố; lấy mẫu phân tích, xác định nguyên nhân (do cơ sở thứ cấp xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải hoặc hệ thống các bể vi sinh hoạt động chưa hiệu quả...) và khắc phục sự cố vi sinh; sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- Trường hợp 2: Chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung: Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải để rút hết nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; Khóa van cửa xả nước ra sông Buông, Mở van T, nước thải được chảy về hồ sự cố; xác định cơ sở thứ cấp xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải và khắc phục sự cố. Khi nước thải đầu vào đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải tập trung thì vận hành lại hệ thống bình thường, chuyển lượng nước thải chứa trong hồ sự cố về bể gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp 3: Lưu lượng nước thải đầu vào thay đổi đột ngột cao hơn lưu lượng thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung: Khi xảy ra sự cố, bơm một phần nước thải đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời để tránh quá tải cho nhà máy xử lý nước thải tập trung; xác định nguyên nhân, sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- Trường hợp 4: Thiết bị của nhà máy xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng: Khi thiết bị bị hư hỏng, bơm nước đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Nhanh chóng huy động lực lượng để thay thế thiết bị dự phòng. Sau khi thay thế xong, vận hành hệ thống lại bình thường; sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hồ gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- Trường hợp 5: Nhà máy xử lý nước thải tập trung bị cúp điện: Ban điều hành khu công nghiệp sẽ sử dụng nguồn dự phòng để cấp điện đảm bảo không gián đoạn quá trình hoạt động của Nhà máy.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải
1	Nhiệt độ	°C	35
2	Độ màu	Pt/Co	50
3	pH	-	5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Asen	mg/l	0,0405
8	Thủy ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sulfua	mg/l	1
22	Florua	mg/l	15
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
24	Tổng nitơ	mg/l	60
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua	mg/l	450
27	Clo dư	mg/l	5
28	Tổng hoá chất BVTV clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất BVTV phot pho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
34	Dioxin (*)	pgTEQ/l	12,15
35	AOX (*)	mg/l	6,075

Ghi chú: (*) chỉ tiêu áp dụng đối với cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp sản xuất bột giấy, giấy và giấy bìa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở và các cơ sở thứ cấp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Khu công nghiệp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.4. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng chặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.5. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

3.6. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) theo quy định.

3.7. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường./.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 của Khu công nghiệp (tiếng ồn từ vị trí các máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện,...) trong giai đoạn vận hành.

- Nguồn số 02: Khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 của Khu công nghiệp (tiếng ồn từ vị trí các máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện,...) trong giai đoạn vận hành.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

62

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	460
2	Giẻ lau, bao tay thải nhiễm	18 02 01	71
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	89
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
5	Pin mặt trời thải	19 02 08	400
6	Hộp mực in chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	20
7	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	19 02 05	70
Tổng khối lượng			1.140

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải)	12 06 05	1.624.000
Tổng khối lượng			1.624.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chất thải nguy hại:

- Số lượng: 02 kho (Kho số 01 tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 và Kho số 02 tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02).

- Diện tích kho lưu chứa: 69 m² (Trong đó: Kho số 01 diện tích 12 m² và Kho số 02 diện tích 57 m²).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng khép kín với nền bê tông chống thấm, có gờ bao, rãnh thu gom chất thải lỏng chảy tràn và thiết bị phòng, chống

sự cố do CTNH gây ra, trong từng ô lưu giữ có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

- Số lượng: 03 kho lưu giữ (Kho số 01 tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 và Kho số 02, 03 tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02).

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại kho có diện tích: 722 m² (Trong đó: Kho số 01 có diện tích 204 m² và Kho số 02 và 03 có diện tích 259 m²/kho).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa bùn thải được xây dựng với nền bê tông chống thấm, có rãnh thu gom chất thải lỏng chảy tràn và thiết bị phòng, chống sự cố.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). *lt*

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 523,5655 ha trên tổng diện tích 525,9436 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Giang Điền” tại xã Trảng Bom, xã An Viễn và phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Quyết định số 1054/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định số 572/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 tháng 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo các quyết định nêu trên, cụ thể như sau:

Tiếp tục hoàn thiện thủ tục giao đất và xây dựng hoàn thiện hạ tầng trên diện tích 2,3781ha còn lại của Khu công nghiệp.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nhiên liệu dầu diesel sử dụng trong quá trình vận hành máy phát điện dự phòng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

6. Cập nhật và ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghệ phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

7. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

9. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

10. Phối hợp chặt chẽ với các dự án, cơ sở thứ cấp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

11. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải với các chủ dự án, cơ sở thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp có thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền phải đảm bảo có hợp đồng thỏa thuận đầu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này và đảm bảo không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải.

12. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải kiểm soát, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

13. Việc tạm trú, lưu trú trong Khu công nghiệp cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

14. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

15. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các quy định khác của chính quyền địa phương.

16. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 16/6/2016

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-NY-15 FLAT TRONG SUỐT P
Product Number	21522GZ
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (lớp nền)
Cây xô thơm	Sơn dùng cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	0
mãn tính	Nồng độ Chronic3	0

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm



感嘆符



健康被害性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.

Có hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.

Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng. Độc
hại đối với sinh vật thủy sinh.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

21522GZ 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
butan-1-ol	0,1~1	71-36-3	C4H9OH
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C3H7OH
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	7631-86-9	SiO ₂
etyl axetat	2.7	141-78-6	C4H8O ₂
nitrocellulose	3.1	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
butan-1-ol	0,1~1	50 p p m	20ppm
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	-	0,1mg/m3
etyl axetat	2.7	200ppm	400ppm
n i t r o c e l l u l o s e	3.1	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc :	Sữa	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	20 °C	Điểm bắt lửa:	245 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1.2 thể tích%	Tỉ trọng:	0,94 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e :	Không có sẵn
Điểm sôi	126 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	3.1	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
butan-1-ol	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	3.1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 2A-2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	3.1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Hạng mục 2
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	3.1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Hạng mục 2
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	3.1	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
butan-1-ol	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	3.1	Không được phân loại	Không được phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 16/6/2016

1. Nhận dạng

Product Name Product Number Công ty Địa chỉ công ty Postal No. Section Concerned Số điện thoại Số FAX Person in charge Một loại sản phẩm Cây xỏ thêm	POLYUREX ECO N917 MỎNG HƠN 0 Washin Chemical Industry Co., Ltd Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken 424-0037 Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu: 054-365-3111 054-365-5677 Kazuhiko Takada Màng hơn Sơn dành cho đồ gỗ
---	---

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 3	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Hạng mục 1	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Hạng mục 2	Warning
Độc tính sinh sản	Hạng mục 2	Warning
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute2	0
mãn tính	Nồng độ Chronic2	0

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và độc hơi nước.
 hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Nghi ngờ gây ung thư.
 Bị nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
naphthalene	1~5	91-20-3	C10H8
diacetonealcohol	5~10	123-42-2	C6H12O2
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	64742-95-6	-
n-butyl axetat	20~30	123-86-4	C6H12O2
Methoxybutyl axetat	40.0	4435-53-4	C8H18O3

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
naphthalene	1~5	-	10 ppm
diacetonealcohol	5~10	-	50ppm
Dung môi naphtha (đầu mỏ)	10~20	-	100ppm
n-butyl axetat	20~30	100 p p m	150ppm
Methoxybutyl axetat	40	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc :	Trong suốt	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	410 °C
Gới hạn nổ: thấp hơn:	0,6 thể tích%	Tỉ trọng:	0,92 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	218 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
naphthalene	1~5	Hạng mục 4	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
diacetonealcohol	5~10	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	20~30	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	40	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
naphthalene	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 3
diacetonealcohol	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	20~30	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
Methoxybutyl axetat	40	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
diacetonealcohol	5~10	Hạng mục 2A	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	20~30	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	40	Không thể phân loại	Không thể phân loại	0

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
diacetonealcohol	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	20~30	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	40	0	0	0

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
naphthalene	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
diacetonealcohol	5~10	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Hạng mục 1
n-butyl axetat	20~30	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	40	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
naphthalene	1~5	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
diacetonealcohol	5~10	Không được phân loại	Không được phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Nồng độ Acute2	Nồng độ Chronic2
n-butyl axetat	20~30	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
Methoxybutyl axetat	40	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 15/4/2016

1. Nhận dạng

Product Name	CHIC STAIN PG BLACK
Product Number	52002
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Hạng mục 2	Warning
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.
Nghỉ ngơi gây ung thư. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C ₃ H ₇ OH
3-methyl 3-methoxybutanol	2,5	56539-66-3	C ₆ C ₁₄ O ₂
nitrocellulose	4,5	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
muội than	5~10	1333-86-4	C
Methoxybutyl axetat	7.4	4435-53-4	C ₈ H ₁₈ O ₃

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
3-methyl 3-methoxybutanol	2,5	-	-
nitrocellulose	4,5	-	-
muội than	5~10	-	3,5mg/m3
Methoxybutyl axetat	7.4	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 17	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	0,94 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: Vapour pressure:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	4,5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
muội than	5~10	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
muội than	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
3-methyl 3-methoxybutan	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
muội than	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
3-methyl 3-methoxybutan	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
muội than	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
3-methyl 3-methoxybutan	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	4,5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
muội than	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	4,5	Không được phân loại	Không được phân loại
muội than	5~10	Không được phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 17/5/2016

1. Nhận dạng

Product Name	CHIC STAIN PG BLUE
Product Number	52009
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiro Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không thể phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
nitrocellulose	3.7	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
3-methyl 3-methoxybutanol	10.4	56539-66-3	C ₆ H ₁₄ O ₂
CI Pigment Blue 15	10~20	147-14-8	C ₃₂ H ₁₆ CuN ₈
n-butyl axetat	10~20	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
Methoxybutyl axetat	14,5	4435-53-4	C ₈ H ₁₈ O ₃

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
nitrocellulose	3.7	-	-
3-methyl 3-methoxybutanol	10.4	-	-
ClPigment Blue 15	10~20	-	-
n-butyl axetat	10~20	100 p p m	150ppm
Methoxybutyl axetat	14,5	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 9.5	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	0,96 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
nitrocellulose	3.7	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	14,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
nitrocellulose	3.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
Methoxybutyl axetat	14,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
3-methyl 3-methoxybutan	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	14,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
3-methyl 3-methoxybutan	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	14,5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
nitrocellulose	3.7	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	14,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
nitrocellulose	3.7	Không được phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	10.4	Không thể phân loại	Không thể phân loại
CIPigment Blue 15	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
Methoxybutyl axetat	14,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 17/5/2016

1. Nhận dạng

Product Name	SỮA BỒN CHIC PG NÂU
Product Number	52006
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiro Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Hạng mục 2	Warning
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Hạng mục 1	Danger
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Hạng mục 1	Danger
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.

Gây ra các vết loét da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Có thể gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây
tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
etanol	0,3	64-17-5	C ₂ H ₅ OH
nitrocellulose	4.8	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
3-methyl 3-methoxybutanol	5.7	56539-66-3	C ₆ C ₁₄ O ₂
Methoxybutyl axetat	10.8	4435-53-4	C ₈ H ₁₈ O ₃
đi sắt trioxit	10~20	1309-37-1	Fe ₂ O ₃

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
etanol	0,3	-	1000ppm
n i t r o c e l l u l o s e	4.8	-	-
3-methyl 3-methoxybutanol	5.7	-	-
Methoxybutyl axetat	10.8	-	-
đi sắt trioxit	10~20	1mg/m3	5mg/m3

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 9.5	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	1.11 ±0,02
trên:	19 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

Phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
etanol	0,3	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	4.8	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
etanol	0,3	Không được phân loại	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
nitrocellulose	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
nitrocellulose	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không được phân loại	Không thể phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
etanol	0,3	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Không thể phân loại
nitrocellulose	4.8	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
etanol	0,3	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	4.8	Không được phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	5.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	10.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại
đi sắt trioxit	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 15/4/2016

1. Nhận dạng

Product Name	SỮA CHỐNG VẾT SẸO MÀU ĐỎ
Product Number	52004
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiro Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



感嘆符



健康被害性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.
Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C ₃ H ₇ OH
3-methyl 3-methoxybutanol	3.5	56539-66-3	C ₆ C ₁₄ O ₂
nitrocellulose	6.0	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
Methoxybutyl axetat	7.0	4435-53-4	C ₈ H ₁₈ O ₃
n-butyl axetat	10~20	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
3-methyl 3-methoxybutanol	3.5	-	-
nitrocellulose	6	-	-
Methoxybutyl axetat	7	-	-
n-butyl axetat	10~20	100 p p m	150ppm

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 17	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	0,96 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	6	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
3-methyl 3-methoxybutan	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
3-methyl 3-methoxybutan	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
3-methyl 3-methoxybutan	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	6	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	3.5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	6	Không được phân loại	Không được phân loại
Methoxybutyl axetat	7	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Nồng độ Acute3	Không được phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 17/5/2016

1. Nhận dạng

Product Name	SỮA CHỐNG ố NHUỘM CHIC PG TOMEI-NÂU
Product Number	52007
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhi ko Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Category 3	Cảnh báo
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.

###

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
muội than	0,1~1	1333-86-4	C
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C3H7OH
3-methyl 3-methoxybutanol	2.4	56539-66-3	C6C14O2
nitrocellulose	2,5	9004-70-0	HNO3.xKhông xác định
Methoxybutyl axetat	4.8	4435-53-4	C8H18O3

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
muội than	0,1~1	-	3,5mg/m ³
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
3-methyl 3-methoxybutanol	2.4	-	-
n i t r o c e l l u l o s e	2,5	-	-
Methoxybutyl axetat	4.8	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 17	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	0,96 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
muội than	0,1~1	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	2,5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
muội than	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 2A-2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Hạng mục 2
3-methyl 3-methoxybutan	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	2,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
muội than	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
3-methyl 3-methoxybutan	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	2,5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
muội than	0,1~1	Không được phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	2,4	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	2,5	Không được phân loại	Không được phân loại
Methoxybutyl axetat	4.8	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 15/4/2016

1. Nhận dạng

Product Name	SỮA CHỐNG VẾT BẮN CHIC PG TRẮNG
Product Number	52001
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiro Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Hạng mục 2	Warning
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Hạng mục 1	Danger
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.

hại nếu hít phải.

Gây kích ứng mắt.

Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng do tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C ₃ H ₇ OH
metyl isobutyl xeton	8.0	108-10-1	C ₆ H ₁₂ O
nitrocellulose	9.2	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
n-butyl axetat	10~20	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
titan đioxit	23.0	13463-67-7	TiO

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
metyl isobutyl xeton	8	50ppm	20ppm
n i t r o c e l l u l o s e	9.2	-	-
n-butyl axetat	10~20	100 p p m	150ppm
titan dioxit	23	1mg/m3	10mg/m3

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 20	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	415 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1.3 thể tích%	Tỉ trọng:	1,15 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	126 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
metyl isobutyl xeton	8	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	9.2	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
titan dioxit	23	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
metyl isobutyl xeton	8	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	9.2	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
titan dioxit	23	Không thể phân loại	Không được phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
metyl isobutyl xeton	8	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	9.2	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
titan dioxit	23	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
metyl isobutyl xeton	8	Không được phân loại	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	9.2	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Không thể phân loại
titan dioxit	23	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
metyl isobutyl xeton	8	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Hạng mục 2
nitrocellulose	9.2	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
titan dioxit	23	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
metyl isobutyl xeton	8	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	9.2	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	10~20	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
titan dioxit	23	Không được phân loại	Nồng độ Chronic4

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 15/4/2016

1. Nhận dạng

Product Name	CHIC STAIN PG VÀNG
Product Number	52003
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Chất tạo màu dạng bột màu,
Cây xô thơm	sơn dùng cho đồ gỗ.

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không thể phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



感叹符



健康被害性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.
Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
nitrocellulose	3.3	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
Methoxybutyl axetat	4,5	4435-53-4	C ₈ H ₁₈ O ₃
3-methyl 3-methoxybutanol	4.6	56539-66-3	C ₆ C ₁₄ O ₂
n-butyl axetat	10~20	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
etyl axetat	66,5	141-78-6	C ₄ H ₈ O ₂

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
nitrocellulose	3,3	-	-
Methoxybutyl axetat	4,5	-	-
3-methyl 3-methoxybutanol	4,6	-	-
n-butyl axetat	10~20	100 p p m	150ppm
etyl axetat	66,5	200ppm	400ppm

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Indicate trong tên sản phẩm 9.5	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	°C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1,5 thể tích%	Tỉ trọng:	0,95 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
nitrocellulose	3,3	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	66,5	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
nitrocellulose	3,3	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
etyl axetat	66,5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
etyl axetat	66,5	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	66,5	0	0	0

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
nitrocellulose	3,3	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutan	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	66,5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
nitrocellulose	3,3	Không được phân loại	Không được phân loại
Methoxybutyl axetat	4,5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
3-methyl 3-methoxybutanol	4,6	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	10~20	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
etyl axetat	66,5	Không được phân loại	Không được phân loại

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 17/6/2016

1. Nhận dạng

Product Name Product Number Công ty Địa chỉ công ty Postal No. Section Concerned Số điện thoại Số FAX Person in charge Một loại sản phẩm Cây xỏ thơm	Chất trám kín bề mặt POLYUREX ECO V-222N P 334242GZ Washin Chemical Industry Co., Ltd Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s hi Shizuoka-ken 424-0037 Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu: 054-365-3111 054-365-5677 Kazuhiko Takada Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn dùng cho đồ gỗ
---	--

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Nồng độ Chronic3	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



感嘆符



健康有害性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Tolylene diisocyanate	0,7	26471-62-5	C9H6N2O2
n-butyl axetat	60~70	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Tolylene diisocyanate	0,7	0,005 ppm	0,005 ppm
n-butyl axetat	60~70	100 p p m	150ppm
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	1.02 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	126 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Tolylene diisocyanate	0,7	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	60~70	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /ritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Tolylene diisocyanate	0,7	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
n-butyl axetat	60~70	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
n-butyl axetat	60~70	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
n-butyl axetat	60~70	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
Tolylene diisocyanate	0,7	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
n-butyl axetat	60~70	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
Tolylene diisocyanate	0,7	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
n-butyl axetat	60~70	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 16/6/2016

1. Nhận dạng

Product Name Product Number Công ty Địa chỉ công ty Postal No. Section Concerned Số điện thoại Số FAX Person in charge Một loại sản phẩm Cây xỏ thơm	Chất trám kín bề mặt POLYUREX ECO V-222N P 23424VW Washin Chemical Industry Co., Ltd Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s hi Shizuoka-ken 424-0037 Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu: 054-365-3111 054-365-5677 Kazuhiko Takada Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (lớp nền) Sơn dùng cho đồ gỗ
---	---

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại GHS】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không thể phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh Cấp tính	Nồng độ Acute3	0
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.

Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng. Độc hại đối với sinh vật thủy sinh.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

23424VW 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	7631-86-9	SiO ₂
etyl axetat	2.4	141-78-6	C ₄ H ₈ O ₂
kẽm distearat	3.0	557-05-1	[(C ₁₈ H ₃₅ O ₂) ₂ Zn]
n-butyl axetat	30~40	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	-	0,1mg/m ³
etyl axetat	2.4	200ppm	400ppm
kẽm distearat	3	-	10mg/m ³
n-butyl axetat	30~40	100 p p m	150ppm
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Sữa	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Gới hạn nổ: thấp hơn:	1.7 thể tích%	Tỉ trọng:	1.06 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	r p r e s s u r e: Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	126 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	2.4	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
kẽm distearat	3	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	30~40	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.4	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
kẽm distearat	3	Không thể phân loại	Không có sẵn	Hạng mục 3
n-butyl axetat	30~40	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
etyl axetat	2.4	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
kẽm distearat	3	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	30~40	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
etyl axetat	2.4	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
kẽm distearat	3	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	30~40	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.4	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
kẽm distearat	3	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	30~40	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.4	Không được phân loại	Không được phân loại
kẽm distearat	3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	30~40	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 2/3/2016

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-310 D
Product Number	31557GZ
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn dùng cho đồ gỗ
Cây số thêm	

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



感 嘆 符



健 康 害 性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

31557GZ 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	822-06-0	C8H12N2O2
Tolylene diisocyanate	0,2	26471-62-5	C9H6N2O2
etyl axetat	1~5	141-78-6	C4H8O2
n-butyl axetat	70~80	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	0,005 ppm	0,005 ppm
Tolylene diisocyanate	0,2	0,005 ppm	0,005 ppm
etyl axetat	1~5	200ppm	400ppm
n-butyl axetat	70~80	100 p p m	150ppm
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	0,96 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	255 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 3	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	70~80	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 2A-2B	Hạng mục 1	Hạng mục 1
etyl axetat	1~5	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
Tolylene diisocyanate	0,2	Không được phân loại	Hạng mục 2	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	70~80	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AA cute	Chronic
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 2/3/2016

1. Nhận dạng

Product Name	Chất trám kín bề mặt POLYUREX ECO V-310 P
Product Number	23560VW
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s hi Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiro Takada
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (lớp nền)
Cây xô thơm	Sơn dùng cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không thể phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không thể phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	0
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng. Độc hại đối với sinh vật thủy sinh.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

23560VW 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	7631-86-9	SiO ₂
kẽm distearat	3.7	557-05-1	[(C ₁₈ H ₃₅ O ₂) ₂ Zn]
n-butyl axetat	40~50	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	-	0,1mg/m ³
kẽm distearat	3.7	-	10mg/m ³
n-butyl axetat	40~50	100 p p m	150ppm
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Sữa	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1.7 thể tích%	Tỉ trọng:	1.06 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	126 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
kẽm distearat	3.7	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	40~50	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
kẽm distearat	3.7	Không thể phân loại	Không có sẵn	Hạng mục 3
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
kẽm distearat	3.7	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
kẽm distearat	3.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đột	Tiếp xúc thường xuyên	
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
kẽm distearat	3.7	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Phân loại	
		Acute	Chronic
silica, vô định hình, nung chảy	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
kẽm distearat	3.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 2/3/2016

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-557 D
Product Number	31557GZ
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn dùng cho đồ gỗ
Cây xô thơm	

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm



感 嘆 符



健 康 毒 害 性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

31557GZ 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	822-06-0	C8H12N2O2
Tolylene diisocyanate	0,2	26471-62-5	C9H6N2O2
etyl axetat	1~5	141-78-6	C4H8O2
n-butyl axetat	70~80	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	0,005 ppm	0,005 ppm
Tolylene diisocyanate	0,2	0,005 ppm	0,005 ppm
etyl axetat	1~5	200ppm	400ppm
n-butyl axetat	70~80	100 p p m	150ppm
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	0,96 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	255 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 3	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	70~80	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 2A-2B	Hạng mục 1	Hạng mục 1
etyl axetat	1~5	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
Tolylene diisocyanate	0,2	Không được phân loại	Hạng mục 2	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	70~80	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AA cute	Chronic
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
Tolylene diisocyanate	0,2	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 30/9/2021

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-HK 500 (2:1) D
Product Number	31603Z
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẶT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất
Số điện thoại	lượng 0084-251-936-021
Số FAX	0084-251-936-022
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn
Cây xô thơm	dùng cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại GHS】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Nồng độ Chronic3	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc. Đeo găng tay bảo hộ và kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Thùng chứa tiếp đất/liên kết và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	822-06-0	C8H12N2O2
Tolylene diisocyanate	0,4	26471-62-5	C9H6N2O2
etyl axetat	1~5	141-78-6	C4H8O2
n-butyl axetat	50~60	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	0,005 ppm	0,005 ppm
Tolylene diisocyanate	0,4	0,005 ppm	0,005 ppm
etyl axetat	1~5	200ppm	400ppm
n-butyl axetat	50~60	100 p p m	150ppm
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	0,98 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	255 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

Classification of health hazards

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 3	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Tolylene diisocyanate	0,4	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	50~60	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ảnh hưởng da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
Tolylene diisocyanate	0,4	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	50~60	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Hạng mục 1
Tolylene diisocyanate	0,4	Hạng mục 2A-2B	Hạng mục 1	Hạng mục 1
etyl axetat	1~5	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	50~60	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
Tolylene diisocyanate	0,4	Không được phân loại	Hạng mục 2	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	50~60	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
Tolylene diisocyanate	0,4	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
etyl axetat	1~5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	50~60	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	A A c u t e	C h r o n i c
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
Tolylene diisocyanate	0,4	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
etyl axetat	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	50~60	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 30/9/2021

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-HK 500-15 P
Product Number	21599GZ
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẤT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất
Số điện thoại	lường 0084-251-936-021
Số FAX	0084-251-936-022
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (lớp nền)
Cây xô thơm	Sơn dùng cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại GHS】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mất cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Hạng mục 2	Warning
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	0
mãn tính	Không được phân loại	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm



感嘆符



健康有害性

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.

Gây kích ứng mắt.

Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Độc hại đối với sinh vật thủy sinh.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc. Đeo găng tay bảo hộ và kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Thùng chứa tiếp đất/liên kết và thiết bị tiếp nhận.

Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không

ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an

toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
etanol	0,1	64-17-5	C ₂ H ₅ OH
butan-1-ol	0,1~1	71-36-3	C ₄ H ₉ OH
metylcyclohexan	1~5	108-87-2	C ₆ H ₁₁ CH ₃
etyl axetat	2.7	141-78-6	C ₄ H ₈ O ₂
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	7631-86-9	SiO ₂
propan-2-ol	1~5	67-63-0	C ₃ H ₇ OH
nitrocellulose	7.9	9004-70-0	HNO ₃ .xKhông xác định
n-butyl axetat	40~50	123-86-4	C ₆ H ₁₂ O ₂
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước []

Bột cacbon dioxide [O]

Bọt [O]

Cát khô []

Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

21599GZ 2/5

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

công cụ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bồn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
etanol	0,1	-	1000ppm
butan-1-ol	0,1~1	50 p p m	20ppm
methylcyclohexan	1~5	400ppm	400ppm
etyl axetat	2.7	200ppm	400ppm
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	-	0,1mg/m3
propan-2-ol	1~5	400ppm	200ppm
nitrocellulose	7.9	-	-
n-butyl axetat	40~50	100 p p m	150ppm
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý

cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Sữa	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	17 °C	Điểm bắt lửa:	245 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	1.2 thể tích%	Tỉ trọng:	1.04 ±0,02
	trên: 19 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Mùi hương	Mùi dung môi		
Điểm sôi	126 °C		

21599GZ 3/5

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
etanol	0,1	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
methylcyclohexan	1~5	Hạng mục 4	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 5	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
nitrocellulose	7.9	Không được phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	40~50	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
etanol	0,1	Không được phân loại	Không được phân loại	Không được phân loại
butan-1-ol	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
methylcyclohexan	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 3
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	7.9	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
		etanol	0,1	Hạng mục 2A-2B
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 2A	Không thể phân loại	Không thể phân loại
methylcyclohexan	1~5	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 2A-2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	7.9	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
		etanol	0,1	Hạng mục 1B
butan-1-ol	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại	Không được phân loại
methylcyclohexan	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
etyl axetat	2.7	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại	Hạng mục 2
propan-2-ol	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
nitrocellulose	7.9	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	40~50	0	0	0
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể	Khất vọng
--	--	-----------

Tên hóa học	Trọng lượng %	Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	nguy hiểm
etanol	0,1	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Không thể phân loại
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Hạng mục 2
methylcyclohexan	1~5	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Hạng mục 1
etyl axetat	2.7	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Hạng mục 1	Hạng mục 2	Hạng mục 2
nitrocellulose	7.9	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
etanol	0,1	Không được phân loại	Không được phân loại
butan-1-ol	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
methylcyclohexan	1~5	Nồng độ Acute2	Nồng độ Chronic2
etyl axetat	2.7	Không được phân loại	Không được phân loại
silica, vô định hình, nung chảy	1~5	Không thể phân loại	Không thể phân loại
propan-2-ol	1~5	Không được phân loại	Không được phân loại
nitrocellulose	7.9	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	40~50	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」. Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc * Tên 1263

sản phẩm Liên Hợp Quốc * Sơn

Phân loại Liên Hợp Quốc * Hạng mục 3 Chất dễ cháy

Loại container 1

* IMCO 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 2/3/2016

1. Nhận dạng

Product Name	POLYUREX ECO V-NY D
Product Number	31518GZ
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka-s hi Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn dùng cho đồ gỗ
Cây xô thơm	

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 4	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không thể phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Không được phân loại	

[Một thành phần của nhãn GHS]



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và có hơi nước.
 Hại nếu hít phải.
 Có hại nếu hít phải.
 Gây kích ứng mắt.
 Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

31518GZ 1/5

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	822-06-0	C8H12N2O2
n-butyl axetat	70~80	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	0,005 ppm	0,005 ppm
n-butyl axetat	70~80	100 p p m	150ppm
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	421 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	0,95 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	255 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 3	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	70~80	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
n-butyl axetat	70~80	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
n-butyl axetat	70~80	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AA cute	Chronic
Hexamethylene diisocyanate	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	70~80	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 14/6/2017

1. Nhận dạng

Product Name	Lớp phủ chống thấm POLYUREX ECO BARRIER P
Product Number	0
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẶT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Postal No.	
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng
Số điện thoại	0084-61-3936-021
Số FAX	0084-61-3936-023
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (lớp nền)
Cây xô thơm	###

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm



Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và có hơi nước.
hại nếu hít phải.
Gây kích ứng mắt.
Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
butan-1-ol	0,1~1	71-36-3	C4H9OH
n-butyl axetat	10~20	123-86-4	C6H12O2
-	0.0	-	-
Methoxybutyl axetat	0.0	4435-53-4	C8H18O3
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
butan-1-ol	0,1~1	50 p p m	20ppm
n-butyl axetat	10~20	100 p p m	150ppm
-	0	-	-
Methoxybutyl axetat	0	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent
Điểm bắt lửa:	17 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,4 thể tích%
trên:	15 thể tích%
Mùi hương	Mùi dung môi
Điểm sôi	188 °C

Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	347 °C
Tỉ trọng:	0,97 ±0,02
Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u r p r e s s u r e:	Không có sẵn

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 4	Hạng mục 5	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	10~20	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Methoxybutyl axetat	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
butan-1-ol	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
n-butyl axetat	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	0	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đờn	Tiếp xúc thường xuyên	
butan-1-ol	0,1~1	Hạng mục 3	Hạng mục 1	Hạng mục 2
n-butyl axetat	10~20	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Phân loại	
		AA cute	Chronic
butan-1-ol	0,1~1	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	10~20	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại
Methoxybutyl axetat	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 1 : IDENTIFICATION OF THE CHEMICAL AND SUPPLIER PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ VỀ CÔNG TY

1.1 Product Identification Thông tin sản phẩm

Trade Name Tên thương mại : TECHBOND EPOXY A29
Use Mục đích sử dụng : For industrial use only Chỉ sử dụng cho công nghiệp

1.2 Company Identification Thông tin về công ty:

Manufacturer's / Importer's / Distributor's Name and Address Tên và địa chỉ công ty : TECHBOND MFG (VIET NAM) CO.,LTD
Công ty TNHH Techbond MFG (Việt Nam)
No 18, VSIP II-A, Road 23 Viet Nam – Singapore II-A Industrial Park, Vinh Tan Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province, Viet Nam
Số 18 VSIP II-A, Đường số 23 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Telephone Number Số điện thoại : 02743.803.959 / 02743.803.962 / 02743.803.963
Emergency Telephone Number Số điện thoại khẩn cấp : 02743.803.959 / 02743.803.962 / 02743.803.963

SECTION 2 : HAZARD IDENTIFICATION PHẦN 2: NHẬN BIẾT SỰ NGUY HIỂM

2.1 Classification of Substance or Mixture Phân loại chất hoặc hợp chất:

Physical Hazard : Not classified under GHS criteria.
Nguy hại vật chất : Không được phân loại theo tiêu chuẩn GHS.

Health Hazard : Skin corrosion/irritation – Category 2
Nguy hại cho sức khỏe : Ăn mòn - kích ứng da - Loại 2
Serious eye damage/ eye irritation – Category 1
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt - Loại 1
Respiratory sensitization – Category 1
Nhạy cảm hô hấp - Loại 1
Skin sensitization – Category 1
Nhạy cảm với da - Loại 1
Reproductive toxicity – Category 2
Độc tính sinh sản - Loại 2
Specific target organ toxicity-Single exposure – Category 1
Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc đơn lẻ): Loại 1
Specific target organ toxicity-Repeated exposure – Category 1
Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc lặp lại): Loại 1

Environmental Hazard : Hazardous to aquatic environment - Chronic hazard – Category 2
Nguy hại với môi trường : Nguy hại tới môi trường thủy sinh - Nguy cơ mãn tính - Loại 2

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

2.2 Label Elements Phạm vi dán nhãn:

Pictogram Hình đồ :



Signal Word Từ tín hiệu :

Danger Nguy hiểm

Hazard Statements

H315 - Causes skin irritation.

Cảnh báo nguy hiểm

H315- Gây kích ứng da

H318 - Causes serious eye damage.

H318- Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H334 - May cause allergic or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.

H334: Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít vào.

H317 - May cause an allergic skin reaction

H317- Có thể gây phản ứng dị ứng da

H361 - Suspected of damaging fertility or the unborn child

H361 - Nghi ngờ gây tổn thương khả năng sinh sản hoặc thai nhi

H370 - Causes damage to organs

H370 - Gây tổn thương các cơ quan

H372 - Causes damage to organs through prolonged or repeated exposure

H372 - Gây tổn thương cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại

H411 - Toxic to aquatic life with long lasting effects

H411 - Độc đối với thủy sinh vật với tác dụng lâu dài

Precautionary Statements

P264

- Wash hands thoroughly after handling.

Rửa tay kỹ sau khi thao tác.

Biện pháp phòng ngừa

P280

- Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

Đeo găng tay / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / mặt

P302 + P352

- IF ON SKIN: Wash with plenty of soap and water.

Nếu dính vào da: Rửa bằng thật nhiều xà phòng và nước.

P321

Specific treatment (see on this label).

Điều trị cụ thể (xem trên nhãn này).

P362

- Take off contaminated clothing and wash before reuse.

Cởi quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi tái sử dụng

P305 + P351

- IF IN EYES: Rinse cautiously with water for several

+ P338

minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing.

Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

P285

- In case of inadequate ventilation wear respiratory protection.

Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo mặt nạ

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

- bảo vệ hô hấp
- P304 + P341 - IF INHALED: If breathing is difficult, remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing.
Nếu hít phải: Nếu khó thở, hãy di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để thở.
- P342+ P311 - If experiencing respiratory symptoms: Call a POISON CENTER or doctor/physician.
Nếu gặp các triệu chứng hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
- P272 - Contaminated work clothing shall not be allowed out of the workplace.
Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được đem ra khỏi nơi làm việc.
- P333 + P313 - If skin irritation or rash occurs: Get medical advice/attention. Nếu kích ứng hoặc phát ban da xảy ra: Nhờ bác sĩ tư vấn / chăm sóc y tế.
- P201 - Obtain special instructions before use.
Nắm được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 - Do not handle until all safety precautions have been read and understood.
Không thao tác cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
- P308 + P313 - IF exposed or concerned: Get medical advice/attention. Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Nhờ bác sĩ tư vấn / chăm sóc y tế.
- P260 - Do not breathe dust/fume/gas/mist/vapours/spray.
Không hít bụi / khói / khí / sương / hơi / phun.
- P270 - Do not eat, drink, or smoke when using this product.
Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P307 + P311 - IF exposed: Call a POISON CENTER or doctor/physician. Nếu tiếp xúc: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ / bác sĩ
- P314 - Get medical advice/attention if you feel unwell.
Nhờ bác sĩ tư vấn / chăm sóc y tế nếu thấy không khỏe.
- P273 - Avoid release to the environment.
Không thải ra môi trường
- P391 - Collect spillage. Thu gom keo bị đổ ra.
- P405 - Store locked up.
Khóa kho cẩn thận.
- P501 - Dispose of contents/container in accordance with local/regional/national/international regulation.
Thải bỏ các keo / thùng chứa theo quy định của địa phương / khu vực / quốc gia / quốc tế.

2.3 Other Hazards Nguy hại khác

None known Không biết.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 3 : COMPOSITION AND INFORMATION OF CHEMICAL INGREDIENTS PHẦN 3: THÀNH PHẦN/THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ THÀNH PHẦN

Chemical Characterization Đặc tính hóa học: **Mixture** Hỗn hợp

Ingredient Thành phần	CAS No. Số CAS	Proportion (% by weight) Tỉ lệ (%Trọng lượng)
Fatty Acid Polyamides (Proprietary)	Not applicable Không áp dụng	> 60%
Triethylenetetramine	112-24-3	10 - < 30%

SECTION 4 : FIRST AID MEASURES PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- Eye contact** : Get medical attention immediately. Call a poison center or physician. Immediately flush eyes with plenty of water, occasionally lifting the upper and lower eyelids. Check for and remove any contact lenses. Continue to rinse for at least 10 minutes. Chemical burns must be treated promptly by a physician.
Tiếp xúc với mắt : Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Gọi cho trung tâm chất độc hoặc bác sĩ. Ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới. Kiểm tra và tháo kính áp tròng ra. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Bỏng hóa chất phải được bác sĩ điều trị kịp thời.
- Skin contact** : Get medical attention immediately. Call a poison center or physician. Wash with plenty of soap and water. Remove contaminated clothing and shoes. Wash contaminated clothing thoroughly with water before removing it, or wear gloves. Continue to rinse for at least 10 minutes. Chemical burns must be treated promptly by a physician. In the event of any complaints or symptoms, avoid further exposure. Wash clothing before reuse. Clean shoes thoroughly before reuse.
Tiếp xúc với da : Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Gọi cho trung tâm chất độc hoặc bác sĩ. Rửa bằng thật nhiều xà phòng và nước. Cởi quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn bằng nước trước khi cởi hoặc đeo găng tay. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Bỏng hóa chất phải được bác sĩ điều trị kịp thời. Trong trường hợp có bất kỳ khiêu nại hoặc triệu chứng nào, tránh tiếp xúc thêm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi sử dụng.

Inhalation Hít phải	:	<p>Get medical attention immediately. Call a poison center or physician. Remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. If it is suspected that fumes are still present, the rescuer should wear an appropriate mask or self-contained breathing apparatus. If not breathing, if breathing is irregular or if respiratory arrest occurs, provide artificial respiration or oxygen by trained personnel. It may be dangerous to the person providing aid to give mouth-to-mouth resuscitation. If unconscious, place in recovery position and get medical attention immediately. Maintain an open airway. Loosen tight clothing such as a collar, tie, belt or waistband. In case of inhalation of decomposition products in a fire, symptoms may be delayed. The exposed person may need to be kept under medical surveillance for 48 hours. In the event of any complaints or symptoms, avoid further exposure.</p> <p>Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Gọi cho trung tâm chất độc hoặc bác sĩ. Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để thở. Nếu nghi ngờ rằng hơi vẫn còn hiện diện, người cứu hộ nên đeo mặt nạ thích hợp hoặc thiết bị thở khép kín. Nếu không thở, nếu hơi thở không đều hoặc nếu ngừng giữ hô hấp, nhân viên được đào tạo cung cấp hô hấp hoặc oxy nhân tạo. Nó có thể nguy hiểm cho người giúp đỡ để hồi sức bằng miệng-miệng. Nếu bất tỉnh, đặt ở vị trí hồi phục và được chăm sóc y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở mở. Nới lỏng quần áo như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Trong trường hợp hít phải các sản phẩm phân hủy trong lửa, các triệu chứng có thể bị hoãn lại. Người tiếp xúc có thể cần được giữ trong giám sát y tế trong 48 giờ. Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại hoặc triệu chứng nào, tránh tiếp xúc thêm.</p>
Ingestion Nuốt phải	:	<p>Get medical attention immediately. Call a poison center or physician. Wash out mouth with water. Remove dentures if any. Remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. If material has been swallowed and the exposed person is conscious, give small quantities of water to drink. Stop if the exposed person feels sick as vomiting may be dangerous. Do not induce vomiting unless directed to do so by medical personnel. If vomiting occurs, the head should be kept low so that vomit does not enter the lungs. Chemical burns must be treated promptly by a physician. Never give anything by mouth to an unconscious person. If unconscious, place in recovery position and get medical attention immediately. Maintain an open airway. Loosen tight clothing such as a collar, tie, belt or waistband.</p> <p>Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức. Gọi cho trung tâm chất độc hoặc bác sĩ. Súc miệng với nước. Tháo răng giả nếu có. Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để thở. Nếu vật liệu đã bị nuốt và người tiếp xúc có ý thức, hãy cho uống một lượng nhỏ nước. Ngưng nếu người tiếp xúc cảm thấy bị bệnh khi ói mửa có thể nguy hiểm. Không được gây nôn trừ khi được nhân viên y tế hướng dẫn làm. Nếu nôn mửa xảy ra, đầu nên được giữ ở mức thấp để nôn không đi vào phổi. Bông hóa chất phải được bác sĩ điều trị kịp thời. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, đặt ở vị trí hồi phục và được chăm sóc y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở mở. Nới lỏng quần áo như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng.</p>
Important symptoms Các triệu chứng quan trọng	:	<p>In case of inhalation of decomposition products in a fire, symptoms may be delayed. The exposed person may need to be kept under medical surveillance for 48 hours.</p> <p>Trong trường hợp hít phải các sản phẩm phân hủy trong lửa, các triệu chứng có thể bị hoãn lại. Người tiếp xúc có thể cần được giữ trong giám sát y tế trong 48 giờ.</p>

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 5 : FIRE-FIGHTING MEASURES

5.1 Extinguishing Media Các biện pháp chữa cháy

- Suitable** : Large fires - Water, Alcohol type or all-purpose type foam
Thích hợp Cháy lớn - Nước, Loại bột kháng cồn hoặc bột đa năng
Small fires - Carbon dioxide or dry chemical media
Cháy nhỏ - Carbon dioxide hoặc phương tiện hóa chất khô
- Unsuitable** : None Không.
Không thích hợp

5.2 Specific Hazards arising from the Chemicals Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ các hóa chất

In a fire or if heated, a pressure increase will occur and the container may burst. This material is toxic to aquatic life with long lasting effects. Fire water contaminated with this material must be contained and prevented from being discharged to any waterway, sewer or drain.

Decomposition products may include carbon dioxide, carbon monoxide and nitrogen oxides.

Trong lửa hoặc nếu được gia nhiệt, áp suất tăng sẽ xảy ra và thùng chứa có thể nổ. Vật liệu này độc hại đối với thủy sinh vật với các ảnh hưởng lâu dài. Nước bị nhiễm bẩn với vật liệu này phải được chứa và ngăn không cho thải ra bất kỳ đường thủy, cống rãnh nào.

Các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm carbon dioxide, carbon monoxide và nitơ oxit.

5.3 Special Protective Equipment and Precautions for Fire –fighters Thiết bị bảo vệ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

- Fire-fighting Instructions** : Use water spray to cool fire-exposed containers and structures. Use water spray to disperse vapors, re-ignition is possible.
Hướng dẫn chữa cháy Sử dụng bình xịt nước để làm mát các thùng chứa và cấu trúc bị cháy. Sử dụng phun nước để phân tán hơi, có thể bắt lửa lại.
- Special protective equipment** : Self-Contained Breathing Apparatus must be worn when approaching a fire in a confined space. Select fire fighter's clothing approved to relevant Standards.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt Thiết bị thở tự thở phải được đeo khi tiếp cận ngọn lửa trong một không gian hạn chế. Chọn quần áo của lính cứu hỏa đã được phê duyệt cho các tiêu chuẩn liên quan.

SECTION 6 : ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

PHẦN 6: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẦN BỊ TRÀN RA NGOÀI Ý MUỐN

- Personnel Precautions, Protective equipment and emergency procedures** : No action shall be taken involving any personal risk or without suitable training. Evacuate surrounding areas. Keep unnecessary and unprotected personnel from entering. Do not touch or walk through spilled material. Do not breathe vapor or mist. Provide adequate ventilation. Wear appropriate respirator when ventilation is inadequate. Put on appropriate personal protective equipment (see section 8 of SDS).
Lưu ý đối với cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp Không thực hiện hành động liên quan đến bất kỳ rủi ro cá nhân nào mà

không có đào tạo phù hợp. Di tản các khu vực xung quanh. Giữ cho nhân viên không nhiệm vụ và không được bảo vệ vào. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Đừng hít phải hơi hoặc sương mù. Cung cấp thông gió đầy đủ. Mang mặt nạ phòng độc thích hợp khi thông hơi không đầy đủ. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8 của SDS).

Environmental Precautions
 Các lưu ý liên quan đến môi trường

: Avoid dispersal of spilled material and runoff and contact with soil, waterways, drains and sewers. Inform the relevant authorities if the product has caused environmental pollution (sewers, waterways, soil or air). Water polluting material. May be harmful to the environment if released in large quantities. Collect spillage.

Tránh phân tán vật liệu bị tràn đổ, chảy ra và tiếp xúc với đất, đường nước, cống rãnh. Thông báo cho các cơ quan có liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường nước, đất hoặc không khí). Vật liệu gây ô nhiễm nước. Có thể gây hại cho môi trường nếu chảy ra với số lượng lớn. Thu gom vật liệu bị tràn đổ.

Methods and Material for containment and cleaning
 Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

: **Small spill Sự cố tràn đổ nhỏ**

Stop leak if without risk. Move containers from spill area. Dilute with water and mop up if water-soluble. Alternatively, or if water insoluble, absorb with an inert dry material and place in an appropriate waste disposal container. Dispose of via a licensed waste disposal contractor.

Làm ngưng rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa từ khu vực tràn đổ. Pha loãng bằng nước và lau sạch nếu hòa tan trong nước. Cách khác, hoặc nếu nước không hòa tan, hấp thụ bằng vật liệu khô trơ và để vào thùng chứa xử lý chất thải thích hợp. Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.

Large spill Sự cố tràn đổ lớn

Stop leak if without risk. Move containers from spill area. Approach release from upwind. Prevent entry into sewers, water courses, basements or confined areas. Wash spillages into an effluent treatment plant or proceed as follows. Contain and collect spillage with non-combustible, absorbent material e.g. sand, earth, vermiculite or diatomaceous earth and place in container for disposal according to local regulations (see section 13 of SDS). Dispose of via a licensed waste disposal contractor. Contaminated absorbent material may pose the same hazard as the spilled product. Note: see section 1 of SDS for emergency contact information and section 13 of SDS for waste disposal.

Làm ngưng rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa từ khu vực tràn đổ. Tiếp cận chất chảy ra từ gió thổi ngược. Ngăn chặn việc xâm nhập vào hệ thống cống rãnh, nước, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế. Rửa tràn đổ vào một nhà máy xử lý nước thải hoặc tiến hành như sau. Chứa và gom chất đổ ra với vật liệu không cháy, thấm, ví dụ: cát, đất, vermiculite hoặc diatomit (đất xộp hình thành từ tảo cát) và để trong thùng để xử lý theo quy định của địa phương (xem phần 13 của SDS). Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Vật liệu thấm nhiễm bản có thể gây nguy hiểm tương tự như sản phẩm bị đổ. Lưu ý: xem phần 1 của SDS để biết thông tin liên lạc khẩn cấp và phần 13 của SDS để xử lý chất thải

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 7 : HANDLING AND STORAGE PHẦN 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

- Precautions for safe handling** : **Protective measures Các biện pháp bảo vệ**
Lưu ý thao tác an toàn
- Put on appropriate personal protective equipment (see section 8 of SDS). Persons with a history of skin sensitization problems or asthma, allergies or chronic or recurrent respiratory disease should not be employed in any process in which this product is used. Avoid exposure - obtain special instructions before use. Avoid exposure during pregnancy. Do not handle until all safety precautions have been read and understood. Do not get in eyes or on skin or clothing. Do not breathe vapor or mist. Do not ingest. Avoid release to the environment. Use only with adequate ventilation. Wear appropriate respirator when ventilation is inadequate. Keep in the original container or an approved alternative made from a compatible material, kept tightly closed when not in use. Empty containers retain product residue and can be hazardous. Do not reuse container.
- Mang thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp (xem phần 8 của SDS). Những người có tiền sử dị ứng da hoặc hen suyễn, dị ứng hoặc bệnh hô hấp mạn tính hoặc tái phát không nên làm trong bất kỳ quá trình nào sử dụng sản phẩm này. Tránh phơi nhiễm - được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Tránh tiếp xúc trong khi mang thai. Không thao tác cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu. Đừng để dính vào mắt hoặc da hoặc quần áo. Đừng hít phải hơi hoặc sương mù. Không được ăn. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ. Mang khẩu trang thích hợp khi thông khí không đầy đủ. Giữ trong thùng chứa ban đầu hoặc phương án thay thế đã được phê duyệt được làm từ vật liệu tương thích, được đóng chặt khi không sử dụng. Các thùng chứa rỗng còn lại dư lượng sản phẩm và có thể gây nguy hiểm. Không sử dụng lại thùng chứa.
- Advice on general occupational hygiene Tư vấn về vệ sinh lao động chung**
Eating, drinking and smoking should be prohibited in areas where this material is handled, stored and processed. Workers should wash hands and face before eating, drinking and smoking. Remove contaminated clothing and protective equipment before entering eating areas. See also Section 8 for additional information on hygiene measures.
- Cấm ăn, uống và hút thuốc ở những nơi thao tác, lưu trữ và xử lý vật liệu này. Người lao động nên rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi quần áo và thiết bị bảo vệ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống. Xem thêm Phần 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Conditions for safe storage** : **Store in accordance with local regulations. Store in original container protected from direct sunlight in a dry, cool and well-ventilated area, away from incompatible materials (see section 10 of SDS) and food and drink. Keep container tightly closed and sealed until ready for use. Containers that have been opened must be carefully resealed and kept upright to prevent leakage. Do not store in unlabeled containers. Use appropriate containment to avoid environmental contamination.**
Điều kiện lưu trữ an toàn
- Lưu trữ theo quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, để ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt,

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

tránh xa các vật liệu không tương thích (xem phần 10 của SDS) và thực phẩm và đồ uống. Giữ thùng chứa đóng kín cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Các thùng chứa đã được mở phải được đóng lại cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn. Sử dụng biện pháp ngăn chặn thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

SECTION 8 : EXPOSURE CONTROLS AND PERSONAL PROTECTION PHẦN 8: KIỂM SOÁT SỰ PHƠI NHIỄM VÀ SỰ TỰ BẢO VỆ

8.1 Control Parameter Thông số kiểm soát

Ingredients with limit values that require monitoring at the workplace:

This product does not contain any relevant quantities of materials with critical values that have to be monitored at workplace.

Các thành phần có giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ lượng vật liệu có liên quan nào có giá trị quan trọng phải được theo dõi tại nơi làm việc.

8.2 Appropriate Engineering Controls Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Local exhaust ventilation is preferred because it prevents contaminant dispersion into the work area by controlling it at its source. Adequate ventilation should be provided so that exposure limits are not exceeded. Educate and train workers in the hazards and control measures relevant to normal activities associated with this product. Emissions from ventilation or work process equipment should be checked to ensure they comply with the requirements of environmental protection legislation. In some cases, fume scrubbers, filters or engineering modifications to the process equipment will be necessary to reduce emissions to acceptable levels.

Ưu tiên hệ thống thông khí cục bộ vì nó ngăn cản sự phân tán chất gây ô nhiễm vào khu vực làm việc bằng cách kiểm soát nó tại nguồn. Cần thông gió đầy đủ để giới hạn phơi nhiễm không được vượt quá. Hướng dẫn và đào tạo công nhân về các nguy cơ và các biện pháp kiểm soát liên quan đến các hoạt động bình thường liên quan đến sản phẩm này. Phát thải từ thiết bị thông gió hoặc quy trình làm việc cần được kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, máy lọc khói, bộ lọc hoặc sửa đổi kỹ thuật cho thiết bị xử lý sẽ là cần thiết để giảm lượng khí thải xuống mức chấp nhận được.

8.3 Individual Protection Measures Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Respiratory Protection	:	Select respirator based on its suitability to provide adequate worker protection for given working conditions, level of airborne contamination, and presence of sufficient oxygen.
Bảo vệ hô hấp		Chọn mặt nạ phù hợp để bảo vệ công nhân trong các điều kiện làm việc nhất định, mức độ ô nhiễm không khí và sự có đủ oxy.
Skin Protection	:	Wear chemically protective gloves, boots, aprons, and gauntlets prevent prolonged or repeated skin contact.
Bảo vệ da		Mang găng tay, ủng, tạp dề bảo vệ hóa chất ngăn tiếp xúc kéo dài và lặp lại.
Eye Protection	:	Wear protective eyeglasses or chemical safety goggles, per OSHA eye- and face protection regulations (29 CFR 1910.133).
Bảo vệ mắt		Đeo kính bảo hộ hoặc kính an toàn hóa chất, theo quy định bảo vệ mắt và mặt của OSHA (29 CFR 1910.133)

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 9 : PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES PHẦN 9: ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Form Hình thể	: Liquid Thể lỏng
Colour Màu sắc	: Yellowish Màu nâu.
Odour Mùi	: Mild Dịu
Odour threshold Ngưỡng mùi	: Not determined Không xác định
pH	: 11
Melting point Điểm chảy	: Not applicable Không áp dụng
Boiling point Điểm sôi	: 200 °C
Flash Point Nhiệt độ phát cháy (°C)	: Not determined Không xác định
Evaporation rate Tốc độ bay hơi	: Not determined Không xác định
Flammability Tính dễ cháy	: Not determined Không xác định
Explosive limit Giới hạn nổ	: Not determined Không xác định
Auto-ignition temperature Nhiệt độ tự bốc cháy (°C)	: Not determined Không xác định
Decomposition temperature Nhiệt độ tự phân hủy (°C)	: Not determined Không xác định
Vapour density Mật độ hơi	: Not determined Không xác định
Vapour pressure Áp suất hơi	: 0.1 hPa @ 20 °C
Solubility in water Tính tan trong nước	: Not soluble Không tan
Partition coefficient: n-octanol-water Hệ số phân tán: n-octanol - nước	: Not determined Không xác định
Viscosity Độ nhớt	: 9000 – 13000 cps at ở 40°C
Specific Gravity Trọng lượng riêng (g/cm ³)	: 0.96

SECTION 10 : STABILITY AND REACTIVITY PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Reactivity / Chemical stability Khả năng phản ứng / Tính ổn định hóa học	: Material is stable under normal conditions. Nguyên liệu ổn định trong điều kiện bình thường
Possibility of hazardous reactions Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: No dangerous reaction known. Không có phản ứng nguy hiểm nào.
Conditions to avoid Các điều kiện cần tránh	: Heat, flame, ignition sources and dusts. Avoid exposure - obtain special instructions before use. Avoid exposure during pregnancy. Avoid release to the environment. Nhiệt, lửa, nguồn bốc lửa và bụi bẩn. Tránh phơi nhiễm - đọc hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Tránh tiếp xúc trong quá trình mang thai. Tránh thải ra môi trường.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Incompatible materials : No specific data. Không có dữ liệu cụ thể.
Nguyên liệu không tương thích

Hazardous decomposition products : Under normal conditions of storage and use, hazardous decomposition products should not be produced. Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, sẽ không tạo ra sản phẩm phân hủy nguy hiểm.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại

SECTION 11 : TOXICOLOGICAL INFORMATION PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Acute toxicity Độc tính cấp tính:

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	Result Kết quả	Species Loài	Dose Liều lượng	Exposure Phơi nhiễm
Triethylenetetramine	LD50 Oral LD50 Đường miệng	Rat Chuột	2,500 mg/kg	-

Corrosion Ăn mòn / **Irritation** Kích ứng:

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	Result Kết quả	Species Loài	Score	Exposure Phơi nhiễm	Observation Quan sát
Triethylenetetramine	Eyes Mắt - Moderate irritant Kích ứng vừa phải	Rabbit Thỏ		24 hrs 24 tiếng	-
	Skin Da- Severe irritant Gây kích ứng nghiêm trọng	Rabbit Thỏ		24 hrs 24 tiếng	-
	Eyes Mắt - Severe irritant Gây kích ứng nghiêm trọng	Rabbit Thỏ			-

Respiratory sensitization : No data available. Dữ liệu không có sẵn.
Nhạy cảm hô hấp

Skin sensitization : No data available. Dữ liệu không có sẵn.
Nhạy cảm với da

Germ cell mutagenicity : No data available. Dữ liệu không có sẵn.
Biến đổi tế bào gốc

Carcinogenicity : No data available. Dữ liệu không có sẵn.
Tính gây ung thư

Reproductive toxicity : No data available. Dữ liệu không có sẵn.
Độc tính sinh sản

STOT – single exposure STOT phơi nhiễm đơn lẻ:

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	Category Phân Loại	Route of exposure Lộ trình tiếp xúc	Target organs Các cơ quan mục tiêu
Fatty Acid Polyamides (Proprietary)	Category 1 Loại 1 Category 3 Loại 3		Eyes Mắt Respiratory tract irritation Kích ứng đường hô hấp
Triethylenetetramine	Category 1 Loại 1		Eyes Mắt

STOT – repeated exposure STOT phơi nhiễm lặp lại:

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	Category Phân Loại	Route of exposure Lộ trình tiếp xúc	Target organs Các cơ quan mục tiêu
Fatty Acid Polyamides (Proprietary)	Category 1 Loại 1		Skin Da
Triethylenetetramine	Category 1 Loại 1 Category 2 Loại 2		Respiratory tract Đường hô hấp Skin Da Liver Gan Kidneys Thận

Aspiration hazard Nguy hại hô hấp : No data available. Dữ liệu không có sẵn.

SECTION 12 : ECOLOGICAL INFORMATION PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Ecotoxicity Độc tính sinh thái:

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	Result Kết quả	Species Loài	Exposure Phơi nhiễm
Triethylenetetramine			
	Acute LC50 33,900 µg/l Fresh water Cấp tính LC50 33,900µg/l/ nước	Aquatic invertebrates. Thủy sinh vật không xương sống Water flea Bọ chết nước	48 hrs 48 tiếng
	Acute EC50 3,700 µg/l Fresh water Cấp tính EC50 3,700 µg/l nước	Aquatic plants - Green Algae Cây thủy sinh – Rong xanh	96 hrs 96 tiếng

Persistence and degradability : No further relevant information available.
Tính bền vững và phân hủy Không có thêm thông tin liên quan.

Bioaccumulative potential Khả năng tích lũy sinh học:

Product/Ingredient name Tên sản phẩm/Thành phần	LogPow	BCF Hệ số tích tụ sinh học	Potential Khả năng
Triethylenetetramine	-1.66 - -1.4	-	Low Thấp

Mobility in soil : No further relevant information available.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Biến đổi trong đất : Không có thêm thông tin liên quan.
Other adverse effect : No further relevant information available.
Tác dụng phụ khác: Không có thêm thông tin liên quan.

SECTION 13 : DISPOSAL INFORMATION PHẦN 13: THÔNG TIN VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Waste from residue : Recover or recycle if possible. Suitable routes of disposal are supervised incineration, preferentially with energy recovery. Do not dispose into the environment, in drains or in watercourses.
Chất thải từ phần dư lại : Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Các phương án xử lý thích hợp là đốt cháy được giám sát, ưu tiên với việc phục hồi năng lượng. Không thải bỏ vào môi trường, trong cống rãnh hoặc trong nguồn nước.

Contaminated packaging : Dispose in accordance with prevailing regulations, preferably to a recognized collector or contractor.
Bao bì nhiễm bẩn : Thải bỏ theo quy định hiện hành, tốt nhất là cho một nhà thu gom hoặc nhà thầu được công nhận

Local Legislation : Disposal should be in accordance with applicable regional, national, and local laws and regulations.
Pháp luật địa phương : Việc thải bỏ phải phù hợp với luật và quy định hiện hành của khu vực, quốc gia và địa phương

SECTION 14 : TRANSPORTATION INFORMATION PHẦN 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

International Regulation : Land (ADR/RID) - Not regulated as dangerous goods
Quy định quốc tế : Đường bộ (ADR / RID) - Không quy định là hàng nguy hiểm
Sea (IMDG) - Not regulated as dangerous goods
Biển (IMDG) - Không quy định là hàng nguy hiểm
Air (IATA) - Not regulated as dangerous goods
Hàng không (IATA) - Không quy định là hàng nguy hiểm

Transport in bulk : According to Annex II of MARPOL 73/78 and the IBC Code
Vận chuyển hàng loạt : Theo Phụ lục II của Công Ước MARPOL 73/78 và luật IBC
Pollution category - Not applicable Danh mục ô nhiễm - Không áp dụng
Ship type - Not applicable Loại tàu - Không áp dụng

Special precautions : Refer to Chapter 7, Handling & Storage,
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt : for special precautions which a user needs to be aware of or needs to comply with in connection with transport.
Tham khảo Chương 7, thao tác và lưu trữ, cho các biện pháp phòng ngừa đặc biệt mà người dùng cần phải biết để tuân thủ liên quan đến vận chuyển

SECTION 15 : REGULATORY INFORMATION PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH CHUNG

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

The regulatory information is not intended to be comprehensive. Other regulations may apply to this material.
Các thông tin quy định không nhằm mục đích toàn diện. Các quy định khác có thể áp dụng cho tài liệu này.

Local Regulations Quy định của địa phương :

- [Occupational Safety and Health Regulation 2013 – Classification, Labelling and Safety Data Sheet of Hazardous Chemicals](#)
Quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp 2013 - Bảng phân loại, dán nhãn và an toàn của các hóa chất nguy hiểm
- [Occupational Safety and Health Regulation 2000 – Use and Standards of Exposure of Chemicals Hazardous to Health](#)
Quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp năm 2000 - Sử dụng và tiêu chuẩn phơi nhiễm các hóa chất nguy hại cho sức khỏe
- [Environmental Quality Act 1974](#)
Đạo luật chất lượng môi trường 1974
- [Environmental Quality \(Schedule Waste\) Regulations 2005](#)
Quy định chất lượng môi trường (Phụ lục chất thải) 2005
- [Custom Act 1967 – require Export Permit](#)
Luật hải quan 1967 - yêu cầu giấy phép xuất khẩu.

SECTION 16 : OTHER INFORMATION PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

Date of Preparation : 22 July 2021
Ngày chuẩn bị : Ngày 22 tháng 7 năm 2021
Revision number : 03
Phiên bản số

THE ABOVE INFORMATION DESCRIBES EXCLUSIVELY THE SAFETY REQUIREMENTS OF THE PRODUCTS AND IS BASE ON OUR PRESENT DAY KNOWLEDGE. THE DATA ARE NOT TO BE TAKEN AS A WARRANTY OR REPRESENTATION FOR WHICH TECHBOND MANUFACTURING SDN. BHD. ASSUMES LEGAL RESPONSIBILITY. THEY ARE OFFERED SOLELY FOR YOUR CONSIDERATION, INVESTIGATION AND VERIFICATION. ANY USE OF THESE DATA AND INFORMATION MUST BE DETERMINED BY THE USER TO BE IN ACCORDANCE WITH APPLICABLE LOCAL LAWS AND REGULATION.

Thông tin trên đây được đưa ra đặc biệt cho yêu cầu an toàn của sản phẩm và dựa trên kiến thức thực tại của chúng tôi. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Techbond về mặt pháp lý. Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, dữ liệu này trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 1 : IDENTIFICATION OF THE CHEMICAL AND SUPPLIER PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ VỀ CÔNG TY

1.1 Product Identification Thông tin sản phẩm

Trade Name Tên thương mại : **TECHBOND EPOXY B29**
Use Mục đích sử dụng : **For industrial use only** Chỉ sử dụng cho công nghiệp

1.2 Company Identification Thông tin về công ty:

Manufacturer's / Importer's / Distributor's Name and Address Tên và địa chỉ công ty : **TECHBOND MFG (VIET NAM) CO.,LTD**
Công ty TNHH Techbond MFG (Việt Nam)
No 18, VSIP II-A, Road 23 Viet Nam – Singapore II-A Industrial Park, Vinh Tan Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province, Viet Nam
Số 18 VSIP II-A, Đường số 23 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Telephone Number Số điện thoại : 02743.803.959 / 02743.803.962 / 02743.803.963
Emergency Telephone Number Số điện thoại khẩn cấp : 02743.803.959 / 02743.803.962 / 02743.803.963

SECTION 2 : HAZARD IDENTIFICATION PHẦN 2: NHẬN BIẾT SỰ NGUY HIỂM

2.1 Classification of Substance or Mixture Phân loại chất hoặc hợp chất:

Physical Hazard : **Not classified under GHS criteria.**
Nguy hại vật chất : Không được phân loại theo tiêu chuẩn GHS.
Health Hazard : **Skin corrosion/irritation – Category 3**
Nguy hại cho sức khỏe : Ăn mòn / kích ứng da - Loại 3
Serious eye damage/eye irritation – Category 2B
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt - Loại 2B
Skin sensitization – Category 1
Nhạy cảm với da - Loại 1
Environmental Hazard : **Not classified under GHS criteria.**
Nguy hại với môi trường : Không được phân loại theo tiêu chuẩn GHS.

2.2 Label Elements Phạm vi dán nhãn:

Pictogram Hình đồ :



Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Signal Word Từ tín hiệu	:	Warning Cảnh báo
Hazard Statements	:	H315 - Causes skin irritation Gây kích ứng da
Cảnh báo nguy hiểm		H319 - Causes serious eye irritation Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
		H317 - May cause an allergic skin reaction Có thể gây ra phản ứng dị ứng da
Precautionary Statements	:	P280 - Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection. Mang găng tay / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / mặt.
Biện pháp phòng ngừa		P332+337+350+313 - If skin/eyes irritation occurs, wash with plenty of soap and water and get medical advice/attention Nếu kích ứng da / mắt xảy ra, rửa bằng nhiều xà phòng và nước và nhận tư vấn / chú ý y tế
		P410+403 - Store container tightly closed in well-ventilated place Lưu trữ thùng chứa đóng kín ở nơi thông thoáng
		P273 - Avoid release to the environment. Tránh thải ra môi trường.

2.3 Other Hazards Nguy hại khác

None known. Không biết.

SECTION 3 : COMPOSITION AND INFORMATION OF CHEMICAL INGREDIENTS PHẦN 3: THÀNH PHẦN/THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ THÀNH PHẦN

Chemical Characterization Đặc tính hóa học: **Mixture** Hỗn hợp

Ingredient Thành phần	CAS No Số CAS	Proportion (% by weight) Tỉ lệ (%Trọng lượng)
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (number average molecular weight ≤ 700) sản phẩm phản ứng: bisphenol-A- (epichlorhydrin); nhựa epoxy (số lượng phân tử trung bình ≤ 700)	25068-38-6	> 60%

SECTION 4 : FIRST AID MEASURES PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Eye contact Nếu tiếp xúc với mắt	:	Immediately flush eyes with running water for several minutes. Seek medical attention if necessary. Lập tức rửa sạch mắt dưới vòi nước chảy trong vòng vài phút. Liên hệ để được trợ giúp y tế nếu cần.
Skin contact Nếu tiếp xúc với da	:	Wash contact areas with soap and water. Remove contaminated clothing. Launder contaminated clothing before reuse. Rửa các khu vực tiếp xúc bằng xà phòng và nước. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm. Giặt quần áo bị ô nhiễm trước khi sử dụng.
Inhalation Khi hít vào	:	Move to fresh air. If necessary, give oxygen and seek for medical attention. Di chuyển đến không khí trong lành. Nếu cần thiết, cung cấp oxy và tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Ingestion Nuốt phải:	:	Seek immediate medical attention. Do not induce vomiting unless instructed by a physician. Liên hệ để trợ giúp y tế ngay lập tức. Không gây nôn trừ khi được bác sĩ hướng dẫn.

SECTION 5 : FIRE-FIGHTING MEASURES PHẦN 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Extinguishing Media Phương tiện dập tắt lửa

Suitable Thích	:	Foam, dry powder, carbon dioxide, water spray jet hợp Bột, bột khô, carbon dioxide, tia nước phun
Unsuitable	:	High pressure water jet..
Không thích hợp		Tia nước phun với áp lực cao

5.2 Specific Hazards arising from the Chemicals Các mối nguy cụ thể phát sinh từ Hóa chất

Hazards from the substance or mixture

In a fire or if heated, a pressure increase will occur and the container may burst. This material is toxic to aquatic life with long lasting effects. Fire water contaminated with this material must be contained and prevented from being discharged to any waterway, sewer or drain.

Các mối nguy hiểm từ chất hoặc hỗn hợp

Trong đám cháy hoặc nếu được làm nóng, áp suất tăng sẽ xảy ra và thùng chứa có thể vỡ. Vật liệu này độc hại với đời sống thủy sinh với tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị nhiễm vật liệu này phải được ngăn chặn và ngăn chặn không được xả ra bất kỳ đường thủy, cống hoặc cống nào.

Hazardous thermal decomposition products

Decomposition products may include the following materials: carbon dioxide, carbon monoxide, halogenated compounds

Sản phẩm phân hủy nhiệt nguy hiểm

Các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các vật liệu sau: carbon dioxide, carbon monoxide, các hợp chất halogen

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

5.3 Special Protective Equipment and Precautions for Fire –fighters Thiết bị và biện pháp phòng ngừa đặc biệt dành cho lính cứu hỏa.

- Fire-fighting Instructions** Hướng dẫn chữa cháy: : Use water spray to cool fire-exposed containers and structures. Use water spray to disperse vapors, re-ignition is possible.
Sử dụng bình xịt nước để làm mát các công trình và công trình tiếp xúc với lửa. Sử dụng nước phun để phân tán hơi, đánh lửa lại là có thể
- Special protective equipment** Thiết bị bảo vệ đặc biệt : **Self-Contained Breathing Apparatus must be worn when approaching a fire in a confined space. Select fire fighter's clothing approved to relevant Standards.**
Phải đeo Thiết bị thở khi tiếp cận đám cháy trong không gian hạn chế. Chọn quần áo của lính cứu hỏa được phê chuẩn theo Tiêu chuẩn liên quan.

SECTION 6 : ACCIDENTAL RELEASE MEASURES PHẦN 6: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẦN BỊ RỎ RỈ NGOÀI Ý MUỐN

- Personnel Precautions, Protective equipment and emergency procedures** Phòng ngừa về Nhân sự, Thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp : No action shall be taken involving any personal risk or without suitable training. Evacuate surrounding areas. Keep unnecessary and unprotected personnel from entering. Do not touch or walk through spilled material. Do not breathe vapor or mist. Provide adequate ventilation. Wear appropriate respirator when ventilation is inadequate. Put on appropriate personal protective equipment (see section 8 of SDS).
Không có hành động nào được thực hiện liên quan đến bất kỳ rủi ro cá nhân hoặc không có đào tạo phù hợp. Di tản các khu vực xung quanh. Không để nhân viên không phận sự và không được bảo vệ đi vào. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Không hít phải hơi hoặc sương mù. Cung cấp thông gió đầy đủ. Đeo khẩu trang phù hợp khi thông gió không đầy đủ. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp (xem phần 8 của SDS)..
- Environmental Precautions** Phòng ngừa về môi trường : **Avoid dispersal of spilled material and runoff and contact with soil, waterways, drains and sewers. Inform the relevant authorities if the product has caused environmental pollution (sewers, waterways, soil or air). Water polluting material. May be harmful to the environment if released in large quantities. Collect spillage.**
Tránh phân tán vật liệu bị tràn và dòng chảy và tiếp xúc với đất, đường thủy, cống và cống rãnh. Thông báo cho các cơ quan hữu quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường thủy, đất hoặc không khí). Vật liệu gây ô nhiễm nước. Có thể gây hại cho môi trường nếu phát hành với số lượng lớn. Thu gom tràn.
- Methods and Material for containment and cleaning** Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : **Small spill** Sự cố tràn đổ nhỏ
Stop leak if without risk. Move containers from spill area. Dilute with water and mop up if water-soluble. Alternatively, or if water-insoluble, absorb with an inert dry material and place in an appropriate waste disposal container. Dispose of via a licensed waste disposal contractor.
Làm ngưng rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa từ khu vực tràn đổ. Pha loãng bằng nước và lau sạch nếu hòa tan trong nước. Cách khác, hoặc nếu nước không hòa tan, hấp thụ bằng vật liệu khô tro và đổ vào thùng

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

chứa xử lý chất thải thích hợp. Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.

Large spill Large spill Sự cố tràn lớn

Stop leak if without risk. Move containers from spill area. Approach release from upwind. Prevent entry into sewers, water courses, basements or confined areas. Wash spillages into an effluent treatment plant or proceed as follows. Contain and collect spillage with non-combustible, absorbent material e.g. sand, earth, vermiculite or diatomaceous earth and place in container for disposal according to local regulations (see section 13 of SDS). Dispose of via a licensed waste disposal contractor. Contaminated absorbent material may pose the same hazard as the spilled product. Note: see section 1 of SDS for emergency contact information and section 13 of SDS for waste disposal.

Làm ngưng rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển thùng chứa từ khu vực tràn đổ. Tiếp cận chất chảy ra từ gió thổi ngược. Ngăn chặn việc xâm nhập vào hệ thống cống rãnh, nước, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế. Rửa tràn đổ vào một nhà máy xử lý nước thải hoặc tiến hành như sau. Chứa và gom chất đổ ra với vật liệu không cháy, thấm, ví dụ: cát, đất, vermiculite hoặc diatomit (đất xốp hình thành từ tảo cát) và để trong thùng để xử lý theo quy định của địa phương (xem phần 13 của SDS). Thải bỏ thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Vật liệu thấm nhiễm bản có thể gây nguy hiểm tương tự như sản phẩm bị đổ. Lưu ý: xem phần 1 của SDS để biết thông tin liên lạc khẩn cấp và phần 13 của SDS để xử lý chất thải.

SECTION 7 : HANDLING AND STORAGE PHẦN 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Precautions for safe handling : Wear suitable protective clothing.

Lưu ý thao tác an toàn

Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Avoid inappropriate stacking of package units.

Tránh xếp chồng các đơn vị gói không phù hợp.

Avoid prolonged or repeated contact with skin.

Tránh tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại với da

Do not eat or drink while working.

Không ăn hoặc uống trong khi làm việc.

Conditions for safe storage : Keep container tightly closed.

Điều kiện lưu trữ an toàn

Đóng chặt thùng chứa.

Use properly labeled and closable containers.

Sử dụng các thùng chứa có dán nhãn và có thể đóng được đúng cách

Store at room temperature and avoid frost.

Bảo quản ở nhiệt độ phòng và tránh sương giá.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 8 : EXPOSURE CONTROLS AND PERSONAL PROTECTION PHẦN 8: KIỂM SOÁT SỰ PHỐI NHIỄM VÀ SỰ TỰ BẢO VỆ

8.1 Control Parameter Thông số kiểm soát

Ingredients with limit values that require monitoring at the workplace :

Các thành phần có giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:

This product does not contain any relevant quantities of materials with critical values that have to be monitored at workplace.

Sản phẩm này không chứa bất kỳ lượng vật liệu có liên quan nào có giá trị quan trọng phải được theo dõi tại nơi làm việc.

8.2 Appropriate Engineering Controls Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Local exhaust ventilation is preferred because it prevents contaminant dispersion into the work area by controlling it at its source. Adequate ventilation should be provided so that exposure limits are not exceeded. Educate and train workers in the hazards and control measures relevant to normal activities associated with this product. Emissions from ventilation or work process equipment should be checked to ensure they comply with the requirements of environmental protection legislation. In some cases, fume scrubbers, filters or engineering modifications to the process equipment will be necessary to reduce emissions to acceptable levels.

Hệ thống thông khí cục bộ được ưu tiên vì nó ngăn cản sự phân tán chất gây ô nhiễm vào khu vực làm việc bằng cách kiểm soát tại nguồn. Cần thông gió đầy đủ để giới hạn phơi nhiễm không được vượt quá. Huấn luyện và đào tạo công nhân về các nguy cơ và các biện pháp kiểm soát thích hợp đến các hoạt động bình thường liên quan đến sản phẩm này. Phát thải từ thông gió hoặc thiết bị xử lý công việc nên được kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của pháp luật bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, máy lọc khói, bộ lọc hoặc sửa đổi kỹ thuật cho thiết bị xử lý sẽ là cần thiết để giảm lượng khí thải đến mức chấp nhận được.

8.3 Individual Protection Measures Biện pháp bảo vệ cá nhân

- Respiratory Protection** : Select respirator based on its suitability to provide adequate worker protection for given working conditions, level of airborne contamination, and presence of sufficient oxygen.
Bảo vệ hô hấp : Chọn mặt nạ phù hợp để cung cấp bảo vệ nhân viên phù hợp với điều kiện làm việc, mức độ nhiễm bẩn trong không khí và có đủ oxy.
- Skin Protection** : Wear chemically protective gloves, boots, aprons, and gauntlets prevent prolonged or repeated skin contact.
Bảo vệ da : Đeo găng tay bảo hộ, ủng, tạp dề và găng tay bảo vệ bằng hóa chất để tránh tiếp xúc với da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
- Eye Protection** : Wear protective eyeglasses or chemical safety goggles, per OSHA eye- and face protection regulations (29 CFR 1910.133).
Bảo vệ mắt : Mang kính bảo hộ hoặc kính an toàn hóa chất, theo các quy định bảo vệ mắt và mặt của OSHA (29 CFR 1910.133)

SECTION 9 : PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES PHẦN 9: ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Form Hình thể	: Liquid Lỏng
Colour Màu sắc	: Clear Trong
Odour Mùi	: Mild Dịu nhẹ
Odour threshold Ngưỡng của mùi hương	: Not determined Không xác định
pH	: Not determined Không xác định
Melting point Nhiệt độ tan chảy	: Not applicable Không áp dụng
Boiling point Nhiệt độ sôi	: Not determined Không xác định
Flash Point Nhiệt độ phát cháy (°C)	: Not determined Không xác định
Evaporation rate Tốc độ bay hơi	: Not determined Không xác định
Flammability Tính dễ cháy	: Not determined Không xác định
Explosive limit Giới hạn nổ	: Not determined Không xác định
Auto-ignition temperature (°C) Nhiệt độ tự bốc cháy (°C)	: > 250°C
Decomposition temperature (°C) Nhiệt độ phân hủy (°C)	: Not determined Không xác định
Vapour density Mật độ hơi	: Not determined Không xác định
Vapour pressure Áp suất hơi	: Not applicable Không áp dụng
Solubility in water Tan được trong nước	: Not soluble Không tan
Partition coefficient: n-octanol-water Hệ số phân chia n-octanol- nước	: Not determined Không xác định
Viscosity Độ nhớt	: 12000 – 15000 cps at ở 25°C
Specific Gravity Trọng lượng riêng (g/cm ³)	: ~ 1.16

SECTION 10 : STABILITY AND REACTIVITY PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

Reactivity / Chemical stability Khả năng phản ứng / Tính ổn định hóa học	: Material is stable under normal conditions. Nguyên liệu ổn định trong điều kiện bình thường.
Possibility of hazardous reactions Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: No dangerous reaction known. Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến.
Conditions to avoid Các điều kiện cần tránh	: Avoid static electricity discharge, strong acid, strong base, strong oxidizer and amines Tránh phóng tĩnh điện, axit mạnh, bazơ mạnh, chất oxy hóa mạnh và amin.
Incompatible materials Nguyên liệu không tương thích	: No specific data. Không có dữ liệu cụ thể.
Hazardous decomposition products Các sản phẩm phân hủy nguy hại	: Under normal conditions of storage and use, hazardous decomposition products should not be produced. Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, sẽ không tạo ra sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 11 : TOXICOLOGICAL INFORMATION PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Ingestion	:	Acute oral toxicity: LD50 10000-11400 mg/kg body weight.
Nuốt phải		Độc tính cấp tính bằng miệng: LD50 10000-11400 mg / kg trọng lượng cơ thể.
Skin contact	:	Irritating to skin.
Tiếp xúc với da		Gây kích ứng da.
Eye contact	:	Irritating to eyes.
Tiếp xúc với mắt		Gây kích ứng mắt.

SECTION 12 : ECOLOGICAL INFORMATION PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Biological degradability:	:	Not readily biodegradable.
Phân hủy sinh học		Không dễ phân hủy sinh học.
Bioaccumulation	:	No information available.
Tích lũy sinh học		Không có thông tin.
Ecotoxicity	:	Toxic to aquatic organisms.(LC50 between 1 and 10 mg/L)
Độc tính sinh thái		Độc đối với sinh vật dưới nước. (LC50 trong khoảng từ 1 đến 10 mg / L)

SECTION 13 : DISPOSAL INFORMATION PHẦN 13: THÔNG TIN VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Waste from residue	:	Recover or recycle if possible. Suitable routes of disposal are supervised incineration, preferentially with energy recovery. Do not dispose into the environment, in drains or in watercourses. Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Các phương án xử lý thích hợp là đốt cháy được giám sát, ưu tiên với việc phục hồi năng lượng. Không thải bỏ vào môi trường, trong cống rãnh hoặc trong nguồn nước.
Chất thải từ phần dư lại		
Contaminated packaging	:	Dispose in accordance with prevailing regulations, preferably to a recognized collector or contractor.
Bao bì nhiễm bẩn		Thải bỏ theo quy định hiện hành, tốt nhất là cho một nhà thu gom hoặc nhà thầu được công nhận
Local Legislation	:	Disposal should be in accordance with applicable regional, national, and local laws and regulations.
Pháp luật địa phương		Việc thải bỏ phải phù hợp với luật và quy định hiện hành của khu vực, quốc gia và địa phương

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

SECTION 14 : TRANSPORTATION INFORMATION PHẦN 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

International Regulation Quy định quốc tế	:	Land (ADR/RID) - Not regulated as dangerous goods Đường bộ (ADR / RID) - Không quy định là hàng nguy hiểm Sea (IMDG) - Not regulated as dangerous goods Biển (IMDG) - Không quy định là hàng nguy hiểm Air (IATA) - Not regulated as dangerous goods Hàng không (IATA) - Không quy định là hàng nguy hiểm
Transport in bulk Vận chuyển hàng loạt	:	According to Annex II of MARPOL 73/78 and the IBC Code Theo Phụ lục II của Công Ước MARPOL 73/78 và luật IBC Pollution category - Not applicable Danh mục ô nhiễm - Không áp dụng Ship type - Not applicable Loại tàu - Không áp dụng
Special precautions Biện pháp phòng ngừa đặc biệt	:	Refer to Chapter 7, Handling & Storage, for special precautions which a user needs to be aware of or needs to comply with in connection with transport. Tham khảo phần 7, thao tác và lưu trữ, cho các biện pháp phòng ngừa đặc biệt mà người dùng cần phải biết để tuân thủ liên quan đến vận chuyển

SECTION 15 : REGULATORY INFORMATION PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH CHUNG

The regulatory information is not intended to be comprehensive. Other regulations may apply to this material.
Các thông tin quy định không nhằm mục đích toàn diện. Các quy định khác có thể áp dụng cho tài liệu này.

Local Regulations Quy định của địa phương :

- **Occupational Safety and Health Regulation 2013 – Classification, Labelling and Safety Data Sheet of Hazardous Chemicals**
Quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp 2013 - Bảng phân loại, dán nhãn và an toàn của các hóa chất nguy hiểm
- **Occupational Safety and Health Regulation 2000 – Use and Standards of Exposure of Chemicals Hazardous to Health**
Quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp năm 2000 - Sử dụng và tiêu chuẩn phơi nhiễm các hóa chất nguy hại cho sức khỏe
- **Environmental Quality Act 1974**
Đạo luật chất lượng môi trường 1974
- **Environmental Quality (Schedule Waste) Regulations 2005**
Quy định chất lượng môi trường (Phụ lục chất thải) 2005
- **Custom Act 1967 – require Export Permit**
Luật hải quan 1967 - yêu cầu giấy phép xuất khẩu.

SECTION 16 : OTHER INFORMATION PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

Safety Data Sheet

Bảng an toàn hóa chất

TECHBOND®
YOUR TECHNICAL BONDING PARTNER

According to Global Harmonized System (GHS) Theo hệ thống đồng nhất toàn cầu
Department of Safety and Health (MALAYSIA) Bộ an toàn và sức khỏe (Malaysia)

Date of Preparation : 22 July 2021
Ngày chuẩn bị : Ngày 22 tháng 07 năm 2021
Revision number : 01
Phiên bản số

THE ABOVE INFORMATION DESCRIBES EXCLUSIVELY THE SAFETY REQUIREMENTS OF THE PRODUCTS AND IS BASE ON OUR PRESENT DAY KNOWLEDGE. THE DATA ARE NOT TO BE TAKEN AS A WARRANTY OR REPRESENTATION FOR WHICH TECHBOND MANUFACTURING SDN. BHD. ASSUMES LEGAL RESPONSIBILITY. THEY ARE OFFERED SOLELY FOR YOUR CONSIDERATION, INVESTIGATION AND VERIFICATION. ANY USE OF THESE DATA AND INFORMATION MUST BE DETERMINED BY THE USER TO BE IN ACCORDANCE WITH APPLICABLE LOCAL LAWS AND REGULATION.

Thông tin trên đây được đưa ra đặc biệt cho yêu cầu an toàn của sản phẩm và dựa trên kiến thức thực tại của chúng tôi. Bảng này hoàn toàn không có giá trị bảo đảm và không được coi như cơ sở đại diện cho Techbond về mặt pháp lý. Thông tin được đưa ra chỉ có giá trị tham khảo, nghiên cứu và kiểm tra. Việc sử dụng bất kì thông tin, dữ liệu này trong bảng này là do người sử dụng quyết định sao cho phù hợp với quy định, luật lệ của địa phương sở tại.

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 6/1/2020

1. Nhận dạng

Product Name	ECO KIGATAMEZAI
Product Number	0
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẶT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng
Số điện thoại	0084-251-936-021
Số FAX	0084-251-936-022
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Sơn nhựa polyurethane hai thành phần (chất làm cứng) Sơn dùng cho đồ gỗ
Cây xô thơm	

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại GHS】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Không thể phân loại	
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Hạng mục 1	Danger
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không thể phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Category 3	Cảnh báo
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Nồng độ Chronic3	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và gây kích ứng mắt.

Có thể gây phản ứng dị ứng da. Độc hại đối với sinh vật thủy sinh.

Gây hại cho sinh vật thủy sinh với những ảnh hưởng lâu dài.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc. Đeo găng tay bảo hộ và kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Thùng chứa tiếp đất/liên kết và thiết bị tiếp nhận.

Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Tolylene diisocyanate	0,5	26471-62-5	C9H6N2O2
etyl axetat	50~60	141-78-6	C4H8O2
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Tolylene diisocyanate	0,5	0,005 ppm	0,005 ppm
etyl axetat	50~60	200ppm	400ppm
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc:	Translucent	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	9,5 °C	Điểm bắt lửa:	427 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 thể tích%	Tỉ trọng:	1.02 ±0,02
	trên: 11.4 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: Vapour pressure:	Không có sẵn
Mùi hương:	Mùi dung môi		
Điểm sôi:	120 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

Classification of health hazards

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Tolylene diisocyanate	0,5	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
etyl axetat	50~60	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Tolylene diisocyanate	0,5	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Hạng mục 1A-1C
etyl axetat	50~60	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự miễn cảm	Da sự miễn cảm
etyl axetat	50~60	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
etyl axetat	50~60	Không được phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
Tolylene diisocyanate	0,5	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
etyl axetat	50~60	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
Tolylene diisocyanate	0,5	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
etyl axetat	50~60	Không được phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM - DOANH NGHIỆP

TÊN SẢN PHẨM: KOYOBOND KR-150

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT : CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B_3B10_CN, KCN Mỹ Phước 3, P. Thới Hòa, TP. Bến Cát, T. Bình Dương

TÊN BỘ PHẬN : PHÒNG BAN KOYOBOND

ĐIỆN THOẠI +84-274-222-1567

FAX: +84-274-222-1566

NGÀY SỬA ĐỔI : 01/03/2025

Phần 2 : THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

PHÂN LOẠI HÓA CHẤT DẠNG ĐƠN

HAY TỔNG HỢP : DẠNG TỔNG HỢP

TÊN HÓA CHẤT : HÓA CHẤT POLYME GỐC NƯỚC

THÀNH PHẦN :

Poly(vinyl acetate)	Cas No. 9003-20-7	30~60%
Nước	Cas No. 7732-18-5	40~70%

KHÔNG PHÂN LOẠI Không áp dụng

Phần 3 : NHẬN DẠNG NGUY HIỂM:

MỐI NGUY

Ở NHẬT BẢN : Không phân loại áp dụng

Phần 4 : BIỆN PHÁP SƠ CẤP CỨU:

TIẾP XÚC VỚI MẮT: Ngay lập tức rửa bằng nước ấm ít nhất 15 phút, sau đó tham vấn bác sĩ.

TIẾP XÚC DA: Cởi bỏ quần áo, giày bị dính hóa chất, rửa kỹ vùng da bị ảnh hưởng bằng nước lạnh hoặc nước ấm. Khi thấy ngứa hoặc có hiện tượng bất thường phải tham vấn ngay với bác sĩ.

HÍT PHẢI : Đi chuyển đến nơi thông thoáng, giữ ấm cơ thể, sau đó tham vấn bác sĩ.

NUỐT PHẢI : Cho uống nhiều nước hoặc sữa vào miệng để gây nôn, sau đó súc sạch miệng và tham vấn ngay với bác sĩ.

Phần 5 : XỬ LÝ HÒA HOAN

PHƯƠNG THỨC CỨU HÒA: Dùng nước, bột, bột hóa chất khô, halogen.

HƯỚNG DẪN PHÒNG CHÁY Ngắt nguồn lửa, dập tắt lửa theo phương thức cứu hỏa nêu trên. Làm mát khu vực xung quanh CHỮA CHÁY bằng nước để tránh ngọn lửa lan rộng ra.

Chú ý hướng gió khi cứu hỏa, người cứu hỏa phải được trang bị quần áo, thiết bị bảo hộ an toàn.

Phần 6: PHƯƠNG THỨC XỬ LÝ TAI NẠN

HƯỚNG DẪN : Trường hợp đổ hóa chất, ngăn dòng chảy bằng chăn vải hoặc túi cát. Trường hợp tràn nhiều thì hút bằng máy bơm hoặc máy hút chân không. Trường hợp tràn ít thì có thể dọn dẹp chất thải đổ bằng cát hoặc mùn cưa.

Khi dọn dẹp hóa chất tràn, đồ phải mang thiết bị bảo hộ: găng tay, ủng, kính bảo hộ đầy đủ.

Nếu hóa chất bị đổ tràn xuống sông ngòi, hồ hoặc biển thì phải báo ngay với cơ quan chức năng để đưa ra phương thức giải quyết kịp thời theo quy định.

Phần 7: XỬ LÝ VÀ LƯU KHO

HƯỚNG DẪN : Không được phép uống và ngửi. Sử dụng sản phẩm ở nơi thoáng khí. Dùng dụng cụ bảo hộ như găng tay chống thấm nước và kính bảo hộ để tránh tiếp xúc vào mắt và da. Tránh để ở nơi nhiệt độ trên 35°C và dưới 5°C; không để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời. Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng để ngăn ngừa kết màng trên bề mặt sản phẩm.

Phần 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM: Không tạo giới hạn phơi nhiễm.

ĐO LƯỜNG KỸ THUẬT: Khuyến nghị sử dụng thiết bị xả riêng biệt.

CÔNG CỤ BẢO VỆ : Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay chống thấm nước hoặc găng tay cao su.
Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động

Phần 9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC :

Bề ngoài : Chất lỏng màu trắng sữa
pH: 4.0~6.0
Điểm sôi : Khoảng 100°C
Điểm nóng chảy : Khoảng 0°C
Độ tan trong nước : Tan vô hạn trong nước

Phần 10. NGUY CƠ LÝ TÍNH (VẬT LÝ VÀ PHẢN ỨNG)

TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN

ỨNG: Ổn định dưới điều kiện bình thường

Phần 11 : THÔNG TIN ĐỘC TỐ

Hiện tại không có thông tin liên quan

Phần 12 : THÔNG TIN SINH THÁI

Thải hóa chất ra sông ngòi có thể dẫn đến chết cá và hủy hoại đời sống của các loài sinh vật nhỏ do cạn kiệt hồ hấp gây nên bởi sự kết dính nhũ tương hoặc do nguyên nhân khác.

Phần 13. XEM XÉT XỬ LÝ

Việc xử lý cần được thực hiện bằng lửa.
Rửa bằng hóa chất tạo kết tủa sau đó xử lý.
Xử lý theo quy định và pháp luật của quốc gia, vùng miền.

Phần 14 : THÔNG TIN VẬN CHUYỂN :

Kiểm tra rò rỉ bồn chứa trước khi chất hàng, bảo đảm tải trọng phòng tránh biến dạng, hư hỏng, đổ ngã bồn chứa.

Phần 15 : THÔNG TIN QUY CHẾ

Không có thông tin liên quan.

Phần 16 : THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quản đối với các biện pháp ứng phó sự cố ô nhiễm không khí bên trong "

Thực thi bởi Hiệp hội công nghiệp chất kết dính Nhật Bản

F☆☆☆☆ JAIA: 010930

4VOC JAIA: 504895

Những điều nêu trên chưa đủ để đánh giá nguy cơ và độc tính. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin được đưa ra trên đây là thông tin chính xác nhất theo hiểu biết của công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam nhưng không ngụ ý diễn đạt hay nhấn mạnh và đảm bảo.

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM - DOANH NGHIỆP**TÊN SẢN PHẨM:** KOYOBOND KR-560**ĐƠN VỊ SẢN XUẤT :** CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô B_3B10_CN, KCN Mỹ Phước 3, P. Thới Hòa, TP. Bến Cát, T. Bình Dương

TÊN BỘ PHẬN : PHÒNG BAN KOYOBOND**ĐIỆN THOẠI :** +84-274-222-1567**FAX:** +84-274-222-1566**NGÀY SỬA ĐỔI :** 01/03/2025**Phần 2 : THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT****PHÂN LOẠI HÓA CHẤT DẠNG ĐƠN****HAY TỔNG HỢP :** DẠNG TỔNG HỢP**TÊN HÓA CHẤT :** HÓA CHẤT POLYME GỐC NƯỚC**THÀNH PHẦN :**

Styrene • Butadiene copolymer	Cas No. - 9003-55-8	10~30%
PVA	Cas No. 9002-89-5, 25213-24-5	3~10%
Calcium Carbonate	Cas No. 471-34-1	15~ 30%
Nước	Cas No. 7732-18-5	30~70%

KHÔNG PHÂN LOẠI: Không áp dụng**Phần 3 : NHẬN DẠNG NGUY HIỂM:****MÔI NGUY****Ở NHẬT BẢN :** Không phân loại áp dụng**Phần 4 : BIỆN PHÁP SƠ CẤP CỨU:****TIẾP XÚC VỚI MẮT:** Ngay lập tức rửa bằng nước ấm ít nhất 15 phút, sau đó tham vấn bác sĩ.**TIẾP XÚC DA:** Cởi bỏ quần áo, giày bị dính hóa chất, rửa kỹ vùng da bị ảnh hưởng bằng nước lạnh hoặc nước ấm. Khi thấy ngứa ngáy bất thường phải tham vấn ngay với bác sĩ.**HÍT PHẢI :** Đi chuyển đến nơi thông thoáng, giữ bình tĩnh và giữ ấm, sau đó tham vấn bác sĩ.**NUỐT PHẢI :** Cho uống nhiều nước hoặc sữa vào miệng để gây nôn, sau đó súc sạch miệng và tham vấn bác sĩ.**Phần 5 : XỬ LÝ HÒA HOÀN****PHƯƠNG THỨC CỨU HỖA:** Dùng nước, bọt, bột hóa chất khô, halogen.**HƯỚNG DẪN PHÒNG CHÁY** Ngắt nguồn lửa, dập tắt lửa theo phương thức cứu hỏa nêu trên. Làm mát khu vực xung quanh **CHỮA CHÁY** bằng nước để tránh ngọn lửa lan rộng ra.

Chú ý hướng gió khi cứu hỏa, người cứu hỏa phải được trang bị quần áo, thiết bị bảo hộ an

Phần 6: PHƯƠNG THỨC XỬ LÝ TAI NẠN**HƯỚNG DẪN :** Trường hợp đổ hóa chất, ngăn dòng chảy bằng chăn vải hoặc túi cát. Trường hợp tràn nhiều thì hút bằng máy bơm hoặc máy hút chân không. Trường hợp tràn ít thì có thể dọn dẹp chất thải đổ bằng cát hoặc mùn cưa.

Khi dọn dẹp hóa chất tràn, đồ phải mang thiết bị bảo hộ: găng tay, ủng, kính bảo hộ đầy đủ.

Nếu hóa chất bị đổ tràn xuống sông ngòi, hồ hoặc biển thì phải báo ngay với cơ quan chức năng để đưa ra phương thức giải quyết kịp thời theo quy định.

Phần 7: XỬ LÝ VÀ LƯU KHO**HƯỚNG DẪN :** Không được phép uống và ngửi. Sử dụng sản phẩm ở nơi thoáng khí. Dùng dụng cụ bảo hộ như găng tay chống thấm nước và kính bảo hộ để tránh tiếp xúc vào mắt và da. Tránh để ở nơi nhiệt độ trên 35°C và dưới 5°C; không để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời. Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng để ngăn ngừa kết mảng trên bề mặt sản phẩm.**Phần 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO VỆ CÁ NHÂN****GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM:** Không tạo giới hạn phơi nhiễm**PHƯƠNG THỨC KỸ THUẬT** Khuyến nghị sử dụng thiết bị xa riêng biệt**CÔNG CỤ BẢO VỆ :** Bảo vệ mắt: Dùng kính bảo hộ

Bảo vệ tay: Đeo găng tay chống thấm nước hoặc găng tay cao su
Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động

Phần 9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC :

Bề ngoài : Chất lỏng màu trắng sữa
pH: 6.0 ~ 8.0
Điểm sôi : Khoảng 100°C
Điểm nóng chảy : Khoảng 0°C
Độ tan trong nước : Tan vô hạn trong nước

Phần 10. NGUY CƠ LÝ TÍNH (VẬT LÝ VÀ PHẢN ỨNG)

TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN

ỨNG: Ổn định dưới điều kiện bình thường

Phần 11 : THÔNG TIN ĐỘC TỐ

Hiện tại không có thông tin liên quan

Phần 12 : THÔNG TIN SINH THÁI

Thải hóa chất ra sông ngòi có thể dẫn đến chết cá và hủy hoại đời sống của các loài sinh vật nhỏ do cạn kiệt hô hấp gây nên bởi sự kết dính nhũ tương hoặc do nguyên nhân khác.

Phần 13. XEM XÉT XỬ LÝ

Việc xử lý cần được thực hiện bằng lửa.
Rửa bằng hóa chất tạo kết tủa sau đó xử lý.
Xử lý theo quy định và pháp luật của quốc gia, vùng miền.

Phần 14 : THÔNG TIN VẬN CHUYỂN :

Kiểm tra rò rỉ bồn chứa trước khi chất hàng, bảo đảm tải trọng phòng tránh biến dạng, hư hỏng, đổ ngã bồn chứa.

Phần 15 : THÔNG TIN QUY CHẾ

Không có thông tin liên quan.

Phần 16 : THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quan đối với các biện pháp ứng phó sự cố ô nhiễm không khí bên trong "

Thực thi bởi Hiệp hội công nghiệp chất kết dính Nhật Bản

F☆☆☆☆: 010721
4VOC: 504683

Những điều nêu trên chưa đủ để đánh giá nguy cơ và độc tính. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin được đưa ra trên đây là thông tin chính xác nhất theo hiểu biết của công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam nhưng không ngụ ý diễn đạt hay nhấn mạnh và đảm bảo.

MATERIAL SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực vào ngày 5/2/2026

1. Nhận dạng

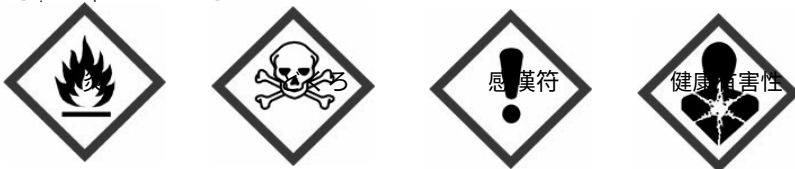
Product Name	Dung môi pha loãng POLYUREX ECO VN-4
Product Number	
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẶT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng
Số điện thoại	0084-251-936-021
Số FAX	0084-251-936-022
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Màng hơi
Cây xô thơm	Sơn dành cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại GHS】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Không được phân loại	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Không được phân loại	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Hạng mục 2	Warning
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Hạng mục 2	Warning
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Hạng mục 1	Danger
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Không được phân loại	
mãn tính	Không được phân loại	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và độc hơi nước.

hại nếu hít phải.

Có hại nếu hít phải.

Gây ra các vết loét da nghiêm trọng và tổn thương mắt. Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây tổn thương các cơ quan nội tạng hoặc nếu rửa tất cả các cơ quan bị ảnh hưởng nếu biết.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc. Đeo găng tay bảo hộ và kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Thùng chứa tiếp đất/liên kết và thiết bị tiếp nhận.

Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	64742-95-6	-
diacetonealcohol	20~30	123-42-2	C6H12O2
sec-butyl axetat	30~40	105-46-4	C6H12O2
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Hãy sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả các nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng sản phẩm này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Dung môi naphtha (đầu mỏ)	10~20	-	100ppm
diacetonealcohol	20~30	-	50ppm
sec-butyl axetat	30~40	-	200ppm
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc :	Trong suốt	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	25 °C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,9 %	Tỉ trọng:	0,91 ±0,02
	trên: 20 %	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e:	Không có sẵn
Điểm sôi	155 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học

Classification of health hazards

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
diacetonealcohol	20~30	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
sec-butyl axetat	30~40	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	20~30	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Loại 2
sec-butyl axetat	30~40	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Seri tổn thương mắt	Hô hấp	Da
		kích ứng mắt	Sự mẫn cảm	sự mẫn cảm
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	20~30	Hạng mục 2A	Không thể phân loại	Không được phân loại
sec-butyl axetat	30~40	Hạng mục 2	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mầm	Khả năng gây ung thư	Sinh sản
		khả năng gây đột biến		độc tính
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
diacetonealcohol	20~30	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
sec-butyl axetat	30~40	Không được phân loại	Không được phân loại	Hạng mục 2
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	nguy hiểm
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	20~30	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
sec-butyl axetat	30~40	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	Acute	Chronic
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	10~20	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	20~30	Không được phân loại	Không được phân loại
sec-butyl axetat	30~40	Không được phân loại	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 2/3/2016

1. Nhận dạng

Product Name	Dung môi pha loãng POLYUREX ECO N-3
Product Number	
Công ty	Washin Chemical Industry Co., Ltd
Địa chỉ công ty	Số 1460 Sodeshicho Shimizu-ku Shizuoka- s h i Shizuoka-ken
Postal No.	424-0037
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng Nhà máy Shimizu:
Số điện thoại	054-365-3111
Số FAX	054-365-5677
Person in charge	Kazuhiko Takada
Một loại sản phẩm	Màng hơi
Cây số thêm	Sơn dành cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 1	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 3	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Không được phân loại	
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2B	
Sự mãn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại	
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại	
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	0
mãn tính	Nồng độ Chronic3	0

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm



Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng cực kỳ dễ cháy và độc hơi nước.

hại nếu hít phải.

Có hại nếu hít phải.

Gây kích ứng mắt.

Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng. Độc

hại đối với sinh vật thủy sinh.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc.

Đeo găng tay bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Nối đất/tiếp địa cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có

hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
naphthalene	0,1~1	91-20-3	C10H8
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	64742-95-6	-
2-ethoxyethyl axetat	15.0	111-15-9	C6H12O3
n-butyl axetat	40~50	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
naphthalene	0,1~1	-	10 ppm
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	-	100ppm
2-ethoxyethyl axetat	15	5ppm	5ppm
n-butyl axetat	40~50	100 p p m	150ppm
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc :	Trong suốt	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	379 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,6 thể tích%	Tỉ trọng:	0,90 ±0,02
trên:	15 thể tích%	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e :	Không có sẵn
Điểm sôi	218 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

11. Thông tin độc chất học về các mối nguy hại cho sức khỏe

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
naphthalene	0,1~1	Hạng mục 4	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	40~50	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
naphthalene	0,1~1	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 3
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mãn cảm	Da sự mãn cảm
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	0	0	0
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
naphthalene	0,1~1	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Hạng mục 3	Không thể phân loại	Hạng mục 1
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
naphthalene	0,1~1	Nồng độ cấp tính1	Nồng độ cấp tính1
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	5~10	Nồng độ Acute2	Nồng độ Chronic2
2-ethoxyethyl axetat	15	Không thể phân loại	Không thể phân loại
n-butyl axetat	40~50	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức

độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	I		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

MATERIAL SAFETY DATA SHEET

Có hiệu lực từ ngày 9/7/2018.

1. Nhận dạng

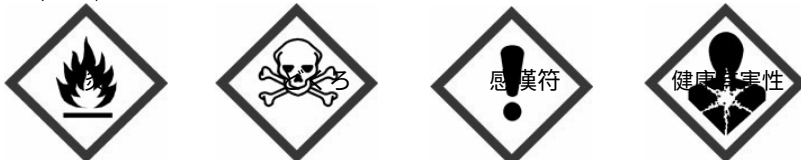
Product Name	Dung môi pha loãng POLYUREX ECO N-4
Product Number	0
Công ty	CÔNG TY TNHH GIẶT VIỆT NAM
Địa chỉ công ty	122/1, Khu công nghiệp AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Section Concerned	Bộ phận Kiểm soát Chất lượng
Số điện thoại	0084-61-3936-021
Số FAX	0084-61-3936-023
Person in charge	KAZUHIRO OGAWA
Một loại sản phẩm	Mỏng hơn
Cây xô thơm	Sơn dành cho đồ gỗ

2. Nhận diện mối nguy hiểm

【Phân loại G H S】

Các mối nguy hiểm vật lý	Kết quả phân loại	Tuyên bố về mối nguy hiểm
Chất lỏng dễ cháy	Hạng mục 2	Sự nguy hiểm
Phân loại các mối nguy hại về sức khỏe		
Độc tính cấp tính Miệng	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Dermal	Không được phân loại	
Độc tính cấp tính Khí	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại	
Độc tính cấp tính Hơi	Hạng mục 3	Cảnh báo
Độc tính cấp tính Bụi và sương mù	Hạng mục 4	Warning
Ăn mòn da/kích ứng da	Hạng mục 3	Warning
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Hạng mục 2A	
Sự miễn cảm đường hô hấp	Không thể phân loại	
Sự nhạy cảm của da	Không được phân loại	
Khả năng gây đột biến của tế bào mầm	Không được phân loại	
Khả năng gây ung thư	Không được phân loại	
Độc tính sinh sản	Hạng mục 2	Warning
Độc tính toàn thân đối với cơ quan đích cụ thể		
Đơn	Hạng mục 1	Danger
Tiếp xúc thường xuyên	Hạng mục 1	Danger
Nguy cơ hít phải	Không được phân loại	
Phân loại các mối nguy hiểm môi trường		
mối nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh		
Cấp tính	Nồng độ Acute3	
mãn tính	Không được phân loại	

【Một thành phần của nhãn GHS】



Sự nguy hiểm

Tuyên bố về mối nguy hiểm

Chất lỏng dễ cháy và độc hơi nước.

hại nếu hít phải.

Có hại nếu hít phải.

Gây ra các vết loét da nghiêm trọng và tổn thương mắt. Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây tổn thương các cơ quan hoặc nếu rõ tất cả các cơ quan bị ảnh hưởng nếu biết.

Thông báo quan trọng.

(Phòng ngừa)

Đậy kín nắp hộp.

Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc. Đeo găng tay bảo hộ và kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

Thùng chứa tiếp đất/liên kết và thiết bị tiếp nhận.
Sử dụng thiết bị chiếu sáng/thông gió điện chống cháy nổ.

Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng với hiện tượng phóng điện tĩnh. Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thoáng khí. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt.

Không hít phải bụi/khói/khí/hơi/chất phun. Cần có hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không được chạm vào cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp an toàn. Tránh thải ra môi trường.

<Phản ứng)

Nếu ở trong mắt: Rửa kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có. Tiếp tục rửa.

Nếu nuốt phải: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

Nếu bôi lên da: Hãy rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.

Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để dễ thở.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Component and concentration of dangerous and hazardous materials.

Tên hóa học	Trong lượng %	Số CAS	Cấu trúc hóa học
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	0.0	64742-95-6	-
diacetonealcohol	0.0	123-42-2	C6H12O2
n-butyl axetat	0.0	123-86-4	C6H12O2
-	-	-	-
-	-	-	-

4. Các biện pháp sơ cứu.

Giao tiếp bằng mắt.

Hãy rửa mắt bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Giữ mí mắt mở và từ từ đổ nước lên nhãn cầu.

Bác sĩ vẫn nên kiểm tra mắt càng sớm càng tốt. Tiếp xúc

với da.

Nhanh chóng dùng quần áo để loại bỏ các chất dính.

Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nhiều nước chảy và sử dụng xà phòng dịu nhẹ hoặc dầu gội dành cho

da. Hít phải.

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi ở, hít phải hơi dung môi và khí độc, đến nơi thoáng khí, giữ ấm và yên tĩnh.

Nếu hơi thở yếu, không đều hoặc đã ngừng, hãy mở đường thở, nới lỏng cổ áo và thắt lưng, sau đó thực hiện hô hấp nhân tạo.

Tháo vòng cổ và thắt lưng của anh ta, đồng thời tiến hành hô hấp nhân

tạo. Ngăn không cho anh ta nuốt chất nôn.

Sắp xếp để được bác sĩ điều trị càng sớm càng tốt.

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên lặng, tránh hít phải hơi và khí của dung môi hữu cơ. Sau đó, liên hệ với cơ sở y tế. Trường hợp nuốt phải.

Nếu nuốt phải vật thể không đúng cách, hãy giữ cho nạn nhân yên tĩnh và lập tức đưa nạn nhân đến bác sĩ khám.

Ngăn ngừa việc nuốt phải chất nôn.

5. Biện pháp chữa cháy.

Các loại dập tắt.

Nước [] Bột cacbon dioxide [O] Bột [O] Cát khô [] Bên cạnh đó []

Phương pháp chữa cháy.

Không dùng nước.

Hãy mặc đồ bảo hộ phù hợp (quần áo chống nóng, khẩu trang và kính bảo hộ). Thu gom và đặt vào thùng chứa kín, bảo quản ở khu vực an toàn.

Tắt ngay lập tức tất cả nguồn gây cháy, nguồn nhiệt và vật liệu dễ cháy.

6. Biện pháp xử lý sự cố phát tán ngoài ý muốn.

Tắt mọi nguồn gây cháy, làm nóng ngay lập tức các vật liệu dễ cháy. Chuẩn bị bình chữa cháy thích hợp để dập lửa.

Hãy mặc trang phục phù hợp với các thiết bị bảo hộ (găng tay, khẩu trang, tạp dề và kính bảo hộ).

Thấm hút chất lỏng bị đổ bằng các vật liệu trong nhà (ví dụ: cát khô, đất) rồi cho vào thùng chứa chất thải hóa học. Không dùng nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt. Sử dụng dụng cụ cầm tay ít phát tia lửa điện. Thiết bị phải được nối đất và liên kết.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc, mắt và đồ dùng bằng cách sử dụng đồ bảo hộ.

Rửa mặt và tay sạch sẽ sau khi sử dụng các vật liệu này.

Không mang các thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn như găng tay vào nhà nghỉ. Giữ quần áo đã qua sử dụng, bùn sơn và bụi phun trong nước để xử lý chất thải. Lưu trữ.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh xa lửa và nguồn nhiệt.

Đậy kín và chắc chắn bình chứa. Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ. Tránh xa lửa, tia lửa điện và nguồn nhiệt trong khu vực sử dụng.

công cụ.

Tránh ánh nắng trực tiếp.

Tránh xa chất nguy hiểm để tránh tiếp xúc.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

Tên hóa học	Trong lượng %	PEL	ACGIH • TWA
Dung môi naphtha (đầu mỏ)	0	-	100ppm
diacetonealcohol	0	-	50ppm
n-butyl axetat	0	100 p p m	150ppm
-	-	-	-
-	-	-	-

Một biện pháp chống lại các cơ sở

Tôi thiết lập các cơ sở hoặc một phần hạn chế hệ thống xả khí, đóng kín nguồn hơi nước để ngăn chặn sự cố.

Tôi bố trí các tiện nghi tắm/rửa mặt/vệ sinh/rửa mặt an toàn gần khu vực thao tác và chỉ rõ vị trí. Một công cụ để bảo vệ.

Tôi sẽ trang bị dụng cụ bảo vệ phù hợp nếu cần thiết.

Mặt nạ phòng độc dùng để cung cấp không khí/khí thở/oxy/khí độc. Găng tay bảo hộ/ủng bảo hộ/bộ đồ bảo hộ chống hóa chất/kính bảo hộ/khả năng chống thấm.

Tôi thường xuyên kiểm tra tính bảo mật của một công cụ bằng danh sách kiểm tra bảo mật.

Trong giờ làm việc, tôi ăn uống và không hút thuốc. Trước khi ăn uống và hút thuốc, hãy rửa tay bằng xà phòng. Ban quản lý cơ sở vật chất.

Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

Nhân viên tiếp xúc với chất gây ung thư cần làm việc trong khu vực được quy định. Các

biện pháp bảo vệ

Kính bảo hộ có phần che chắn mắt.

Kính áp tròng mang lại những tác hại đặc biệt. Kính áp tròng mềm hấp thụ chất kích thích, và để có thể tập trung chúng lại, tôi không sử dụng kính áp tròng.

Tôi mang giày bảo hộ, một dụng cụ bảo vệ tay nghề cao, và găng tay bảo hộ để phòng tránh bị điện giật. Vật liệu này có thể gây dị ứng da cho người lao động nếu không được bảo vệ.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Màu sắc :	Trong suốt	Giá trị pH:	Không có sẵn
Điểm bắt lửa:	28 °C	Điểm bắt lửa:	344 °C
Giới hạn nổ: thấp hơn:	0,6 %	Tỉ trọng:	0,93 ±0,02
trên:	15 %	Hệ số phân bố n-octanol/nước: V a p o u	
Mùi hương	Mùi dung môi	r p r e s s u r e :	Không có sẵn
Điểm sôi	171 °C		

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học

Có vẻ như sản phẩm này ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng độc hại nguy hiểm.

Nó phản ứng với vật liệu có liên quan đến quá

phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

trình oxy hóa. Điều kiện bạn nên tránh là...

Tránh xa nguồn nhiệt và tiếp xúc với những vật cấm kỵ, nguồn lửa.

Tránh sử dụng sản phẩm có chứa chất độc hại, nguy hiểm. Dung môi hữu cơ dạng hơi.

Classification of health hazards

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		
		Miệng	Dermal	Khí
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
diacetonealcohol	0	Hạng mục 5	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
n-butyl axetat	0	Không được phân loại	Không được phân loại	Đối tượng không phải là đối tượng phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính cấp tính		Ăn mòn da /iritation
		Hơi	Bụi và sương mù	
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Hạng mục 2
n-butyl axetat	0	Hạng mục 3	Hạng mục 4	Hạng mục 3
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Serio tổn thương mắt/kích ứng mắt	Hô hấp Sự mẫn cảm	Da sự mẫn cảm
diacetonealcohol	0	Hạng mục 2A	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	0	Hạng mục 2B	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Tế bào mào khả năng gây đột biến	Khả năng gây ung thư	Sinh sản độc tính
diacetonealcohol	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	0	Không được phân loại	Không được phân loại	Hạng mục 2
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

Tên hóa học	Trọng lượng %	Độc tính toàn thân của cơ quan đích cụ thể		Khát vọng nguy hiểm
		Đơn	Tiếp xúc thường xuyên	
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	0	Hạng mục 1	Hạng mục 1	Không thể phân loại
n-butyl axetat	0	Hạng mục 1	Không thể phân loại	Không thể phân loại
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-

12. Thông tin sinh thái

Phân loại các mối nguy hiểm môi trường

Tên hóa học	Trọng lượng %	AAcute	Chronic
Dung môi naphtha (dầu mỏ)	0	Không thể phân loại	Không thể phân loại
diacetonealcohol	0	Không được phân loại	Không được phân loại
n-butyl axetat	0	Nồng độ Acute3	Không được phân loại
-	-	-	-
-	-	-	-

Tính chất còn lại / khả năng phân giải

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

Đặc điểm tích lũy sinh vật* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp. Mức độ di chuyển trong đất

* Không có dữ liệu dưới dạng hỗn hợp.

13. Các vấn đề cần xem xét khi xử lý

Không được đổ nước dùng để làm sạch tàu thuyền và thiết bị vào vòi sen hoặc nguồn nước. Chất thải phát sinh từ quá trình lọc nước và đốt rác phải được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường hoặc phải được giao cho các công ty chuyên trách có giấy phép xử lý.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, không được sử dụng lò đốt nếu chưa thu gom khí và vật liệu nguy hiểm.

14. Thông tin về phương tiện giao thông.

Vật dụng thông thường.

Vận chuyển và bảo quản theo các lưu ý và hướng dẫn chung đã nêu ở phần bình luận trước đó.

Vận tải đường bộ.

Vận chuyển sản phẩm này theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh Công nghiệp và Luật Kiểm soát Vật liệu Độc hại, nếu có.

Vận tải đường biển.

Vận tải đường biển phải tuân thủ 「 SENPAKU ANZEN HOU 」 . Vận tải hàng không.

Vận tải hàng không phải tuân thủ Luật Hàng không.

Số hiệu Liên Hợp Quốc 1263.

15. Thông tin pháp lý

* Mã số Liên Hợp Quốc *	Tên	1263	
sản phẩm Liên Hợp Quốc *	Sơn		
Phân loại Liên Hợp Quốc *	Hạng mục 3		Chất dễ cháy
Loại container	II		
* IMCO	3		

Hạng mục 3

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ CÔNG TY

NHẬN DIỆN SẢN PHẨM: KOYOBOND KR-M21

TÊN NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TÊN PHÒNG BAN: PHÒNG KOYOBOND ĐIỆN

THOẠI: +84-274-222-1567

Số fax: +84-274-222-1566

NGÀY CHUẨN BỊ: 27 tháng 4 năm 2022

Phần 2. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

PHÂN LOẠI CỬA

ĐƠN CHẤT HAY HỖN HỢP: HỖN HỢP

TÊN HÓA HỌC: POLYMER GỐC NƯỚC

THÀNH PHẦN:

COPOLYMER STYRENE/BUTADIENE	Số Cas. -	10~30%
Poly(vinyl alcohol)	Số Cas 9002-89-5, 25213-24-5	3~10%
Canxi cacbonat	Số Cas 471-34-1	15~30%
Nước	Số hiệu Cas -	30~70%

Lớp UN: Không áp dụng

Phần 3. NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

NGUY HIỂM

TAI NHẬT BẢN: Không áp dụng phân loại nào.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

GIAO TIẾP BẰNG MẮT: Ngay lập tức xả sạch bằng nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó đến gặp bác sĩ. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn, và rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng nước lạnh hoặc nước sạch.

NƯỚC ẨM: Nếu cảm thấy ngứa ngáy bất thường, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

HÍT PHẢI: Di chuyển đến nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và ẩm áp, sau đó tham khảo ý kiến bác sĩ.

TRƯỜNG HỢP NUỐT PHẢI: Cho uống nhiều nước hoặc sữa ngay lập tức để gây nôn, sau đó súc miệng kỹ.

miệng, và hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

Mục 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT CHỮA CHÁY: Nước, bọt, bột hóa chất khô và halogenua.

CHỮA CHÁY

HƯỚNG DẪN: Cắt nguồn lửa. Dập tắt lửa bằng các chất đã nêu ở trên. Làm mát khu vực xung quanh bằng nước.

Để tránh làm cho lửa lan rộng. Việc chữa cháy phải được thực hiện từ hướng gió. Lính cứu hỏa nên trang bị mặt nạ phòng độc và các thiết bị bảo hộ khác.

Mục 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ

HƯỚNG DẪN: Đắp đê chắn dòng chảy bằng chăn hoặc bao cát. Trong trường hợp tràn dầu lớn, bơm vào các thùng chứa bằng cách sử dụng

Bơm hút chân không. Trong trường hợp tràn đổ nhỏ, hãy thu gom sau khi chất lỏng đông cứng lại bằng cát hoặc mùn cưa. Trong quá trình dọn dẹp, hãy đeo thiết bị bảo hộ như ủng, găng tay không thấm nước và kính bảo hộ.

Nếu vật liệu vô tình bị thải ra sông, hồ hoặc đại dương, hãy thông báo ngay cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành.

Mục 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Tuyệt đối không được uống hoặc nuốt bất kỳ vật gì. Sử dụng ở khu vực thông thoáng. Mang đồ bảo hộ.

Ví dụ như kính bảo hộ có lớp bịt kín hai bên hoặc kính mắt và găng tay không thấm nước, để tránh tiếp xúc với mắt và da. Luôn tránh nhiệt độ trên 35 độ C. và dưới 5°C; Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Đậy kín nắp hộp khi không sử dụng để tránh tạo lớp màng trên bề mặt.

Mục 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC: Chưa được thiết lập.

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Nên trang bị thiết bị hút khí một phần. THIẾT BỊ

BẢO HỘ:

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ có bịt kín hai bên. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước như găng tay cao su. Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Phần 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

HÌNH THỨC: Chất lỏng màu trắng sữa

Độ pH: 6.0-8.0

Điểm sôi: Khoảng 100°C ĐIỂM NÓNG CHẢY:

Xấp xỉ 0°C ĐỘ TAN TRONG NƯỚC: Có thể pha

loãng vô hạn với nước.

Mục 10. NGUY HIỂM VẬT LÝ (ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG)

ỔN ĐỊNH VÀ

TÍNH CHẤT PHẢN ỨNG: Ổn định trong điều kiện bình thường.

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH HỌC

Hiện tại chưa có thông tin liên quan.

Mục 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Việc xả thải vào sông, v.v. có thể dẫn đến cá và động vật có vỏ chết do suy hô hấp.

Sự kết dính của nhũ tương hoặc các nguyên nhân khác.

Mục 13. CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT KHI THẢI BỎ

Việc xử lý chất thải nên được thực hiện bằng cách đốt.

Nước thải sau khi giặt cần được xử lý bằng chất keo tụ, sau đó thải bỏ. Việc thải bỏ phải tuân theo luật và quy định của địa phương và quốc gia.

Mục 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Kiểm tra container xem có bị rò rỉ trước khi xếp hàng vận chuyển: đảm bảo việc xếp hàng ổn định và chắc chắn để tránh container bị xô dịch, hư hỏng.

Tuân thủ phương thức vận chuyển theo quy định của Luật Hàng không, IATA; không chứa chất độc hại, không phải hàng hóa bị cấm vận của nhà nước, không ăn mòn, không có nguy cơ bắt lửa và không chứa bất kỳ thành phần nào bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.

Mục 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có thông tin liên quan.

Mục 16. THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quản lý các biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí trong nhà" do

Hiệp hội Công nghiệp Keo dán Nhật Bản ban hành.

F☆☆☆☆:012012

Việc chỉ đánh giá mức độ nguy hiểm và độc tính thôi là chưa đủ. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin này được cung cấp mà không có bất kỳ bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ việc nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi.

Công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam

CHEMICAL SAFETY DATA SHEET

RISALAH DATA KESELAMATAN KIMIA

According to Occupational Safety and Health Regulation 9 / 1997
Department of Safety and Health (MALAYSIA)

Page 1 of total 6
Muka surat 1 daripada 6
Issue Date : 27 Feb 2013
Tarikh penyediaan : 27 Feb 2013
(REVISION:00)

SECTION 1 : CHEMICAL PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION **BAHAGIAN 1 : PENGENALPASTIAN PRODUK KIMIA DAN SYARIKAT**

1.1 Product Details (*Maklumat produk*) :

Trade name (*Nama Dagangan*) : Techbond Epoxy A 29
Chemical name (*Nama Kimia*) : Polyamide resin
Use (*Kegunaan*) : For industrial use only

1.2 Company identification (*Pengenalpastian Syarikat*)

Manufacturer's / Importer's /
Distributor's Name and Address
(*Nama dan alamat pengilang /
pengimport / pengedar tempatan*) TECHBOND MANUFACTURING SDN BHD
No. 36, Jalan Anggerik Mokara 31/59,
Seksyen 31, Kota Kemuning,
40460 Shah Alam,
Selangor Darul Ehsan,
Malaysia

Telephone number (*Nombor Telefon*) 03 – 5122 3333
Emergency telephone number
(*Nombor Telefon Kecemasan*) 03 – 5122 3333

1.3 Contact Point (*Titik Hubungan*)

Designation (*Gelaran Jawatan*) : Technical Manager
Telephone No. (*Nombor Telefon*) : 03 – 5122 3333

SECTION 2 : COMPOSITION / INFORMATION ON INGREDIENT **BAHAGIAN 2 : KOMOSISI / MAKLUMAT BAHAN**

Ingredient (<i>Kandungan</i>)	CAS No. (<i>No. CAS</i>)	Proportion (% by weight) (<i>Kadaran % (berasakan berat)</i>)
Triethylenetetramine	112-24-3	30-40 %
Dimer acid	61788-89-4	45-55%

SECTION 3 : PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

BAHAGIAN 3 : SIFAT-SIFAT FIZIKAL DAN KIMIA

Appearance (<i>Rupa</i>)	Light Brownish liquid (<i>cecair perang muda</i>)
Odour (<i>Bau</i>)	Amine like (<i>seperti amina</i>)
Solubility (<i>Kebolehlarutan</i>)	Soluble at 20°C (<i>Larut pada 20°C</i>)
Boiling point (<i>Takat Didih</i>)	Not available (<i>tak diperolehi</i>)
Thermal decomposition (<i>Penguraian Terma</i>)	> 250 °C
Dynamic viscosity (<i>Viscosity dinamic</i>)	9000-13000 mPa.s at 40°C (<i>pada 40°C</i>)
Density, g/cm ³ @ 30 °C (<i>Ketumpatan</i>)	~0.97
Flash Point (<i>Takat Kilat</i>) (°C) (DIN 51758)	>560°F(closed cup)

SECTION 4 : HAZARD IDENTIFICATION

BAHAGIAN 4 : PENGENALPASTIAN BAHAYA

Human health hazard (<i>Bahaya kesihatan manusia</i>)	: Irritation to eyes and skin. Can cause sensitivity by skin contact. (<i>Merengsa kepada mata dan kulit.</i>) (<i>Boleh mengakibatkan pemekaan melalui sentuhan kulit.</i>)
--	---

SECTION 5 : FIRST AID MEASURES

BAHAGIAN 5 : LANGKAH-LANGKAH PERTOLONGAN CEMAS

Eye contact (<i>Sentuhan mata</i>)	: Check for and remove any contact lenses. Immediately flush eyes with running water for at least 15 minutes. Seek medical attention if necessary. (<i>Periksa dan keluarkan sebarang lensa mata. Bersihkan mata dengan aliran air selama 15 minit. Dapatkan rawatan doktor jika perlu.</i>)
Skin contact (<i>Sentuhan kulit</i>)	: Wash gently and thoroughly the contaminated skin with running water and non-abrasive soap. Get medical attention if redness or irritation occurs. Avoid solvents. (<i>Basuh kulit terdedah secara perlahan dan teliti dengan sabun serta air. Dapatkan rawatan perubatan jika kemerahan dan rengsaan kulit berlaku. Elakkan pelarut.</i>)
Inhalation (<i>Sedutan</i>)	: If inhaled bring the victim to fresh air area. Let the victim rest, medical attention is needed if difficult breathing occur. (<i>Sekiranya tersedut alihkan mangsa ke kawasan aliran udara segar. Biarkan mangsa rehat dan bantuan perubatan perlu sekiranya menghadapi masalah pernafasan.</i>)
Ingestion (<i>Tertelan</i>)	: Immediately give plenty of water if a person vomits when laying on his back, place him in recovery position. Oxygen of artificial respiration if needed. (<i>Berikan air yang banyak sekiranya mangsa bermuntah semasa berbaring. Letakkan dalam posisi pemulihan. Oksigen atau respirasi bantuan jika perlu.</i>)

SECTION 6 : FIRE FIGHTING MEASURES

BAHAGIAN 6 : LANGKAH-LANGKAH PEMADAMAN KEBAKARAN



- Extinguishing media : The adhesive will not burn until water has evaporated. For residual solid: Use water spray, carbon dioxide, dry chemical, alcohol type or universal type forms applied by manufacturers recommended techniques.
(Media Pemadaman) *(Perekat tidak akan terbakar sehingga kesemua air meruap. Untuk baki bahan pejal : guna pancutan air, karbon dioksida, kimia kering, jenis-alkohol atau jenis am melalui teknik yang disarankan oleh pembuat.)*
- Protective equipment : Wear self-contained breathing apparatus and protective suit.
(Peralatan perlindungan) *(Pakai alat pernafasan lindungan diri dan pakaian perlindungan.)*
- Additional information : Burning produces obnoxious and toxic fumes, carbon dioxide, nitrogen oxide.
(Maklumat tambahan) *(Kebakaran menghasilkan wasap tidak digemari dan toksik, karbon dioksida, nitrogen oksida)*

SECTION 7 : ACCIDENTAL RELEASE MEASURE

BAHAGIAN 7 : LANGKAH-LANGKAH PELEPASAN TIDAK SENGAJA

- Leak / Spill : Major spills should be collected for disposal. Minor spills may be absorbing or containing liquid with sand, earth or spill control material. Shovel up and place in a labeled, sealable container for safe disposal. Scrub contaminated area with detergent solution. Retain washings as contaminated waste.
(Kebocoran / Tumpahan) *(Tumpahan besar perlu dikumpulkan untuk pelupusan. Tumpahan kecil mungkin diserap atau cecairnya dikumpul dengan pasir, tanah atau bahan pencegah tumpahan. Cedok tumpahan dan masukkan dalam dram berlabel dan ditutup untuk pelupusan yang selamat. Gosokkan kawasan tercemar dengan larutan sabun. Simpan bahan dicuci sebagai buangan tercemar.)*
- Environmental precautions : Prevent product from entering drains. Avoid subsoil penetration.
(Pencegahan Persekitaran) *(Elakkan produk dari mengalir ke parit. Elakkan serapan ke permukaan tanah.)*
- Personal Precautions : Avoid contact with skin, eyes and clothing. Keep away from sources of ignition. No smoking.
(Pencegahan diri) *(Elakkan dari bersentuhan dengan kulit, mata dan pakaian. Jauhkan dari punca nyalaan. Jangan Merokok.)*

SECTION 8 : HANDLING AND STORAGE

BAHAGIAN 8 : PENGENDALIAN DAN PENYIMPANAN

- Handling : Avoid contact with eyes, skin and clothing. Provide sufficient air exchange in work rooms.
(Pengendalian) *(Elakkan dari bersentuhan dengan mata, kulit dan pakaian. Sediakan alihan udara yang seckupnya dalam bilik kerja.)*
- Storage : Store in tightly closed original container and keep dry.
(Penyimpanan) *(Simpan dalam bekas asal yang ditutup ketat dan simpan kering.)*
- Others : Keep away from food, drink and animal feeding. Keep at

temperature around 40°C.

(Jauhkan dari makanan, minuman dan makanan haiwan. Simpan dalam suhu sekitar 40°C.)

SECTION 9 : EXPOSURE CONTROL AND PERSONAL PROTECTION

BAHAGIAN 9 : KAWALAN PENDEDAHAN DAN PERLINDUNGAN DIRI

- Exposure limit : None established. *(Tiada dihasilkan)*
(Had pendedahan)
- Personal protection : Keep the working cloth separately. Wash hand after handling product.
(Perlindungan diri)
(Simpan pakain kerja secara berasingan. Basuh tangan selepas pengendalian produk.)
- : Skin / eye Tightly fitting safety glasses and rubber gloves are recommended. *(Kaca mata keselamatan dengan keketatan tepat dan sarung tangan getah disarankan.)*
(Kulit/mata)
- : Body Protective suits and safety shoes.
protection *(Pakaian keselamatan dan kasut keselamatan.)*
(perlindungan badan)
- Ventilation General (MECHANICAL) room ventilation is expected to
(Pengalihan udara) satisfactory.
(Pengalihan udara umum (MEKANIKAL) diharap memuaskan.)
- Others *(Lain-lain)* : Keep away from sources of ignition, avoid contact with skin, body and no smoking.
(Jauhkan dari punca nyalaan, elakk dari sentuhan dengan kulit dan jangan merokok.)

SECTION 10 : STABILITY AND REACTIVITY

BAHAGIAN 10 : KESTABILAN DAN KEREAKTIFAN

- Conditions to avoid : Take necessary actions to avoid static electricity
(Keadaan perlu dielak) discharge.
(Ambil tindakan untuk elakkan penghasilan elektrik statik.)
- Materials to avoid : Strong oxidizing agents, strong acids and strong bases.
(Bahan yang dielakkan) *(Agen pengoksidaan kuat, Asid kuat dan bes kuat.)*
- Decomposition products : Carbon oxides, nitrogen oxides. Burning produces
(Produk penguraian) obnoxious and toxic fumes.
(Karbon dioksida, nitrogen oksida . Kebakaran menghasilkan wasap tidak digemari dan toksik.)

SECTION 11 : TOXICOLOGY INFORMATION

BAHAGIAN 11 : MAKLUMAT TOKSIKOLOGI

- Toxicity data *(Data Ketoksikan)* : Acute toxicity – oral
LD₅₀ oral, rat : > 5000mg/kg

Eye irritation (Kerengsaan mata)	: Rabbit - Irritant (Arnab - merengsa)
Skin irritation (Kerengsaan kulit)	: Dermal rabbit - Irritant (Dermal arnab - merengsa)
Skin sensitization (Pemekaan kulit)	: Guinea pig - skin sensitize (‘Guinea pig’ - kulit memeka)

SECTION 12 : ECOLOGICAL INFORMATION
BAHAGIAN 12 : MAKLUMAT EKOLOGI

Persistence / Degradability (Kewujudan / Degredasi)	: Prevent product from entering drains. Avoid subsoil penetration. Do not contaminate surface water. (Elakkan produk dari mengalir ke parit. Elakkan serapan ke permukaan tanah. Jangan mencemarkan air permukaan.)
---	--

SECTION 13 : DISPOSAL INFORMATION
BAHAGIAN 13 : MAKLUMAT PEMBUANGAN

Disposal of waste to be accordance with the Environment Quality (Scheduled Waste) Regulation 1989 and other guidelines issued by DOE and / or local authorities.
(Pelupusan sisa hendaklah mengikut Peraturan Kualiti Persekitaran [Sisa Terjadual] 1989 dan lain-lain garis panduan dari pihak DOE dan / atau pihak berkuasa tempatan.)

Product waste (Produk buangan)	: Incinerate in hazardous waste incinerator in accordance with relevant regulation. (Bakar di tempat pembakaran bahan berbahaya mengikut peraturan berkaitan.)
Emptied container (Bekas kosong)	: Empty containers can be land filled after cleaning (Bekas kosong boleh dibuang / dulupuskan selepas pembersihan..)

SECTION 14 : TRANSPORT INFORMATION
BAHAGIAN 14 : MAKLUMAT PENGANGKUTAN

Road transport (Pengangkutan jalan) ADR/RID	: Information applies to : product Class : Free
Air transport (Pengangkutan udara) IATA	: Information applies to : product Class : Free
Maritime transport (Pengangkutan laut) IMDG	: Information applies to : product Class : Free

SECTION 15 : REGULATORY INFORMATION
BAHAGIAN 15 : MAKLUMAT PERATURAN

Classification according to EC directives (*Klasifikasi berkaitan dengan arahan EC*)
Classification (*Klasifikasi*) : Labeling required (*label diperlukan*)

Hazard symbols (<i>Simbol bahaya</i>)	: Xi	Irritant (<i>Merengsa</i>)
Risk Phrases (<i>Ungkapan Risiko</i>)	: R22	Harmful if swallowed. (<i>Memudaratkan jika tertelan.</i>)
	: R36/38	Irritating to eyes and skin. (<i>Merengsa kepada mata dan kulit</i>)
	: R43	May cause sensitization by skin contact. (<i>Mungkin mengakibatkan pemekaan melalui sentuhan kulit.</i>)
Safety phrases (<i>Ungkapan Keselamatan</i>)	: S24	Avoid contact with skin. (<i>Elakkan dari bersentuhan dengan kulit</i>)
	: S26	In case of contact with eyes, rinse immediately with plenty of water and seek medical advice. (<i>Sekiranya terdedah pada mata, bilas dengan air yang banyak dan dapatkan nasihat doktor.</i>)
	: S28	Wash immediately with plenty of water after contact with skin. (<i>Cuci serta-merta dengan air yang banyak selepas bersentuhan dengan kulit.</i>)
Hazardous ingredients (<i>Kandungan merbahaya</i>)	: Triethylenetetramine and Dimer acid	

SECTION 16 : OTHER INFORMATION
BAHAGIAN 16 : MAKLUMAT LAIN

THE ABOVE INFORMATION DESCRIBES EXCLUSIVELY THE SAFETY REQUIREMENTS OF THE PRODUCTS AND IS BASE ON OUR PRESENT DAY KNOWLEDGE. THE DATA ARE NOT TO BE TAKEN AS A WARRANTY OR REPRESENTATION FOR WHICH TECHBOND MANUFACTURING SDN. BHD. ASSUMES LEGAL RESPONSIBILITY. THEY ARE OFFERED SOLELY FOR YOUR CONSIDERATION, INVESTIGATION AND VERIFICATION. ANY USE OF THESE DATA AND INFORMATION MUST BE DETERMINED BY THE USER TO BE IN ACCORDANCE WITH APPLICABLE LOCAL LAWS AND REGULATION.

(MAKLUMAT DI ATAS MENERANGKAN KEPERLUAN TENTANG PRODUK DAN BERASASKAN PENGETAHUAN KAMI YANG TERKINI. DATA INI TIDAK BOLEH DIGUNAKAN SEBAGAI JAMINAN ATAU BUKTI DIMANA TECHBOND MANUFACTURING SDN. BHD. SAH BERTANGGJAWAB. IA HANYA DIBERIKAN SEMATA-MATA UNTUK PERTIMBANGAN, PENGANALISAAN DAN PENGESAHAN ANDA. KEPUTUSAN UNTUK SEBARANG KEGUNAAN DATA INI PATUT DIBUAT OLEH PENGGUNA MENGIKUT UNDANG-UNDANG DAN PERATURAN BERKAITAN.)

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Mục 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ CÔNG TY

NHẬN DẠNG SẢN PHẨM: KOYOBOND CROSSLINKER AP

TÊN NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM. ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Quận Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TÊN PHÒNG: PHÒNG KOYOBOND ĐIỆN THOẠI: +84- 650-222 -1567

Số fax: +84-650-222-1566 Ngày lập: 1 tháng 11 năm 2014

Mục 2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

PHÂN LOẠI CHẤT ĐƠN LẺ HOẶC HỖN HỢP: HỖN HỢP TÊN HÓA CHẤT: CHẤT

LIÊN KẾT NGANG ISOCYANATE THÀNH PHẦN: Polyme ic MDI 100%(Số CAS: 9016 -87- 9)

(bao gồm 40)~50% Diphenylmethane - 4,4' -diisocyanate (CAS NO. 101-68 -8)) Lớp UN: Không áp dụng

Mục 3. NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM

TÊN PHÂN LOẠI HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN (SDS) TẠI NHẬT BẢN: Các chất nguy hiểm khác chất

NGUY CƠ VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC: Nếu nước lọt vào thùng chứa, AP sẽ phản ứng với nước.

và tỷ lệ khí cacbonic.

Nó có thể khiến một vật chứa kín giãn nở và có khả năng bị vỡ.

NGUY CƠ GÂY HẠI CHO SỨC KHỎE CON NGƯỜI: Gây kích ứng khi tiếp xúc với da và niêm mạc.

và gây viêm.

Hơi hoặc sương mù có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Điều này có thể dẫn đến viêm phế quản.

Giao tiếp bằng mắt có thể gây đau đờn dữ dội. Trong một số trường hợp, nó có thể gây ra khiếm khuyết về thị lực.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

TIẾP XÚC VỚI MẮT: Ngay lập tức rửa mắt bằng nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó tham khảo ý kiến bác sĩ. một bác sĩ.

TIẾP XÚC VỚI DA: Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn, và rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng.

Rửa bằng nước lạnh hoặc nước ấm. Nếu cảm thấy ngứa bất thường, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và giữ ấm, sau đó gọi bác sĩ. NUỐT PHẢI: Cho nạn nhân uống nhiều nước hoặc sữa ngay lập tức, không gây mê nạn nhân.

Nếu người bệnh nôn mửa, không được cho bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh và phải đến gặp bác sĩ để được điều trị (rửa dạ dày) ngay lập tức.

Mục 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT CHỮA CHÁY: Nước, bột, bột hóa chất khô và halogenua.

HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY: Cắt nguồn lửa. Dập tắt đám cháy bằng các vật liệu nêu trên.

Làm mát khu vực xung quanh bằng nước để ngăn lửa lan rộng. Việc chữa cháy phải được thực hiện từ hướng gió. Lính cứu hỏa nên trang bị mặt nạ phòng độc và các thiết bị bảo hộ khác.

Mục 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ

HƯỚNG DẪN: Đắp đê chặn dòng chảy bằng chăn hoặc bao cát. Trong trường hợp tràn dầu lớn, hãy bơm vào

Sử dụng bơm hút chân không để làm sạch các thùng chứa. Trong trường hợp bị tràn nhỏ, hãy thu hồi sau khi chất lỏng đông cứng lại bằng cát hoặc mùn cưa.

Trong quá trình dọn dẹp, hãy mặc đồ bảo hộ như ủng, găng tay không thấm nước và kính bảo hộ.

Nếu vật liệu vô tình bị xả thải vào sông, hồ hoặc đại dương, hãy thông báo ngay cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành.

Mục 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Tuyệt đối không được uống hoặc nuốt bất kỳ vật gì. Sử dụng ở khu vực thông thoáng.

Sử dụng kính bảo hộ và găng tay bảo hộ để tránh tiếp xúc với mắt và da. Cũng nên sử dụng thiết bị thở phù hợp nếu cần thiết. Lắp đặt các thiết bị thông gió đầy đủ trong khu vực làm việc.

Luôn tránh nhiệt độ trên 35 độ C. °C và ở mức thấp 5°C ; Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Giữ kín hộp đựng bằng khí nitơ khi không sử dụng hoặc khi sử dụng nhanh.

Tránh để sản phẩm bị nhiễm nước vì phản ứng với nước dễ xảy ra.

Mục 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

THÔNG SỐ KIỂM SOÁT (dưới dạng MDI): ACGIH (TLV) (1993-1994): 0,005 ppm (TWA)

Viện Vệ sinh Công nghiệp Nhật Bản (1995)

: 0,05mg/m³

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Nên sử dụng thiết bị hút khí thải cục bộ. **THIẾT BỊ BẢO HỘ:** Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ kín hai bên.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước như găng tay cao su. Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Bảo vệ đường hô hấp: Sử dụng thiết bị thở phù hợp.

Mục 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

HÌNH THỨC: Chất lỏng màu nâu sẫm

ĐIỂM SÔI: Hòa tan kèm theo giải phóng khí cacbonic ở khoảng 260°C. °C **ĐIỂM NÓNG CHÁY:**

Dưới 0°C

ÁP SUẤT HƠI: Nhỏ hơn 10 -5 mmHG (25°C)

ĐỘ TAN TRONG DUNG MÔI HỮU CƠ: Tan trong axeton, toluen, benzen hoặc các dung môi hữu cơ khác.

Dung môi. Phản ứng với nước và giải phóng khí cacbonic.

Mục 10. NGUY HIỂM VẬT LÝ (ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG)

ĐIỂM BÙNG NỔ: Hơn 200°C **ĐIỂM BẮN:**

Xấp xỉ x. 240°C

TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG: Ổn định trong môi trường khí nitơ. Có thể xảy ra phản ứng tỏa nhiệt. với nước, amin và rượu.

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH (dưới dạng MDI)

TÍNH CHẤT GÂY KÍCH ỨNG: Gây kích ứng mắt và da. Nếu không được loại bỏ ngay lập tức, nó có thể gây ra các vấn đề nghiêm trọng.

Gây ra khiếm khuyết về thị lực hoặc viêm nhiễm.

ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH: LD50 đường uống (Chuột): Trên 15.000mg/kg

THÔNG TIN KHÁC: Hơi hoặc sương mù isocyanate có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Có thể Gây đau đầu hoặc các triệu chứng khác.

Mục 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Không có thông tin liên quan.

Mục 13. CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT KHI THẢI BỎ

Phản ứng với keo chính để làm cứng. Hoặc làm cứng bằng cách hấp thụ mùn cưa, sau đó đốt hoặc giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại có thẩm quyền theo quy định.

Mục 14. THÔNG TIN VỀ VẬN TẢI

Kiểm tra container xem có bị rò rỉ trước khi xếp hàng vận chuyển; đảm bảo việc xếp hàng ổn định và chắc chắn để tránh container bị xô dịch, hư hỏng.

Mục 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có thông tin liên quan.

Mục 16. THÔNG TIN KHÁC

TIÊU CHUẨN FORMALDEHYDE:

"BẢN THÂN-QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VỀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ TRONG NHÀ

ĐƯỢC THỰC THI BỞI HIỆP HỘI CÔNG NGHIỆP CHẤT KẾT DÍNH NHẬT BẢN **JAYA**

	010728	F☆☆☆☆
JAYA	404690	4VOC

Việc chỉ đánh giá mức độ nguy hiểm và độc tính thôi là chưa đủ. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin này được cung cấp mà không có bất kỳ bảo hành nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ việc nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của Koyo Sangyo Vietnam Co., Ltd..

* "MDI" ở đây tương ứng với diphenylmethane diisocyanate (MDI đơn phân).

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ CÔNG TY

NHẬN DIỆN SẢN PHẨM: KOYOBOND KR-F502H

TÊN NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Huyện Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
TÊN PHÒNG BAN: PHÒNG KOYOBOND ĐIỆN
THOẠI: +84-274-222-1567
Số fax: +84-274-222-1566
NGÀY CHUẨN BỊ: 21 THÁNG 8 NĂM 2017

Phần 2. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

PHÂN LOẠI CỬA

ĐƠN CHẤT HAY HỖN HỢP: HỖN HỢP

TÊN HÓA HỌC: POLYMER GỐC NƯỚC

THÀNH PHẦN:

Copolymer vinyl axetat-axit acrylic	Số CAS: 24980-58-3	38~42%
Nước	Số vụ án: 7732-18-5	58~62%

Lớp UN: Không áp dụng

Phần 3. NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

NGUY HIỂM

TẠI NHẬT BẢN: Không áp dụng phân loại nào.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

GIAO TIẾP BẰNG MẮT: Ngay lập tức xả nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó đến gặp bác sĩ. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn, và rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng nước lạnh.
TIẾP XÚC VỚI DA: hoặc nước ấm. Nếu cảm thấy ngứa ngáy bất thường, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.
HÍT PHẢI: Di chuyển đến nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và ẩm áp, sau đó tham khảo ý kiến bác sĩ.
TRƯỜNG HỢP NUỐT PHẢI: Cho uống nhiều nước hoặc sữa ngay lập tức để gây nôn, sau đó súc miệng kỹ. miệng, và hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

Mục 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT CHỮA CHÁY: Nước, bọt, bột hóa chất khô và halogenua.**CHỮA CHÁY**

HƯỚNG DẪN: Cắt nguồn lửa. Dập tắt lửa bằng các chất đã nêu ở trên. Làm mát khu vực xung quanh bằng nước. Để tránh làm cho lửa lan rộng. Việc chữa cháy phải được thực hiện từ hướng gió. Lính cứu hỏa nên trang bị mặt nạ phòng độc và các thiết bị bảo hộ khác.

Mục 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ

HƯỚNG DẪN: Đắp đê chặn dòng chảy bằng chăn hoặc bao cát. Trong trường hợp tràn dầu lớn, bơm vào các thùng chứa bằng cách sử dụng Bơm hút chân không. Trong trường hợp tràn nhỏ, hãy thu gom sau khi chất lỏng đông cứng lại bằng cát hoặc mùn cưa. Trong quá trình dọn dẹp, hãy đeo thiết bị bảo hộ như ủng, găng tay không thấm nước và kính bảo hộ.

Nếu vật liệu vô tình bị thải ra sông, hồ hoặc đại dương, hãy thông báo ngay cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành.

Mục 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Tuyệt đối không được uống hoặc nuốt bất kỳ vật gì. Sử dụng ở khu vực thông thoáng. Mang đồ bảo hộ. Ví dụ như kính bảo hộ có lớp bịt kín hai bên hoặc kính mắt và găng tay không thấm nước, để tránh tiếp xúc với mắt và da. Luôn tránh nhiệt độ trên 35 độ C và dưới 5°C; Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Đậy kín nắp hộp khi không sử dụng để tránh tạo lớp màng trên bề mặt.

Mục 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC: Chưa được thiết lập.

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Nên trang bị thiết bị hút khí một phần. THIẾT BỊ

BẢO HỘ:

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ có bịt kín hai bên. Bảo

vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước như găng tay cao su.

Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Phần 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

HÌNH THỨC: Chất lỏng màu trắng sữa

Độ pH: 3,5-5,5

Điểm sôi: Khoảng 100°C ĐIỂM NÓNG CHẢY:

Xấp xỉ 0°C ĐỘ TAN TRONG NƯỚC: Có thể pha

loãng vô hạn với nước.

Mục 10. NGUY HIỂM VẬT LÝ (ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG)

ỔN ĐỊNH VÀ

TÍNH CHẤT PHẢN ỨNG: Ổn định trong điều kiện bình thường.

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH HỌC

Hiện tại chưa có thông tin liên quan.

Mục 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Việc xả thải vào sông, v.v. có thể dẫn đến cá và động vật có vỏ chết do suy hô hấp.

Sự kết dính của nhũ tương hoặc các nguyên nhân khác.

Mục 13. CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT KHI THẢI BỎ

Việc xử lý chất thải nên được thực hiện bằng cách đốt.

Nước thải sau khi giặt cần được xử lý bằng chất keo tụ, sau đó thải bỏ. Việc thải

bỏ phải tuân theo luật và quy định của địa phương và quốc gia.

Mục 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Kiểm tra container xem có bị rò rỉ trước khi xếp hàng vận chuyển: đảm bảo việc xếp hàng ổn định và chắc chắn để tránh container bị xô dịch, hư hỏng.

Tuân thủ phương thức vận chuyển theo quy định của Luật Hàng không, IATA; không chứa chất độc hại, không phải hàng hóa bị cấm vận của nhà nước, không ăn mòn, không có nguy cơ bắt lửa và không chứa bất kỳ thành phần nào bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.

Mục 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có thông tin liên quan.

Mục 16. THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quản lý các biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí trong nhà" do

Hiệp hội Công nghiệp Keo dán Nhật Bản ban hành.

F☆☆☆☆:011214

4VOC: 405119

Việc chỉ đánh giá mức độ nguy hiểm và độc tính thôi là chưa đủ. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin này được cung cấp mà không có bất kỳ bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ việc nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi.

Công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ CÔNG TY

NHẬN DIỆN SẢN PHẨM: KOYOBOND KR-M21

TÊN NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Huyện Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
TÊN PHÒNG BAN: PHÒNG KOYOBOND ĐIỆN
THOẠI: +84-274-222-1567
Số fax: +84-274-222-1566
NGÀY CHUẨN BỊ: 27 tháng 4 năm 2022

Phần 2. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

PHÂN LOẠI CỬA

ĐƠN CHẤT HAY HỖN HỢP: HỖN HỢP

TÊN HÓA HỌC: POLYMER GỐC NƯỚC

THÀNH PHẦN:

COPOLYMER STYRENE/BUTADIENE Số Cas. -	10~30%
Poly(vinyl alcohol) Số Cas 9002-89-5, 25213-24-5	3~10%
Canxi cacbonat Số Cas 471-34-1	15~30%
Nước Số hiệu Cas -	30~70%

Lớp UN: Không áp dụng

Phần 3. NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

NGUY HIỂM

TAI NHẬT BÀN: Không áp dụng phân loại nào.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

GIAO TIẾP BẰNG MẮT: Ngay lập tức xả sạch bằng nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó đến gặp bác sĩ. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn, và rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng nước lạnh hoặc nước sạch.

Nước ẩm. Nếu cảm thấy ngứa ngáy bất thường, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

HÍT PHẢI: Di chuyển đến nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và ẩm áp, sau đó tham khảo ý kiến bác sĩ.

TRƯỜNG HỢP NUỐT PHẢI: Cho uống nhiều nước hoặc sữa ngay lập tức để gây nôn, sau đó súc miệng kỹ. miệng, và hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

Mục 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT CHỮA CHÁY: Nước, bọt, bột hóa chất khô và halogenua.

CHỮA CHÁY

HƯỚNG DẪN: Cắt nguồn lửa. Dập tắt lửa bằng các chất đã nêu ở trên. Làm mát khu vực xung quanh bằng nước.

Để tránh làm cho lửa lan rộng. Việc chữa cháy phải được thực hiện từ hướng gió. Linh cứu hỏa nên trang bị mặt nạ phòng độc và các thiết bị bảo hộ khác.

Mục 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ

HƯỚNG DẪN: Đắp để chặn dòng chảy bằng chăn hoặc bao cát. Trong trường hợp tràn đầu lớn, bơm vào các thùng chứa bằng cách sử dụng

Bơm hút chân không. Trong trường hợp tràn nhỏ, hãy thu gom sau khi chất lỏng đông cứng lại bằng cát hoặc mùn cưa. Trong quá trình dọn dẹp, hãy đeo thiết bị bảo hộ như ủng, găng tay không thấm nước và kính bảo hộ.

Nếu vật liệu vô tình bị thải ra sông, hồ hoặc đại dương, hãy thông báo ngay cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành.

Mục 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Tuyệt đối không được uống hoặc nuốt bất kỳ vật gì. Sử dụng ở khu vực thông thoáng. Mang đồ bảo hộ.

Ví dụ như kính bảo hộ có lớp bọc kín hai bên hoặc kính mắt và găng tay không thấm nước, để tránh tiếp xúc với mắt và da. Luôn tránh nhiệt độ trên 35 độ C. và dưới 5°C; Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Đậy kín nắp hộp khi không sử dụng để tránh tạo lớp màng trên bề mặt.

Mục 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC: Chưa được thiết lập.

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Nên trang bị thiết bị hút khí một phần. THIẾT BỊ

BẢO HỘ:

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ có bịt kín hai bên. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước như găng tay cao su. Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Phần 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

HÌNH THỨC: Chất lỏng màu trắng sữa

Độ pH: 6.0-8.0

Điểm sôi: Khoảng 100°C ĐIỂM NÓNG CHẢY:

Xấp xỉ 0°C ĐỘ TAN TRONG NƯỚC: Có thể pha

loãng vô hạn với nước.

Mục 10. NGUY HIỂM VẬT LÝ (ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG)

ỔN ĐỊNH VÀ

TÍNH CHẤT PHẢN ỨNG: Ổn định trong điều kiện bình thường.

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH HỌC

Hiện tại chưa có thông tin liên quan.

Mục 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Việc xả thải vào sông, v.v. có thể dẫn đến cá và động vật có vỏ chết do suy hô hấp.

Sự kết dính của nhũ tương hoặc các nguyên nhân khác.

Mục 13. CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT KHI THẢI BỎ

Việc xử lý chất thải nên được thực hiện bằng cách đốt.

Nước thải sau khi giặt cần được xử lý bằng chất keo tụ, sau đó thải bỏ. Việc thải bỏ phải tuân theo luật và quy định của địa phương và quốc gia.

Mục 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Kiểm tra container xem có bị rò rỉ trước khi xếp hàng vận chuyển: đảm bảo việc xếp hàng ổn định và chắc chắn để tránh container bị xô dịch, hư hỏng.

Tuân thủ phương thức vận chuyển theo quy định của Luật Hàng không, IATA; không chứa chất độc hại, không phải hàng hóa bị cấm vận của nhà nước, không ăn mòn, không có nguy cơ bắt lửa và không chứa bất kỳ thành phần nào bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.

Mục 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có thông tin liên quan.

Mục 16. THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quản lý các biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí trong nhà" do

Hiệp hội Công nghiệp Keo dán Nhật Bản ban hành.

F☆☆☆☆:012012

Việc chỉ đánh giá mức độ nguy hiểm và độc tính thôi là chưa đủ. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin này được cung cấp mà không có bất kỳ bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ việc nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi.

Công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam

Phần 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ CÔNG TY

MÃ SẢN PHẨM: CHẤT LIÊN KẾT CHÉO KOYOBOND AX-45

TÊN NHÀ SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Huyện Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
TÊN PHÒNG BAN: PHÒNG KOYOBOND ĐIỆN
THOẠI: +84-274-222-1567
Số fax: +84-274-222-1566
NGÀY CHUẨN BỊ: 19 tháng 4 năm 2022

Phần 2. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

PHÂN LOẠI CỬA

ĐƠN CHẤT HAY HỖN HỢP: HỖN HỢP
TÊN HÓA HỌC: POLYMER GỐC NƯỚC
THÀNH PHẦN:

MDI polyme	Số CAS: 9016-87-9	100%
bao gồm Diphenylmethane-4,4'-diisocyanate	Số vụ án: 101-68-8	40~50

Lớp UN: Không áp dụng

Phần 3. NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI MỐI NGUY HIỂM

TẠI NHẬT BẢN: Các chất nguy hiểm khác

VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC: Nếu nước chảy vào bình chứa, AP sẽ phản ứng với nước và giải phóng khí cacbonic. Nó có thể NGUY HIỂM: Gây ra hiện tượng vật chứa kín giãn nở và có thể bị vỡ.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CON NGƯỜI: Gây kích ứng khi tiếp xúc với da và niêm mạc, gây viêm. Hơi hoặc

NGUY HIỂM: Sương mù có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Điều này có thể dẫn đến hen phế quản. Tiếp xúc trực tiếp với mắt cũng có thể gây hại. Gây đau dữ dội. Trong một số trường hợp, nó có thể gây ra khiếm khuyết về thị lực.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

GIAO TIẾP BẰNG MẮT: Ngay lập tức xả nước chảy trong ít nhất 15 phút, sau đó đến gặp bác sĩ. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn, và rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng nước lạnh.

TIẾP XÚC VỚI DA: hoặc nước ấm. Nếu cảm thấy ngứa ngáy bất thường, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.

HÍT PHẢI: Di chuyển đến nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và ẩm áp, sau đó tham khảo ý kiến bác sĩ.

TRƯỜNG HỢP NUỐT PHẢI: Cho uống ngay nhiều nước hoặc sữa, không được gây nôn cho nạn nhân, không được...

Không được cho bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh, và phải nhanh chóng đến gặp bác sĩ để được điều trị (rửa dạ dày).

Mục 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT CHỮA CHÁY: Nước, bọt, bột hóa chất khô và halogenua.

CHỮA CHÁY

HƯỚNG DẪN: Cắt nguồn lửa. Dập tắt lửa bằng các chất đã nêu ở trên. Làm mát khu vực xung quanh bằng nước.

Để tránh làm cho lửa lan rộng. Việc chữa cháy phải được thực hiện từ hướng gió. Lính cứu hỏa nên trang bị mặt nạ phòng độc và các thiết bị bảo hộ khác.

Mục 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ

HƯỚNG DẪN: Đắp đê chặn dòng chảy bằng chăn hoặc bao cát. Trong trường hợp tràn dầu lớn, bơm vào các thùng chứa bằng cách sử dụng

Bơm hút chân không. Trong trường hợp tràn nhỏ, hãy thu gom sau khi chất lỏng đông cứng lại bằng cát hoặc mùn cưa. Trong quá trình dọn dẹp, hãy đeo thiết bị bảo hộ như ủng, găng tay không thấm nước và kính bảo hộ.

Nếu vật liệu vô tình bị thải ra sông, hồ hoặc đại dương, hãy thông báo ngay cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành.

Mục 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Tuyệt đối không được uống hoặc nuốt bất kỳ vật gì. Sử dụng ở khu vực thông thoáng. Mang đồ bảo hộ.

Ví dụ như kính bảo hộ có lớp bịt kín hai bên hoặc kính mắt và găng tay không thấm nước, để tránh tiếp xúc với mắt và da. Luôn tránh nhiệt độ trên 35 độ C và dưới 5 độ C; Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời. Đậy kín nắp hộp khi không sử dụng để tránh tạo lớp màng trên bề mặt.

Mục 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

THÔNG SỐ ONTROL (dưới dạng MDI): ACGIH (TLV) (1993-1994): 0,005ppm(TWA)

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Nên trang bị thiết bị xả khí một phần.

THIẾT BỊ BẢO HỘ:

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ có bịt kín hai bên. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước như găng tay cao su. Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ lao động.

Phần 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

HÌNH THỨC: Chất lỏng màu nâu sẫm

ĐIỂM SÔI: Hòa tan và giải phóng khí cacbonic ở khoảng 260°C. °C ĐIỂM

NÓNG CHẤY: Dưới 0°C ÁP SUẤT HƠI: Nhỏ hơn 10-5 mmHG (25°C) ĐỘ

TAN TRONG HỮU CƠ

DUNG MÔI: Tan trong axeton, toluen, benzen hoặc các dung môi hữu cơ khác. Phản ứng với nước và giải phóng khí cacbonic.

Mục 10. NGUY HIỂM VẬT LÝ (ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG)

ĐIỂM BÙNG NỔ: Hơn 200°C

ĐIỂM BẮN: Khoảng 240°C

ỔN ĐỊNH VÀ

TÍNH CHẤT PHẢN ỨNG: Ổn định trong môi trường khí nitơ. Có thể xảy ra phản ứng tỏa nhiệt với nước, amin và rượu.

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH HỌC

TÍNH CHẤT GÂY KÍCH ỨNG: Gây kích ứng mắt và da. Nếu không được loại bỏ ngay lập tức, nó có thể gây ra khiếm khuyết về thị lực hoặc Viêm nhiễm.

ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH:

LD50 đường uống (chuột): Hơn 15.000mg/kg

THÔNG TIN KHÁC:

Hơi hoặc sương mù isocyanate có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Nó có thể gây đau đầu hoặc các triệu chứng khác.

Mục 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Không có thông tin liên quan.

Mục 13. CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT KHI THẢI BỎ

Phản ứng với chất keo chính để làm cứng. Hoặc làm cứng bằng cách hấp thụ mùn cửa, sau đó đốt hoặc Hãy giao phó việc đó cho nhà cung cấp thiết bị đốt chất thải nguy hại có liên quan, người đã được cơ quan chức năng phê duyệt theo quy định.

Mục 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Kiểm tra container xem có bị rò rỉ trước khi xếp hàng vận chuyển: đảm bảo việc xếp hàng ổn định và chắc chắn để tránh container bị xô dịch, hư hỏng.

Tuân thủ phương thức vận chuyển theo quy định của Luật Hàng không, IATA; không chứa chất độc hại, không phải hàng hóa bị cấm vận của nhà nước, không ăn mòn, không có nguy cơ bắt lửa và không chứa bất kỳ thành phần nào bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.

Mục 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Không có thông tin liên quan.

Mục 16. THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn Formaldehyde

"Quy tắc tự quản lý các biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí trong nhà" do

Hiệp hội Công nghiệp Keo dán Nhật Bản ban hành.

F☆☆☆☆:011536

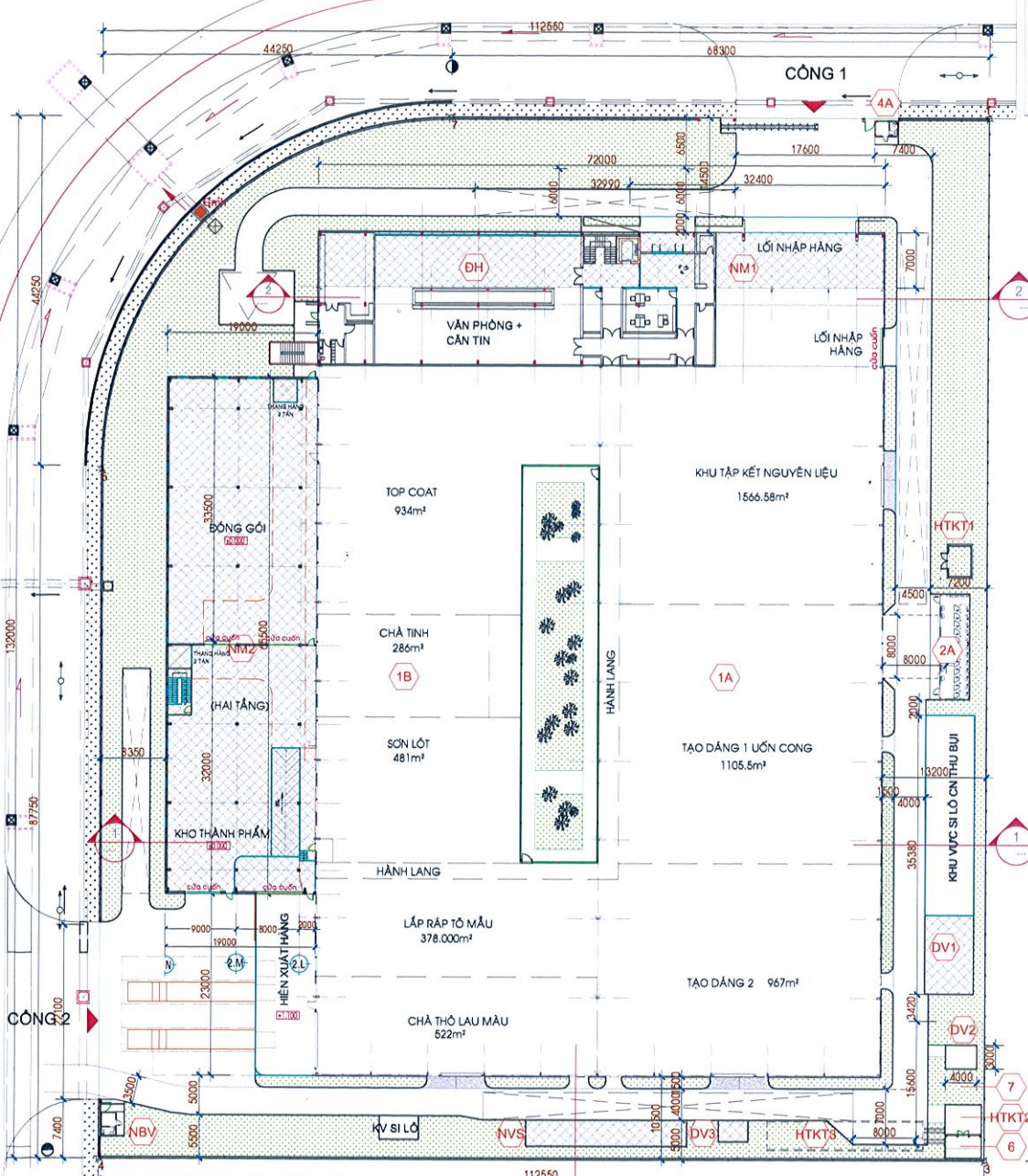
Việc chỉ đánh giá mức độ nguy hiểm và độc tính thời là chưa đủ. Cần cẩn thận khi xử lý.

Thông tin này được cung cấp mà không có bất kỳ bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ việc nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi.

Công ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam

ĐƯỜNG ĐCD.14 QUY HOẠCH

ĐƯỜNG ĐCD.01 QUY HOẠCH



1 MẶT BẰNG CẢI TẠO TỔNG THỂ

TL: 1/500

GHI CHÚ :

XƯƠNG MỞ RỘNG

BẢNG 3: BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (HIỆN TRẠNG VÀ MỚI)

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỈ LỆ
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GỒM: ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH- DỊCH VỤ	9.032,76 8.990,00 942,76	62,57% 55,04% 6,53%
2	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (không thuộc diện tích xây dựng)	241,12	1,87%
3	ĐƯỜNG GIAO THÔNG, SÂN, BÀI, ĐÈ BƠ...	2.275,08	15,76%
4	CÂY XANH	2.887,24	20,00%
TỔNG DIỆN TÍCH SÀN		11.640,76	62,57%
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT		14.436,29	

BẢNG 2: BẢNG THÔNG KÊ CÁC HẠNG MỤC CHỨC NĂNG (HIỆN TRẠNG VÀ XD MỚI)

STT/ No.	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG/ NO. OF FLOORS	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	DIỆN TÍCH SÀN (M ²)	CHỨC CAO CÔNG TRÌNH (M)	TỈ LỆ (%)	TÌNH TRẠNG
A HIỆN TRẠNG								
1	1A, 1B	NHÀ XƯỞNG CHẾ BIẾN 1A, 1B	1	6.695,00	6.695,00	11,68		Đã ngừng và đã chuyển đổi tài sản để phân phối lại địa điểm Nhà vận hành công nghiệp hiện tại
2	2A	NHÀ VỆ SINH 2A (không thuộc diện tích xây dựng)	1	50,92	50,92	5,00		Đã ngừng
3	4A	NHÀ BẢO VỆ 4A (không thuộc diện tích xây dựng)	1	8,50	8,50	2,90		Đã ngừng
4	6	NHÀ BƠM (không thuộc diện tích xây dựng)	1	13,80	13,80	2,00		Đã ngừng
5	7	BỂ NƯỚC NGÂM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)		73,00				Đã ngừng
				6.840,80	6.840,80		43,38%	
				144,24			1,00%	
B XÂY DỰNG MỚI								
I ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP				1.398,00	2.439,80		9,88%	
6	NM1	KHU NHẬP HÀNG	1	170,50	150,50	11,50		Mới
7	NM2	NHÀ SÀN XUẤT & KHO	2	1.244,50	2.499,00	11,50		Mới
II ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH- DỊCH VỤ				942,76	1.801,26		6,38%	
8	ĐH	NHÀ VĂN PHÒNG 1 tầng (chiều cao 11,68m) sàn, trong đó gồm: 1.000,00m ² và 55,00m ² tại tầng dưới nhà xưởng hiện trạng và 700,00m ² và 55,00m ² tại tầng mới	2	859,50	1.717,00	11,6		Chuyển đổi và tạo mới các tầng mới của tầng và xây mới
9	DV1	NHÀ GOM BỤI	1	62,00	62,00	6,0		Mới
10	DV2	NHÀ KHÍ NÉN	1	12,00	12,00	3,0		Mới
11	DV3	NHÀ RÁC NƯỚC	1	10,30	10,30	3,0		Mới
III ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (không thuộc diện tích xây dựng)				96,80			0,67%	
12	HTKT1	TRẠM BIẾN THÉ (không thuộc diện tích xây dựng)						Mới
13	HTKT2	NHÀ BƠM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)	1	174,8		3,0		Mới
14	HTKT3	BỂ NƯỚC NGÂM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)						Mới
15	NDV	NHÀ BẢO VỆ 1 (không thuộc diện tích xây dựng)	1	12,00		3,3		Mới
16	NV8	VỀ NHÍ CÔNG NHÂN (không thuộc diện tích xây dựng)	1	67,81		5,0		Mới
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỚI MỜ RỘNG (gồm I-II-III, không bao gồm III)				3.357,74				Mới
TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG MỚI MỜ RỘNG (gồm I-II-III, không bao gồm III)				4.846,74				Mới
C TÍNH CHỈ CẢ HIỆN TRẠNG VÀ CẢI TẠO MỜ RỘNG XÂY DỰNG MỚI MỜ RỘNG								
OTI		ĐƯỜNG GIAO THÔNG, SÂN, BÀI, ĐÈ BƠ...		2.275,08			15,76%	
CX		CÂY XANH		2.887,24			20,00%	
ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH				9.032,76			62,57%	
MẶT ĐỘ XÂY DỰNG				62,57%				
TỔNG DIỆN TÍCH SÀN				11.640,76				
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT				14.436,29				100,00%



Ly Hieu Quoi

Công trình / Project
NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Địa điểm / Location
NHÀ XƯỞNG SỐ 9, KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN, XÃ TRẢNG BÒM, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Chủ đầu tư / Owner
CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH

Chấp thuận của chủ đầu tư / Approval of owner
Giám đốc / Director

LÝ HỮU QUỐI
Đơn vị thiết kế / Design consultant
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI
NEW INVESTMENT & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
nicon
Partner of Development
Địa chỉ Văn phòng 2, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, Số 561A Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Website: nicon.vn Email: nicon@nicon.vn
Giám đốc / Director

VŨ TRÍ NGUYỄN
Chủ trì / Lead by

KTS. LÁ THỊ YẾN
Thiết kế / Designed by

KTS. Hoàng Ngọc Ái Trinh
Bộ môn / Discipline
KIẾN TRÚC - ARCHITECTURAL
Hạng mục / Item
TỔNG THỂ
Tên bản vẽ / Drawing Name
MẶT BẰNG CẢI TẠO TỔNG THỂ

Bản vẽ số / Drawing No: **VHT-TT-02**

Ngày hoàn thành / Completed date: Tháng 02 năm 2026

Ngày (Date) / Thay đổi (Change)

Mục đích phát hành / Issued purpose

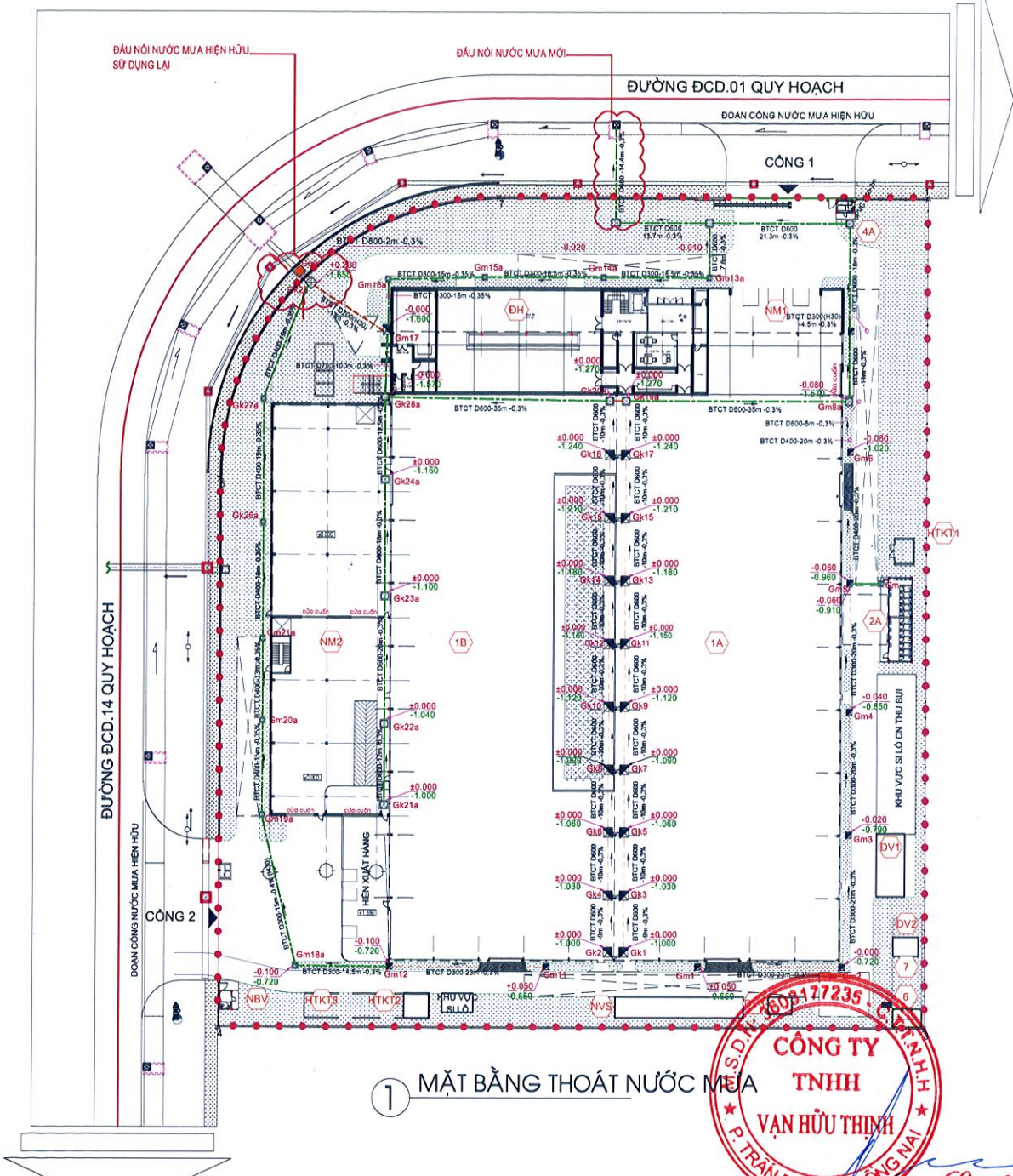
T.K Cơ Sở BASIC DESIGN

Bản vẽ hợp đồng CONTRACT DRAWING

T.K.Thi Công CONSTRUCTION

B.V. Hoàn công AS BUILT

- Drawings of all related services must be read in conjunction with all architectural layout plans.
- Any discrepancies found in drawings of all related services shall be referred to the Design Engineer.



LEGEND

- BÃI CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
- RANH DẪT BOUNDARY LINE

HÀ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

GHI CHÚ:

- TRU NƯỚC PCCC
- TRU ĐIỆN
- DÂY THÔNG TIN
- TRU ĐÈN CHIẾU SÁNG
- HỒ GA

A	HIỆN TRẠNG
1	1A, 1B NHÀ XƯỞNG CHÍNH 1A, 1B
2	2A NHÀ VỆ SINH 2A
3	4A NHÀ BẢO VỆ 4A (không thuộc diện tích xây dựng)
4	6 NHÀ ĐOM ĐỒNG (không thuộc diện tích xây dựng)
5	7 BỂ NƯỚC NỒM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)
B XÂY DỰNG MỚI	
I ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG - NHÀ ĐIỀU HÀNH	
NM1 KHU NHẬP HÀNG	
1	NM2 NHÀ SÀN SẢN XUẤT & KHO
III ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH-DỊCH VỤ	
DH NHÀ VĂN PHÒNG 2 tầng (diện tích 839,5m ² sàn trong đó gồm 556,0m ² được thiết kế nhà xưởng hiện trạng và 283,5m ² xây mới)	
DV1 NHÀ ÔM BỤI	
DV2 NHÀ KHÉ NHÉN	
DV3 NHÀ RÁC 3 NGỒN	
III ĐẤT BỊ TẮNG KỸ THUẬT (không thuộc diện tích xây dựng)	
HTKT1 TRẠM BÈN THỂ 2 (không thuộc diện tích xây dựng)	
HTKT2 NHÀ BƠM PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)	
HTKT3 BỂ NƯỚC NGỒN PCCC (không thuộc diện tích xây dựng)	
NBV NHÀ BẢO VỆ (không thuộc diện tích xây dựng)	
NVS VỆ SINH CÔNG NHÂN (16 xó) (không thuộc diện tích xây dựng)	

KÝ HIỆU

CW1	ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH (PPR PN10)-LẤP ĐẶT MỚI WATER SUPPLY PIPE NEW (CW1)
CW2	ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH (PPR PN10)-HIỆN HỮU WATER SUPPLY PIPE OLD (CW2)
WP1	ỐNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT, UPVC-LẤP ĐẶT MỚI WASTE WATER PIPE NEW (WP1)
WP2	ỐNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT, UPVC-HIỆN HỮU WASTE WATER PIPE OLD (WP2)
RP1	ỐNG NƯỚC MƯA -LẤP ĐẶT MỚI DRAIN WATER PIPE NEW (RP1)
RP2	ỐNG NƯỚC MƯA -HIỆN HỮU DRAIN WATER PIPE OLD (RP2)
SP	ỐNG NƯỚC THẢI PHÂN TIỂU, UPVC SOIL WATER PIPE
VP	ỐNG THÔNG HƠI, UPVC VENT PIPE
	HỒ BÀ NƯỚC MƯA XÂY DỰNG MỚI RAIN MANHOLE -NEW
	HỒ BÀ NƯỚC THẢI XÂY DỰNG MỚI WASTER WATER MANHOLE -NEW
	HỒ BÀ NƯỚC MƯA HIỆN HỮU
	HỒ BÀ NƯỚC THẢI HIỆN HỮU
-0.050	CẤP ĐỘ NẮP GA
-1.250	CẤP ĐỘ ĐÁY CỐNG

S.Đ.Đ. 177235
CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH
P. TRẦN BIÊN - T. ĐỒNG NAI

Lý Hữu Thuận

Công trình / Project
NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Địa điểm / Location
 NHÀ XƯỞNG SỐ 9, KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN, XÃ TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Chủ đầu tư / Owner
CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH

Chấp thuận của chủ đầu tư / Approval of owner
 Giám đốc / Director

LÝ HỮU THUẬN
 Đơn vị thiết kế / Design consultant
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI
NEW INVESTMENT & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

nicon
 Partner of Development
 Địa chỉ: Văn phòng 2, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 85 56/4 Đ. Bình Phú, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Website: nicon.vn Email: nicon@nicon.vn

Giám đốc / Director

VỒ TRỊ NGUYỄN
 Chủ trì / Lead by

KTS. Lê Thị Yến
 Thiết kế / Designed by

KTS. Hoàng Ngọc Ái Trĩnh
 Bà môn / Discipline

KIẾN TRÚC - ARCHITECTURAL
 Hàng mực / Item

TỔNG THỂ
 Tên bản vẽ / Drawing Name

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

Bản vẽ số / Drawing No:	KT-TT-06
Ngày hoàn thành / Completed date:	Tháng 02 năm 2020
Ngày (Date)	Thay đổi (Change)
No.	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Mục đích phát hành / Issued purpose

T.K. Cơ Sở BASIC DESIGN
 Bản vẽ hợp đồng CONTRACT DRAWING
 T.K. Thi Công CONSTRUCTION
 B.V. Hoàn công AS BUILT

Drawings of all related services must be read in conjunction with all architectural layout plans.
 Any discrepancies found in drawings of all related services shall be referred to the Design Engineer.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ THỐNG HÚT BỤI


- Vận tốc hút thiết kế tại đầu ống mềm:
 - + 25- 28m/s cho Nhóm máy: Nhám thùng, Bào 2 mặt, Bào 4 mặt, Máy CNC, Finger, Cắt ván panel, Ripsaw nhiều lưỡi.
 - + 22-25 m/s cho các máy còn lại.
- Hệ thống hút bụi được thiết kế dạng hút Optyflow trung tâm, các máy gia công gây bụi sẽ kết nối về Opty flow trung tâm; hệ thống này làm hạn chế tối đa bụi đọng trên đường ống so với hệ thống ống thường; điều này dẫn đến hạn chế tối đa vận tốc hút bị thấp xuống do nghẹt đường ống- hạn chế cháy trong hệ thống ống.
- Tại miệng hút bụi kết với máy có gắn valve đóng mở tự động theo chế độ máy đứng hay hoạt động=> tiết kiệm năng lượng điện tiêu hao.
- Bộ lọc bụi túi vải, đảm bảo yêu cầu môi trường về khí thải, được thiết kế hệ thống vệ sinh túi thường xuyên bằng hệ thống rung giữ khí nén; việc này làm giảm tổn thất áp cho hệ thống và tăng tuổi thọ cho túi vải so với bộ lọc túi vải thông thường.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy trong bộ lọc và Silo chứa bao gồm:
 - + Cảnh báo sớm: mỗi bộ lọc trong hệ thống có gắn sensor đo nhiệt độ; khi nhiệt độ tăng bất thường vượt ngưỡng sẽ báo động bằng còi.
 - + Hệ thống ống nước chữa cháy được dẫn từ ngoài vào bên trong thiết bị.
 - + Hệ thống này kết nối 1 ngõ val:
 - + Valve tay: Trường hợp phát hiện cháy khi valve chưa mở nhân viên sẽ mở valve này.
- Hệ thống Silo chứa bụi được thiết kế lấy bụi bằng cách xả bụi trực tiếp lên xe tải khi mở Valve xả đáy với kích thước: 1050x1250mm; với kích thước valve xả đáy lớn sẽ rút ngắn thời gian lấy bụi và xả bụi nhanh trong Silo khi có sự cố cháy nổ.
- Hệ thống Silo được thiết kế có kèm hệ thống hút bụi.

Quạt ly tâm gián tiếp PCB-4450-100
 Lưu lượng: 49.000-59.200 m³/h
 Cột áp: 3.300-2.790 Pa
 Công Suất: 100Hp

Quạt ly tâm trực tiếp PCB-3000.15
 Lưu lượng: 16.000 m³/h
 Cột áp: 2.200 Pa
 Công Suất: 20Hp.

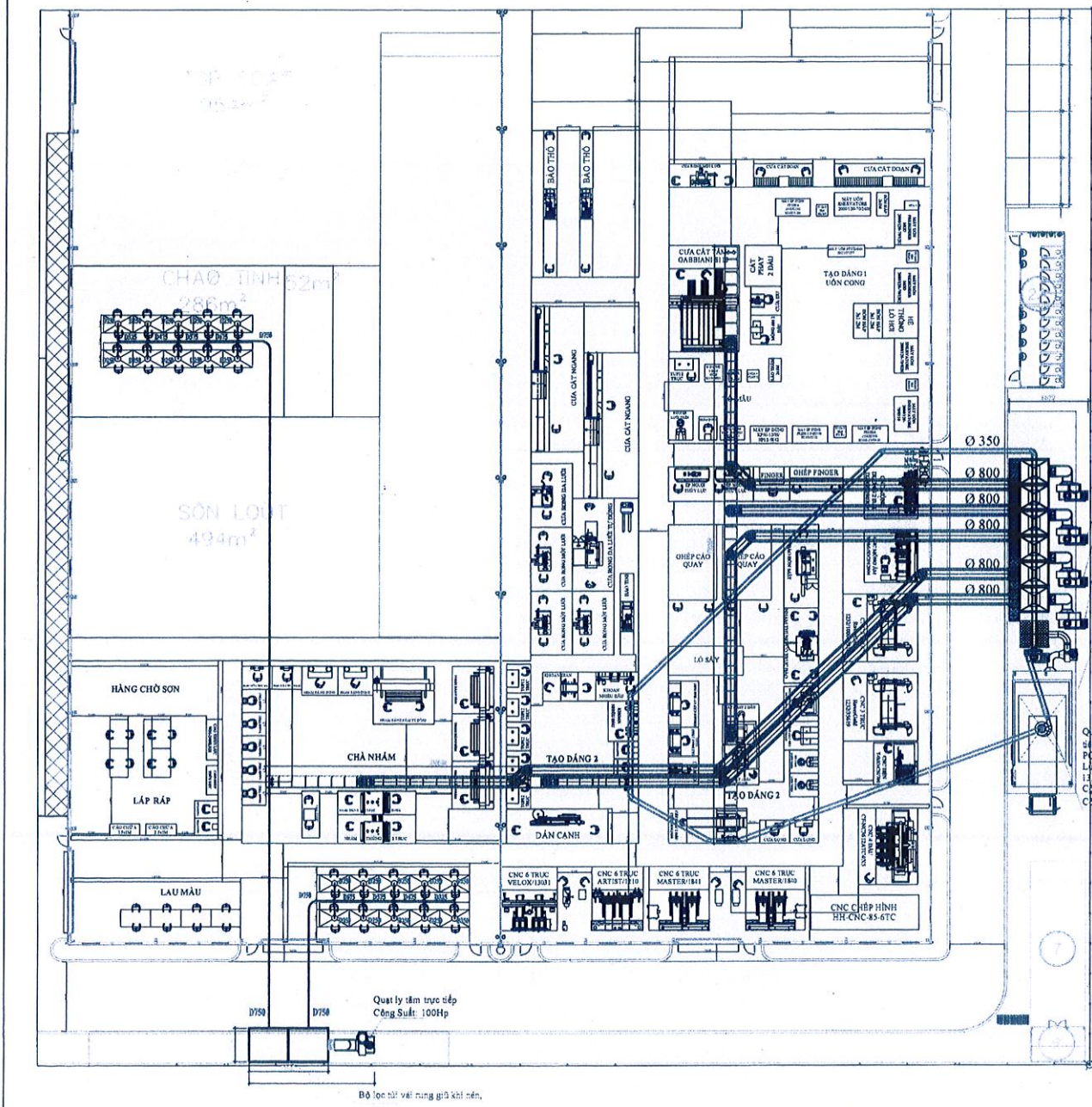
Quạt ly tâm gián tiếp PCB-520.11-50
 Lưu lượng: 13.000 m³/h
 Cột áp: 7.000 Pa
 Công Suất: 50Hp

STT	Tên gọi	DVT	SL	Ghi chú
15	Đường ống hút bụi khu vực nhà tình	Cum	01	
14	Tủ điện điều khiển hệ thống hút bụi	Cum	01	400 HP
13	Silo chứa bụi 120 m ³	Cum	01	
12	Quạt ly tâm gián tiếp PCB-620.11-37 công suất 37kW	Bộ	01	
11	Quạt ly tâm trực tiếp PCB-3000-15 công suất 15kW	Bộ	01	
10	Bộ lọc rung giữ cơ	Cum	01	
9	Quạt ly tâm gián tiếp PCB-4450-75 công suất 75kW	Bộ	04	
8	Ống tải bụi tuần hoàn D350 từ Optyflow-> Bộ lọc-> Silo	Cum	01	
7	Bộ lọc túi vải rung giữ khí nén 6 module lưu lượng 179.000 m ³ /h	Cum	01	
6	Ống hút chính D 800mm- Opty II	Cum	01	2600 kg
5	Ống nhánh từ Opty II đến máy gia công	Cum	01	
4	Hệ thống Optyflow trung tâm số II- L= 30 mét	Cum	01	2100 kg
3	Ống hút chính D 800mm- Opty I	Cum	01	4700 kg
2	Ống nhánh từ Opty I đến máy gia công	Cum	01	
1	Hệ thống Optyflow trung tâm số I- L= 51 mét	Cum	01	3200 kg

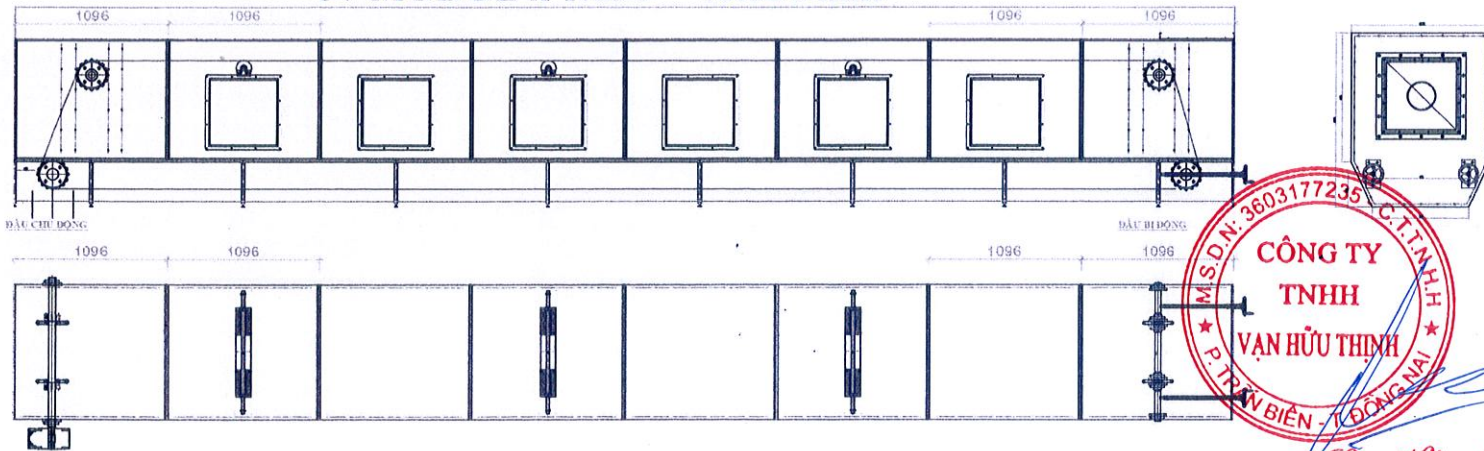
CHỦ ĐẦU TƯ:		CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH	
 CTY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PST		BẢN VẼ TỔNG THỂ HỆ THỐNG HÚT BỤI	
		Ngày: 23.12.2025	
Duyệt A	Duyệt B	Thiết kế	Người vẽ
Địa chỉ: 71/02/95 Nguyễn Bội, P3, Tân Bình, TP.HCM. Tel: 39 4 92.565.519. Hotline: 0909.057.756 Email: psproje@psgroup.com Website: www.psgroup.com		GD. Ng. Nguyễn Thuận Ks. Ng. Thuận Thuận Ks. Ng. Thuận Thuận	



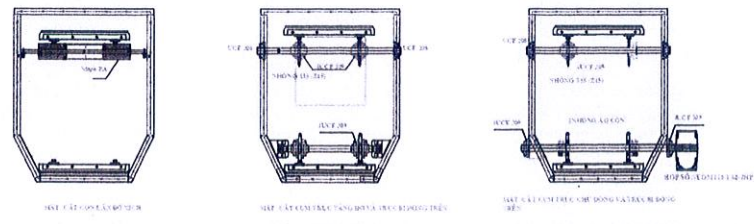
Lý Hữu Thịnh



37 MODUL x 1.096 = 40.550 mm



Lý Hữu Dưới



10	Cửa nhôm kính	Bộ	18	Nhựa PVC
09	Cửa trên kết dính	Bộ	14	Thép mạ kẽm 1.2mm
08	Bánh xích 55° R=15	Bộ	04	C45
07	Xích 55°	Bộ	01	Thép
06	Bộ căng xích	Bộ	02	C45
05	Cửa nhôm dẫn & trượt	Bộ	02	Thép mạ kẽm 1.5mm
04	Cửa nhôm Optiflow	Cụm	39	Thép mạ kẽm 1.5mm
03	Bàn cao	Cụm	56	Đai bố 50x5mm
02	Trục bị đóng	Bộ	01	C45
01	Trục chủ động	Bộ	01	C45
STP	TÊN CHI TIẾT	ĐVT	SL	VẬT LIỆU

PST
CTY CP CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG PST

Địa chỉ: 71/02/96 Nguyễn Bặc, P. Tân Biên, TP.HCM.
 Tel: 06-8 02 205 810
 Hotline: 099 097 758
 Email: pst@pstm.com
 Website: www.pstm.com

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY VAN HUU THINH

Tên thiết bị: **BÀN VẼ LẤP OPTY 40M**
 Vật liệu: (mm)
 Số lượng: (Bộ) Màu:

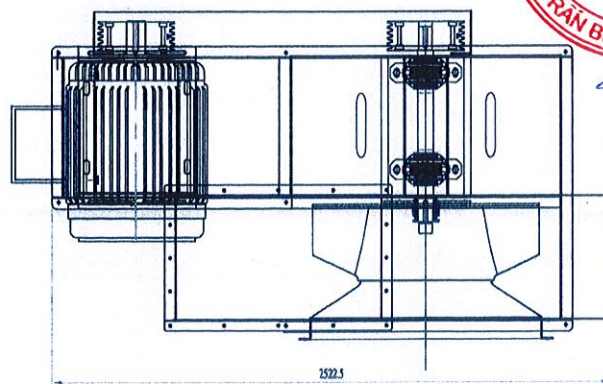
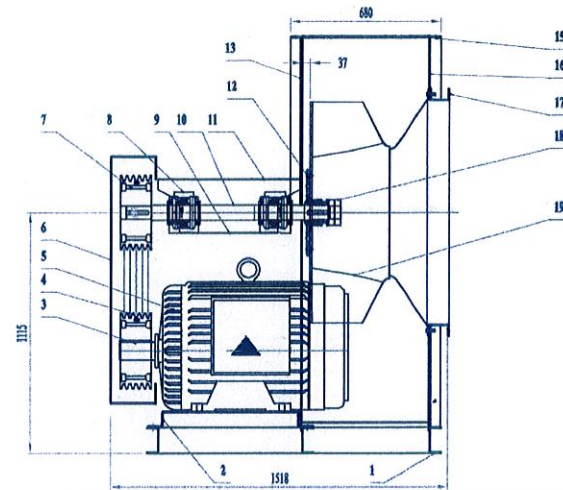
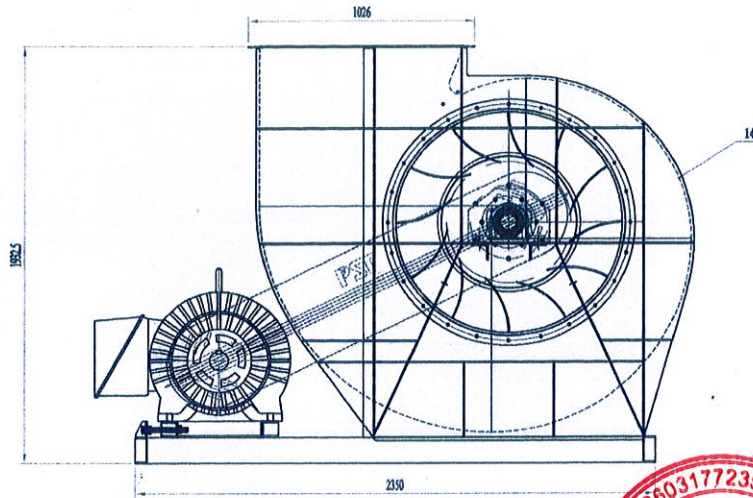
Duyệt A	Duyệt B	Thiết kế	Người vẽ

MSHD:
 PST

Tỉ lệ:
 Bản vẽ:
 Ngày: 28.12.25

GD Ng Ngọc Thuần Ks.Ng Bửu Ngọc Ks.Ng Bửu Ngọc

Mã số thiết kế: 001/2025/STP



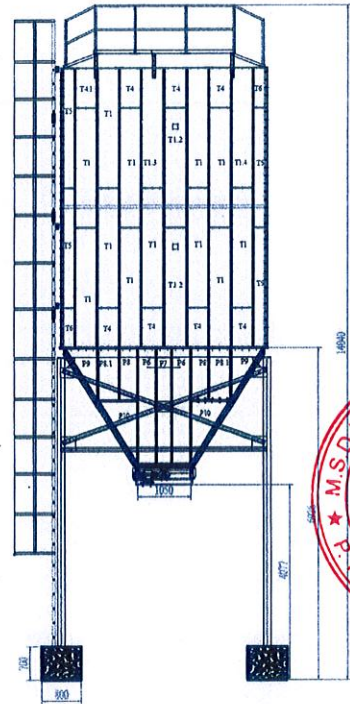
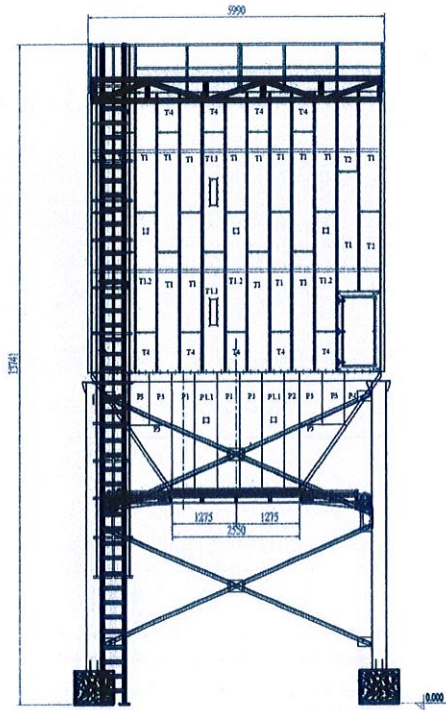
Lý Hữu Dũng

19	Q4025-13	Gương cánh	Bộ	01	Thép	
18	Q4025-12	Tên đầu trục	Cái	02	Thép	
17	Q4025-11	Ống gom	Bộ	01	Thép	
16	Q4025-10	Vỏ trước	Cái	01	Thép	
15	Q4025-09	Bích miệng ra	Cái	02	Thép	
14	Q4025-08	Vỏ giữa	Cái	01	Thép	
13	Q4025-07	Vỏ sau	Cái	01	Thép	
12	Q4025-06	Máy o	Cái	01	Thép	
11	Q4025-05	Bao che trục	Cái	01	Thép	
10	Q4025-04	Trục quạt	Cái	01	Thép	
9	Q4025-03	Đế chữ A	Cây	01	Thép	
8	Q4025-02	Bạc đạn	Bộ	02	SNV 140P-L	
7	Q4025-01	Buly bị động	Bộ	01	Puly 5C D340, d60	
6	Q4025-01	Bao che Buly	Bộ	01	Thép	
5	Q4025-01	Động cơ	Cái	01	N=100Hp4P	
4	Q4025-01	Dây đai	Sợi	02	C148	
3	Q4025-01	Fuly chủ động	Bộ	01	Puly 5C D350, d85	
2	Q4025-01	Đế động cơ	Cái	01	Thép	
1	Q4025-01	Khung đỡ quạt	Cái	01	Thép	

STT	Bản vẽ số	Tên gọi	ĐVT	SL	Vật liệu	Ghi chú
THIẾT BỊ:						MSHD:
QUẠT 4025, D1022mm, N=100Hp						
Tên chi tiết: LẮP TỔNG THỂ						TI LỆ: 1:18
Vật liệu: (mm)						Bản vẽ:
Số lượng: (BỘ) Màu:						Ngày:
Duyệt			Quản lý Dự án		Thiết kế	Người vẽ
GD Ng Ngọ Thuân			QL		Ks	Ks

PST
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
 MÔI TRƯỜNG PST
 44/11 Đường Nguyễn Huệ, P. Tân Định,
 Quận 1, TP. HCM
 Hotline: 0903 91 773
 Email: pst@pct.vn
 Website: www.pst.vn

Hồ sơ thiết kế chi tiết quạt gió PST 4025



Lý Hữu Luân

06	Ván xà 4ky	Bộ	01	SS400	
05	Thang leo	Cái	120	SS400	
04	Lưu cầu	Bộ	01	SS400	
03	Nóc SILO	Bộ	01	SS400	
02	Thân SILO	Bộ	01	SS400	
01	Phần SILO	Bộ	01	SS400	
STT	TÊN CHI THIẾT	ĐVT	SL	VẬT LIỆU	GHI CHÚ

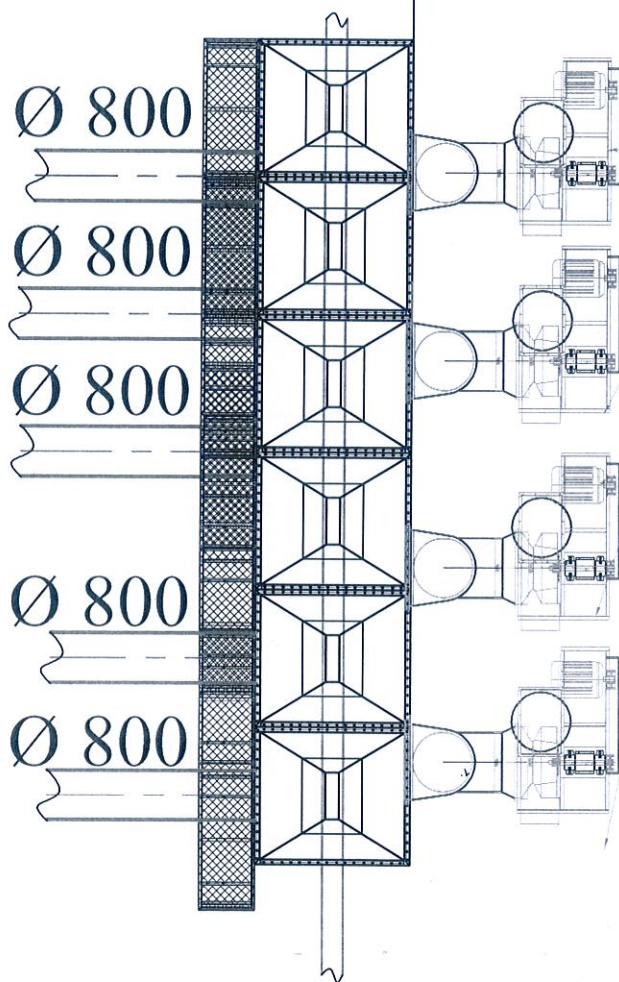
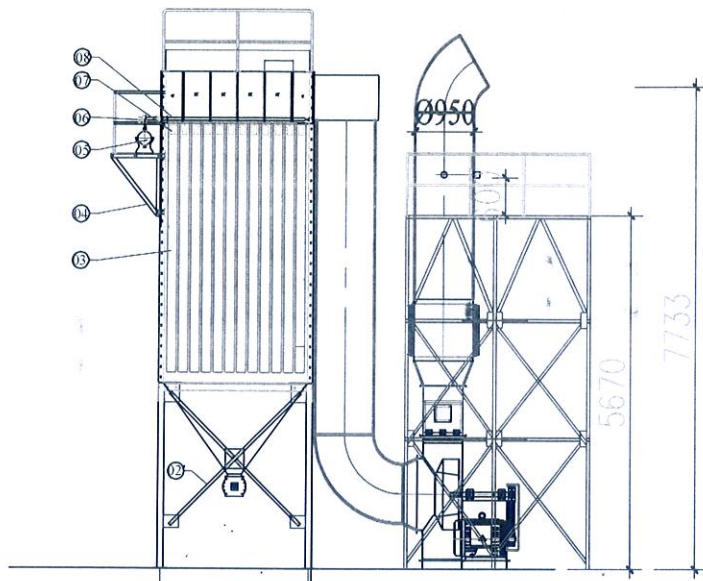
PST
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PST
 Add: 71/02/94 Nguyễn Bội, P3, Tân Bình, TPHCM.
 Tel: +84-8 62.265.219.
 Hotline: 0909.027.736
 Email: pstgroup@pstatang.com
 Website: www.pstatang.com

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY VẠN HỮU THỊNH
 Tên thiết bị: **BÀN VẼ LẬP SILO 4000x6000**
 Vật liệu: (mm)
 Số lượng: 01 (Bộ) Màu:
 Duyệt A Duyệt B Thiết kế Người vẽ

MSHD:
PST
Tỉ lệ:
Bản vẽ:
Ngày: 29.12.25

GD Ng Ngọc Thuận Ks. Ks. Ng Đôn Ngọc

Hồ sơ thiết kế minh chào giá dự thầu số 25/2025/HT



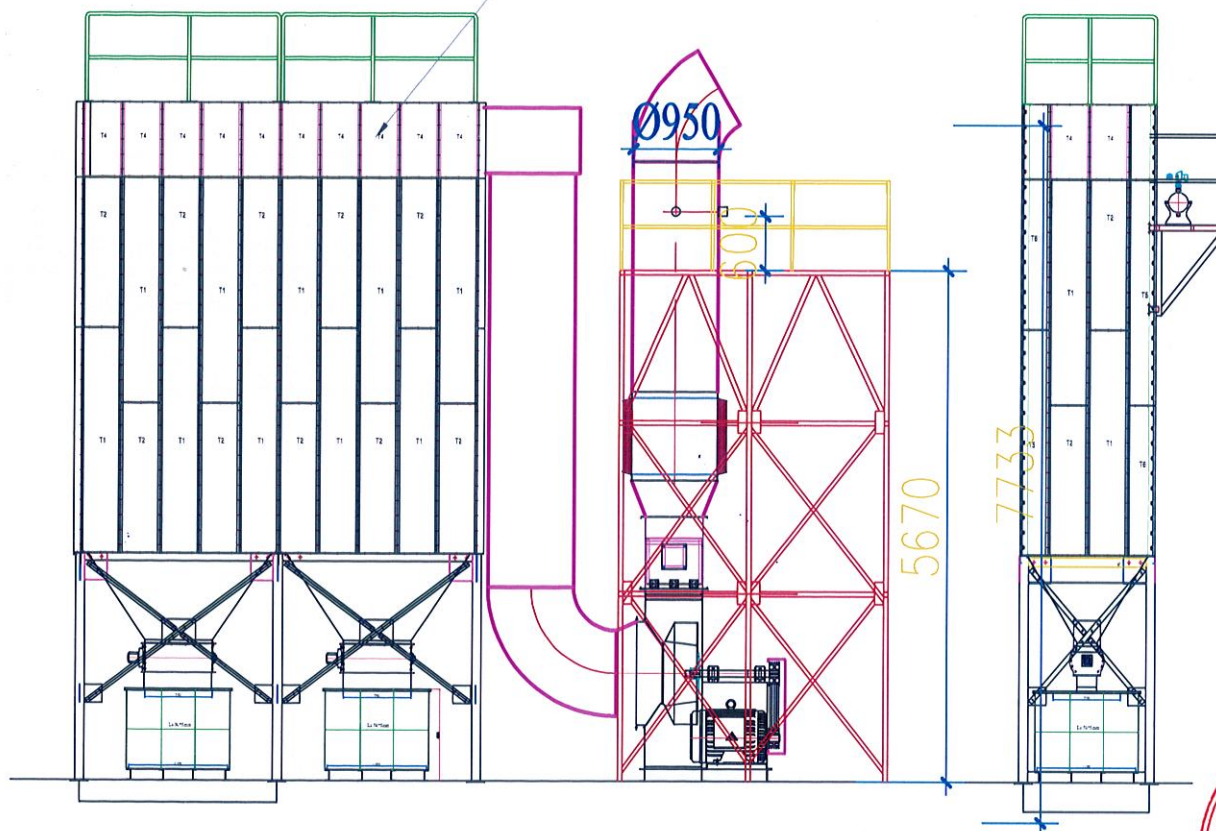
Quạt ly tâm gián tiếp PCB-4450-100
 Lưu lượng: 49.000-59.200 m³/h
 Cột áp : 3.300-2.790 Pa
 Công Suất: 100Hp



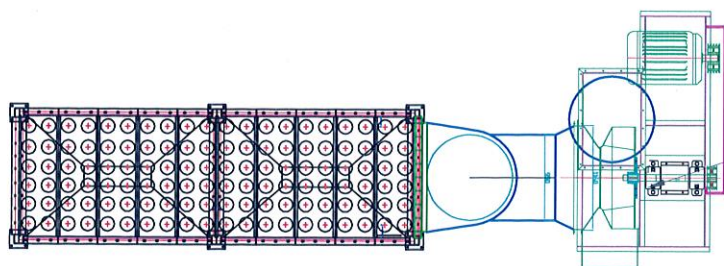
Lý Hữu Dũng

PST CTY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PST Add : 71,02/95 Nguyễn Đức, P3, Tân Bình, TPHCM. Tel : 84-8 62.565.319. Hotline: 0909 057 756. Email : pstgroup@psteng.com Website: www.psteng.com	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH			
	BẢN VẼ ỚNG THẢI KHÍ			Tỷ lệ: 1:400 Bản vẽ: 01 Ngày: 23.12.2025
	Duyệt A	Duyệt B	Thiết kế	Người vẽ
				GD Ng Ngọc Thuần Ks. Ng Thanh Thiện Ks. Ng Thanh Thiện

Bộ lọc túi vải lưu lượng 55.000m³/h
 Vải lọc : Polyester 500g/m²

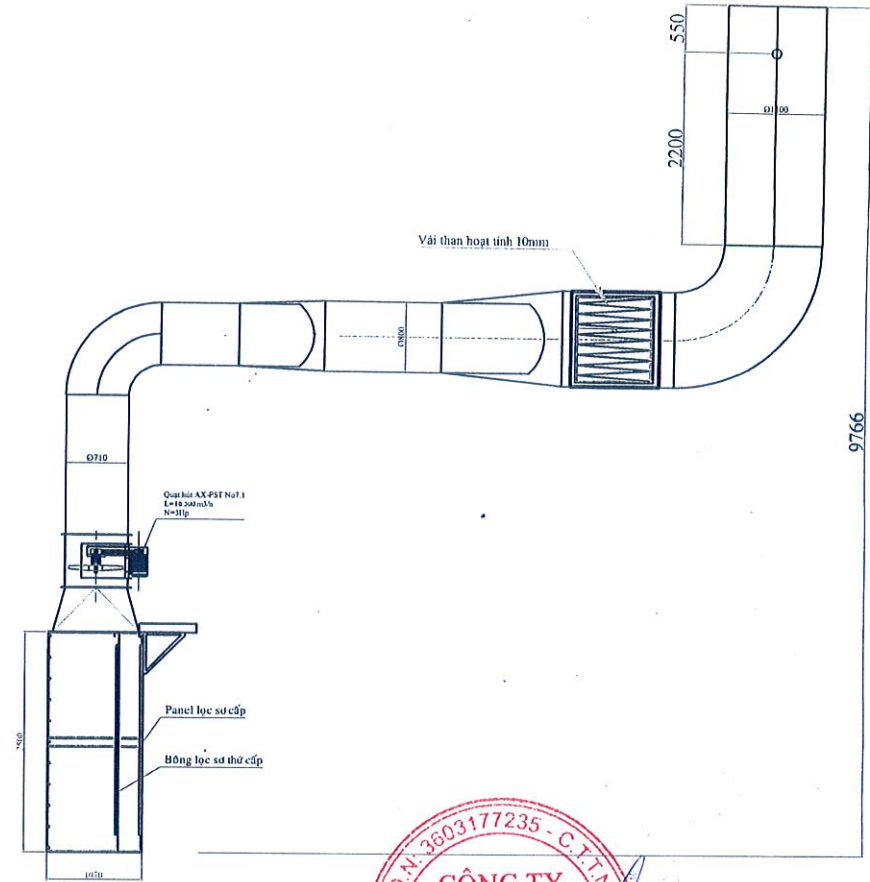
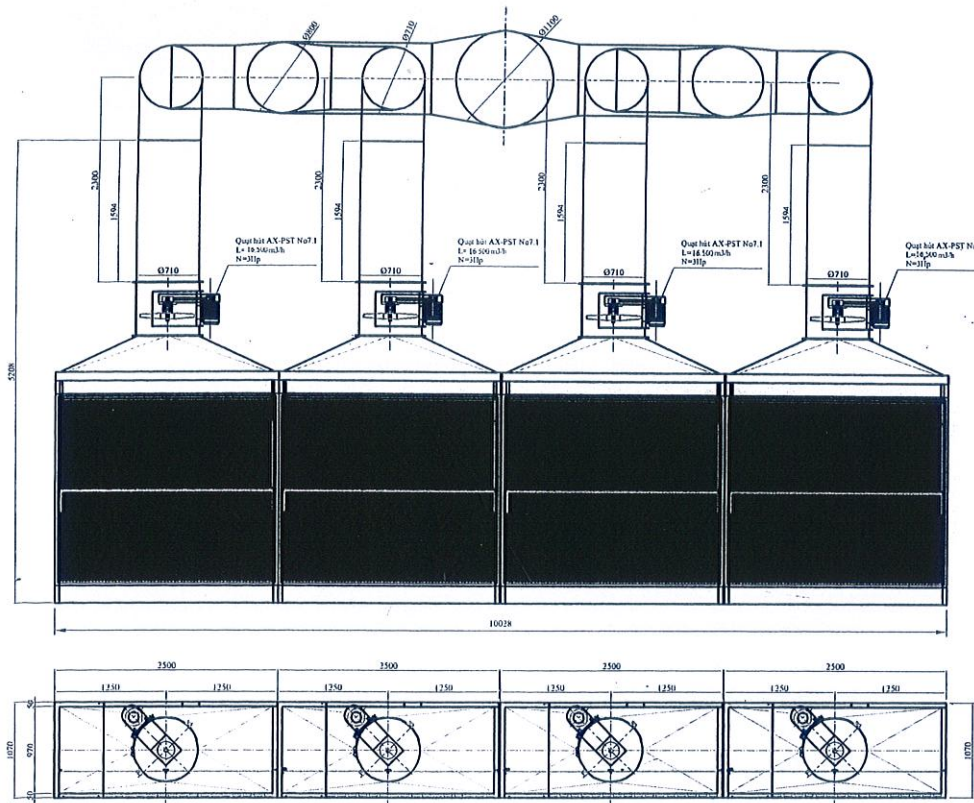


Quạt ly tâm gián tiếp PCB-4450-100
 Lưu lượng: 49.000-59.200 m³/h
 Cột áp : 3.300-2.790 Pa
 Công Suất: 100Hp



Lý Hữu Thịnh

 CTY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PST Add: 71/02/95 Nguyễn Bội, P3, Tân Bình, TPHCM. Tel :84-8 62.565.519. Hotline: 0909.057.756 Email: pstgroup@pstitng.com Website: www.pstitng.com	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VẠN HỮU THỊNH			Tỷ lệ: 1:400
	BẢN VẼ CỤM THIẾT BỊ LỌC CHO KHU CHÀ NHÁM THỎ VÀ TINH			Bản vẽ: 01
	Duyệt A Duyệt B Thiết kế			Ngày: 23.12.2025
	Người vẽ			
			GD Ng Ngọc Thuần Ks. Ng Thanh Thiện Ks. Ng Thanh Thiện	



CÔNG TY CP CN MÔI TRƯỜNG PST Add : 71/02/95 Nguyễn Bặc, P3, Tân Bình, TP.HCM. Tel : 84 8 62 565 519; Fax : (08) - 62 565 516 Email : pst@stnu.com Website: www.pstnu.com	CÔNG TY VẠN HỮU THỊNH			MSHD
	BẢN VẼ BUỒNG SƠN KHÔ			Tỷ lệ:
	Duyệt A	Duyệt B	Thiết kế	Ngày: 02/03/26 Người Vẽ
	GD Ng Ngọc Thuận	KS Ng	KS Ng	KS Ng